

NGUYỄN-VĂN-MẠI.

VIỆT NAM phong sự

BẢN DỊCH CỦA
TẠ-QUANG-PHÁT



NGUYỄN - VĂN - MẠI
//

VIỆT - NAM PHONG - SỬ

Thủ bản chép tay số VNT 19
của Viện Khảo - Cổ (Sàigòn)

Dịch giả :
TẠ-QUANG-PHÁT

TỦ SÁCH CỜ VẦN
ỦY BAN DỊCH THUẬT
PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA
XUẤT BẢN
1972

DS556
.7
N451

VIỆT - NAM PHONG - SỬ

- [1a] — Từ Kinh Dương-vương
đến Thục An-Dương-vương 7 chương.
- Từ Triệu Vũ-đế
đến Mười hai Sứ-quân 9 chương.
- Từ Đinh Tiên-hoàng
đến Thiếu-đế 6 chương.
- Từ Lê Đại-Hành
đến Nhà Lý 14 chương.
- Nhà Trần 14 chương.
- Hậu Lê 37 chương.
- [1b] — Phụ thêm Nhà Tây-Sơn 7 chương.
- Bỏn triều 6 chương.
-
- 100 chương.

X113
193A

[2a] *Chơ*

*Vi hát trăm câu vận quốc-âm,
Lại đem truyện cũ giải cho nhằm.
Phong ca chuông động nghe càng thắm,
Sử sách gương soi ngó chẳng lầm.
Cao thấp ư ư ba bốn bực,
Nên hư hay dở mấy ngàn năm.
Còn trời còn nước còn non mãi,
Phong-sử này còn có kẻ ngàm.*

*Hiệp-tá Đại Học-sĩ sung Cơ-mặt Viện
Đại thần Công bộ kiêm Binh bộ Thượng-thư
Phúc-môn tử NGUYỄN-HỮU-BÀI đề.*

[2b] Trong đêm thanh vắng gặp đêm dài,
 Rạng tiếng hò-khoan ấy ấy ai ?
 Lựa khúc phong-dao làm bánh trê,
 Soi câu sử-sách đề gương đời.
 Một vuông gấm vóc in đầy-dẫy
 Năm mối cương-thường sắp đủ nơi.
 Mở quyền mua vui ngậm nghĩ lại,
 Rừng nho vàng ngọc khá rằng chơi !



Ba trăm thiên chấp bộ Phong thi (1),
 Chu chú (2) từ xưa cũng thế ni.
 Chuyện cũ lão còn nghe vẳng-vẳng,
 Sinh sau ai đã biết chi chi.
 Lý hò hạng hát (3) om muôn khúc,
 Chuông đánh đèn khêu tỏ mọi nghi.
 [3a] Trừ tác nước Nam mình chân kẻ,
 Sách nhiều chưa thấy sách như ri.

Lễ bộ Thượng-thư hưu-tri
 TÔN-THẮT MỘNG-PHẬT đề

(1) Nói bộ *Thi kinh* của Trung-quốc.

(2) Chu-Hy chú-giải bộ *Thi kinh tập-truyện*.

(3) *Lý*, làng. *Hạng*, đường nhỏ trong làng. *Lý hò hạng hát*, hò hát trong làng trong xóm.

*Ngã Nam giáo hóa từ thiên niên,
Chính thể dân phong lịch đại truyền.
Lập luận phân minh tồn lục nghĩa,
Năng tương cố sự lại tân biên.*

Dịch nghĩa

- 1— Nền giáo hóa nước Nam ta đã có từ bốn ngàn năm,
- 2— Chính thể và phong tục của dân còn truyền trải qua các đời.
- 3— Lập luận rõ ràng giữ theo sáu nghĩa (phong, nhã, tụng, phú, lý, hưng).
- 4— Có thể biết được truyện xưa nhờ quyển sách mới này.



*Thế tục thuần lý cảm phê hưng.
Bàng kê cổ giám tận kham trung.
Bách niên thối xảo tư Phong-sử,
Thù thị thiên thu hữu khuyến trưưng.*

Dịch nghĩa

- 1— Thói đời thuần-hậu hay bạc-bèo có thể cảm thấy ở việc hưng thịnh hay suy tàn.
- 2— Khảo xét rộng-rãi ở gương xưa thì có thể thấy đủ bằng chứng như thế.
- 3— Những điều hay đẹp trong đời người ta đều gom tụ vào quyển *Phong-sử* này,
- 4— Để truyền về sau cho người xem thấy việc khuyến-khích hay trừng-phạt hàng ngàn năm.

Quốc-lử giám Tư-nghiệp

UNG-TRÌNH

đề hai bài thơ trên.

BÀI BẠT

Hai phần Chu-Nam và Thiệu-Nam ở đầu bộ kinh Thi làm nền tảng giáo hóa của tiên vương nhà Chu. Bài Ly-tao của Khuất-Nguyên, bài Cao-đường phú của Tống-Ngọc, văn-chương truyền-bá ra khắp xa gần phần nhiều phát xuất ở phía nam Trung-quốc.

Còn ở lưu-vực sông Hồng và sông Cửu-long của nước ta, những câu ca-dao nơi thôn xóm há lại không có những vần thơ đẹp hay sao ? Tiếc rằng sứ-thần của vua không đi thu nhặt, đàn sáo không phủ khắp, việc dịch-thuật không thông và không được Khổng-Tử san-định mà ca-dao nước ta không được lưu-truyền cùng với ba trăn thiên kinh Thi của Trung-quốc.

Lịch-sử bị khuyết thiếu thì đáng giận, còn thơ ca-dao mà khuyết thiếu thì càng đáng hận hơn nữa.

Tôi may được điền khuyết vào chức-vụ ở Quốc-lử-giám,

mỗi lần làm bài luận bằng quốc-ngữ thì khổ không có sách đề khảo-cứu, mà điều nghe thấy thì chưa rộng. Gần đây được về hưu nhân rồi, tôi lại bị các bạn-bè phàm tục quấy rầy mà không rảnh biên soạn được gì.

Mùa đông năm qua tôi đi ra Bắc cùng đưa con là Thọ-Bác [4b] đến chơi ở dinh Bộ-chính Thanh-hóa, được cho xem quyển Nam-phong thi-tập (tức Việt-nam phong-sử). Những lời hợp bản và những điều so sánh khen chê trong ấy liên-hệ đến lịch-sử nước nhà. Việc kể ra có bằng-chứng mà lời nói lại càng có thú-vị. Đây không phải là những lời nói hay đẹp về kinh Thi của ông Khuông-Hành khiến người ta nhếch miệng cười, cũng không phải là những điển-cổ nước nhà mà ông Tịch-Đàm đã quên mất.

Dụng tâm của Tiểu-Cao tiên-sinh (Nguyễn-Văn-Mai) thật đã suy nghĩ sâu-xa thay!

Lúc rảnh-rang trong việc bộ sớ, Tiên-sinh chỉ vui với sách vở. Lúc nhàn hạ ngắm-nga, Tiên-sinh chỉ ham thích lịch-sử.

Tư-tưởng học-vấn của Tiên-sinh không phải noi theo lối cũ-kỹ thông thường bất biến thì sách này có thể lưu hành.

Bài tựa bộ Thi kinh của Trung-quốc tuy phần nhiều do các nhà nho đời Hán làm ra, mà lưu truyền chứng-nghiệm nếu không phải Mao-công thì Bốc-Thương (học trò của Khổng-Tử). Chu-Hy cũng trở về thuyết cũ.

Còn quyển Nam-phong thi tập này cũng một loại với bài tựa Nam thi chăng?

Nay việc học trọng Quốc-sử, cuộc thi có gồm cả chữ quốc.

ngữ. Nếu muốn khỏi phải quay mặt vào tường tất phải đọc phần Chu-nam và Thiệu-nam trong Thi kinh của Trung-quốc.

Ngày sau, giới văn-học được mở rộng, văn-chương quốc-ngữ [5a] phải được đề cao, thì quyền này đã nêu cao ngọn cờ ở Tao-đàn vậy.

Cung kính biên lời bạt.

Được Sắc vua ban Hộ-nhị giáp Tiến-sĩ nguyên
lãnh chức Tế-tử ở Quốc-tử-giám hồi hưu
Mộng-Long ĐẶNG-VĂN-THUY kính đề.

LỜI BẠT

Việc hưng suy của các đời, việc nên hư của chính giáo, việc hậu bạc của phong-tục, việc giỏi dở của nhân-vật, lịch-sử đã chép đầy đủ cả.

Còn điều mà bút không thể chép được hết, giấy không thể truyền được hết, đó là những khúc hát trong thôn dã với ý tứ hiểu được và lời hát mô phỏng chưa từng đã không cùng sử truyện làm thành biểu lý (bề trong và mặt ngoài).

Mười lăm phần thơ Quốc-phong (Chu-nam, Thiệu-nam, Bội-phong, Dung-phong, Vệ-phong, Vương-phong, Trịnh-phong, Tề-phong, Ngụy-phong, Đường-phong, Tần-phong, Trần-phong, Cối-phong, Tào-phong, Bân-phong) đều lấy trong kinh-sử có căn-nguyên cả.

Nước Nam ta từ đời Hồng-Lạc trở về trước thì phong-tục còn chất-phác, từ đời nhà Đinh nhà Lý về sau tuy có sử

chép nhưng cũng có sửa chữa, muốn xem được toàn thể bài sử thì không thể không có điều khuyết thiếu thật là đáng giận !

Những việc lặt-vặt mất mát và những điều hay còn sót lại thấy rải-rác ở những câu ca-dao trong làng xóm.

Nam nữ hát đối đáp nhau, âm-thanh tiết-điệu phát ra tự nhiên bất tất phải theo thể cách phong nhã [6b] tụng trong *Thi kinh* của Trung-quốc mà có thể-tài riêng là phú tỹ hứng. Lại cho là nô-m-na mà bỏ đi, ôi thật là đáng giận !

Những câu phong-dao của Tiều-Cao tiên-sinh gom nhặt, ước chừng một trăm thiên, đều do tiên-sinh hỏi tìm lúc tiên-sinh đi làm quan.

Mùa xuân năm giáp-dần (1914) tiên-sinh làm chức Bó-chánh Thanh-hóa. Thanh-hóa là đất của đế-vương. Ý muốn thừa nơi có nhiều di-tàng (việc chứa giữ còn sót lại), tiên-sinh lúc rảnh-rỗi việc công lo tham khảo khá được tường tận. Do đó một trăm thiên ca-dao được chú thích, tiên-sinh lại đem ý mình mà nghị luận chép phụ vào sau, nhan-đề là *Việt-Nam phong-sử*.

Phong chǎng sử chǎng đều là để phát dương quốc hồn quốc túy chǎng ? Trạc tôi tự thẹn làm chung một sở mà một lời cũng không thể giúp đỡ tiên-sinh, nhưng xem quyền sách này thì tôi trộm có điều cảm hứng.

Này, lấy tư-tưởng lưu truyền của trăm ngàn năm sau mà dò ngược lên tinh thần của trăm ngàn năm [7a] trước, nếu mình không phải là kẻ có học-thức tinh thông rộng-rãi thì ít có không sai.

Tiên-sinh có học-vấn sâu xa, kiến-thức cao rộng, thì có

thẻ biết tiên-sinh không có sự làm lẫn chữ *hợi* 亥 ra chữ *thỉ* 豕, chữ *lỗ* 魯 ra chữ *ngư* 魚 được.

Xem việc ở trên thì ghi bày thơ phong-dao, ở dưới thì giải thích điền-tích, thơ phong-dao truyền vào lịch-sử, ngâm đọc mà tự hiểu được tính tình, lịch-sử ngụ vào thơ phong-dao, ngâm vịnh cũng được phần khảo chứng. Tinh-thần Bách-Việt ảnh hưởng đến ngàn năm. Đẹp thay ý của tiên-sinh đã sâu lại xa vậy !

Tuy một trăm thiên chưa dám gọi là hoàn toàn đầy đủ, nhưng trông lại phong-trào mới trong học-giới và bước khởi-điểm của văn-minh ngày nay, nếu được quyền sách này xuất hiện thì về sau sẽ nhờ đó mà những thơ hay câu đẹp sẽ gom tụ thành những bản sách ở chốn Lan-đài (chỗ chứa sách ở trong cung nhà Hán), điệu cổ lời nay sẽ hòa hợp với tiếng tơ tiếng sáo nơi Nho quán, thì quyền *Việt-Nam phong-sử* này chưa đăt đã không phải là kim [7b] chỉ-nam cho những tập thơ tiếng nôm vậy.

Thanh-hóa An-sát sử

Thọ-ngôi ĐINH-XUÂN-TRẠC tự Trọng-dụng

Kính cần đề bạt

[30] VIỆT · NAM PHONG · SỬ

Lời tựa

Phong là gì ? — Là thơ ca-dao về phong-tục của nhân-dân. Sử là gì ? — Là tấm gương sáng để soi mà biết việc phải trái, việc thiện ác, việc khen chê, việc khuyến-khích và trừng phạt.

Phong sao gọi là sử ? — Là vì nhân xem phong tục của nhân-dân mà biết được quốc-sử.

Nước Nam ta lập quốc đã lâu đời trên dưới trong khoảng năm ngàn năm, chính-trị của triều-đình, phong-tục của nhân-dân, việc theo cũ hay đổi mới, việc người hiền giỏi kẻ gian tham nối nhau nổi lên đều còn ghi chép trong quốc-sử, thỉnh thoảng lại tản-mác trong thơ phong-dao của nhân-dân. Nhưng trải qua các đời, thơ phong-dao chưa được làm sách để quan Ngự-sử trông nom, cho nên người đọc sử có điều chưa vừa ý.

Sách NAM-PHONG GIẢI TRÀO của Trần-Liễu-Am, sách SƠN-TÂY PHONG-DAO của Ngụy Thượng-thư, sách THANH-HÓA QUAN-PHONG của Vương-Võng-Châu, những tác-giả này đã có từ lâu rồi !

Mọi tôi lúc trẻ nghèo [8b] hèn, đối với những câu hát của đàn-bà con trẻ trong thôn xóm thường ghi nhớ.

Lại trước đây lúc sung vào dạy ở trường Quốc-học, tân-học mới khởi lên, sĩ tử Nam Bắc tụ tập lại đồng-đảo, lúc rảnh-rang trong việc giảng dạy, tôi lo thu nhặt thơ phong-dao, sắp loại kết lại thành sách, dẫn-đạo muốn tra cứu rõ-ràng điền cố đề chú thích, nhưng có chí mà chưa toại-thành.

Năm nhâm-tý (1912), được điền khuyết vào chức Thị-lang Học bộ, lúc rảnh-rỗi việc công, tôi đến thư-viện, may được xem sách bí-tàng phần Dấu-sử, tưởng rằng nhân đấy mà quyền VIỆT-NAM PHONG-SỬ được hoàn-thành.

Chẳng bao lâu tôi sung chức ở ngoài, mùa xuân năm nay từ Nghệ-an được đổi về Thanh-hóa làm chức Bổ-chánh ở Thanh-hóa, nhân dân thuần-hậu, việc chính khá đơn-giản, tôi thường cùng các vị học rộng ở trị sở và những văn-nhân trong hạt lo chọn lựa thu nhặt rộng-rãi những thơ phong-dao, chọn những câu nào có thể làm gương về sự khuyến-khích điều thiện và giới trừng điều ác, được một trăm thiên, lấy thơ phong-dao làm chánh văn, lấy Việt [9a] sử, dã sử ngoại truyện tiêu thuyết làm chú thích.

Phong chẳng ? sử chẳng ? Đây, thơ ca-dao của phong-tục nhân-dân, nếu thưởng-thức sơ qua thì người quê ở làng ấp không đủ để đưa vào thơ Đại-nhũ, còn thưởng thức sâu-xa thì đó là gió mây sương lộ đều thuộc về văn-chương, cây cỏ chim trùng hẳn là diệu lý. Lời nói thiên-cận mà ý thì sâu-xa, cơ hồ như có cái thể-tài nâng cao phần phong-nhã vậy.

Huống chi đương lúc tân-học mới phát-khởi, không đọc sử nước Nam thì bị chê là quên tổ tiên nòi giống, không thuộc thơ phong-dao lịch-sử thì cũng không khỏi bị cười là kẻ quay mặt vào tường chẳng thấy biết gì. Cho nên không nệ hủ lậu chủ thích có sai lầm và thêm nghị-luận theo ý mình vào, chỉ để làm thành quyển sách cho đàn-bà con trẻ đọc vậy thôi.

Những bậc quân-tử trên đời nếu thấy có chỗ sai lầm mà trách Mạì tôi, thì Mạì tôi hẳn không dám chối từ. Chỉ lấy thơ phong-dao làm gương trong mà soi tinh thần Quốc-sử, lại lấy Quốc-sử làm căn-cội mà thắp vào những hoa nhụy của thơ phong-dao, thì những âm hưởng tự nhiên rít lên để không câu-hợp với nhân hoàn, đó là điều tự tin của Mạì tôi vậy.

Hoàng triều niên hiệu Duy-Tân thứ 8
năm giáp-dần (1914) mùa thu tháng 8 ngày rằm.
Phó-bảng Khoa kỹ-sửu Bộ-chánh sử tỉnh Thanh-hóa

NGUYỄN-VĂN-MẠÌ
tự Tiểu-Cao đề tựa

VIỆT - NAM PHONG - SỬ

QUYỂN I

Phó-bảng Khoa kỹ-sửu Bổ-chánh sử Thanh-hóa **Lô - giang**
NGUYỄN-VĂN-MAI tự **Tiểu-Cao** biên-soạn.

Khảo-chú :

- **LÊ-TIẾN-PHÙNG**, Cử-nhân,
Huấn-đạo huyện Hoảng-hóa.
- **NGUYỄN-VĂN-PHÁT**, Cử-nhân người xã Nguyệt-viên
huyện Hoảng-hóa.

Phiên-dịch :

- Con trai thứ nhất là Ấm-sinh
NGUYỄN-VĂN-ĐỊCH, tự **Cát-khanh**
- Con trai thứ hai là Pháp-Việt Trợ giáo
NGUYỄN-VĂN-THÍCH, tự **Sảng-đình.**

CHƯƠNG I

Non cao ai đắp mà cao ? Sông sâu ai bó*i* ai đào mà sâu ?

Thơ phong-sử này thuộc phú (1) khen ngợi sông núi nước ta.

Xét về cương giới, nước Việt ta ở nghiêng về phía nam Á-tê-á [10b] (Asia), phía nam giáp nước Cao-man, phía bắc giáp tỉnh Quảng-tây tỉnh Vân-nam của nhà Thanh Trung-quốc, phía tây giáp nước Ai-lao nước Xiêm-la (2), phía đông giáp biển cả. Đây nói về ranh-giới chia vạch giữa nước ta và các nước láng-giềng.

(1) Chỉ rõ tên, nói rõ việc là thuộc *phú*.

(2) Nước Việt-Nam về phía tây không tiếp giáp với nước Xiêm-la (Thái-lan).

Thái - tổ Hoàng - đế triều ta (Nguyễn) khai-thác vùng phương nam lấy trọn toàn cõi nước Việt, chia nước ra làm ba kỳ : Trung-kỳ, Nam-kỳ và Bắc-kỳ.

Trung-kỳ có 12 tỉnh ; Thuận-hóa làm đất kinh thành, Quảng-nam Quảng-ngãi làm cánh bên trái, Quảng-trị Quảng-bình làm cánh bên mặt, Bình-định Phú-yên Khánh-hóa Bình-thuận là vùng bên trái cách xa kinh-thành, Hà-tĩnh Nghệ-an Thanh-hóa là vùng bên mặt cách xa kinh thành.

Nam-kỳ có 6 tỉnh : Gia-định, Biên-hòa, Vĩnh-long, Định-trường, An-giang và Hà-tiên, nay đã đổi đặt lại, phía đông có Bà-rija, Biên-hòa, Thủ-dầu-một, Tây-ninh, Gia-định, Chợ-[11a] lớn, ở giữa có Tân-an, Mỹ-tho, Bến-tre, Trà-vinh, Vĩnh-long, phía tây có Châu-dốc, Long-xuyên, Cần-thơ, Sóc-trăng, Bạc-liêu, Rạch-giá, cộng chung được 17 tỉnh.

Bắc-kỳ có 13 tỉnh : Hà-nội, Ninh-bình, Nam-định, Hưng-yên, Hải-dương, Quảng-yên, Bắc-ninh, Thái-nguyên, Lạng-sơn, Cao-bằng, Sơn-tây, Hưng-hóa, Tuyên-quang, nay đã đổi đặt lại, phía bắc có Mông-cái, Lạng-sơn, Cao-bằng, Hà-giang, Lao-cay, Lai-châu, Sơn-la, Yên-bái, Tuyên-hóa, Bắc-cạn, ở giữa có Hòa-bình, Phú-thọ, Thái-nguyên, Bắc-giang, Quảng-yên, phía nam có Vĩnh-yên, Sơn-tây, Hà-dông, Bắc-ninh, Hải-dương, Kiến-an, Hưng-yên, Thái-bình, Nam-định, cộng chung được 25 tỉnh.

Nói về những núi nổi tiếng, Trung-kỳ có núi Hồng-lĩnh ở Nghệ-an, núi [11b] Hoàn-sơn ở Quảng-bình, núi Hải-vân ở Quảng-nam, núi Đại-lĩnh ở Khánh-hòa.

Nam-kỳ có núi Bà-sơn ở Gia-định, núi Thần-quy ở Biên-hòa, núi Đai-tốn ở An-giang.

Bắc-kỳ có núi Tân-viên ở Sơn-tây, núi Tam-đảo ở Thái-nguyên, núi An-tử ở Hải-dương, núi Đồ-sơn ở Kiến-an, núi Tam-diệp ở Ninh-binh.

Đó là những núi có tiếng nhất.

Nói về sông to, Trung-kỳ có sông Hương, sông Bồ ở Thừa-thiên, sông Vĩnh-diện ở Quảng-nam, sông Trà-khúc ở Quảng-ngãi, sông Gianh ở Quảng-binh, sông Lam ở Nghệ-an, sông Lương, sông Mã ở Thanh-hóa.

Nam-kỳ có sông Sài-gon ở Gia-định, sông Đồng-nai ở Biên-hòa, sông Tiền-Giang ở Vĩnh-long, sông Hậu-giang ở An-giang.

Bắc-kỳ có sông Nhĩ ở Hà-nội, sông Đà ở Hưng-hóa, sông Lô ở Tuyên-quang, sông Lịch ở Nam-định, sông Lục ở Hưng-[12a] yên, sông Lục-đầu ở Bắc-ninh, sông Bạch-dằng ở Hải-dương.

Đó là những sông có tiếng nhất.

Vòi-vòi núi cao ai đã vun đắp ?

Cuồn-cuồn sông to ai đã bời dào ?

Có trò lắt thì có núi sông này. Thường mở bản địa-đồ nước Nam ra xem, thấy đất rộng 25 vạn ki-lô-mét vuông (250.000 Km²), bình nguyên thì bằng phẳng, núi non thì gồ-gề. Núi sản-xuất vàng và thiếc, biển sản-xuất cá và muối. Thật là một nước lớn-lao phồn thịnh ở Á-dông.

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư (1).*

南 國 山 河 南 帝 居
截 然 定 分 在 天 書

(Núi sông nước Nam thì vua nước Nam ở,
Hẳn nhiên đã quyết định số phận ở sách trời).

Xưa tướng nhà Minh là Hoàng-Phúc sang trấn giữ nước Nam ta thường than rằng : "Núi xanh nước biếc tất nhiên có bậc vua mặc áo vàng xưng Trẫm nổi lên".

Lời nói này không chỉ riêng núi [12b] sông vùng Hoan-châu Ái-châu (Nghệ-an và Thanh-hóa) là đất căn-cứ của vua Lê Thái-tổ.

Có núi sông đẹp-đẽ mà chưa hưng phát những khoáng-sản quý-báu còn giấu tàng dưới đất.

Người nước Nam có tư-tưởng ái-quốc phải có cái học-vấn ái-quốc. Chỉ mong con cháu giống cha Rồng mẹ Tiên chúng ta sống trên mảnh đất trời quý vật đẹp này hãy nhớ nghĩ rằng năm thứ khoáng-sản chưa được khai phát dồi-dào thì mới lợi do núi-non sản-xuất còn sót vậy.

(1) Lý-Thường-Kiệt chống giữ quân Tống, nhưng sợ quân mình ngã lòng bèn đặt ra chuyện thần ban cho 4 câu thơ. Hai câu cuối là :

*Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*

Việc dẫn nước tưới ruộng không được giảng dạy thì việc canh-nông còn tồi tệ. Học về nắm thứ khoáng sản, dạy về tam nông (ở đất bằng, ở núi sông và ở ao hồ) thì sản-vật quý-báu ở núi được khai phát, thủy lợi được dãi-dào, không những đã miễn yêu núi sông đẹp-đẽ mà còn làm cho nước nhà được giàu có, nhân dân ngày càng đông-đảo thì nước Nam ta ngày sau này há chẳng là là đường đường một nước lớn ở Á-đông hay sao ?

CHƯƠNG 2

[13a] Trúng rồng lại nở ra rồng,
Liu-điu lại nở ra dòng liu-điu.

Thơ phong-sử này thuộc *tỷ* (1) khen ngợi dòng-giống người nước ta.

Đời truyền rằng Hùng-vương làm vua đầu tiên nước ta là con của Lạc-Long-Quân.

Đầu tiên Đế-Minh là cháu ba đời vua Thần-Nông bên Trung-quốc đi tuần thú ở phương nam, đến núi Ngũ-lĩnh cưới bà Vụ-Tiên nữ làm vợ sinh ra Lộc-Tục.

Lộc-Tục làm vua ở phương Nam sinh ra Sùng-Lãm.

(1) Thấy việc hư hỏng đương thời mà không dám nói rõ, mới dùng phép so-sánh kín đáo để phúng thích, mượn vật làm tỷ-dụ chứ không nói rõ ý chính ra là thể *tỷ*.

Sùng-Lãm hiệu là Lạc-Long-Quân cưới bà Âu-cơ sinh ra một trăm đứa con trai. Đó là tổ tiên của Bách-Việt (nhiều giống Việt).

Người con trưởng được tôn là Hùng-vương lên nối ngôi vua, đặt quốc-hiệu là Văn-Lang truyền nối được 18 đời đều xưng là Hùng-vương.

Lại xét việc đất nước Việt ta ở miền ôn-dới là đất dễ sinh dục. Lúc đầu dân sống ở đây phần nhiều là dòng-dõi các dân-tộc ở vùng đất đầu nguồn sông [13b] Hoàng-hà. Trước khi Kinh-Dương vương chưa đi về Nam, những dân tộc ấy gọi là Lạc-dân, đại thể phần nhiều là người Man (ở phía nam Trung-quốc) người Di và người Lam. Từ khi Lạc-Long-Quân sinh ra một trăm người con trai thì hàng ngàn hàng vạn con cháu sinh ra biên thành bộ sỏ, đời đời nắm giữ chủ quyền.

Còn giống Lạc dân kể trước đều là hàng tôi tớ nô-lệ.

Nay 25 triệu đồng bào nước Nam ta đều là dòng-dõi con cháu của giống cha Rồng mẹ Tiên, cho nên lấy Rồng vì với giống da vàng, lấy liu-điu loài rắn sống dưới nước vì giống người Man người Lão người Di người Lam. Đó là nói giống nòi có khác nhau.

Xét về người bản thổ sống ở Thượng-du nước ta có rất nhiều giống khác nhau : người Thổ, người Man, người Nùng, người Mãnh, người Dao, người Mang, người Mọi, người Lao, người Xá, người Thổ dạ thị âm-dương, người Thổ thiện xạ, người Man khắc bắp vế, người Tắt đầu (sơn đầu lên đầu), người [14a] Sáp tiền, người Xá-miêu, người Man chó, người Xá sùng, người Dao đốt đầu, người Mãnh

suối Tàn, người Thổ Cam-mỹ, người Man Châm-bồn, người Xá ngậm ngải, người Nùng Thạch-nham, người Mãnh-Mọi, người Dao xỏ tai mũi răng, người Thổ Cam-môn, người Bi Cam-mãnh, người Miêu Hải-vân, người Man Thoa-châm, người Lão, người Thổ Cần-thủy, người Thổ Man-kỳ, người Thổ Man-nộn, người Man Hải-nhược. Đại để họ là bốn giống : Man, Lão, Di, Lam, phong tục khác lạ, mỗi giống đều giữ lấy phong tục từ trước của mình, không qua lại với nhau, Họ được giáo-hóa nhưng họ không hóa cải theo.

CHƯƠNG 3

**Chàng về thiếp một theo mây.
Con thơ để lại chốn này ai nuôi ?**

Thơ phong sử này thuộc *phủ*. Ý nghĩa của chương này chưa rõ ra sao.

[14b] Theo sử xưa, Lạc-Long-Quân cưới bà Âu-cơ sinh ra trăm cái trứng nở ra trăm người con trai.

Một hôm Lạc-Long-Quân nói với bà Âu-cơ :

— Ta là giống Rồng nàng là giống Tiên, nước và lửa khắc nhau khó ở chung với nhau.

Hai người liền từ-biệt nhau, chia 50 đứa con trai theo mẹ về núi, lấy 50 đứa con trai theo cha xuống miền ven biển. Đó là tổ-tiên giống Bách-Việt.

Ý nghĩa của thơ này là lời của tiên nữ Âu-cơ ngậm-ngùi lúc cách biệt nhau với Lạc-Long-Quân. Nhưng việc hoang đường không đủ tin chắc.

CHƯƠNG 4

Sông sâu suối hiểm làm vầy,
Ai xui em đến chốn này gặp anh ?
Đào tơ sen ngó xanh xanh,
Ngọc lành phải giá, gái lành phải duyên.
Cho hay tiên gặp lại tiên.
Phụng-hoàng há dễ [15a] đứng chen cùng gà ?

Thơ phong sử ngày thuộc hững (1).

Đời Hùng-vương thứ 12, con gái của vua là Công-chúa Tiên-Dung đi ra du ngoạn ở cửa biển. Thuyền rồng về đến Chử-gia-châu (bãi nhà họ Chử), Công-chúa đi bộ trên bãi gặp Chử đồng-tử đang trốn ở trong bụi sậy. Nàng tự cho là Nguyệt-

(1) Mượn vật để nói nên lời, trước hết mượn vật làm tỷ-dụ rồi tiếp theo nói rõ ý chính ra là thể *hững*.

lão xe duyên, bèn cùng Chử đồng-tử làm vợ chồng. Công-chúa sợ phạm tội với vua cha, không dám trở về cung, bèn ở tránh nơi bờ sông. Về sau chỗ Công-chúa ở trở thành nơi đò-hội.

Hùng-vương tiến binh đến đánh dẹp. Chử đồng-tử và Công-chúa Tiên-Dung lo sợ chỉ chờ chịu tội. Nửa đêm, thỉnh linh gió mưa dữ-dội, rường cột nhà cửa đều bị nhổ bật lên, dân cư và gà chó đều thăng lên trời, lưu lại cái nền không ở trong đầm. Lúc bấy giờ châu ấy được gọi là châu Tự-nhiên (nay ở huyện Đông-an tỉnh Hưng-yên), đầm ấy được gọi là đầm Dạ [15b] trạch (nay thuộc huyện Đông-an).

Thơ phong-dao này nói việc phối hợp thành vợ chồng đều theo đồng loại với nhau, tiên thì sánh với tiên.

Thật đẹp-đẽ thay Tiên-dồng Ngọc-nữ đôi giai-ngẫu thiên thành (đôi lứa lương duyên do Trời tác thành)!

Trước đấy việc Kinh-Dương vương đã cưới con gái của vua Động-Đình, Lạc-Long-Quân cưới bà Vụ-Tiên nữ Âu-cơ đều được truyền tụng thành giai thoại.

CHƯƠNG 5

Đêm khuya thiếp mới hỏi chàng. Cau khô ăn với trầu vàng xứng không ?

Thơ phong sử này thuộc phú. Đây là lời vợ chồng đùa nhau.

Theo dã sử, trong đời Hùng-vương thứ 12, có một quan Lang họ Cao sinh dặng hai người con trai. Người trưởng nam cưới con gái của Lưu-Huyền-Đạo, lại ăn ở không thuận [16a] hợp với người em trai.

Người em bỏ đi nơi đồng nội núi rừng, gặp dòng suối không có lối lưu-thông, bèn khóc thê-thảm mà chết, hóa thành cây cau.

Về sau người anh đi tìm khắp nơi, cuối cùng đến nơi ấy, hỏi người trong làng. Người trong làng kể :

— Lúc trước có một người nói vì người anh thương vợ, nên ghen mà bỏ đi rồi đến đây mà chết hóa thành cây cau này.

Người anh liền ngã người bèn gốc cây mà chết hóa thành một thứ dây mọc đeo cuốn vào cây cau, đó là dây trầu.

Đến khi người vợ nhớ chồng đi tìm đến đấy, hỏi ra mới biết cơ sự, cũng ngã mình bèn gốc cây mà chết hóa thành đồng vôi.

Người sở tại cho là có nghĩa bèn lập đền thờ.

Lúc ấy vua Hùng-vương đi tuần thú đến đấy dừng nghỉ, sai bày tôi lấy trái cau, hái la trầu mà nhai chung và phun vào đồng vôi thì thấy có màu đỏ [16b] và có mùi thơm, liền truyền lệnh ra khắp trong ngoài đều phải trồng cây cau và dây trầu, hễ có cưới gả cúng tế và yến tiệc đều phải lấy trầu cau làm phẩm vật đầu tiên để thiết đãi tân khách.

Thuyết này thuộc hoang đường.

Theo sách *Vân-đài loại ngữ*, phàm những nơi có lam chương tất nhiên có sinh những loài cây cỏ trừ khí độc. Lời nói này đúng thay!

Nước Nam ta ở vào vùng ôn-đới có nhiều lam chương, cho nên nhiều cây quế cây gừng cây cau, đều là những loài cây trừ được khí độc. Cho nên người ở vùng ôn-đới phần nhiều đều dùng, còn người ở hàn-đới thì ít dùng những loài cây ấy, thật không như thuyết không chánh đáng trong dã sử.

[17a] CHƯƠNG 6

**Tạnh trời mây cuốn về non,
Hẹn cùng cây cỏ chớ còn trông mưa.**

Thơ phong sử này thuộc tỷ. Ý nghĩa của chương này chưa rõ ra sao.

Trong thời vua Hùng Huy-vương, ở bộ Vũ-ninh (nay là huyện Vũ-giang tỉnh Bắc-ninh) có giặc đã nhiều năm mà triều-đình chưa dẹp yên được. Vua tìm người có tài đánh lui được giặc.

Làng Phù-đồng có một đứa trẻ nhà giàu sinh ra được ba tuổi mà không nói được.

Lúc trong nước có giặc, sứ nhà vua đi đến thì đứa trẻ chợt nói được, bảo mẹ mời sứ nhà vua đến mà dạy rằng : « Xin cho một thanh gươm và một con ngựa thì sẽ vì vua mà dẹp giặc ».

Vua ban cho gươm và ngựa y theo lời cầu xin.

Đưa trẻ nhảy lên ngựa rút gươm tiêu tời, quan quân nối theo sau, đánh nhau với quân giặc [17b] ở núi Tru-sơn (nay ở huyện Tiên-du). Quân giặc vỡ tan mọp xuống lạy gọi người là Thiên-trưởng (trưởng quân nhà Trời) mà đầu hàng.

Đưa trẻ liền phi ngựa vượt lên núi Vệ-linh (tại phủ Thiên-phúc).

Vua nhớ công, cho lập đền thờ ở làng Phù-đồng và ở núi Vệ-linh, phong làm Đồng-Thiên-vương. Trong đền thờ có câu đối :

Bất kỳ hà niên phi thiết mã.

Tương truyền thử địa giải nhung y.

(Không nhớ là năm nào Ngai đã phi ngựa sắt.

Tương truyền Ngai cởi bỏ quân-phục ở chốn này).

Sách Ngự chế Việt-sử tông vịnh nói :

Công thành thân thoái tưng mã phi.

Lai tưng hà lai ? Khử hà quy ?

(Công đã thành thì thân phải lui, phóng ngựa bay đi.

Đến thì từ đâu ? Đi thì về đâu ?)

Đồng Thiên-vương là người lập đệ nhất vũ-công ở nước Việt ta chăng ?

Này, từ đời Hùng-vương về sau truyền nối trải qua nhiều đời, dân yên ổn có làm có nghỉ, một lần gặp giặc ở bộ Vũ-ninh, nhân-dân trông có người dẹp yên giặc cũng như làm mùa trông mưa.

Đông Thiên-vương một lần xuất trận thì dẹp trừ [18a] ngay quân giặc rồi ân thân không xuất hiện nữa, thành công rồi mà không ở lại. Nhân dân được khỏi nạn giặc mà sống yên, cũng như cây cỏ mọc lên được khỏi cơn nắng hạn, thì cái công làm mây và đổ mưa của Đông Thiên-vương đã thành tựu.

Tục truyền về sau Thiên-vương hiển linh ở Tam-Đồ sơn, nhân dân tám huyện lập đền thờ Ngài. Mỗi năm đến ngày mùng 10 tháng 8 là ngày đại hội cúng tế báo ơn thần.

Mỗi xã đem một con trâu đến chọi nhau. Xã nào thắng trận chọi trâu là được điềm lành.

Mỗi kỳ đại hội đều có mưa to gió lớn, cho nên có câu ca-dao :

*Nào ai buồn đâu bán đâu,
Mùng mười tháng tám chọi trâu thì về.*

Không có năm nào không ứng nghiệm đúng như vậy. Đó là trận mưa rào của Thiên-vương trong một năm đấy ru ?



[18b] CHƯƠNG 7

Mênh-mông góc bể chân trời.
Nhưng người thiên-hạ nào người tri-âm ?
Buồn riêng thôi lại tủi thâm :
Một duyên, hai nợ, ba làm lầy nhau.

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Thục An-dương vương đánh phá thôn tính nước Văn-lang, đòi quốc hiệu là Âu-Lạc đóng đô ở Loa-thành.

Nhà vua được cái móng của Linh-quy, sai bề tôi làm chiếc nõ thần, dùng cái móng làm lẫy nõ, gọi là *Linh quang kim trảo thần nõ*.

Triệu-Đà đem quân đến xâm phạm. An-dương vương dùng nõ thần bắn phá, Triệu-Đà thua chạy.

Triệu-Đà biết Vương có nỗ thần không thể địch nổi, sai con là Trọng-Thủy vào làm Thị-túc-vệ cho Vương và cầu [19a] hôn con gái của Vương là Công-chúa My-Châu. Vương ưng thuận

Trọng-Thủy dụ My-Châu xin cho xem trộm nỗ thần và lên phá hủy cái lẫy mà trao cái khác, rồi thác cớ trở về thăm cha mẹ. Trọng-Thủy nói với My-Châu :

— Sau này như hai nước thất hòa, Nam Bắc cách biệt, ân tình chồng vợ làm sao được gặp nhau ?

My-Châu đáp :

— Thiếp có tấm nệm lòng ngỗng còn mang theo bên mình, đi đến đâu thì rút lòng để ở ngã rẽ làm dấu.

Trọng-Thủy trở về báo cáo cho Triệu-Đà. Triệu-Đà liền phát binh đánh An-dương vương.

Wương không ngờ lẫy nỗ đã mất, cứ đánh cờ mà cười nói : “Triệu-Đà không sợ thần nỗ của ta ư ?”.

Quân Triệu-Đà tiến sát đến. Vương cầm nỗ thần lên thì thấy đã gãy. Vương thua chạy, đặt My-Châu ngồi phía sau trên ngựa mà chạy về Nam.

Trọng-Thủy nhận dấu lòng ngỗng cứ đuổi theo.

Wương chạy đến bờ biển thì cùng đường liền gọi : “Thần Kim [19b] quy đến cứu ta”.

Kim quy vọt lên mặt nước và bảo : “Kẻ ngồi phía sau trên ngựa là đứa giặc đó”.

Vương rút gươm muốn chém My-Châu. Nàng than rằng :
 “Một tiết trung tín bị người lừa dối, nguyên hóa thành ngọc
 châu để rửa mối nhục thù này. Duyên ôi ! Nợ ôi ! Lầm ôi !”

Nàng nuốt hận biết là đường nào ?

Thương thay My-Châu với tư chất yêu-điệu, nàng làm vợ
 người nước láng giềng, đã bị chồng lừa gạt, lại bị cha nghi
 ngờ, ngàn năm oan hồn của nàng khó tự biện bạch được ! Biển
 Nam nổi sóng ầm ầm như gào thét giải oan cho nàng vậy.

Ý nghĩa của thơ phong-sử này giống như thế cho nên
 mới chép ra để bình-luận với các vị quân tử.

Thường bình-luận về cái cơ hưng vong của Thục An-
 dương-vương :

An-dương vương là một vua hèn yếu, có [20a] quốc-gia
 đồng thời với Hùng-vương, bất quá chỉ là một tộc họ trong
 Bách-Việt mà thôi.

Vương cầu hôn mà không được lại thốt lời thề phải tiêu
 diệt nước Văn-lang. Không nhân việc nhỏ mà muốn khởi
 mưu to, Vương không có hùng lược trùm đời, điều đó
 có thể biết được. Nếu như lúc Hùng-vương theo phụ-đạo
 truyền đến đời thứ 18, Lạc-hầu cầm quyền chính-trị lượng
 xét nhân tài, Lạc-trưởng cầm binh coi giữ những nơi trọng
 yếu, thì dầu lúc ấy có gọi là cuộc đời Hùng-vương, An-dương
 vương thật không rảnh lo cui đầu tự xưng là kẻ bề tôi ở
 phiên trấn, còn lấy đầu mà hưng phát lên được ?

May lúc ấy Hùng-vương không lo việc vũ bị, cho nên

khi quân địch tràn vào, liền vì say mè rượu chè mà mất nước. Thật có thể gọi là xuống vực lấy được hột trầu-châu dưới hàm con rồng gặp lúc nó đang ngủ.

Việc hưng phát của An-dương vương thật không đáng kể, còn đến cơ suy vong của An-dương vương lại còn có chỗ tệ hơn nữa.

[20b] Hùng-Lạc (Văn-Lang) là một nước cũ đã hai ngàn năm gồm có núi sông của 15 bộ, đất-dai không phải là không rộng, nhân dân không phải là không đông, một lần cử binh mà đánh lấy được thì phải lo việc chính-trị nhân đức, sửa sang quân đội, đặt quốc-gia lên nền tảng vững-vàng như núi Thái-sơn, thì dẫu Triệu-Đà là hùng, Trọng-Thủy là trá cũng chẳng làm gì được An-dương vương.

An-dương vương đã chẳng lo những việc như thế mà cứ dật lạc yên vui, giao phó việc mưu-giữ biên-thùy vào cuộc cờ, giữ nước đã không kế sách, chỉ cậy vào Loa-thành, đuổi giặc đã không trí mưu, chỉ dựa vào móng Linh-quy làm lẫy nỏ, cho đến khi vùng sông Bình-giang (nay là sông Thiên-đức ở huyện Đông-ngạn) thuộc về Triệu-Đà, My-Châu gả cho Trọng-Thủy, quên thù mà cung yêu không tỉnh ngộ, ngu xuẩn như thế còn ai hơn được ?

Cha vợ ngu điếc thì gặp chàng rề bạc tình dối-trá. Không cần chờ thấy đến việc rút lông ngỗng [21a] bỏ ở ngã rẽ và việc cùng đường ở bờ biển Nam-hải, người hiểu biết đã độ trước rằng An-dương vương tất phải mất nước vậy.

Than ôi ! Ở một người như An-dương vương, việc hưng phát thật chợt thành linh, thì việc bại vong cũng hốt nhiên vậy.

Khảo xét phần ngoại kỷ, đại lược không có văn-minh khởi-hóa làm đất xuất dầu lập quốc cho nước Nam-Việt ta. Trước có Hùng-vương mở-mang nước ta ở vùng viêm-nhiệt (nóng-bức), biết cười gả, cày bừa, theo phép nước Âu-lạc, phong tục thuần-phác. Lúc ấy An-dương vương hưng phát lên thì nào có ích gì cho hồng phúc của nhân dân ta? Sau thì có Triệu Vũ-vương đã vỗ yên nước Nam ta, thừa cơ hội nhà Tần rối loạn, quật cường chống lại nhà Hán lập thành một nước cường thịnh. An-dương vương tuy mất thì nào có lo buồn gì cho việc tai họa của nhân dân ta? Phong-khê tàn mất trong mây phủ âm thầm, rồi Loa-thành suy tàn âm-dạm trong bóng chiều tà, quyền quân-chủ nước Âu-lạc của An-dương vương chỉ còn lưu lại tiếng thơm ở phần toát yếu trong lịch-sử tối cổ mà thôi, đó là điều may mắn đặc-biệt vậy.

[21b] Kinh đọc phần ngự phê của vua Tự-đức trong *Khâm-định Việt-sử thông giám cương mục* : "Vì hôn nhân mà thắng, vì hôn nhân mà bại".

Việc hưng phát và tàn mất của An-dương vương thật không đáng kể. Đất-dai với núi xanh nước biếc và quốc-dân với dòng giống mẹ Tiên cha Rồng ngẫu nhiên mà được, rồi lại ngẫu nhiên mà mất thì hà tất phải mừng cho An-dương vương và phải tiếc cho An-dương vương?

Từ Kinh-dương vương đến An-dương vương cả thầy được 7 chương.

CHƯƠNG 8

**Có con phải khổ vì con.
Lấy chồng phải gánh giang-sơn nhà chồng.**

[22a] Thơ phong-sử này thuộc phú.

Triệu Minh-vương (lúc Triệu Anh-Tề) cưới con gái Trung-quốc nhà Hán họ Cù lập làm Hoàng hậu, sinh ra đứa con trai tên Hưng.

Minh-vương mất, Hưng lên làm vua, đó là Triệu Ai vương.

Trước kia Cù Hoàng-hậu lúc chưa lấy Triệu Anh-Tề thường tư thông với An-quốc Thiệu-Quý, người ở Bá-lăng bên Trung-quốc.

Nhà Hán sai Thiệu-Quý sang dụ Cù Hoàng-hậu và Triệu Ai-vương sang châu ở triều nhà Hán. Thiệu-Quý lại tư-thông

với Cù Hoàng-hậu, vì thế người trong nước phần nhiều không theo. Cù Hoàng-hậu sợ có nổi loạn, muốn dựa vào uy lực nhà Hán nên đã lăm lăm khuyên vua và các quan xin cho nước Nam nội thuộc nhà Hán. Hán đế bằng lòng. Nhưng Thừa-trưởng Lữ-Gia can ngăn không nghe mà có lòng làm phản. Cù Hoàng-hậu âm-mưu giết Lữ-Gia mà không thành công. Lữ-Gia làm loạn, Hán-đế hay tin, sai Hàn-Thiên-Thu và người em trai của Cù Hoàng-hậu là Cù-Lạc đem quân vào nước ta.

Lữ-Gia hạ lệnh khắp trong nước rằng : "Vua còn bé, Thái-hậu họ Cù là người Tàu nhà Hán đã tư thông với sứ-giã nhà Hán, chuyên [22b] tâm muốn đem nước Việt nội thuộc nhà Hán, đem hết đồ quý trọng nước nhà dâng cho nhà Hán để nịnh hót lấy mối lợi nhất thời mà không đoái đến xã tắc của nhà Triệu".

Lữ-Gia bèn cùng người em trai đem quân đánh Ai-vương. Ai-vương và Cù Thái-hậu đều bị giết.

Lữ-Gia lập người con trưởng của Minh-vương là Kiến-Đức lên làm vua đó là Vệ-dương vương và giết sứ-giã nhà Hán. Nhà Hán đem đại binh sang xâm-lăng nước ta. Nhà Triệu mất.

Câu phong-dao này chê trách Cù Hoàng-hậu không biết giữ đạo đàn-bà. Hễ lấy chồng thì theo chồng, chồng mất thì theo con, đó là công-lệ của nữ-giới.

Cù Hoàng-hậu là người Tàu nhà Hán, chồng là Triệu Minh-vương, con là Triệu Ai-vương. Giang-sơn của họ Triệu đã ủy-thác cho Hoàng-hậu, thế mà Hoàng-hậu lại muốn dẫn con về

nhà Hán, đem nước cho phụ vào nhà Hán để củng-cố nhà Triệu chẳng? — Chẳng phải thế đâu!

Đối với người tinh cũ, ân nghĩa nặng, không nhẫn xa cách nhau lâu, ngày nào Hoàng-hậu trở về nhà Hán, mối tình của Thiếu-Quý sẽ triền-miên dan [23a] diu, thì không khỏi một nhát gươm của Thừa-tướng Lữ-Gia thật đáng chẳng?

CHƯƠNG 9

**Thương chồng nên phải gắng công.
Nào ai xuong sát da đồng chi đây ?**

Thơ phong-sử nay thuộc phú.

Trung Nữ-vương tên Trắc, họ Trung, con gái của Lạc-trương ở huyện Mê-linh đất Phong-châu (nay là Yên-lãng), là vợ của Thi-Sách ở huyện Chu-diên.

Lúc ấy Thái-thú Tô-Định thi-hành chính sách tham bạo. Nữ-vương hận Tô-Định giết chồng Bà, bèn cùng em là Trưng-Nhị cử binh đánh Phong châu, hãm châu-trị, dẹp yên được hơn 60 thành ở Lĩnh-nam, tự lập làm vua, đóng đô ở Mê-linh.

Nhà Hán phong chức cho Mã-Viện làm Phục-ba Tướng-quân cho đem binh sang đánh Nữ-vương. [23b] Mã-Viện noi theo ven biển mà tiến, đến hồ Lãng-bạc (nay ở huyện Vĩnh-thuận, nhà Lê đổi gọi là Tây-hồ, Chúa Trịnh đổi gọi là Đoái-hồ) thì gặp quân của Nữ-vương.

Nữ-vương thấy thế giặc quá to, tự liệu quân mình ô-hợp không thể chống nổi, bèn lui quân giữ Cầm-khê. Quân sĩ thấy Nữ-vương là đàn bà con gái không thể thắng địch, bèn chạy tán loạn. Nữ-vương chống cự thế cô rồi bại trận mà chết.

Mã-Viện dựng cột đồng làm ranh giới cùng cực của nhà Hán. Nước Việt ta lại thuộc nhà Hán.

Về sau người trong vùng ấy cảm mộ Nữ-vương dựng đền ở Hát-giang mà thờ phụng hai Bà.

Câu phong-dao này khen ngợi Trưng Nữ-vương. *Chồng* chỉ Thi-Sách. Nữ-vương vì thù chồng mà khởi binh, đuổi Tô-Định, dẹp yên vùng Lĩnh-biểu, tuy là đàn bà con gái yếu đuối, không dám lấy việc luyện sắt và rèn kim tự khoe mình, nhưng hai Bà là bậc anh-hùng trong giới nữ-lưu, cùng với Lê-hải Bà-vương (Ba Triệu) chống cự quân giặc Bắc uy-danh cùng hiển-hách ngàn thu.

[24a] CHƯƠNG 10

**Ru con con ngủ cho lành,
Cho mẹ gánh nước rửa bành con voi.
Muốn coi lên núi mà coi,
Coi bà quân tượng cỡi voi bành vàng.**

Thơ phong-sử này thuộc phú.— *Bành* vật dụng làm chỗ ngồi và chỗ dựa dành để bắc lên lưng voi. *Quân-tượng*, người chỉ-huy đội voi trận.

Lúc nước Nam ta bị Bắc thuộc, có Bà Triệu, người làng Trung-sơn huyện Nông-cống tỉnh Thanh-hóa, mình cao 9 thước, vú thông 3 thước (?) tuổi 20 chưa lấy chồng, có chí lớn, thường nói với người anh là Triệu-Quốc-Đạt : “Người ta sống ở chốn bụi hồng, không kể là trai hay gái, phải tạo lập công to lưu tiếng thơm ngàn thuở, há lại bắt chước theo người đời cúi đầu cong lưng làm tỳ [24b] thiếp cho người ta hay sao ? ”

Trong khoảng niên-hiệu Vĩnh-an nhà Đông-Ngô, viên Thú mục người Tàu tham bạo, vợ-vét chiếm đoạt tài-sản của người bản-xứ, nhân dân sống không yên tụ hợp nhau làm trộm cướp, thường nương tựa vào Bà Triệu để trốn tránh. Bà thành thật tin dùng, họ đều mến phục.

Anh của Bà nghe được việc ấy, vui mừng nói rằng :
"Em gái ta như thế, thật là sau Hai Bà Trưng lại có một Bà Trưng nữa!"

Mọi người thấy Bà có tài làm tướng sủy, bèn lập Bà làm Chúa và xin cử sự ngay.

Bà liền dấy binh chống cự quân Ngô. Bà mặc áo vàng ngồi ở đầu voi, thường buộc vú ra phía sau lưng và dùng lụa bó lại, uy phong lẫm liệt. Quân-sĩ gọi Bà là Nhụy-Kiều tướng-quân. Người Tàu Đông Ngô gọi Bà là Lệ-hải Bà vương.

Nhà Đông-Ngô sai Lục-Dận làm Giao-châu Chiêu thảo sứ, đem binh xuống miền Nam.

Bà Triệu dẫn binh tiếp đánh, một ngày 3 trận, quân Ngô đều thua [25a] chạy. Lục-Dận kinh-hoàng đem binh chạy vào thành. Bà phát binh vây thành đánh mấy tháng mà không hạ được. Tướng sĩ ta có lòng biếng nhác bê trễ mà thua trận.

Bà giục ngựa bỏ chạy thẳng đến núi Hối-sơn, xã Bồ-diên (nay là xã Phú-diên) huyện Hậu-lộc mà chết.

Sau khi mất, Bà hiển linh. Vua Tiên - Lý Nam - đế phong Bà làm *Bát chính Anh liệt hùng tài trinh - nhất Phu-nhân*.

Ý nghĩa thơ phong-dao này nói về lúc Bà Triệu dấy quân, người phần nhiều đều vui thích theo Bà, đàn ông con trai thì phụng sự trong hàng ngũ, đàn bà con gái thì làm công việc giúp quân đội. Lời hát có thú vị đượm vẻ vui tươi xua nhau làm việc mà không có lòng oán hận. Do đó có thể nhận thấy lúc bấy giờ Bà Triệu rất được lòng người.

CHƯƠNG II

[25b]

Nước lã mà vã nân hò
Tay không mà nói cơ đẽ mới ngoan.

Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Nước Việt ta từ Triệu vương độc lập trở về sau, bị người Tàu dò-hộ lấy làm quận huyện của Trung-quốc. Mảnh non sông nhỏ-nhen đều bị nội thuộc, nước nhà không có quyền tự chủ. Ai là bậc anh-hùng tạo nên thời thế vậy ư?

Lúc ấy có vua Tiên-Lý Nam-đế, họ Lý, tên Bí (thường đọc là Lý-Bôn), người Giao-chỉ có tài vầu-vũ, không toại chí làm quan cho nhà Lương, bèn trở về Thái-bình. Nhân quan Thứ-sử Tiều-Tư ở Giao-châu làm mất lòng dân vì tham bạo, Ngài bèn khởi binh chống cự. Viên Tù-trưởng Chu-diên là Triệu-Túc cũng dẫn quân theo. Ngài liền kết được mấy châu,

hào-kIỆt đều hưởng ứng. Tiều-Tư nghe được liền đem tiền của cho Ngài rồi chạy về Quảng-châu.

Ngài liền đem quân ra chiếm cứ thành Long- [26a] biên.

Năm giáp-tý (514 sau Tây lịch) nhằm niên hiệu Đại-dồng nhà Lương, Ngài tự xưng là Nam-Việt đế, lấy niên hiệu là Thiên-đức, đặt quốc-hiệu là Vạn-xuân, dùng Triệu-Túc làm quan Thái-phó, Tinh-Thiều làm tướng võ, Phạm-Tu làm tướng văn.

Vua Vũ-đế nhà Lương sai Dương-Phiêu làm Thứ-sử Giao-châu, Trần-Bá-Tiên làm Tư-mã đem quân sang đánh.

Bá-Tiên đưa quân đi trước làm tiên-phong, đánh một trận ở Chu-diên và đánh thêm một trận nữa ở Gia-ninh. Vua Nam-đế thua chạy về Tân-xương làm nhiều chiến thuyền, đóng đồn ở hồ Điền-triệt (nay là huyện Lập-thạch.)

Gặp lúc nước sông dâng lên thình lình đổ vào hồ, Bá-Tiên đem quân xuôi theo dòng nước tiến vào. quân Lương đánh trống reo hò tràn tới. Nam-đế lui về giữ động Khuất-Liên, bị lam chướng mà mất.

X Người trong nước nhờ công của Nam-đế, kể lại việc của Ngài mà hát [26b] như thế.

Này, Lý Nam-đế là một người dân nước Việt, cương thổ đất đai bị Bắc thuộc, giáp binh là binh sĩ bị Bắc thuộc mà cuối cùng đã cầm binh xẻ đất xưng hùng giành độc-lập, tuy chưa được 50 tuổi mà phải lui về giữ động Khuất-Liên, nhưng cũng là người có vũ công bậc nhất của nước Việt-nam ta vậy.

Trong sách *Khâm-định Việt-sử thông giám cương mục*, vua Tự-đức phê : “Lý Nam-đề tuy sức không chống nổi, sự-nghiệp không thành nhưng đã thừa cơ phần khởi tự làm vua nước Nam, đáng là tiếng báo hiệu trước cho những triều tự-chủ nhà Đinh nhà Lý về sau vậy”.

CHƯƠNG 12

**Gáo vàng múc nước giếng tây,
Khôn ngoan cho lắm, tớ thầy người ta !**

[27a] Thơ phong sử này thuộc tỹ.

Gáo vàng là cái gàu bằng vàng dùng để múc nước. Giếng tây, giếng nước ở nhà lân cận phía tây.

Nước Nam ta núi sông anh tú, hào kiệt sinh ra hơn người đời đời không thiếu. Lý-Ông-Trọng, người huyện Từ-liêm làm quan cho nhà Tần làm Tư-lệ hiệu-úy, đem quân giữ Lâm-thao, tiếng-lăm chấn động Hung-nô, về sau trở về làng mà mất. Tần Thủy-hoàng đúc tượng đồng hình Ông đặt nơi cửa Tư-mã ở Hàm-dương. Quân Hung-nô cho là quan Hiệu-úy còn sống, kiêng sợ không dám xâm phạm.

Khương-Công-Phụ, người huyện An-dịnh đất Cửu-chân có tài cao thi đỗ Tiến-sĩ đời nhà Đường thường bí mật xin vua Đường giết Chu-Thử, nhưng Đường Đức-tông không nghe theo. Ông lại xin thâu nạp binh mã ở các đạo làm quân phòng bị.

Về sau quả nhiên Chu-Thử làm phản. Vua Đường Đức-tông cho là Ông liệu độ rất đúng một cách lạ lùng mà quý trọng ông, thăng ông lên chức Trung-thư môn hạ Bình chương sự.

Hai ông là người Nam. [27b] Việt ta. Người Nam mà làm quan cho triều đình phương Bắc. Bậc chi-sĩ nhân-hậu cho hai ông là không đáng kể mới làm thơ chê cười rằng :

Gáo vàng mức nước giếng tay.

Khôn ngoan cho lắm tờ thầy người ta.

Gáo vàng mức nước giếng ở nhà lân cận phía tây ngụ ý dùng tài không đúng chỗ thì tài quý báu mất vẻ quý báu đi.

Ngô-Giáp-Đậu nói : "Kề công lao đối với Trung-quốc là khen ngợi. Còn đối với nước Nam ta thì sao ? — Thật có như lời người đương thời đã hát vậy !"

Tuy nhiên, nhân tài phải tùy thời tùy chỗ mà lập công-danh. Nước Nam ta bị Bắc thuộc đã thành lâu đời, nếu cứ giữ thành-kiến là dân nô-lệ thì phải chịu mục nát với cỏ cây. Thế thì Từ-Thức và Đạo-Hạnh có bổ ích gì cho người trong nước ?

Nếu tự sinh hùng tài muốn phụng-sự cho việc chiến đấu,

mà thời chưa thể làm, thế chưa thể nắm thì cơ hồ sẽ không khỏi phải đồ vỡ thất bại [28a] như Bó-cái Đại-vương Phùng-Hưng và Hắc-đế Mai Thúc-Loan.

Chỉ xét về ý nghĩa của sự tùy thời, như hai ông Lý-Ông-Trọng và Khương-Công-Phụ đây thì công lao đã hách dịch một thời ở triều đình phương Bắc.

Hầu nước Nam ta còn lắm người như thế, như Lý-Tiến là người nước Nam mà cai-trị võ-về người nước Nam. Lý-Cầm là người nước Nam đã tiến cử người nước Nam, thì làm quan phụng sự cho triều đình phương Bắc có phụ chi nước Nam đâu ?

Ý tứ của nhà thơ trong câu phong-sử này thật nóng cạn đối với hai Ông vậy.

CHƯƠNG 13

**Chim chích (1) mà gheo bờ-nông,
Đến khi nó mổ, lạy ông tôi chừa.**

Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Chích là thứ chim bé không đầy năm tấc, mỏ và hai chân đều màu đỏ, *Bờ nông* là loài chim to, [28b] đầu lớn, mỏ dài, hình dáng giống con ngỗng mà to hơn, trong khoảng mùa thu mùa đông, ruộng lúa có nước thường tụ tập lại ăn lúa. (2)

(1) Nguyên văn chép tay viết *diệc* là chim diệc, loài chim ăn cá to bằng con ngỗng, mỏ dài, chân cao sống trong đồng-ruộng hoang-vu. Đây đã chép sai.

(2) *Bờ-nông* là chim già-dãy có cái dãy đưng cá dưới cổ, là chim ăn cá chứ không ăn lúa như soạn-giả giải ghĩa.

Nước Nam ta vào thời tối cổ ở biên thùy phương nam có nước Lâm-ấp (lãnh vực từ Quảng-bình đến Nam-kỳ lục tỉnh), trong thời nhà Tần thuộc đất Trọng-quân, trong thời nhà Hán thuộc đất Nhật-nam. Cuối đời Hán, Khu-Liên, con quan Công-tào, giết quan huyện-lệnh, tự lập làm vua nước Lâm-ấp. Về sau người cháu ngoại của Khu-Liên là Phạm-Hùng lên nối ngôi. Phạm-Hùng truyền ngôi cho là con Phạm-Dật. Dật mất, người đầy tớ là Phạm-Văn soạn ngôi. Văn mất, con là Phật nối ngôi. Phật mất, cháu là Hồ-Đạt lên ngôi. Đến người cháu của Đạt là Văn-Hiển lên ngôi gọi là Phù-nam vương.

Trong niên-hiệu Trinh-quân nhà Đường, vua Lâm-ấp là Phạm-Đầu-Lê mất, người trong nước lập con của người cô là Cát-Địa làm vua. Cát-Địa đổi tên nước là Hoàn-vương quốc, bị quan Đô-hộ nhà Đường là Trương-Chu đánh phá, bèn bỏ nước [29a] Lâm-ấp dời về đất Chiêm-thành và gọi nước là Chiêm-thành quốc. (Nay ở xã Nguyệt-biêu huyện Hương-thủy tỉnh Thừa-thiên có thành Phật-thệ, và ở hai huyện Tuy-viễn và Phù-cát tỉnh Bình-định có thành Đồ-bàn).

Đến thời Trung-hưng triều nhà Nguyễn ta mở-mang bờ cõi xuống miền Nam thì dòng giống người Lâm-ấp đã tuyệt.

Này, Lâm-ấp là một nước xưa ở Á-đông, đất đai không phải là không rộng, nhân dân không phải là không đông, chỉ giữ đất mà tự thủ, lại không lượng sức mình, không độ thời thế, làm xằng khai hấn với nước láng giềng mà bị triều đình phương Bắc đánh đuổi?

Tra cứu sử nước Nam, trong niên-hiệu Vĩnh-hòa, Khu-liên vào cướp phá nước ta, bị quan Thứ-sử Trương-Kiều dẹp yên.

Trong thời vua Mục-đế nhà Tấn, Phạm-Phật sang xâm lăng quấy nhiễu. Quan Thứ-sứ Đàn-Hòa-Chi đánh đuổi tiến vào thành Lâm-ấp.

Nhà Tống đánh phá, thì Phạm-Dương-Mại vua nước Lâm-ấp sai sứ vào dâng cống.

Nhà Tùy [29b] chinh phạt, thì Phạm-Chí vua nước Lâm-ấp sai sứ đến tạ tội.

Đến triều nhà Đinh, nhà Lê, nhà Lý, nhà Trần, nước ta lập quốc thì người Lâm-ấp không lo bắt chước theo văn-minh để khai-hóa nhân dân, chỉ lo khai khẩn ở biên cương để đến nỗi phải bị tiêu-diệt.

Người trong nước thương hại cho họ, mới dùng chim chích mà vi vớ họ. Nói họ không thể mạnh, lại không thể yếu cho nên mới bị tiêu-diệt. Họ không xét thời cơ, họ không lượng sức cho nên sớm chuốc lấy bại vong. Như người Lâm-ấp thật đáng làm gương vậy.

CHƯƠNG 14

**Cóc (1) kêu dưới vũng tre ngâm.
Cóc kêu mặc cóc, tre dầm mặc tre.**

[30a] Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Cóc, loài ếch nhái. Khi trời sắp đổ mưa thì cóc kêu. Cóc phần nhiều sống ở hang dưới đất. Tre, loại trúc. Tre nước ta có hàng mười thứ đều có thể làm nhà. Muốn xài tre, người ta chờ tre già mới đốn và ngâm trong nước vài ba mươi ngày rồi vớt lên dùng thì khỏi bị mối mọt phá hại.

(1) Con cóc sống trên cạn ít khi kêu. Con nhái sống dưới vũng kêu luôn.

CHƯƠNG 15

**Thương thay thân phận con rùa.
Trên đình hạc cỡi, dưới chùa đội bia!**

Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Rùa, loài quý, nước Nam ta sản xuất nhiều rùa. *Đình*, đình miếu thờ thần. *Bia*, bia đá. Nước Nam ta thờ thần, trên miếu thường có khắc hình con hạc đặt ở hai bên tả hữu. Dưới hai chân hạc [30b] lại đặt tượng một con rùa. Ở bên miếu thờ có dựng tấm bia, chân bia lại có đặt tượng con rùa.

Ý nghĩa của chương này và chương trước (chương 14) nói về lúc nước ta bị Bắc thuộc, nhân dân sống đồ thân, có việc oan ức thì không kêu-ca thưa kiện ở đâu được. Cho nên mới lấy đó mà ví.

Nước Nam ta sau thời Hán Vũ-đế bị Bắc thuộc trong mấy ngàn năm, chính sách bảo hộ của người Tàu đại để là nhân huệ thì ít mà khắc bạc thì nhiều. Những quan thú-mục đến nhậm chức ở nước Nam ta, ngoại trừ mấy người như Sĩ-Nhiếp, Nhâm-Diên, Lý-Thiện, Đào-Hoàng, đều không có hành vi trong sạch. Họ tham bạo riêng tư, có người đem một đấu muối đổi lấy con bò, có kẻ đem một con bò đổi lấy mười học nếp. Họ cứ lo vợ-vét tiền của khiến chức lại và nhân dân không xiết nổi khổ. [31a] Thế mà triều đình Trung-quốc chưa từng hay biết, như vậy cũng có ích cho việc áp chế. Nhân dân lúc bấy giờ phần nhiều sống không nổi cho nên dùng con cóc con rùa tự ví.

Nói dân ta đã như con cóc nép mình sống dưới ao, lại còn bị người ta đem tre ngâm vào, và đã như con rùa ngẩn cổ không kêu gào được lại còn bị con hạc cỡi lên, tấm bia đá đè lên. Nhân dân sống trong thời ấy còn biết nương cây vào đâu ?

Tuy nhiên, cái thế trong thiên hạ, hễ sức đè xuống càng mạnh thì sức đẩy lên càng to. Có Tô-Định kết oán với nhân dân thì có Trưng-vương dấy binh đánh đuổi. Có Tiêu-Tư làm thất-sách thì có Lý Nam-đế dựng nước độc-lập. Có Cao-Chính-Binh đánh sưu cao thuế nặng thì có cha con Phùng-Hưng cướp huyện chiếm châu tự-lực tự-cường. Lần lần đến những việc áp chế mãi không thôi thì có những cuộc bạo-đông chống trả mãi không dứt, cho nên Ngô Sứ-quân [31b] được hô-hào chủ-quyền, Đinh-Bộ-Lĩnh được nêu cao ngọn

cờ độc-lập mà giải-thoát được cái ách khốn khổ hàng ngàn năm.

Tất cả đều do sức áp-chế bạo tàn của bọn thống trị đã mở lối tạo ra cả.

Cái thế lớn-lao ấy trong thiên-hạ thật đáng kinh thay !



C. HƯƠNG 16

**Của đời muôn sự của chung,
Tranh nhau một tiếng anh hùng mà thôi !**

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Nước ta trong thời Tiền Ngô (Ngô-Quyền) từ khi Dương-Tam-Kha (Ca) soán ngôi, Trần-Lãm đẩy binh nổi lên trước hết. Các thổ-hào do đấy đều đua nhau nổi lên.

- 1- Trần-Lãm tự xưng là Trần-Minh công chiếm cứ Bồ-chính hải-khâu.
- 2- Ngô-Xương-Xi tự xưng Ngô Sứ-quân chiếm cứ Bình-Kiều.
- 3- Kiều-Công-Hãn tự xưng là Kiều-Tam-Chế chiếm cứ Phong-châu.
- 4- Nguyễn-Khoan tự xưng là [32a] Nguyễn - Thái - Bình chiếm cứ Tam-Đái.

- 5- Nguyễn-Gia-Loan, Lý-Khuê tự xưng là Lý-Lãng công chiếm cứ Siêu-loại.
- 6- Nguyễn-Thủ-Tiếp tự xưng là Nguyễn-Lĩnh-công chiếm cứ Tiên-du.
- 7- Lữ-Đường tự xưng là Lữ-Tà công chiếm cứ Tế-Giang
- 8- Nguyễn-Siêu tự xưng là Nguyễn-Hữu công chiếm cứ Tây Phù-liệt.
- 9- Kiều-Thuận tự xưng là Kiều-Lĩnh công chiếm cứ Hồi-hồ.
- 10- Phạm-Bạch-Hồ tự xưng là Phạm-Phòng-Át chiếm-cứ Đẳng-châu.
- 11- Ngô-Nhật-Khánh tự xưng là Ngô-Lãm công chiếm-cứ Đường-lâm.
- 12- Đỗ-Cảnh-Thạc tự xưng là Đỗ-Cảnh công chiếm-cứ Đỗ-động-giang.

Trước sau có tất cả 12 vị sử-quân, mỗi vị chiếm giữ một góc giang-sơn, tự làm hùng-trưởng một phương, cho nên nói «Giang-sơn há khu, Anh-hùng thị xử». (Khu vực nào của núi sông đều có bậc anh-hùng ở đấy cả).

Người trong nước kể ra việc ấy mà trần bày thành câu phong-sử này.

Nói thiên-hạ là của chung. Điều mà người ta tranh nhau là tiếng anh- [32b] hùng. Nhưng anh-hùng cứ tranh-giành nhau thì không phải cái phúc cho sinh-linh.

Sử của Ngô-Sĩ-Liên chép rằng: "Nước Việt-nam đã hơn

4790 năm thật không muốn có thời-dại Thập-nhị Sứ-quân.”

Quả thật như vậy.

Tuy nhiên nước Nam ta sau đời Hán Vũ-đế bị Bắc-thuộc hơn 1400 năm mà không có thời đại nào có một người xướng lên (1) việc độc-lập :

Hai Bà Trưng đã thất-bại vì Mã-Viện, Triệu-Âu phải thua chạy vì Lục-Dận, Lý-Bi đã xưng Nam-đế nhưng phải rút lui về Liêu-động, Mai-Thúc-Loan đã là Hắc-đế nhưng đã trốn mất trong núi.

Xem lại người nước Nam ta thì ai dám cất bước lên mà chống lại Bắc-triều.

Từ trận chiến ở Bạch-Đàng, quân Nam-Hán bị đại bại về tay Ngô-Quyền. Thừa thời thế đã có cơ-hội ho bèn kết bọn mà [33a] nổi lên. Cuộc tranh-giành của Mười hai Sứ-quân là đạo quân tiên-phong cho Đinh-Tiền-hoàng đấy chẳng ?

Con cuốn chiếu có hàng trăm chân, chết phần này thì phần kia động-dậy. Trong cuộc đua nhau dấy binh nổi lên, Mười hai Sứ-quân vẫn có đoàn-thể. Luận về việc tranh đấu lẫn nhau, Mười hai Sứ-quân không phải là không có tội. Luận về cuộc thống nhất, Mười hai Sứ-quân không phải là không có công.

Phần trên từ Triệu Vũ-đế đến Mười hai Sứ-quân có cả thầy 9 chương.

(1) Ở đây phải viết là : «Mà không có thời đại nào có người dựng nên độc-lập được lâu dài.» mới đúng.

CHƯƠNG 17

**Xem lên trăng bạch trời hồng,
Đạo miền sơn thủy bẻ bống thái-bình.**

[33b] Thơ phong-sử này thuộc phú.

Thái-bình, tức cây thái-bình lê, hoa lá giống như cây sa-lê.

Nước Việt ta từ sau khi bị Bắc-thuộc, bị người Tàu sáp-nhập làm quận huyện của họ. Ở nước An-nam ngọn cờ đờ-hộ được trưng lên. Giang-sơn vô chủ.

Lúc ấy có Đinh Tiên-hoàng, người ở động Hoa-lư (nay thuộc huyện Gia-viên tỉnh Ninh-bình) đất Đại-hoàng. Cha là Đinh-Công-Trứ làm Thứ-sử Hoan-chàn mất sớm. Ngài còn bé, được mẹ là bà họ Đàm dắt về nơi sơn-dộng.

Lớn lên, Ngài sai khiến được các thuộc ấp lân cận.

Các phụ lão ở các sách phần nhiều đều cho con em theo Ngài. Họ lập Ngài làm bậc đàn anh. Ngài ở sách Đào-úc, đem quân đi đánh các sách chưa hàng phục khác và đều hạ hết những sách ấy.

Lúc ấy Nam Bắc phân tranh, Mười hai Sứ-quân chia cắt giang-sơn thành khu mà chiếm cứ.

Ngài nghe Sứ-quân Trần-Công-Lãm là người có đức mới đến nương tựa.

Trần-Công-Lãm mất, Ngài thống lãnh quân đội của người và chiếm giữ động Hoa-lư, [34a] thu nạp những bậc hào-kiệt của Trần-Công-Lãm và đem quân ra đánh thành ấp. Ngài đi đến đâu đều thắng trận đến đấy, cho nên Ngài được tôn hiệu là Vạn-thắng vương.

Sau khi dẹp yên các bộ Sứ-quân, Ngài tự lên ngôi Hoàng-đế, đóng đô ở Hoa-lư, đặt niên-hiệu là Thái-bình, đặt quốc-hiệu là Đại Cồ Việt.

Ngài thật là vị Minh-chúa chánh thống đầu tiên của nước Việt ta.

Nhà thơ trần bày việc ấy mà khen ngợi Ngài, nói người nước Nam làm chủ nước Nam, vui thích xem cảnh thái-bình, ngẩng lên trông trời thì thấy mặt trời mặt trăng sáng đẹp, cúi xuống xem đất thì thấy núi cao sông biếc, đường đường một vùng Lĩnh-nam hơn vạn dặm, núi sông ửng sắc, cây cỏ tươi tắn hồi xuân, trông lại cảnh tượng dân chúng được thái-bình, há chẳng là một cử-chỉ thỏa lòng khoái chí hay sao ?

CHƯƠNG 18

**[34b] Ban mai xuống tám bề Đông.
Đạp lấy con rồng nổi lên chín khúc. Ta hồ hởi.**

Thơ phong-sử này thuộc phú.

CHƯƠNG 19

**Loạn chườn chườn là loạn kim thoa,
Bên bay mở cửa, bên qua sang lườn. Ta hồ hởi.**

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Kim thoa, chưa rõ nghĩa là gì. Theo sách *Vũ-kinh*, xưa có trận Kim-thoa.

CHƯƠNG 20

**Chào rần đi đi đâu ?
Vuốt râu ông hùm. Ta hồ hởi.**

[35a] Thơ phong-sử này thuộc phú.

Chương này và hai chương trên đều là lời hát cợt đùa của lũ trẻ chăn trâu, mà ý-nghĩa không rõ là nói gì.

Theo sách sử-ký, Đinh Tiên-hoàng lúc bé, cha là Công-Trứ mất sớm, mẹ họ Đàm dắt Ngài về ở nơi sơn-động. Ngài chăn trâu ngoài đồng, cùng lũ trẻ chơi đùa. Lũ trẻ tôn Ngài lên, nắm tay giao nhau cho Ngài ngồi lên như dáng xe kiệu của vua, lại lấy bông lau kéo đi ở hai bên tả hữu như dáng nghi-vệ của thiên-tử. Ngài đem chúng bọn đi đánh dẹp lũ trẻ ở xóm khác. Ngài đi đến đâu, lũ trẻ hàng phục đến đấy.

Đến khi lớn lên, Ngài ở sách Đào-úc. Lúc ấy người chú là Đinh-Dự chiếm cứ sách Bồng chống lại Ngài. Ngài vì quân

ít hơn không thể chống nổi bèn chạy đến cây cầu Đàm-gia. Cầu gãy, có cou rồng vàng nổi lên che chở Ngài. Đinh-Dự kinh hãi thoái lui.

Về sau Ngài đánh đầu thắng đấy, cho nên người ta gọi Ngài là Vạn thắng vương.

Ba chương này ý nói Đinh [35b] Tiên-hoàng lúc còn là mục-đồng cùng lũ trẻ chơi đùa, chế làm trận đồ đáng giặc và khiến lũ trẻ hát lên.

Chương 18 giống như Long trận (trận rồng), chương 19 giống như Hồ-điệp trận (trận bướm), chương 20 giống như Xà trận (trận rắn), vì lâu ngày từ xưa mà nay thể chế không còn.

Nay mục đồng mỗi lần chẵn trâu ngoài đồng tụ tập lại hát mấy khúc này, cho nên chép lại để xin hỏi các bậc quân-tử.

CHƯƠNG 21

**Con cóc nằm nép bờ ao
Lăm-le lại muốn hấp sao trên trời.**

Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Đỗ-Thích lúc đầu làm chức lại ở Đồng-quan, ban đêm nằm trên cầu, chợt chiêm bao thấy sao băng rơi vào miệng, [36a] tự cho là điềm lành, mới âm thầm mưu toan chi khác.

Niên-hiệu Thái-bình thứ 10 (979) đời vua Đinh Tiên-hoàng, Đỗ-Thích làm chức Chi-hậu nội nhân ở trong cung, thừa lúc Vua sau buổi dạ-yến say rượu nằm ở trong sân, bèn giết Vua và Nam-Việt vương Liên.

Tin thi vua phát ra, quân binh vây bắt nghịch tặc

rất gấp. Đỗ-Thích lén nằm trốn ở máng sôi trong cung, qua ba ngày quá khát nước, lại gặp lúc trời mưa, bèn đưa tay ra bụm nước uống. Cung-nữ trông thấy cáo với Định Quốc-công Nguyễn-Bạc. Đỗ-Thích bị bắt và bị chém đầu, thân thể bị xắt nhỏ từng miếng, người trong nước tranh nhau ăn.

Lúc ấy có lời sấm rằng :

*Đỗ-Thích thí Đinh Đinh.
Lê gia xuất Thánh minh.
Cạnh đầu đa hoạn nhi.
Đạo lộ tuyệt nhân hành.*

Nghĩa là :

Đỗ-Thích giết Đinh Tiên-hoàng và Đinh-Liễn.

Nhà họ Lê (Lê-Hoàn) làm Thánh chúa.

Nhiều đũa phản nghịch tranh nhau (ý nói các đại thần là Đinh-Điền Nguyễn-Bạc chống nhau với Lê-Hoàn).

Đường lộ không có người đi, (ý nói nghe tin quân nhà Tống sắp tràn sang xâm chiếm nước ta, nhân dân tản cư, đường xá vắng lặng).

Người ta tin đó là số trời đã định.

Câu phong-dao này trách hạng bầy tôi ôm lòng phản nghịch. Con cóc chỉ Đỗ-Thích. Bờ [36b] ao chỉ cái máng sôi trong cung.

Sao sa vào miệng là việc ngẫu nhiên. Đổ-Thích lại nhân đó không đoái đến danh phận mình, dám làm việc thí nghịch để cuối cùng phải bị bắt.

Chi-hậu Đổ-Thích cũng là con ếch ở đáy giếng nhìn trời bằng vung đầy thôi.

CHƯƠNG 22

**Nước trong khe suối chảy ra,
Mình chê ta đục, mình đà trong chưa ?**

Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Thời nhà Đinh, Thiếu-đế lên ngôi mới sáu tuổi. Lê-Hoàn (tức Lê Đại-Hành) người ở Ái-châu (Thanh-hóa) làm chức Thập đạo Tướng-quân giữ việc nhiếp chính, làm công việc của Chu-công giúp ấu chúa. tự xưng là Phó-vương.

Bọn Nguyễn-Bặc và Đinh-Điền nghi Lê-Hoàn sẽ không có lợi cho Thiếu-đế, bèn dấy binh đánh Lê-Hoàn mà không thắng được.

Về sau hai người lại đem chiến thuyền ra đánh. Lê-Hoàn nhân thuận gió phóng hỏa đốt [38a] chiến thuyền của hai

người, chém Đinh-Điền giữa trận, bắt Nguyễn-Bặc đóng cũi đưa về kinh-đô và trách mắng rằng : «Tiên-đế bị nạn, thánh-thần còn phần-nộ. Người là kẻ bề tôi lại thừa lúc rối loạn tang-biến bội nghĩa dấy binh. Chức phận của kẻ bề tôi hẳn là như thế hay sao ? » Nói rồi liền cho chém Nguyễn-Bặc.

Đúng lúc ấy nhà Tống sai bọn Hầu-Nhân-Bảo sang xâm-lãng nước ta. Dương Thái-hậu sai Lê-Hoàn tuyển dũng-sĩ để chống cự.

Đại-tướng Phạm-Cự-Lượng xướng mưu đem Lê-Hoàn lên làm Thiên-tử rồi sau mới xuất quân. Binh-sĩ đều hưởng-ứng tung-hô vạn-tuế.

Thái-hậu thấy lòng dân đã mến-phục, liền sai lấy áo long còn khoác lên mình Lê-Hoàn. Lê-Hoàn lên ngôi Hoàng-đế.

Câu phong-dao này châm-biếm Lê-Hoàn được nước làm vua một cách không chính-đáng.

Mình chỉ Lê-Hoàn. *Ta* chỉ Nguyễn-Bặc.

Lê Đại-Hành mới đầu lấy phận làm tôi trách [38b] Nguyễn-Bặc rồi cuối cùng dùng quân sĩ mưu lên ngôi thay-thế nhà Đinh. Nói mọi người đều dục, riêng một mình ta trong, há rằng như thế sao ?

Kính đọc sách *Ngự-chế Việt-sử tổng-vịnh tập* có câu

*Nhất triều long còn gia thân thượng,
Dục thảo Đinh-Điền hạp tự quan.*

Nghĩa là :

Một mai áo long còn mặc vào mình,
Muốn đánh Đinh-Điền hãy xét mình,

Một chữ chê trách thật nặng-nề hơn búa rìu !

Từ Đinh Tiên-hoàng đến Đinh Thiếu-đế cộng được 6
chương.



CHƯƠNG 23

**Lâm râm khấn vái Phật Trời,
Xin cho cha mẹ sống đời nuôi con.**

[39a] Thơ phong-sử này thuộc phú.

Mẹ của Lê Đại-Hành họ Đặng lúc mới thọ thai, chiêm bao thấy trong bụng sinh ra hoa sen, chốc lát thì kết hột, bà liền lấy hột chia cho mọi người, còn mình thì không ăn.

Đến khi sinh nở, bà Đặng thị thấy Lê-Hoàn có dáng khác thường, liền nói với người ta rằng: "Lúc trước tôi nằm mộng thấy trong bụng sinh hoa sen, đó là điềm sinh con quý, nhưng có hột mà không ăn, thì khi đứa trẻ này trưởng-thành, tôi sợ sẽ không được hưởng lộc của nó."

Câu phong-dao này ý nói muốn kịp thấy con trưởng-thành,

Mẹ của Đinh Tiên-hoàng là bà họ Đàm nuôi con ở Sơn-dộng mà Đinh Tiên-hoàng thành bậc anh-quân định quốc-đô ở Hoa-lư.

Mẹ của Lý Thái-tổ là bà họ Phạm nuôi con ở chùa Tiêu-sơn (ở huyện An-phong phủ Từ-sơn) mà Lý thái-tổ thành bậc lịnh chúa ở làng Cổ-pháp đã lập thành cơ-nghiệp.

Vinh-hiến thân mình đề lấy đến cha mẹ, sau trước được rạng-rỡ ở [39b] sử sách.

Như nay mộng ấy là mộng gì ? Điềm-phúc quả là như thế ! Lộc hoa báo đáp là thế nào ?

Về sau khi Lê Đại-Hành lên ngôi Hoàng-đế, bà Đặng thị sớm đã từ-trần. Giấc mộng thật không sai.



CHƯƠNG 24

Con ai đem bỏ chùa này ? Nam Mô Di Phật, con thầy thầy nuôi.

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Bắc-ninh có chùa Tiêu-sơn là một đại danh lam (cảnh chùa có danh tiếng nhất). Sư ông Lý-Khánh-Văn ở đấy tu-hành. Bên chùa có một trai phòng (phòng đọc sách) thường dành cho khách hành-hương ở trọ.

Lúc ấy [40a] mẹ của Lý Thái-tổ bà họ Phạm, thường đi chơi ở chùa Tiêu-sơn, nằm mộng thấy giao hợp với thần-nhân mà thụ thai. Ngày tháng 2 năm giáp-tuất (974) nhằm niên-hiệu Thái-bình thứ 5 nhà Đinh, bà sinh ra Lý Thái-tổ. Lúc vua mới sinh ra, bà Phạm thị liền bồng con đem đến chùa Tiêu-sơn. Sư ông Lý-Khánh-Văn nuôi Ngài làm con.

Ngài nhỏ bé mà thông-minh, tư chất thanh-tú lạ thường, lúc trẻ theo học với Sư Lục tổ. Sư Vạn-Hạnh thấy Ngài hiền quý-trọng.

Khi lớn lên, Ngài làm quan cho nhà Tiền-Lê, lắm lần thăng quan đến chức Điện tiền Chỉ-nuy sứ.

Vua Lê Ngọa-triều băng, Ngài tự-lập làm vua (1) đặt niên-hiệu là Thuận-thiên, đóng đô ở Thăng-long.

Lý-Công-Uần sinh ra thì sư Lý-Khánh-Văn nuôi-dưỡng. Lý-Công-Uần nên cơ-nghiệp thì sư Vạn-Hạnh tạo thành.

Nam-Mô-A-Di-Đà-Phật đã từng chứng-minh công-dức (đối với nhà Lý) hay chăng ?

(1) Lý-Công-Uần không phải tự-lập làm vua. Lúc bấy giờ lòng người oán hận vua Lê Long-Đĩnh tàn bạo. Đề thuận lòng dân, Đào Cam-Mộc và sư Vạn-Hạnh mới tôn Lý-Công-Uần lên ngôi.

[40b]

CHƯƠNG 25

**Ta trong cây khê ta ra.
Mình còn cạnh khê chi ta hỏi mình ?**

Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Trong triều thời vua Lê Ngọa-triều, Lý-Công-Uần làm chức Điện-tiền Chỉ-huy sứ. Lúc ấy sấm-sét đánh tét cây mội miên, trong ruột cây có cầu sấm :

*Thụ căn yều yều
Mội biểu thanh thanh.
Hòa đao mội lạc,
Thập bát tử thành.
Đông a nhập địa.
Dị mội tái sinh.
Chấn cung xuất nhật.
Đoài cung ần tinh.
Lục thất niên gian,
Thiên-hạ thái-bình.*

Dịch nghĩa

*Gốc cây sâu tối,
Lá cây xanh xanh.*

Nhà Lê (chữ hòa 禾 chữ đao 丩 chữ mộc 木 hợp lại thành chữ Lê 黎) rụng mất.

Nhà Lý (chữ thập 十 chữ bát 八 chữ tử 子 hợp lại thành chữ Lý 李) thành Thiên-tử.

Nhà Trần (chữ đông 東 chữ a 阿 hợp lại thành chữ Trần 陳) vào làm vua trong nước.

Cây khác lại mọc lên, chỉ nhà Hậu Lê lên làm vua.

Cung chấn (phương đông thuộc mộc là cỏ cây, tức chữ 艸 莽) mọc mặt trời (tức chữ nhật 日), nói nhà Mạc 莫 nổi lên.

Cung đoài là phương Tây 西 ngôi sao ần, chỉ nhà Tây-sơn nổi lên.

Trong khoảng sáu bảy năm, chỉ nhà Nguyễn (chữ lục 六 và cỏ văn chữ thất 卅 hợp lại, thành giống như chữ Nguyễn 阮) thì thiên-hạ thái-bình.

Sư Vạn-Hạnh bàn luận riêng với Lý-Công-Uần : «Gần đây suy-xét lời sấm thì thấy họ Lý phải nổi lên làm vua.»

Vua Lê Ngọa-triều nghe được tin ấy, một hôm ăn trái khế, trong ruột thấy có hạt lý, biết rằng họ Lý sẽ nổi lên làm vua, [41a] mới sai người đi tìm kẻ nào họ Lý thì giết đi.

Còn Lý-Công-Uần ngày ngày thường ở một bên Vua mà

Vua không biết. Cho nên, người đương thời mới đặt câu phong-dao này để chế nhạo.

Nói lý và khế khác loài nhau, nhưng hột lý lại ở trong ruột trái khế sinh ra thật không thể liệu dò mà hiểu được. Đó là Trời muốn như thế vậy. Tuy nhiên rút trái và nhều gốc (cây lý) cũng không làm sao được, há lại như thế chẳng?

CHƯƠNG 26

Tu đâu cho bằng tu nhà ? Thờ cha kính mẹ mới là chân tu.

Thơ phong-sử này thuộc phú, chế cười đạo Phật mê hoặc lòng người.

Nước ta từ khi vua Đinh Tiên-hoàng cho Tăng-thống [41b] Ngô-Châu-Lưu làm Khuông-Việt Đại sư, Trương-Ma-Ni làm Tăng-Lục Đạo-sĩ, thì Phật giáo khởi đầu bành trướng.

Lý Thái-tổ phát tiền vàng dựng chùa ở phủ Thiên-đức tại kinh-đô Thăng-long, tất cả 24 ngôi, xin nhà Tống kinh Tam-Tạng, lập giới-trường ở chùa Vạn-tuế.

Vua Lý Thái-tông dựng 950 cảnh chùa, vẽ tượng Phật hơn ngàn bức, làm bảo phạn (cờ nhà Phật) hơn vạn lá.

Vua Lý Thánh-tông dựng chùa Sùng-khánh nơi tháp Báo-thiên (phường Báo-thiên ở Thọ-xương), làm 12 tầng, cao mấy mươi trượng. Vua lại phát cho đồng một vạn hai ngàn cân để đúc chuông.

Vua Lý Nhân-tông sắp đặt những danh lam trong nước làm ba hạng : đại, trung, tiểu, và cấp ruộng Tam-bảo cho nhà chùa.

Vua Trần Thái-tông ra lệnh cho nhân dân làm tượng Phật, đúc chuông đồng ở các nhà trạm dịch-dinh. Vua lại lấy [42a] tam-giáo (Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo) cho thi. Lúc bấy giờ cơ hồ nhà nhà đều thờ Phật, chốn chốn đều tu hành. Người hiểu biết mới đặt câu hát này để làm tiếng chuông cảnh tỉnh người đời.

Sứ thần Lê-Tung có nói : «nhà Lý thờ Phật rất kính-cẩn, nhưng con cháu nhà Lý bị Trần-Thủ-Độ hung-ác gian-hiểm giết mà Phật không cứu, nhà Trần thờ Phật rất dốc lòng, nhưng Tông-thất nhà Trần bị Hồ-Quý-Lý gian tà giết mà Phật không độ, thế thì thờ Phật có ích gì?»

Theo sách *Văn-đài loại ngữ*, chùa Diên-hựu ở phía tây đô-thành Thăng-long, trong niên-hiệu Long-phù thứ 1 (1101) được vua Nhân-tông nhà Lý trùng-tu, chỉ có một cột.

Bài văn bia ở tháp chùa ấy chép rằng :

«*Hướng về 2 khu vườn cấm trừ danh, mở ngôi chùa Diên- [42b] hựu, đào ao vuông Linh-chiều, trong ao nổi lên một trụ đá, trên trụ đá nở ra một hoa sen ngàn cánh, trên hoa có Phật điện, trong điện có tượng Phật*

ngồi thếp vàng. Ngoài ao có hành lang sơn vẽ đẹp để vẩy bột, ngoài hành lang có ao nước trong xanh có cầu bắc ngang để lưu thông. Trước cầu có xây cái sân, hai bên sân có tháp Phật lợp bằng ngói pha-ly. Ngày mùng một tháng âm-lịch nhà Vua ngồi xe ngọc-liễn, mở hội chay thanh-khiết, bày hương hoa và nghi lễ cầu đảo cho phúc nhà Lý được kéo dài, và bày bòn chậu để làm lễ tẩm Phật ».

Thì việc trọng đạo Phật của đương thời (là thế nào chúng ta) có thể biết được.

CHƯƠNG 27

[43a] **Nực cười châu chấu chổng xe,
Tưởng rằng chấu ngựa, ai dè xe nghiêng !**

Thơ phong-sử này thuộc tỷ. *Châu-chấu* ở đây nói con bộ ngựa, con ngựa trời.

Đồng thời với vua Lý Nhân-tông, Vương-An-Thạch nhà Tống bên Tàu đương quyền thích cầu chiến-công ở biên-giới, chuyên ý đánh phá quấy-nhiều. Lưu-Di lại cầm châu huyện không được trao đổi buôn bán với người nước Nam để gợi mối binh đao. Trong niên-hiệu Thái-ninh thứ 4 (1075) vua Lý Nhân-tông sai nhóm Lý-Thường-Kiệt và Tôn-Đản lãnh quân chia đường tiến vào đánh phá nhà Tống.

Lý-Thường-Kiệt công hãm châu Khâm châu Liêm (thuộc tỉnh Quảng-đông). Tôn-Đản vây châu Ung, Tô-Giam giữ thành cố-thủ. Tôn-Đản đánh phá hơn 40 ngày, bèn chất bao đất cao lên thành mà tiến lên. Thành bị hãm. Lý-Thường-

Kiệt bắt dân trong ba châu làm tù binh rồi trở về, lại thừa thắng bảo rằng : «Vi nhà Tống thi hành phép *Thanh miếu* (1) hại dân, cho nên nước ta phải dấy binh sang cứu».

Vương-An-Thạch cho Quách- [43b] Quý làm Tổng-cửu Tướng-quân, hện với nước Chiêm-thành và nước Chân-lạp sang xâm chiếm nước ta.

Vua Lý Nhân-tông sai Lý-Thường-Kiệt ra chống ngăn quân Tống ở sông Như-nguyệt (ở hai huyện Đông-ngạn và Tiên-du). Lý-Thường-Kiệt ban đêm nghe ở miếu thần có tiếng ngậm :

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
 Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
 Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm ?
 Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*

南	國	山	河	南	帝	居
截	然	定	分	在	天	書
如	何	逆	虜	來	侵	犯
如	等	行	看	取	敗	虛

(1) *Phép thanh miếu* là khi lúa còn xanh thì nhà nước cho nhà nông vay tiền, đến khi lúa chín thì nhà nông phải trả vốn và lời cho nhà nước.

Dịch nghĩa

Núi sông nước Nam thì vua Nam ở,
 Hẳn nhiên đã định số phận ở sách Trời.
 Làm sao mà quân nghịch chúng bày lại sang xâm phạm ?
 Chúng bày sẽ thấy chúng bày lãnh lấy thất bại mà thôi.

Thế rồi quả nhiên quân Tống bị thua. Quách-Quý lại dẫn binh tiến về phía Tây đến sông Phú-lương (tức sông Nhĩ ở phía tả thành Đại-La). Quân ta cỡi thuyền nghinh chiến. Quân Tống qua sông không được, mới thẳng đường đánh lấy những châu Quảng-nguyên, Tư-lang, Tô, Mậu, Quang-lang rồi rút quân về.

Vua Lý Nhân-tông sai Đào-Tôn-Nguyên đem voi đã thuần sang tặng nhà Tống để xin trả lại những châu huyện bị mất và những người bị bắt.

Nhà Tống hẹn phải trả những người Tàu bị bắt ở ba châu Khâm, Liêm và Ung mới chịu thuận cho điều xin.

[44a] Lý Nhân-tông trả hơn 200 người Tàu về nước. Nhà Tống hẹn giảng-hòa nhưng còn giữ châu Quảng-nguyên.

Vua Lý Nhân-tông cho rằng cương-giới chưa được định yên, mới sai Lê-Văn-Thịnh sang nhà Tống hội-ngị. Nhà Tống mới trả 6 huyện và 2 động cho nước ta.

Lúc ấy bề tôi có câu thơ :

*Nhân tham Giao-chủ tượng,
 Khước thất Quảng-nguyên kim.*

Dịch nghĩa

Vì tham voi của nước Giao-Chỉ.

Mà mất vàng ở châu Quảng-nguyên (châu Quảng-nguyên sản-xuất nhiều vàng).

Người trong nước nhớ công của Lý-Thường-Kiệt đánh nhà Tống mới kể lại việc ấy mà hát :

Nực cười châu-chấu chống xe,

Tướng là chấu ngựa, ai dè xe nghiêng !

Nói đương lúc nhà Tống toàn thịnh, lãnh thổ hàng vạn dặm, quân sĩ hàng trăm muôn, thì có con chim bé nào dám kêu chi-chóc với con chim tin-thiên ông (loài chim biển rất to, có sức bay rất mạnh không sợ gió bão đâu?) Vậy mà Lý-Thường-Kiệt ở nước nhỏ bé miền nhiệt-đới dám đánh phá nhà Tống, chẳng gần như là lấy bé đổi to, lấy yếu đánh mạnh hay sao ?

Không ngờ một lần đem quân côi (không có quân tiếp-viên) đi đánh, hai lần xâm phạm đất nhà Tống, tướng lãnh nước Nam thật uy-phong hùng-hổ, còn nhà Tống khi lâm-sự thì nhụt-tài, như con [44b] thạch-thử (1) chạy dến sông, tài-

(1) *Thạch thử*, một loài chuột bay được mà không bay quá khỏi nhà, leo được mà không leo tốt một cây, lội được nhưng không lội vượt qua khe, đào hang được nhưng không giấu mình nổi, chạy được nhưng không chạy khỏi người ta.

năng cùng kiệt không lợi vượt qua được. Có khác gì con bộ ngựa đưa cày ra chống xe, nó không bị hại mà chiếc xe phải đổ úp.

Hùng-tráng thay Lý Tướng-quân ! Trưng-truyền Lý-Thường-Kiệt đã lập đệ nhất chiến-công cho nước Nam ta.



CHƯƠNG 28

**Tới đây hỏi khách tương phùng :
Chim chi một cánh bay cùng nước non ?**

Thơ phong-sử này thuộc phú mà tỷ.

Khách, khách buôn. *Cánh*, cánh chim. *Một cánh*, mớ đũa chỉ cánh buồm của ghe thuyền.

Nước Việt ta ở vào miền ôn-đới, ven theo phía nam Đông-dương. Từ nhà Đinh trở về trước, việc buôn bán chưa được hưng-khởi, đường hàng hải chưa [45a] mở-mang

Đến thời vua Lý Anh-tông, những thuyền buôn của những nước Xiêm-la Qua-oa phần nhiều tụ tập ở Hải-đông. Nhà Lý bèn lập những thương trang ở hải-đảo cho họ ở, gọi là trang Vân-đồn (tại tỉnh Quảng-yên). Đó là bước khởi đầu thông thương của các nước với nước ta.

Trong thời nhà Trần thuyền buôn của các nước phần nhiều tụ tập ở Vân-đồn. Vua Trần Dụ-tông đặt ra chức Sát-hải-sứ để trấn giữ đất ấy. Từ đấy giới doanh-thương mới được bảo-hộ và đường hàng hải lần lần được lưu-thông.

Bồn triều nhà Nguyễn kinh-lý nước Chân-lạp, mở-mang đất Nam-kỳ, cho người nhà Minh (Minh-hương) ở vùng Đông-phố, thiết lập phường-xá để gọi thuyền buôn của nhà Thanh (Trung-quốc) Chà-va (Java) Nhật-bồn và các nước Âu-châu tụ tập lại ở đấy. Phong-trào thương-mại đã bành-trướng ở vùng biển Nam vậy.

Câu phong-dao này lấy cánh chim ví với cánh-buồm [45b] của ghe thuyền. Nói hàng-hải không có chốn xa-xôi nào mà không đi đến. Các nước Đông và Tây càng trọng Thương-học (môn học về thương-mại) mà mỗi lợi càng do ở đường hàng-hải xuất dương. Đường hàng-hải qua lại không dứt thì đường thu lợi hanh thông.

Nay xem hai thành-phố lớn là Hà-nội và Hải-phòng của Bắc-kỳ và Đà-nẵng của Trung-kỳ cùng Chợ-lớn và Cap Saint Jacques của Nam-kỳ, đó là những trung-tâm của trường mậu-dịch vậy.

Hàng-hóa xuất-cảng lần lần tăng nhiều. Có những công-ty tổ-chức tàu chạy bằng động cơ, chế-tạo những thuyền chạy bằng động-cơ để đem bán ở chợ nơi bến tàu. Há chẳng là một quyền-lợi to-tát chiếm được cùng các nước hay sao? Đó là điều trông cậy vào chính-sách mới về lý-tài vậy.

**Dầu ai sang cả mặc ai,
Thân này nước chảy hoa trôi xá gì !**

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Lý Thái-tông trong niên-hiệu Minh-đạo thứ 3 (1043) thân chinh đánh nước Chiêm-thành, bắt được vua Chiêm-thành là Sạ-Đầu và giết đi, đem quân vào thành Phật-thệ, bắt thê-thiếp của Sạ-Đầu và những cung-nữ nào hát hay điệu Tây thiên khúc.

Lý Thái-tông trở về đến hành-điện Ly-nhân (nay đổi là Lý-nhân), sai cung-nữ của vua Chiêm (bị bắt đem về theo) với vợ của Sạ-Đầu là nàng My-Ê sang hầu bên thuyền ngự. My-Ê từ chối rằng : «Đàn-bà quê-mùa vợ của kẻ man-rợ đâu có giống trang nữ-lưu đài-các quý-tộc (họ Cơ họ Khương). Nước tan chồng mất tự cam một cái chết !»

Nàng liền lấy mền lông cừu quấn vào người rồi nhảy xuống sông mà chết.

Vua Thái-tông khen nàng trinh-tiết, phong làm Hiệp-chính [46b] Hựu-thiện phu-nhân.

Về sau nhân dân địa-phương thường nghe ở bên bờ trong ban đêm có tiếng khóc mới lập đền thờ nàng.

Câu phong-dao này khen nàng My-Ê trung-thành và trinh-tiết.

Ai, chỉ vua Lý Thái-tông.

Phu-nhân lấy tư-cách một người đàn-bà què-mùa vợ của kẻ man-rợ lại có thể chỉ lấy một chồng đến trọn cuộc đời để trọn đạo làm vợ. Người liệt-nữ không lấy hai chồng, thì ở nàng My-Ê đã thấy được cái hạnh ấy.

Còn kẻ bề tôi nào thờ hai chúa, có phải là đáng tội với nàng My-Ê chăng !

CHƯƠNG 30

**Mở mang, mang chạy lên rừng,
Ta hay mang chạy, ta đừng mở mang.**

Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Mang, chỉ Nùng-Tri-Cao. *Ta*, chỉ vua nhà Lý.

Nùng-Tri-Cao, người ở châu Thạch-an, là con của Thủ-lãnh Nùng-Tồn-Phúc ở Đàng-[47a] do.

Nùng-Tồn-Phúc chiếm cứ châu Quảng-nguyên không chịu dâng cống cho triều-đình. Lý Thái-tông thân-chính đánh bắt được Tồn-Phúc đem về.

Nùng-Tri-Cao trốn ở nơi sơn động, lại do sơn-dộng ở Lôi-châu tiến quân ra chiếm-cử Đàng-do, đòi gọi châu ấy là nước Đại-lịch.

Lý Thái-tông sai tướng đi đánh bắt được Nùng-Tri-Cao đem về kinh-đô, thương xót hẳn, vì cha và anh hẳn đã bị giết cả, bèn trao hẳn chức châu-mục ở Quảng-nguyên và đem động Lôi-hỏa với châu Tư-lang cho hẳn nữa.

Nùng-Tri-Cao lại chiếm cứ động Vật-ác làm phản nữa, tiếm xưng là nước Đại-Nam, Vua Thái-tông sai Quách-Thịnh-Dật đem quân đi đánh mà không thắng.

Nhân có người nhà Tống là Nha-Bân, Nùng-Tri-Cao xin nội-thuộc nhà Tống để chống lại nước ta. Nhà Tống mời hòa với nước ta, nên không nhận.

Nùng-Tri-Cao mưu-tính đoạt lấy đất Ung đất Quảng-đông để tự làm vua, [47b] đem quân đánh Ung-châu, tiếm xưng Hoàng-đế, đổi niên-hiệu là Khải-lich, xua quân đánh lấy 8 châu : Hoành-châu, Quý-châu, Đằng-châu, Ngô-châu, Khang-châu, Đoan-châu, Cung-châu và Tầm-châu, rồi tiến quân vây Quảng-châu.

Bọn tướng nhà Tống là Dư-Tĩnh đánh mãi không thành-công. Nhà Tống sai Địch-Thanh đem quân đánh dẹp.

Địch-Thanh họp với quân Dư-Tĩnh đem binh qua Côn-lôn quan. Nùng-Tri-Cao thua chạy về Đại-lý.

Dư-Tĩnh mộ quân cảm-tử vào Đại-lý tìm và chém được Nùng-Tri-Cao, đóng hòm cái đầu của hẳn đưa về kinh-đô nhà Tống.

Câu phong - dao này chê vua nhà Lý dung dưỡng quân giặc. Nói Nùng-Tri-Cao hoành-hành phản-ngịch như con mang chạy bậy vậy, mà vua Lý Thái-tông tha tội,

lại trao cho chức quan và cho thêm đất nữa, khiến hẳn được thế dựng nước xưng hoàng-đế, một lần cử sự thì tung-hoành dậy trời, có khắc chi thả con mang chạy vào rừng [48a] khiến nó thành hung dữ.

Nhà vua nên phá cái chuồng Quy-điền (Tục-truyền Nam-Việt có 4 vật quý: 1 — Tháp Báo-thiên 2 — Phật Quỳnh-Lâm 3 — Đỉnh Phổ-Minh 4 — Chuồng Quy-Điền) mà đúc một chữ *ngộ* là lằm cho to vậy.

CHƯƠNG 31

**Tiếc thay cây quế giữa rừng,
Để cho thằng Mán thằng Mèo nó leo !**

Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Quế là cây ngọc-quế. *Mán*, *Mèo* là những bộ lạc người thượng ở Bắc-kỳ.

Triều nhà Lý, đi kinh-lý miền Thượng-du, cho những tù-trưởng các phiên-trấn làm thủ-lãnh coi việc binh dân, nhưng lại lo ngại khó chế-ngự được họ, mới mượn việc hôn-nhân mà ràng buộc họ.

Trong đầu thời vua Lý Thái-tông, Công-chúa Bình-Dương gả cho Tù-Trưởng Lạng-châu là Thân-Thiệu-Thái, Công-chúa Kim-Thành gả cho Tù-Trưởng Phong-[48b] châu là Lê-Ninh-Thuận, Công-chúa Trường-Ninh gả cho Tù-Trưởng Thượng-oai là Hà-Thiện-Khoan.

Trong thời vua Lý Nhân-tông, Công-chúa Khâm-Thánh gả cho Tù-trưởng Vị-Long là Hà-Di-Khánh.

Trong thời vua Lý Anh-tông, Công-chúa Thiều-Dung gả cho Tù-trưởng Phú-lương là Dương-Tự-Minh.

Đó là mưu kế dùng mỹ-nhân để chống chế các tù-trưởng người Mán vậy.

Nhưng dường dường triều-đình nhà Lý há lại không có phương-lược có thể chế ngự những tù-trưởng người Mán hay sao, lại phải dùng những trang nữ-nhi cành vàng lá ngọc yêu-điệu thướt-tha để trấn yên biên-cảnh ?

Chiếc xe hòm đưa Công-chúa cung kính hòa-thuận lên miền Thượng-du, nhân-dân trong nước đều trông thấy, họ không xiết buồn thương cho nàng, cho nên lấy cây đan-quế mà vi sánh.

Nói Công-chúa của Hoàng-gia như cây đan-quế trong rừng vậy chăng ? Công-chúa mà gả cho tù-trưởng Mán cũng như cây đan-quế để cho thằng Mán trèo leo vậy chăng ? Thật là đáng tiếc !

[49a]

CHƯƠNG 32

Trời mưa trời gió long bong,
Cha con ông Sùng đi gánh phân trâu,
Đem về trồng bí trồng bầu,
Trồng hoa trồng quả trồng trầu trồng cau.

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Đây là phép làm ruộng vườn của nhà nông.

Nước Nam ta vốn là dòng-dõi của vua Thần-Nông, nhưng thời xưa có Lạc-diên tùy theo thủy-triều lên xuống khai-khẩn mà thôi. Sĩ-vương Nhâm-Diên đến phương Nam dạy dân nghề làm ruộng trồng dâu.

Đến triều nhà Lý, nhà vua thân ra cày ở Tịch-diên, dạy dân lấy nghề nông làm bản nghiệp, cho nên nghề nông bắt đầu phát-đạt.

Nhưng môn học bón đất chưa hưng-thịnh. Ông Sùng này không biết là [49b] người đời nào, ý chừng cũng là giới nhà làm ruộng vườn, đã đem cái học bón đất ra làm ăn mà được giàu có, tuy trời mưa gió cũng không bỏ công việc của nghề mình.

Nhà thơ xem công-việc ấy là hèn-hạ cho nên mới đem ra mà nói, gọi ông là Sùng để sánh với Thạch-Sùng đời nhà Tấn, mà không biết phép bón đất ngày nay vốn thật do ông Sùng này bày ra cho chúng ta trước nhất.

Gần đây nhân-dân ở miền biển xét thấy phân cá bón ruộng thì có lợi bội phần.

Nay có người sống gần núi tìm được chất phân đá đem bón ruộng thì có lợi hơn phân cá bội phần.

Ven theo miền núi có những hòn đá dựng lên, Chỗ đá hao mòn phần nhiều có thứ phân thạch-cao gọi là phân liên, chất chứa nhiều năm thành khối. Người ta vào đấy mà lấy, mỗi gánh phân ấy có thể bón được một sào ruộng, khí lực của phân ấy [50a] đủ dùng trong hai năm.

Cây lúa hấp-thụ chất phân ấy có lợi hơn dùng phân trâu hay phân cá bón ruộng bội phần. Đó là điều mà nhà nông chưa biết được nhiều.

Do đó mà biết rằng vật-chất tiềm-tàng của tạo-hóa phát lộ ra theo thời kỳ. Ruộng đất gần núi gần biển phần nhiều cần-cỡ nhiều đá sỏi, thì lại sinh ra chất phân cá, phân đá có lợi cho dân dùng bón đất. Nhà làm ruộng, nhà làm vườn phải biết điều đó.

Phép bón đất vốn do hóa-học mà ra, phải trông cậy vào nhà làm ăn có sức, thì ông Sùng này người ta có thể bàn luận một cách rõ-ràng hay sao?

Sách *Tề dân yếu thuật* chép rằng : Phép đon ruộng cho tốt dùng đậu xanh hay hơn hết, thứ tiêu-đậu kém hơn, thứ hồ-ma (mè) kém hơn nữa.

Theo phép ấy, tháng 5 tháng 6 thì gieo trồng, tháng 7 tháng 8 thì cây úp cho cây đậu chết đi, sang xuân trồng lúa thì một mẫu ruộng [50b] có thể thu thêm 10 thạch lúa. Bón đất bằng cách này cũng tốt như phân tằm và phân chim.

Lại nữa, cát trắng cát vàng có thể giúp đất rắn chắc được bở ra, đất khô ở ao bùn lầy có thể giúp ruộng cấy được màu-mỡ.

Đó là những điều mà nhà nông nghèo-khó cần phải học cho gấp, cho nên chép ra đây đề khảo-cứu được đầy đủ.

CHƯƠNG 33

**Hoa thơm thơm lạ thơm lòng,
Thơm cây, thơm cội, người trồng cũng thơm.**

Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Lý Huệ-tông lúc chưa lên ngôi đi đến xóm nhà họ Lưu ở ấp ven biển, thấy con gái của ông chài Trần-Lý có sắc đẹp, bèn cưới làm vợ, đến khi lên ngôi báu, liền sai đem thuyền rồng đến rước nàng họ Trần vào cung [51a] lập làm Nguyên-phi, cho người cậu của phi là Tô-Hoành-Từ làm Thái-úy và phong tước Thuận lưu bá, cho người anh của phi là Trần-Tự-khánh làm Chương-tín hầu. Họ Trần chợt một lúc được quý hiển vô song, cho nên người ta lấy hoa và ví sánh.

Nói trăm thứ hoa hễ có hương thì không có sắc, hễ có sắc thì không có hương.

Còn hoa này thì hương và sắc đều tuyệt-diệu.

Phải chăng yêu hoa thì yêu đến rễ hoa, yêu đến gốc hoa và yêu đến người trồng hoa nữa, là yêu đến cùng cực vậy?

Nhưng hoa đẹp thì nghiêng nước từ xưa vẫn như thế.

Câu phong dao này có ý cười chê vua Lý Huệ-tông yêu đắm-đuối mà không sáng-suốt.

Họ Lý không còn làm vua cúng tế xã-tắc nữa đúng là do danh hoa này được trồng lên vậy!

**Một ngày dựa mạn thuyền rồng
Còn hơn muôn kiếp ở trong thuyền chài.**

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Thuyền của vua chúa dùng đều có vẽ hình con rồng và vẽ hình chim nghich (1) ở đầu mũi. Hoài-Nam-Tử nói: "*long-chu nghich thủ*" (Thuyền rồng có vẽ con chim nghich ở đầu mũi). Bài Đăng-vương phú có câu: "*Cả hạm mé tân, thanh tước hoàng long chi trục*" (Thuyền tâu lạc bến, những chiếc thuyền có vẽ hình chim sẻ xanh và rồng vàng lướt tới). Đây là nói thuyền ngự của vua.

(1) Chim nghich lông xanh trắng, bay rất giỏi, không sợ gió, cho nên được người ta vẽ hình ở đầu mũi thuyền.

Trần Thái-tông lúc lên 8 tuổi làm chức Chi-ứng hầu Cục Chính-thủ trong triều nhà Lý, đi theo chú là Điện tiền Chỉ-huy sứ Trần-Thủ-Độ, được vào hầu-hạ trong cung.

Vua Lý Chiêu-hoàng thấy Ngài thì đẹp lòng, mỗi đêm thường gọi Ngài vào cùng đùa giỡn. Vua có khi kéo tóc Ngài, có khi đứng lên bóng Ngài.

Một hôm Ngài bưng bồn [52a] nước đứng hầu Vua. Vua Chiêu-hoàng rửa tay, lấy tay vốc nước tạt vào mặt Ngài. Ngài bưng khăn ăn trâu, Vua lấy khăn tay ném vào Ngài. Ngài vái tâu rằng :

— Bệ-hạ tha tội cho hạ thần không ? Hạ thần nguyện vâng mệnh.

Vua Lý Chiêu-hoàng cười nói :

— Tha tội cho.

Ngài trở về nói cho Trần Thủ-Độ biết.

Do đó mà bắt đầu có lòng đoạt ngôi nhà Lý.

Người ngoài nghe được việc đó cho nên có câu phong-dao này.

Nói là con nhà chài lưới mà được vào hầu-hạ ở cung điện chạm rồng (1) là được hạnh-phúc tốt bậc trong thiên-hạ.

(1) Không hợp với *thuyền rồng*

Câu này cũng chế cười vua Lý Chiêu-hoàng có nét xấu
đề cho gian thần lẩn thoát. Đây là việc lần lần đưa tới
sự chẳng lành như đi trên sương lạnh thì biết là giá
băng sẽ đến đấy ư ?

CHƯƠNG 35

[52b] Vì ai nên nổi sào này,
Chùa Tiên vắng-vẻ tó thầy xa nhau ?

Thơ phong sử này thuộc phú.

Trần Thái-tông được Lý Chiêu-hoàng nhường ngôi lên làm vua, cho Trần-Thủ-Độ làm Thái-sur, phế Lý Huệ-tông cho ở chùa Chân-giáo. (1)

Lý Huệ-tông bị phế thường ra chơi ở chợ Đông, nhân dân trăm họ tranh nhau đến xem, có người thương khóc.

Trần-Thủ-Độ sợ lòng người còn nhớ Vua cũ mà sinh biến, sai người gín-giữ Lý Huệ-tông nghiêm-nhặt.

(1) Chùa Chân-Giáo đâu phải chùa Tiên

Một hôm đi ngang trước chùa, thấy Huệ-Tông đang ngồi chồm-hồm nhở cỏ, Trần-Thủ-Độ bảo :

— Nhở thì phải nhở rễ sâu !

Huệ-Tông đáp :

— Điều người nói, ta hiểu rồi.

Rồi Thủ-Độ bức Lý Huệ-tông phải treo cổ mà chết ở chùa sau vườn, giáng Hoàng-hậu của Lý Huệ-tông làm Thiên-Cực Công-chúa rồi thu nạp làm vợ.

Tông thất nhà Lý do đó [53a] rầu rầu thất-vọng.

Câu phong-dao này chê nhà Trần không có lòng nhân hậu.

Ai, chỉ Trần-Thủ-Độ. Thầy, tức Lý Huệ-tông. Tớ, tức Hoàng-hậu của Lý Huệ-tông.

Đã lấy nước người lại còn giết vua là hành-vi của loài chó heo, Trần Thái-tông có thể gọi là người vô nhân đạo.

Về sau Trần Phế-đế (tức Trần Thuận-tông) và Nguyên-Quân (tức Trần Thiếu-đế) nối nhau bị thất cổ chết.

“Bày ra ở người thì trả về ở người”. lời nói của Tăng-Tử há lại không đáng tin hay sao ?

CHƯƠNG 36

**Trách người quân-tử bạc tình,
Chơi hoa rồi lại bẻ cành bán rao.**

Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Lúc chưa được vua Lý Chiêu-hoàng truyền ngôi, Trần-Cảnh tức (Trần Thái-tông) vào hầu-hạ trong cung. Lý Chiêu-hoàng thấy Ngài mà đẹp lòng, [53b] mỗi đêm thường gọi Ngài vào cười giỡn, có khi lấy khăn tay ném vào Ngài. Do đó Trần Thủ-Độ và Trần Hoàng-hậu (vợ của Lý Huệ-tông) có lòng mưu đồ chiếm đoạt ngôi nhà Lý.

Một hôm Trần-Thủ-Độ tuyên bố cho mọi người hay rằng :
“Bệ-hạ (vua Lý Chiêu-hoàng) đã có chồng rồi”.

Lý Chiêu-hoàng bèn nhường ngôi cho chồng.

Trần Thái-tông đã thay nhà Lý mà được thiên-hạ, phong Chiêu-hoàng làm Chiêu-Thánh Hoàng-hậu, rồi lại giáng Chiêu-Thánh Hoàng-hậu xuống làm Thiên-Cực Công-chúa đem gả cho Lê-Phụ-Trần.

Người trong nước chế cười việc ấy mà không dám nói thẳng ra, mới lấy hoa mà vi để chế cười.

Trọn đời nhà Trần có nhiều việc loạn đám, nói gì đến luân-thường nữa ?

Trên từ Lê Đại-Hành đến triều nhà Lý cộng được 14 chương.

CHƯƠNG 37

**[54a] Bận vàng lại gặp bận vàng.
Long lân quy phụng một đoàn tứ linh.**

Thơ phong-sử này thuộc *tỷ*.

Triều nhà Trần, Tông-thất nhà Trần cùng một họ lấy nhau.

Trần Thái-tông gả Lý Chiêu-hoàng cho Lê-Phụ-Trần rồi cưới người chị dâu (vợ của Trần Liễu, chị của Chiêu-hoàng) là bà Thuận-Thiên Công-chúa làm vợ, và giáng vợ của Lý Huệ-tông là Trần Hoàng-hậu xuống làm Công-chúa rồi đem gả cho người chú họ là Trần-Thủ-Độ.

Hoàng-hậu của Trần Thánh-tông là bà Thiên-Cấm lại là con gái của An-Sinh vương Trần-Liễu.

Hoàng-hậu của Trần Nhân-tông là bà Thuận-Thánh lại là con gái của Hưng-đạo vương.

(Thiên-Thành Công-chúa được vua hứa gả cho Trung-Thành vương, trong lễ thành hôn, Công chúa đã đến ở nhà cha chồng là Nhân-đạo vương.

Trần Quốc-Tuấn say mê sắc đẹp của Công-chúa, muốn đoạt lấy, dương đêm lẻ vào phòng Công-chúa mà thông-gian.

Thuy-Bà Công-chúa (cô của Trần-Quốc-Tuấn đã nuôi Quốc-Tuấn làm con) biết chuyện ấy, sợ sảy ra tai họa, lập tức đến gõ cửa cung mà tâu cho Vua biết, và xin Vua thương xót Trần-Quốc-Tuấn).

Cô của Trần-Quốc-Tuấn là Thuy-Bà Công-chúa đem 10 mâm sinh kim làm lễ cưới, Vua (bất đắc dĩ phải) thấu nạp (và gả Thiên-Thành Công-chúa cho Trần-Quốc-Tuấn).

Trải qua các triều nhà Trần, các bà Hoàng-hậu đều là thân-tộc họ hàng cả. Các Đại-thần trong Tông-thất nhà Trần cũng một họ trong Hoàng tộc lấy nhau.

Khi nắm chính-quyền, Trần-Quốc-Khang lấy con gái của nhà dân ở Diên-châu, vì thế mà con cháu không được bỏ chức quan ở kinh-đô.

Nguyễn-Phi-Khanh là [54b] kẻ nhà nghèo mà lấy người trong Hoàng-phái bị Vua xua đuổi không dùng. Vì nhà Trần được nước do Hoàng-hậu của Trần Thái-tông (là Bà Chiêu hoàng) nhường xã tắc nhà Lý cho, nhà Trần mới lập ra phép người đồng họ lấy nhau (để tránh việc chuyển nhường ngôi cho người khác họ) hầu dứt hậu hoạn.

Từ xưa đến nay việc cưới gả chưa có cái phong-hóa nhiều xấu hổ như thế.

Nhân-dân thấy việc ấy mà không dám nói thẳng ra, mới mượn vật mà mai-mĩa.

Nói cảnh vành lá ngọc cùng là người hoàng-tộc, mà kim vàng chỉ ngọc lại trở thành duyên Tần Tấn. Con của vị này, vợ của ông kia cùng là hoàng-tộc với nhau thì sao lại là chồng ? sao lại là vợ ? Long lân quy phụng là nói như vậy chẳng ?

CHƯƠNG 38

**[55a] Chim quỳên đào đất ăn trùn.
Anh hùng lữ vận lên nguồn đốt than.**

Câu phong-sử này thuộc hứng.

Quỳên là chim đở-quỳên do Thục-đế Đổ-Vũ hóa thành.
Anh-hùng chỉ Trần-Khánh-Dur.

Vua Trần Nhân-tông trong niên-hiệu Thiệu-bảo thứ 4 (1282) cho Nhân-huệ vương Trần-Khánh-Dur làm phó Đô-Tướng-quân.

Lúc đầu khi quân nhà Nguyên vào cướp phá, Trần-Khánh-Dur thừa lúc chúng sơ-hở, đánh úp được. Thượng-hoàng khen là người có trí lược và cho làm Thiên-tử Nghĩa-dũng. Về sau đánh giặc Sơn-Mán thắng to, Trần-Khánh-Dur được vua

trao cho chức Phiêu-ky Đại Tướng-quân, rồi về sau lần lần thăng cấp đến chức Tử-phục Thượng-vị hầu.

Sau khi được vua yêu quý, Trần-Khánh-Dur tư thông với Công-chúa Thiên-Thụy.

Lúc ấy con của Trần-Quốc-Tuấn là Hưng-vũ vương Nghiễn cưới Công-chúa Thiên-Thụy lại có lập chiến-công. Vua ngại trái ý Trần-Quốc-Tuấn bèn sai người [55b] bắt Trần-Khánh-Dur đánh đòn cho chết ở Hồ-Tây, nhưng lại dạy chó đánh quá đau khiến cho Khánh-Dur không đến nổi chết, rồi xuống chiếu đoạt hết quan tước và tịch-thu hết tư-sản của Khánh-Dur.

Trần-Khánh-Dur trở về ở núi Chi-Linh làm nghề buôn bán than với bọn dân hèn.

Quân Nguyên lại trở sang xâm phạm nước ta.

Lúc Vua Trần Nhân-tông đứng ở bến Bình-than, có một chiếc thuyền to chở than, người lái thuyền đội nón lá, mặc áo ngắn. Vua chỉ người ấy và bảo các quan hầu cận rằng : "Người kia lại chẳng phải Nhàn-huệ vương háy sao ?"

Vua liền sai gọi người ấy đến. Thấy Trần-Khánh-Dur mặc áo ngắn đội nón lá, Vua bảo : "Nam-nhi đến nỗi này là cùng-cực rồi !"

Vua liền xuống chiếu miễn tội, ban cho ngự phục và bảo ngồi cùng bàn việc.

Trần-Khánh-Dur bàn nhiều điều hợp ý Vua, liền được trao cho chức Phó Tướng-quân, về sau lại đem binh đánh phá được quân Nguyên.

Câu phong-dao này than thở cho Tướng-quân Trần-Khánh-Dur phải chịu khuất chí với thời-thế. Nói chim đỗ-[56a] quỳên là hậu-thân của Thục-đế lại không khỏi phải tự đào đất bắt trùn mà nuôi thân, để khởi hứng người có tài mà chưa gặp thời phải làm nghề buôn bán than ở chốn núi rừng. Nhưng thấy người đang nép mình như con chim mái thì làm sao biết rằng người không có ngày tung cánh vẫy-vùng như con chim trống kia ư ?

Chiến công phá quân Nguyên cùng với sự ngang-táng của tông-thất nhà Trần, Khánh-Dur phải là bậc chầu anh-hùng chẳng vậy ?

CHƯƠNG 39

**Đàn kêu tích tịch tình tang,
Ai đem công chúa lên thang mà ngồi?**

Thơ phong-sử này thuộc phú, không biết nói gì.

Xưa vua Trần Nhân-tông sang chơi nước Chiêm-thành có hứa việc hôn-nhân với vua Chiêm Chế-[56b] Mân.

Chế-Mân thượng biểu dâng vàng bạc và đem hai châu Ô Lý nộp sinh-lễ.

Trong niên-hiệu Hưng-long thứ 14 (1306), Vua Trần Anh-tông gả công-chúa Huyền-Trân (con của vua Trần Nhân-tông) về nước Chiêm-thành, đổi tên châu Ô châu Lý là Thuận-hóa (nay là đất Quảng-trị và Thừa-thiên), sai Đoàn-Nhữ-Hải đến đấy vỗ yèn dân chúng.

Chẳng bao lâu Chế-Mân chết. Theo tục người Chiêm-thành, hễ vua chết thì cung-phi phải chết theo.

Lúc ấy Thế-tử Đa-Da báo tang, Công-chúa Huyền-Trân sắp lên hỏa đàn thiêu sống để chết theo.

Vua Anh-tông bèn sai quan Hành-khiển Trần-Khắc-Chung sang Chiêm-quốc điếu tang, lập kế đem Công-chúa về nước.

Trần-Khắc-Chung nói với Thế-tử Chiêm rằng : " Bản triều sở dĩ giao-hảo với Vương-quốc đây là vì tiên vương của quý quốc là người Hoàn-vương Nhật-nam và Tượng-lâm, thành Điền-xung tức là [57a] đất Nhật-nam Việt thường vậy, địa thế liền nhau đề cùng ở yên vô sự mà hưởng phúc thái-bình, cho nên mới đặc biệt ra lệnh gả Công-chúa, vì mưu kế thương dân đen con đỏ chớ không phải mượn má hồng làm trường thành giữ yên biên-giới.

Này, hai nước đã giao-hảo với nhau thì nên tập theo mà chuộng phong-hóa đẹp. Nay Quốc-vương mất mà Công-chúa phải hỏa thiêu chết theo thì việc trai đàn cúng tế không có người chủ-trương. Chẳng bằng hãy theo tục lễ của tệ quốc, trước hết ra bờ biển chiêu hồn Quốc-vương ở bên trời đề cùng về rồi mới lên hỏa-dàn mới phải ».

Người Chiêm-thành nghe theo.

Trần-Khắc-Chung dùng thuyền nhẹ đoạt Công-chúa và theo đường biển trở về, hơn một năm mới về tới Kinh-đô.

Chữ *Công-chúa* trong câu ca-dao này chỉ Công-chúa Huyền-Trân. *Thang* chỉ hỏa-đàn lúc ấy. Ý nói các cung-nhân theo hầu hạ Công-chúa trộm [57b] nghĩ Công-chúa ắt không khỏi nguy khốn lên hỏa-đàn thiêu sống, cho nên thấy Sứ-giả nhà Trần đến, mới mượn khúc đàn, hát như thế để báo cho biết. Không biết có phải hay không.

CHƯƠNG 40

**Tiếc thay hột gạo trắng ngần,
Đã vo nước đục lại vẩn lữa rơm !**

Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Trần Anh-tông gả Công-chúa Huyền-Trân cho vua Chiêm-thành Chế-Mân. Từ triều-đình đến đồng-nội văn-nhân thường mượn việc Chiêu-Quân cố Hồ (Chiêu-Quân nhà Hán gả cho Hung-Nô) làm thơ quốc âm mà châm biếm.

Đến khi Chế-Mân chết, Vua Anh-tông sai Trần-Khắc-Chung sang đưa Công-chúa về nước. Khắc-Chung bèn tư-thông với Công-chúa.

Đầu tiên Trần-Khắc-Chung với chức Ngự [58a]-sứ Đại-phu được làm Kinh-quan Đại-an phủ, rồi được làm Nhập-nội Hành-khiển Thượng-thư Tả Bộc-xạ, về sau được ban tước Quan-nội hầu và thăng chức Thiếu-bảo Đồng Trung-thư Bình-chương-sư. Khắc-Chung làm quan mà không có công-trạng gì.

Hưng-nhượng vương Trần-Quốc-Tảng mỗi lần gặp Trần-Khắc-Chung liền mắng: "Tên họ của người này thật chẳng lành cho nhà nước, có phải chăng nhà Trần sắp mất vì người này chăng?" (Trần-Khắc-Chung có nghĩa là nhà Trần phải cáo chung).

Trần-Khắc-Chung thường sợ mà né tránh Trần-Quốc-Tảng.

Câu phong-dao này tiếc Công-chúa Trần Huyền-Trân với tư-dung quý báu như vàng ngọc phải gả làm vợ cho Chiêm-thành lại bị viên quốc-sứ (Trần-Khắc-Chung) tư thông.

Gạo trắng chỉ Công-chúa Huyền-Trân. *Nước đục* chỉ Vua Chiêm-thành. *Lửa rơm* chỉ Trần-Khắc-Chung.

Này, vì Công-chúa đã lấy viên Tù-trưởng mà không được cùng một người cho trọn kiếp, còn Trần-Khắc-Chung phung sứ giao hảo với lân-quốc lại làm [58b] những hành-vi ô-nhục xấu-xa, cho nên người đương-thời thấy tiếc cho việc ấy. Còn gã Trần-khắc-Chung hẳn không đáng trách.

Nhưng kể cao không-chế nước láng giềng của triều nhà Trần không khỏi gấm lên dấu xe trước cửa nhà Lý, cũng là đáng tiếc vậy !

CHƯƠNG 41

**Dã-tràng xe cát biển Đông,
Nhọc lòng mà chẳng nên công-cán gì !**

Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

CHƯƠNG 42

**Con còng-còng đại lắm ai ôi !
Nông công xe cát sóng nhồi lại tan !**

[59a] Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Còng, đồng loại với con dĩa-tràng, giống như loài cua mà nhỏ con, có 8 chân, ở bãi cát biển, mỗi lần nước thủy-triều rút xuống thì lo đào cát mà ở, sóng biển tràn lên thì bỏ hang mà chạy, sóng biển rút xuống thì làm như thế nữa.

Hai chương này nói việc đắp đê thất sách ở Bắc-kỳ.

Nguồn sông Nhĩ ở Bắc-kỳ xuất phát ở sông Hoàng-hà bên Tàu, hợp với sông Tây Nhĩ-hà ở Vân-nam, tới sông Lan-thương, chảy đến phía đông-nam tỉnh Vân-nam phân làm hai nhánh :

— Một nhánh chảy ra phía tây làm sông Cửu-long, chảy suốt qua đất Nam-chương đất Ai-lao và đất Vạn-tượng, chảy vào sông ở Vĩnh-long và Định-tường thuộc Nam-kỳ rồi chia ra đổ vào mấy cửa Cồ-chiên Bà-lai (thuộc Nam-kỳ lục tỉnh).

— Một nhánh chảy về hướng đông đổ vào sông Thao tỉnh Hưng-hóa đất Bắc-kỳ, hợp với sông Đà, tới ngã ba sông Lô ở Tuyên-quang, đến tỉnh Sơn-tây làm sông Bạch- [59b] hạc, chảy qua Hà-nội làm sông Phú-lương, chảy qua Bắc-ninh làm sông Bồ-đề, chảy qua Hưng-yên làm sông Bạch-dăng, chảy qua Nam-định làm sông Vị-hoàng. gọi chung là sông Nhĩ, chảy về đông-nam đổ ra mấy cửa Liêu-lic, cửa Lân, cửa Ba-lạt. Sông nhánh chảy ra tây-nam làm sông Hát, chảy qua Sơn-tây Hà-nội Ninh-binh chia dòng đổ vào sông Trinh-nữ làm cửa Chính-dại, chảy lên đông-bắc ra Sơn-tây làm sông Nguyệt-đức, ra Bắc-ninh làm sông Thiên-đức. Sông Nguyệt-đức chắn-chặt ở trong ranh giới tỉnh Bắc-ninh, chảy tụ ở sông Lục-đầu thuộc sông Thương làm cửa Nam-triệu, chảy ra Hưng-yên làm sông Luộc, chảy ra Nam-định làm sông Thanh-hương, chia dòng chảy ra [60a] những cửa Nam-định Hải-dương và Trà-lý.

Nước sông Hoàng-hà đều đục trong bốn mùa. Mỗi năm, tháng 5 mùa hạ là thời kỳ nước dâng chảy xiết về đông nhanh như tên bay thành một vùng ngập trời, hai bờ cách xa nhau mút tầm mắt từ xưa vẫn như thế, từ trước không hề nghe nói có bờ đê.

Đến triều nhà Trần trong niên-hiệu Thiên-ứng Chính-bình

(1238-1350) của vua Trần Thái-tông có đắp đê Đĩnh-nhĩ, toàn dòng sông bờ đê được đắp lên nhưng nạn lụt cũng vẫn thấy mãi.

Không có gì lạ, chỉ vì địa-thế Bắc-kỳ ngày thêm mở rộng ở phía đông-nam, cát biển trôi đến kết tụ ở cửa biển, lòng sông ngày thêm cạn hẹp, mỗi lần đến thời kỳ Tam-phục, nước sông chảy cuồn-cuộn, phía trên thì rút nước ở nguồn sáu sông to, phía dưới thì nuốt lấy nước mưa của mấy ngàn dặm đồng-bằng, thêm vào đó có thủy-triều dâng cao vào mùa hạ, một dòng sông Nhĩ tuôn chảy không kịp cho nên nước tràn ra phá thủng thân đê [60b] luôn luôn, sự thiệt hại của dân càng nhiều, có đê cũng như không vậy.

Nghiệm xét từ lúc sau khi đắp đê cho đến lúc dứt đời nhà Trần, nước tràn thành lụt đến 20 lần, lúa thóc chìm mất, nhân dân chết đuối, mỗi năm đắp thêm tu-bồ, hao của nhọc dân, cho nên nhà thơ mới lấy việc con dã-tràng xe cát mà ví, nói lên sự lao khổ mà không công-hiệu gì.

Dực-tôn Anh Hoàng-đế triều ta (vua Tự-đức) vịnh sử có thơ rằng :

*Nhĩ hà nguyên lưu vu thả viễn,
Nhất ngộ trướng lạo đa hội-hồng.
Tùy quyết tùy điền vô dị sách,
Niên niên lao phí nan thành công.*

珥 河 源 流 迂 且 遠
 一 遇 漲 潦 多 潰 溢
 隨 決 隨 填 無 異 策
 年 年 勞 費 難 成 功

Dịch nghĩa

Dòng sông Nhĩ quanh-co và xa-xôi,

Một khi gặp nước dâng tràn thành mênh-mông lai-láng.

Vỡ đàu và đò, chớ không có phương-sách nào khác lạ.

Mỗi năm lao-phí mà khó thành-công.

Cũng là đề than thở việc chễ-ngự sông ngòi không có phương sách.

Mại tời (lác-giả) trộm nghĩ 13 tỉnh Bắc-kỳ [61a] bằng-phẳng, đất-dai sộp bở không rắn chắc, đương thời nhà Trần trong nước yên lặng vô sự, thuyền buôn và khách buôn ở các tỉnh phần nhiều tụ lại buôn bán, mới đầu chỉ đắp đê phòng nạn lụt ở những vùng chung quanh thành phố, cho nên đê điều đời nhà Trần gọi *đĩnh nhĩ đê* (đê quai vạc). Phàm chỗ nào gần sông mà có nước xoi thủng thì đắp đê từ thượng lưu để phòng ngự, hình giống cái vạc có quai.

Về sau trải qua các đời dùng đê điều bảo-vệ nông-vụ là

chính sách hay nhất, rồi bắt chước theo phép ấy mà thi-hành lần lần tăng thêm, do đó toàn cõi Bắc-kỳ đều có đê-điều. Lúc bắt đầu thi thấy có lợi nhưng kết cuộc không thể không có hại.

Tranh sức với gió thì phần nhiều gặp nguy hại đồ ngã. Tranh sức với nước thì phần nhiều bị nguy hại [61b] xoi vỡ. Đó là cái thế tất-nhiên vậy.

Thường suy nghĩ kỹ thân đê không rắn chắc là vì có 4 mối tệ.

1— Chặt đất ở toàn kỳ mềm sộp thì nhiều, rắn chắc thì ít, cho nên khó có sức giữ vững.

2— Muốn thân đê quai vạc được rắn chắc thì cần nhiều đá, mà ở toàn kỳ chỗ lấy đá đã ít lại xa, cho nên chỉ dùng toàn đất và nước dễ bị xoi vỡ.

3— Một dòng sông Nhĩ phần nhiều sinh ra thứ cá chà (thân tròn mà dai giống như đốt tre, mỏ dài bằng với mình, độ thước tây một tấc năm sáu phân. Mỗi khi nước mùa hè dồn đến, cá ấy tụ tập ở ven thân đê để kiếm mồi), hệ nước dồn đến thì xoi phá thân đê.

4— Từ trước việc đắp đê giao cho quan trường (phủ-huyện) và chức-dịch ở làng chớ không có đặt ra nha-môn chuyên lo bảo-vệ nông-vụ. Công việc ở phủ huyện quá nhiều [62a], cho nên quan chức không rảnh để thường thường chiếu cố đến đê-điều, còn phu đắp đê thì làm việc sơ-sài cho xong việc.

Vì có 4 mối tệ ấy mà Hà-bá mới làm hại dân. Nhưng chẳng phải chỉ có những mối tệ của tham quan ô-lại lý-chính và kỳ-lão trong làng mà thôi vậy.

Những năm gần đây đến nay những tai-hại về nước đê càng nhiều.

Chính-phủ Bảo-hộ ở nước ta hiện nay đã hỏi mưu-kế cùng khắp, nên bỏ hay nên làm tất nhiên đã có tính toán rồi, quốc dân ta có được nhờ cậy chẳng, đó là trông mong vào chính sách của Thực-dân vậy.

CHƯƠNG 43

**Bao giờ cá lý hóa rồng,
Đền ơn cha mẹ ăm bồng ngày xưa.**

[62b] Thơ phong-sử này thuộc phú.

Cá lý là lý ngư, có một tên nữa là anh-vũ ngư. Sách *Sơn-đường lục khảo ký* chép : Long-môn ở huyện Mông châu Gia-hưng đất An-nam, nguồn phát từ châu Ninh-viễn ở Vân-nam, đến đấy thì bị chặn ngang dòng chia ra làm ba đường đồ xuống ăm ăm, tiếng nghe xa hàng trăm dặm.

Bên cạnh đấy có cái hang phần nhiều sinh ra thứ cá anh-vũ (cá gáy). Tương truyền cá này có thể hóa thành rồng. Long môn xét ra nay ở Vạn-pha.

Tương truyền ngày mùng 8 tháng 4 mỗi năm cá vượt lên núi ấy mà hóa thành rồng. Cá đều ngược dòng mà vượt

lên, không như cá lý. Con nào không thành rồng thì võ trán tróc vẩy, người vùng ấy đón vớt ở hạ-lưu nhiều vô kể.

Từ Bạch-hạc trở xuống thì không có thứ cá đó.

Nước Nam ta từ khi Sĩ-vương sang đây lấy kinh *Thi kinh Thư* [63a] dạy dân, lấy văn-chương tuyền chọn kẻ sĩ. Đến nhà Đinh nhà Lê nhà Lý thì học-giới hơi có phát-đạt nhưng phép chọn người tài bằng khoa-cử thì chưa thi hành.

Đến triều nhà Trần vua Thái-tông mở khoa thi chọn kẻ sĩ, mới bắt đầu định ra Tam-giáp, về sau lại ban cho danh xưng là Trạng-nguyên, Bảng-nhãn, Thám-hoa, lại có Kinh Trạng-nguyên và Trại Trạng-nguyên khác nhau.

Sĩ-tử một khi trúng tuyền thi đỗ thì được người ta gọi là cá lý lên Long-môn thành rồng.

Câu phong-dao này là lời mong ước. Nhưng vùi đầu vào cái học khoa-cử, suốt đời không làm được một việc gì, rồi võ trán tróc vẩy bị ông chài đón bắt cũng không biết là bao nhiêu. Cho nên có câu ngạn-ngữ :

*Than rằng : Chớ lấy học trò,
Dài lưng tốn vải ăn no lại nằm.*

Đó là chê cười cái học khoa-cử vầy.

CHƯƠNG 44

Gà què ăn vắn cối xay, Hát đi hát lại tới ngày một câu. (1)

Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Vua Trần Thái-tông đãi yến bè tôi ở nội-diện. Khi rượu đã ngà ngà, mọi người đều đứng lên, nắm tay nhau hát.

Có quan Ngự-sử Trung-tướng Trần-Chu-Phổ cũng theo mọi người nắm tay nhau, nhưng không hát gì khác, chỉ nói "Sử thần hát rằng vầy".

Mọi người đều cười ông.

(1) Nguyên văn chép chữ *diệu* ở đây. Nhưng chữ *diệu* đặt ở đây thì mất luật bình trắc, chúng tôi xin thay vào chữ *câu*.

Về sau mỗi lần yến tiệc, có người mang cái mo gỗ vào đó làm tửu lịnh.

Này, nhà Trần được nước làm vua từ tay Lý Chiêu-hoàng truyền cho, thung-dung hưởng thái bình mà trong phòng the có nhiều điều đáng xấu hổ, cương thường bất chính, thường lấy danh tước bùm miệng người (cho người ta không khui xấu ra).

Quan Ngự-sử [64a] tuy có bài hát minh quân lương tướng, mười thiên thơ *Quyền a* trong kinh *Thi*, nhưng đề yên như không nghe biết. Thi câu "Sử-quan hát rằng vậy" là nói hát về những điều đáng thẹn của triều nhà Trần (mà Sử-quan có phận sự phải chép).

Sử-quan này có đáng cười chăng ?



CHƯƠNG 45

**Ai mua con quạ bán cho,
Đen lông đen lá bộ giò cũng đen !**

Thơ phong-sử này thuộc tỹ, chê cười vua nhà Trần say đắm vì thanh sắc (âm-nhạc và nữ sắc) mà không biết ngửa răn.

Trong đời vua Trần Thuận-tông có Tham-tri Nguyễn-Công sung sứ-bộ sang Tàu Phu-nhân ở nhà ban đêm chiêm-bao thấy thần Ca-La đang thờ đến dựa giỡn rồi tự nhiên thụ thai.

Làng xóm hay được tố-cáo lên quan. Phu-nhân [64b] đến quan khai thật không giấu-giếm.

Quan huyện không do đâu mà biết đúng sự thật, mới phán rằng : "Nếu quả người đã mang thai, thì vợ trả cho quan Tham-tri đi sứ, còn con thì trả cho thần Ca-La."

Về sau quan Tham-tri chết ở Tàu. Còn phu-nhân ấy thì sinh ra một đứa con trai tên là Hà-Ô-Lôi. Nuôi lớn lên thành con trẻ, Ô-Lôi mặt-mày đen xấu, hình-dung cồ-quái, nhưng có tiếng ca thanh-tao như vàng như ngọc, khi hát lên giọng *thương* xuống giọng *chủy*, người nghe đều mê cảm se lòng.

Vua hay được bèn cho Hà-Ô-Lôi vào cung. Ô-Lôi được vua thương mến nhờ tiếng hát, nói gì Vua cũng nghe, bày gì Vua cũng theo, muốn sao được vậy.

Sau khi được Vua yêu, trong cung và phủ-đệ của vương công, Ô-Lôi mặc ý đi đến, mọi người đều dâm giận mà không dám nói gì.

Vua ra lệnh : "Ô-Lôi có điều gì gian-dối, người nào đi cáo báo sẽ được thưởng, còn kẻ nào giết hấn chết thì bị [65a] giết tuyệt cả ba họ".

Cho nên không ai dám làm sao cả.

Một đêm Ô-Lôi lên đến dinh Quốc-cửu Nguyễn-Uy đùa cợt với bọn hầu-thiếp của quan. Quốc-cửu trói Ô-Lôi lại và thân tự vào tâu Vua : "Ô-Lôi dâm loạn, trong đêm tối hạ-thần không biết nên đã giết chết hấn rồi, hạ-thần chỉ tuân theo lệnh Vua định-đoạt".

Vua nghe tâu, lặng thình hồi lâu rồi phán : "Giết chết đương khi ấy thì miễn luận tội!".

Quốc-cửu được lệnh ấy, trở về giết Ô-Lôi, nhưng hấn

không chết, mới cho người bỏ hủn vào cối đá quết giã, hủn mới chết.

Tục xưa của người miền Bắc, khi cô dâu mới về nhà chồng, người ta đặt cối đá ở trong cửa cho cô dâu bước ngang qua để trừ cái hại của Hà-Ô-Lôi.

Mua là nói cáo báo thì được thưởng.



[65b]

CHƯƠNG 46

Mẹ gà con vịt chát-chiu, Mấy đời mẹ ghẻ nâng-niu con chồng ?

Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Vua Trần Thuận-tông lên ngôi. Trần Nghệ-tông tự tôn làm Thái Thượng-hoàng. Hồ-Quý-Ly làm Phụ-chính Đại-thần.

Thượng-hoàng Nghệ-tông sai thợ vẽ bức tranh Tứ-phụ (vẽ ông Chu-công giúp vua Thành-vương, ông Hoắc-Quang giúp vua Chiêu-đế, ông Gia-Cát-Lượng giúp vua Hậu-chủ, ông Tô-Hiến-Thành giúp vua Lý Cao-tông) cho Quý-Ly.

Việc chính của nước nhà vô luận lớn hay nhỏ đều do tay Quý-Ly xử trí.

Bài *Thập cầm thi* của Quan Tư-dồ Trần-Nguyên-Đán trong *lông-thất* có câu :

*Nhân ngôn kỳ tử dĩ lão nha,
Bất thức lão nha liên ái phủ.*

人言寄子與老鴉
不識老鴉憐愛否

Nghĩa là

*Người bảo : Gửi con cho cái quạ già,
Biết nào cái quạ thương và chẳng thương.*

để nói bóng-bẩy việc Thượng-hoàng Trần Nghệ-tông gửi con là Thuận-tông cho Hồ-Quý-Ly.

Một đêm Thượng-hoàng nằm mộng thấy Huệ-tông [66a] đem quân vào Nội-diện, có thơ rằng :

*Trung gian duy hữu Xích tủy hầu,
Ẩn-cần tiềm thượng Bạch kê lâu :
Vi vương dĩ định hưng vong sự,
Bất tại tiền đầu, tại hậu đầu.*

中 間 惟 有 赤 嘴 候
慙 慙 潛 上 白 鷄 樓
國 王 已 定 興 亡 事
不 在 前 頭 在 後 頭

[Thượng-hoàng sinh năm Tân-dậu thuộc Bạch-kê (gà trắng) — Hồ-Quý-Ly là Ních tủy hầu (Hầu trước mỏ đỏ) — Vi 口 và vương 王 hợp lại thành chữ quốc 國 là nước].

Dịch nghĩa

Ở trong triều chỉ có Hồ-Quý-Ly (chuyên quyền).

Ân-cần lên lên lầu Bạch-kê (Ân-cần lên báo cho Thượng-hoàng biết) :

Nước nhà đã định việc hưng vong rồi,

Không phải ở lúc đầu, mà ở lúc sau.

Thượng-hoàng cũng biết Hồ-Quý-Ly có ý dòm ngó ngôi trời, nhưng vua yếu mà tôi mạnh, tính không làm sao được nữa, nhân đó gọi Quý-Ly vào dạy rằng : «Sau khi ta trăm tuổi rồi, việc nước nhất thiết Ta ủy-thác cho Khanh. Còn ấu-chúa, Khanh giúp được thì giúp, nếu ấu-chúa lổi-lắm thì Khanh tự quyết đoán lấy».

Quý-Ly khóc lạy và thề không dám có lòng dạ nào khác.

Đến khi Thượng-hoàng Nghê-tông băng, Quý-Ly ép Trần Thuận-tông truyền ngôi cho Trần Thiệu-đế. Quý-Ly tự xưng là Thái-sur Quốc-tổ Chương-Hoàng Hưng-liệt Đại-Vương.

Được hai năm Quý-Ly giết [66b] Trần Thuận-tông và ép Trần Thiệu-đế truyền ngôi cho mình.

Quý-Ly làm vua, đổi quốc-hiệu là Đại-Ngu, chưa đến một năm thì truyền ngôi cho con là Hồ-Hán-Thương.

Hồ-Hán-Thương ở ngôi được 6 năm.

Rồi cha con Hồ-Quý-Ly đều bị quân nhà Minh bắt đưa về Yên-kinh.

Thơ phong-sử này chê Trần Nghệ-tông gởi con không nhằm người.

Mẹ gà chỉ Hồ-Quý-Ly. Con vịt chỉ Trần Thiếu-đế (1).

Như thế, vua trẻ tuổi, nước hỗn-độn, quyền thần cầm quyền bính mà không soán ngôi đoạt nước thì cơ hồ ít có vậy !

(1) *Con vịt chỉ Trần Thuận-tông mới đúng.*

CHƯƠNG 47

Kiến leo cột sắt sao mòn ?

Tò-vò xây tổ sao tròn mà xây ?

[67a] Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Trong thời vua Trần Thuận-tông, Hồ-Quý-Ly làm Thái-sư, mưu soán ngôi nhà Trần, muốn ép vua dời đô, bèn sai Đỗ-Tĩnh vào Thanh-hóa xem cuộc đất làm Tây-đô.

Tháng giêng niên-hiệu Quang-thái thứ 10 (1397), ở xã Yên-tôn, bắt đầu công-tác lớn-lao xây thành đào hào, dựng tông miếu và nền xã-tắc, mở đường xá, vòng thành vuông mà rộng trăm mẫu có dư, lót đá xanh, cửa thành đều lót đá hoa. Thành ở phía tây phủ Quảng-hóa trên dưới làng Yên-tôn. Phương-cù, Tây-nhai Cẩm-bào đều thuộc vào đấy cả. Trong ba tháng thành xây xong.

Người đương thời thấy Quý-Ly có mưu-kế loạn nghịch mới lấy việc con tò-vò làm ồ mà ví sánh.

Nói thành-trị ấy không thể ở lâu được. Xem lời can-gián của quan Thị-lại lúc ấy là Nguyễn-Nhữ-Thuyết : "Địa giới xã Yên-tôn chật hẹp, ở cuối dòng sông ở đầu dãy núi, lúc loạn [67b] thì không thể cậy được, lúc trị thì không thể ở được".

Cuối cùng họ Hồ phải chạy đến cửa biển Kỳ-la (tức cửa Nhượng-hải ở Chăm-xuyên). Quân Minh ở phương Bắc đến (Hồ-Quý-Ly và Hồ-Hán-Thương đều bị quân Minh bắt) cách bày dậm mà cửa thành không mở, thì việc xây thành lúc bấy giờ là đắp oán xây sâu để làm gì ?

Đến nay thành-quách vẫn y-nguyên, dinh đài thì mất rồi. Kể quyền gian từ ngàn xưa đến đây hãy suy lượng kỹ-lưỡng !



CHƯƠNG 48

Chàng về Hồ, thiếp cũng về Hồ, Chàng về Hồ-Hán, thiếp về Hồ-Tây.

Thơ phong sử này thuộc phú.

Hồ-Hán tức Hồ-Hán-Thương, con của Hồ-Quý-Lý. *Hồ-Tây* tức Hồ Hoàn-kiểm (ở trong thành Đại-La tại Hà-nội).

[68a] Hồ-Quý-Lý mưu tính xây dựng Tây-đô. Lúc ấy có viên Cống-sinh quản lãnh công việc xây cất, có nói như thế mà họ Hồ không nghe.

Vợ của viên Cống-sinh là nàng Bình-Khương nhân đó mưu tính với chồng rằng : "Bậc sĩ quân-tử lập thân trên đời, đạo không gì trọng hơn cương-thường, nghĩa phải rõ-ràng ở việc đến hay đi, có một chức trách của quốc - dân thì phải làm tròn phần quốc - dân

nghĩa-vụ ấy. Huống chàng là Cống-sinh của triều nhà Trần chớ đâu phải Cống-sinh của triều Ngụy Hồ mà đem ủy-thác thân phận cho Ngụy-Hồ để luyện mien sủng lộc của một lúc. Sao bằng thề lòng với nước cũ mà được vinh-dự toàn danh với ngàn xưa. Chàng khu khu quân jãnh việc xây cất, giữ lời ước mà theo người gọi là chi vậy ?”

Muru này bị phát-giác, Hồ-Quý-Ly rất oản giận. Nhân lúc ấy thành xây chưa xong, Quý-Ly ra lệnh đem viên Cống-sinh vào [68b] thành ấy xử cho xây đê lên mà giết.

Người vợ hôm đến đấy lấy đầu cụng vào đá, lấy hai tay đập vào đá khóc thảm-thiết mà chết. Đá ấy lõm sâu vào, còn dấu cái đầu và hai tay (đá ấy đến nay vẫn còn).

Đấy nói Hồ-Tây là cố-dò của nhà Trần, thiếp nói về đấy. Hồ-Hán-Thương là Ngụy-Hồ sao chàng còn đến đấy ? Cái lẽ đến và đi đã tỏ rõ, cái nghĩa sống và chết đã quyết-định rồi.

Nàng Bình-Khương kém bậc hơn Hai Bà Trưng và Bà Triệu chẳng ?

Nay người ta lập đền thờ nàng, tiếng vinh thiên-cổ so sánh với sủng lộc của lúc bấy giờ là như thế nào vậy ?

CHƯƠNG 49

[69a] **Chim khôn lánh bầy lánh giò,
Người khôn lánh chốn ô-đò mới khôn !**

Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Trong thời nhà Ngụy Hồ có Hoàng-My tiên-sinh ở ẩn trong động núi Na tại huyện Nông-cống tỉnh Thanh-hóa.

Hồ-Hán-Thương ra đi săn gặp nhà ẩn-sĩ trên đường vừa đi vừa hát. Hán-Thương sai kẻ thị thần là Trương-Công đến hỏi.

Thấy Trương-Công đến, nhà ẩn-sĩ lấy làm lạ hỏi :

— Chốn này thanh-nhàn u-tịch, rừng sâu đất rộng sao ông vào cảnh vực của ta ?

Trương-Công đáp :

— Tôi là quan hầu-cận của đương triều. Ngài là bậc ần-sĩ, xin xấu-hỗ nhận lễ cầu hiền, xe kiệu sẵn đây, mong Ngài hồi cố cho chốc lát.

Tiên-sinh cười đáp :

— Tôi là dân lánh đời ở ần, trốn rừng mà ăn, mức sống mà uống, nào biết ở ngoài là triều đại gì, là [69b] vua tướng gì.

Ần-sĩ lưu Trương-Công ngụ ở lại một đêm.

Sáng hôm sau, Trương-Công thưa :

— Nay Thánh chúa rủ áo trị vì, bốn biển yên-ôn, người Chiêm-thành dâng đất, người nhà Minh nộp cống (?), sĩ nữ thần thiếp đều tụ đến, e về sau chỉ thiếu khách ần-dật ở sơn-lâm đến giúp-dỡ mà thôi. Ngài quả là có chí với đời này. Nay nếu Ngài không chịu ra giúp thì e rằng sẽ nát với cỏ cây, gập gờ nhau còn bao giờ nữa ?

Tiên sinh biến sắc đáp :

— Nghe lời ông, người ta phải đổ mặt thẹn lòng. Thánh quân của ông chẳng phải là họ Hồ ư ? Họ Hồ là con người mà lời nói thì nhiều quý-quyết, tính tình thì nhiều tham dục, hết sức xa xỉ cho cùng cực, tù tội hối-lộ thì được tha, đút lót tiền của thì được chức quan, người dâng lời chân thành thì bị giết, kẻ dâng lời nịnh hót thì được thưởng, quan chức trong triều thì trên dưới hòa nhau, chưa có [70a] mưu-kế

gì bí mật trọng-yếu cả. Ta vì lo nghĩ cho nhân-dân này mới ăn tung tích ở núi rừng, không rảnh-rang lo trốn tránh, huống hồ lại vén quần mà chịu đẹn giúp hay sao ?

Ông hãy trở về, vì kẻ ân-sĩ này từ chối với Người.

Trương-Công trở về, tất cả sự thật nói lại với HỒ-Hán-Thương.

HỒ-Hán-Thương không yên lòng, sai Trương-Công đi đến một lần nữa.

Trương-Công đi đến thì rêu lau cửa động, gai góc đầy non, đã tuyệt lối về khi đến ngày trước, chỉ thấy trên vách đá dựng đứng có đề câu thơ rằng :

Kỳ-la hải khẩu ngâm hồn đoạn,

Cao-vọng sơn đầu khách tử sầu.

奇 羅 海 口 吟 魂 斷
高 望 山 頭 客 思 愁

Dịch nghĩa

Cửa-biên Kỳ-la là nơi lòng ngâm vịnh phải dứt (1)

Ngọn núi Cao-vọng là chốn tình lữ-thứ phải sầu. (2)

(1) Ý nói Quý-Lý bị bắt mà không còn thanh nhân ngâm vịnh nữa.

(2) Ý nói Hán-Thương bị cầm sống lữ-thứ ở bèn Tàu.

Kỳ-la là nơi Hồ-Quý-Ly bị bắt.

Cao-vọng là chốn Hồ-Hán-Thương bị tóm.

Hồ-Hán-Thương nổi giận ra lệnh đi xem núi ấy, nhưng núi cùng không thấy gì, chỉ thấy chim huyền hạc bay ở tầng không xênh-xang nhầy mùa.

Câu phong-dao này khen nhà ần-sĩ.

Chim khôn nói đối với *người khôn* chỉ nhà ần-sĩ Hoàng-My. [70b] *Bầy giò* nói đối với ó-đồ (ó là đơ, đồ là bùn đơ) chỉ thời nhà Ngụy Hồ.

Ở ngôi lâu kia chỉ chậm một nhát kiếm mà nhóm Trần-Khắc-Chân và Phạm-Ngư-Tất hơn 370 người đều bị giết (Hồ-Quý-Ly hội minh thệ ở Đốn-sơn, ngồi ở ngôi lâu của Trần-Khắc-Chân. Phạm-Ngư-Tất toan mưu sát Quý-Ly, cầm kiếm đứng một bên. Trần-Khắc-Chân đưa mắt bảo thôi, việc mưu sát không thành. Quý-Ly thấy trong lòng không yên mới đứng lên. Phạm-Ngư-Tất vứt gươm bỏ đi nói: «Chỉ chết ưỡng thôi!». Việc mưu-sát bị phát-giác, nhóm Khắc-Chân và Ngư-Tất hơn 370 người đều bị giết).

Do đó mà thấy nhà ần-sĩ Hoàng-My tiên-sinh đã thấy thời-cơ mà hành-động thì kết quả ai là kẻ trí ai là kẻ ngu?

CHƯƠNG 50

Trách chàng Từ-Thức vụng suy. Đã lên cõi thọ về chi cõi trần?

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Tỉnh Thanh-hóa xã Tri-nội huyện Nga-sơn có động Bích-đào, có một tên nữa là động Từ-Thức.

Trong niên-hiệu Quang-thái (1388 - 1398) đời vua Trần Thuận-tông, viên huyện-tê ở Tiên-du là Từ-Thức gặp tiên-nữ Giáng-Hương ở đấy, cho nên [71a] gọi là động Từ-Thức.

Theo sách *Thanh-hóa tạp-lục*, Từ-Thức là người ở Hóa-châu, dưới thời nhà Trần, vì phụ-ấm mà được bổ làm huyện-tê ở Tiên-du.

Ngôi chùa bên huyện có một cây mẫu-đơn. Mỗi lần hoa nở thì ngựa xe tấp-nập kéo đến thành hội thưởng hoa rộn-riệp.

Có một người con gái đẹp, tuổi độ 15-16, dung nhan tuyệt diệu, đến đây xem hoa, kéo cành hoa bồng làm gãy mà bị người giữ hoa bắt giữ. Ngày đã về chiều mà không có ai đến nhận lãnh người con gái ấy.

Từ-Thức trông thấy thương-xót, mới cởi chiếc áo bạch-cầm cầu mà chuộc người con gái và bảo đi về. Vì thế người ta cho quan huyện-tể là hiền-đức.

Từ-Thức vốn thích sơn-thủy, về sau bỏ chức quan đi thưởng-ngoạn, ôm đàn ngâm thơ lấy non nước làm vui.

Một hôm dậy sớm trông ra xa ở cửa biển Thần-phù thấy mây lành ngũ sắc chằng-chịt dùn [71b] kết như hoa sen nổi lên, Từ-Thức mới bơi thuyền tiến thẳng đến thì gặp ngọn núi đẹp-đẽ, cột thuyền rồi lên bờ, chợt thấy ở chỗ vách đá nứt hở ra một cái hang, chừa vào được mấy bước thì thấy vách đá đóng lại, tìm-tối âm-u, mới lấy tay sờ vào rêu xanh mà đi độ vài dặm, thấy bạc cấp như treo lên bờ núi, lên đến ngọn núi thì thấy trời tạnh trong, mặt nhật tươi sáng, nhìn ra bốn phía thấy lâu đài đẹp-đẽ như tranh vẽ đủ màu.

Chợt lát có hai người con gái nhỏ mặc áo xanh đi ra nói với nhau : "Lang-quân nhà ta đến rồi !"

Một lát lại bảo Từ-Thức : "Phu-nhân mời Ngài đến."

Từ-Thức đi theo sau.

Bà tiên ngồi trên giường thất-bảo, bên cạnh có đặt một cái sập gỗ đàn-hương, bảo Từ-Thức :

— Thiếp vốn là Nam-Nhạc địa tiên Ngụy phu-nhân. Vì Ông cao nghĩa [72a] cứu người trong cơn nguy-khốn, cho nên mới mời Ông đến đây.

Nhân đó, Bà gọi A-nương ra và tiếp lời :

— Người này khi trước đã bẻ cành hoa đây.

Bà tiên chỉ A-nương mà nói :

— Nó là con-cái nhà tôi tên là Giáng-Hương, khi trước đã dúi ơn Ông cứu nguy khi xem hoa, muốn kết giai-ngẫu cùng ông đề đáp đền ơn nặng.

Liền ngay đêm ấy hai người làm lễ giao-bái thành hôn.

Qua hơn một năm, thừa lúc nhàn rỗi, Từ-Thức nói với Giáng-Hương :

— Anh vốn là du-tử ở viên phượng có lòng thương cỏ xót hoa, mỗi nghĩ trần tục khó rời, nỗi tình quê-hương dễ động, mong em thể-lượng mà thông-cảm hiểu cho, tạm cho anh trở về, xin cáo-biệt một thời-gian, để bàn-bạc sinh-kế ở nhà, vòng tròn rồi thì trở lại cùng em giai-lão ở chốn tiên hương này vậy.

Giáng-Hương đáp :

— Em đâu dám lấy tình-nghĩa vợ chồng cản trở lòng nhớ quê-hương của anh. Nhưng cỗi Diêm-phù (cỗi hồng-trần) nhỏ [72b] hẹp, chốn trần-ai liên-lụy, nếu anh trở lại e vườn hoa sần liễu không còn cảnh sắc thuở ngày xưa.

Nói rồi Giáng-Hương đi thưa lại với Phu-nhân. Nguy phu-nhân bảo :

— Không ngờ Ông còn lòng trần-ai ràng buộc mà xốn-xang không yên đến như thế.

Nhân đó, Phu-nhân ban một chiếc cầ-m-vân-xa (xe máy găm) còn Giáng-Hương thì trao một bức thư và bảo :

— Ngày sau xem đấy chớ quên tình cũ.

Nói rồi nàng rảy nước mắt mà từ biệt.

Trong nháy mắt Từ-Thức đã về đến nhà, thành quách và nhân dân đều khác hẳn xưa.

Từ-Thức vừa ngậm-ngùi muốn trở lại thì chiếc xe máy đã biến thành chim loan bay đi, xé thơ ra xem thì thấy có câu :

Kết loan lữ ư vân trung, tiền duyên dĩ đoạn.

Phỏng tiên sơn ư hải thượng, hậu hội vô nhân.

結 鸞 侶 於 雲 中 前 緣 已 斷
訪 仙 山 於 海 上 後 會 無 因

Dịch nghĩa

Kết duyên ở trong mây (cõi tiên), tình duyên thuở trước
đã dứt.

Tim núi tiên trên biển, dịp gặp-gỡ ngày sau thì không
còn duyên do.

Xem rồi mới hiểu [73a] Giáng-Hương đã bằng lòng cho mình ly-biệt, rồi áo nhẹ nón ngắn, Từ-Thức vào núi Hoàng-sơn ở huyện Nông-cống.

Về sau không biết cuối cùng ra thế nào.

Câu phong dao này than-thở cho Từ-Thức chưa dứt duyên trần.



[74a]

VIỆT-NAM PHONG-SỬ
QUYỂN II

CHƯƠNG 51 (1)

**Đường vô xứ Nghệ rành-rành,
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.
Ai vô xứ Nghệ thì vô.**

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Nghệ tức Nghệ-an. Núi cao thì có núi Hồng, sông dài thì có sông Lam, đó là danh thắng của đất Nghệ-an.

Lê Thái-tổ tên húy là Lợi (2), là nghĩa-sĩ ở Lam-sơn.

Hồ-Quý-Ly soán ngôi nhà Trần, lúc ấy bị quân nhà Minh đánh phá, mới tìm kiếm rộng-rãi bạc anh-tài trong thiên-hạ.

(1) Nguyên tác đánh số làm ra 52

(2) Đọc *ly*, quen đọc tránh ra *lợi*.

Lê-Lợi [74b] và người em trai là Lê-Thiện từ sinh lễ (không chịu ra giúp nhà Hồ), đi ẩn ở núi Lam, ban ngày thì đọc kinh *Thi* kinh *Thư*, ban đêm thì bàn thao-lược. Những trang hiền-sĩ phần nhiều đều theo về.

Sau khi từ sinh lễ của họ Hồ, Lê-Lợi dắt vợ con vào trong rừng núi.

Lúc ấy triều nhà Minh cử đại binh sang hỏi tội Hồ-Quý-Ly.

Chỉ có thành Đa-bang là chưa bị lấy.

Hai anh em Lê-Lợi bảo : " Họ Hồ phóng-túng bạo ngược là cừ thù chung của cả thiên-hạ. Chi bằng nay ta cử binh hợp sức với nhà Minh giết kẻ thù họ Hồ, lập dòng-dõi của nhà Trần lên ngôi vậy".

Lê - Lợi liền cùng tướng nhà Minh là Trương - Phụ Hoàng-Phúc thương-nghị việc khởi binh.

Đến khi hai cha con Hồ-Quý-Ly bị tướng nhà Minh bắt đưa về Yên-kinh, Trương-Phụ đã dẹp yên nước Nam ta, đem quân về Đông-đô thết yến tiệc ăn mừng.

Lê-Lợi bảo :

— Phương Nam là vùng hẻo lánh, gian thần lên tiếm vị, mà [75a] Thiên-triều Trung-quốc không bỏ, đã sai tướng ra quân, nay đảng nghịch đã bị bắt, muôn nhà được vui mừng. xin lập dòng-dõi họ Trần lên ngôi để hợp lòng dân chúng.

Trương-Phụ đáp :

— Hãy chờ sắc mệnh của Thiên triều.

Đến khi nghe vua Thành-tổ nhà Minh sắc phong cho Lê-Lợi làm Tuần-phủ Giao-chỉ, cho Lê-Thiện làm Tri-phủ, hai anh em Lê-Lợi mới biết triều nhà Minh có lòng muốn thôn tính nước ta. Do đó hai anh em cùng gói ấn treo sắc ở cửa kinh-đô, bỏ đi về châu Tri-hóa, tìm vua Giản-định nhà Hậu-Trần, hội các tướng ra đánh Hàm-tử quan (ở huyện Thượng-phúc), chống lại quân Minh lắm lần được thắng lợi, thu hồi được vùng Lam-sơn.

Lê-Thiện nói :

— Binh ta ít, dân nghèo, đất trống, chỗ này không thể ở được lâu. Quân Minh sau khi bị thua một trận, thế ắt trở lại. Ta không lấy gì chống cự lại chúng được, chỉ bằng ta đem [75b] hết gia-quyển và nhân-dân lui về Nghệ-an. Nơi ấy có núi Thiên-nhận chín mươi chín ngọn, ta phân đồn đóng giữ, quân Minh có hàng trăm muôn binh hùng cũng không thể bay qua được.

Lê-Lợi đáp :

— Đùng hợp ý ta.

Do đó sai người truyền lệnh cho trăm họ, như muốn đi theo để tránh nạn binh đao thì đem gia-quyển cùng đi.

Lúc ấy nhân-dân ở bốn bên chung-quanh đều nguyện đi theo.

Lê-Lợi bèn khiến họ làm nhà trong núi, tùy theo thế đất

lập đồn trại y như trận pháp Lục-hoa, gọi là thành Lục-hoa (nay là những vùng Thanh-chương Nam-dân ở Nghệ-an. Trong núi có thành Lục-niên gọi là thành Bình-Ngô tức là thành mà Lê Thái-tổ đồn binh, di-tích hầy còn, việc này thấy ở sách *Hoàng-việt Xuân-thu ký*).

Lê Thái-tổ tự đồn binh ở đây, ở trong thì võ yèn đất Thuận Quảng, ở ngoài thành thì chống quân Minh, không đầy 20 năm đã trở thành vị Hoàng-đế của nước Nam độc-lập. Tuy nói là [76a] địa lợi cũng vốn ở nhân hòa.

Câu phong-dao này là lời của nhân dân vui mừng đi theo.

Hoàng-Phúc nói: «Trong cõi non xanh nước biếc tất nhiên có người làm vua mặc áo vàng xưng Trẫm».

Vi vốn biết trước Lê Thái-tổ có thủ-đoạn độc-lập đây ư ?



CHƯƠNG 52

**Voi ăn trong rú trong ri,
Voi ra uống nước, voi đi giữa đường.**

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Voi, loại thú rất to, nước ta sinh-sản rất nhiều giống voi.

Nước Việt ta từ Đinh Tiên-hoàng nhất thống đất nước về sau đã cùng Trung-quốc làm lễ bang-giao, định ba năm một lần dâng cống tê-giác, cống voi, đều [76b] có thành lệ, nhà Lý nhà Trần cũng như vậy.

Nhà Trần mất, nước Việt ta lại thuộc nhà Minh hơn 40 năm (1), quan lại Tàu mỗi lần sang nước ta thì tìm

(1) Thời kỳ nước ta thuộc Minh từ năm 1414 (Trương-Phụ lấy Thuận-hóa) đến năm 1427 (Vương-Thông đem quân về Tàu) tất cả là 13 năm.

đòi mọi thứ : dãi vàng, dãi bạc, mò lấy trân - châu, hái tiêu, trọng việc cấm muối, thậm chí lệnh bắt thêm người cứ dộc-thức mãi, sứ giả nối nhau lướt trên đường, yêu sách thú vật khắp rừng cùng, rốt cuộc dân ta không sao cung cấp nổi những điều chúng đòi hỏi.

Lúc ấy có Lê Thái-tổ, người ở Lam-sơn tỉnh Thanh-hóa, trong niên-hiệu Vĩnh-lạc thứ 16 (1418) nhà Minh, dấy binh ở Lũng-nhai tự lập làm Bình-định vương, đóng đồn ở núi Chí-linh (tại huyện Thụy-nguyên).

Quần Minh đánh úp, quân Nam lâm vào tình-thế quá quần bức, Lê-Lai phải bắt chước việc xưa của Kỷ-Tin đòi áo bào mà chiến đấu đến chết.

Vua Thái-tổ lui về Lư-sơn, rồi phá quân Minh của bọn tướng Lý-Bân, tiến quân ra vây thành Đông-quan. [77a] Vương-Thông nhà Minh liều chết giữ thành chờ viện binh.

Nhà Minh sai Liễu-Thăng do ngã Ôn-khâu tiến sang thì bị ngã ở núi Mã-yên tại Chi-lăng.

Mộc-Thạch từ Văn-trung đến lại bị thua ở cánh đồng Lãn-câu tại Đan-xá.

Vương-Thông bị tuyệt viện binh phải cầu hòa. Vua Thái-tổ ra lệnh giải vây cho Vương-Thông cùng thề ước ở phía nam thành Đông-quan, cho Vương-Thông rút quân về Bắc.

Vua Thái-tổ sai Lê-Lãm dâng biểu cầu phong. Nhà Minh cho vua Thái-tổ quyền xử-lý việc nước An-Nam.

Vua sai đem phẩm vật tuế-cống vàng bạc 5 vạn lượng, xin y theo lệ cống trong niên-hiệu Hồng-vũ thứ 2 (1368) của Thái-tổ nhà Minh.

Từ đó triều nhà Minh không còn có lệnh đòi thú vật nữa.

Người trong nước không có nỗi phiền lụy bắt voi, cho nên dân được yên, vật được vui, đều có lạc thú sống ở đời.

Cho nên nói voi sinh-sản ở trong rừng sâu, đi ra đường lộ [77B] ăn uống theo tính thiên-nhiên, vui-vẻ tự đắc. Voi hôm nay khác xa với voi ngày xưa.

Đơn cử một con voi mà nói thì có thể biết được trời đất đã được yên vị, vạn vật được dưỡng nuôi.

Thấy được cảnh tượng thái-bình này mà biết được nhân-dân thái-bình.

Thường luận đến duyên cớ họ Lê được nước làm vua :

Nước Việt ta bị Bắc-thuộc đã hơn ngàn năm.

Đình Tiên-hoàng là một thủ-lĩnh một bộ nổi lên làm vua.

Đến cuối nhà Trần, nước ta lại bị nhà Minh thôn tính hơn 40 năm (1).

(1) Chỉ có 13 năm mà thôi — 40 năm là viết sai.

Lê Thái-tổ là một nghĩa-sĩ đất Lam-sơn đánh đuổi trừ được quân Minh.

Nước Việt ta được nêu cao ngọn cờ vàng trong cuộc-diện Á-dông là nhờ ở tài sức của hai vị vua ấy.

Nhưng làm [78a] Đinh Tiên-hoàng thì dễ mà làm Lê Thái-tổ thì khó.

Này, lúc nước ta bị nội thuộc vào nhà Hán nhà Đường, chính sách áp đảo của chúng còn sơ-sài. Bị hơn một ngàn năm đò-hộ, nước ta không dám chống lại, cho nên theo sự trừ-hoạch, các nhà chính-trị đại-khai không để ý đến người nước Nam ta.

Thỉnh-thoảng có một hai người cương-cường chống lại thì cũng do bọn quan thù lệnh bạo-ngược xấu-xa thúc-đầy.

Rồi Mười hai Sứ-quân chia đất mà chiếm giữ. Hễ phân tán thì sức dễ chế, sơ thừa thì thế dễ thừa, cho nên Đinh-Bộ-Lĩnh đã chiến thắng luôn và được tôn-hiệu là Vạn-thắng vương là vì thế.

Còn trong thời Lê Thái-tổ, chính sách đò-hộ của nhà Minh rất chặt-chẽ. Chính-trị tốt lành của nhà Hán nhà Đường thi-thố từ trước thì không điều gì là không theo, và chính-trị tệ-hại kèm-chế từ trước thì không điều gì là không trừ.

Hơn [78b] nữa việc hiềm-trở hay dễ-dàng về địa-thế, việc nhiều hay ít về dân-dinh và diên-thò, bọn Trương-Phụ và Hoàng-Phúc đều ghi vẽ vào bản đồ, không như nhà Hán nhà Đường ngày trước đã sơ lược biểu thị việc kèm-chế.

Vậy mà Lê Thái-tổ là một viên Tuần-kiêm (nhà Minh lấy nước ta sắc phong cho Lê-Lợi chức Tuần-kiêm) đã nổi lên mà trừ được chúng.

Cơ-nghiệp gian nan trong bốn mươi năm (1) đều là tia hào-quang sáng rực của nước Nam ta ngày nay vậy. Không có cuộc giải-phóng thoát khỏi cảnh tù hãm tối-tăm thì làm sao có được ánh vinh quang rạng-rỡ của ngày nay được ?

Triều Nguyễn ta liệt kê việc kỳ giở vua Lê Thái-tổ vào điển-lệ cúng-tế, thành kính đốt hương trầm mà khẩn chúc.



(1) Chỉ có 13 năm kháng Minh — Nói 40 năm là sai.

CHƯƠNG 53

[79a] So ra ai kém ai đâu ?

Kẻ xe chi thám, người trao hột vàng.

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Vua Lê Thánh-tông sau khi được thừa hưởng thái-bình thì biếng về việc chính, thường lấy văn-chương thư sách làm vui.

Trong niên-hiệu Hồng-dức thứ 26 (1495), Vua làm ra chín khúc Quỳnh-uyên (1— Phong-niên. 2— Quân đạo. 3— Thần tiết. 4— Minh lương. 5— Anh hiền. 6— Kỳ khí. 7— Thư thảo. 8— Văn-nhân. 9— Mai hoa) để hiệp với ca-vịnh.

Vua Lê Thánh-tông tự xưng là Tao-dàn Nguyên-sứ, cho quan Đông-các Đại Học-sĩ Thân-Nhân-Trung và Đỗ-Nhuận làm phó Nguyên-sứ, văn thần Ngô-Luận, Ngô-Hoán, Nguyễn-

Trọng-Ý, Lưu-Hung-Hiếu, [79b] Nguyễn-Quang-Bật, Nguyễn-Đức-Huấn, Vũ-Thích, Ngô-Thâm, Ngô-Văn-Cảnh, Nguyễn (cũng là Chu) Hoãn, Phạm-Cần-Đạo, Nguyễn-Ích-Tốn, Đỗ-Thuần-Thú, Phạm-Huệ-Tảo, Lưu-Dịch, Đàm-Thận-Huy, Phạm-Đạo-Phú, Chu-Huân... tất cả 28 người đua nhau xướng họa, gọi là *Nhị thập bát tú* (28 chòm sao).

Người đương-thời khen ngợi việc ấy bảo rằng quan chức của các vị ấy có cấp bậc cao thấp, nhưng khi uống rượu ngâm thơ thì chương chương găm vóc, chữ chữ châu ngọc, họ không lăm khi nhường nhau.

Này, vua tôi xướng họa với nhau, từ xưa đã có việc ấy, như bài hát *Minh-lương* (nói về vua sáng tôi giỏi của vua Lê Thánh-tông làm ra), mười thiên thơ *Quyền-a* thuộc phần *Đại-Nhã* trong kinh *Thi* (của Thiệu-Khang đi theo vua Thành-vương nhà Chu dạo chơi ca-vịnh ở trên gò).

Tao-đàn xướng-họa của vua Lê Thánh-tông quả có vậy chăng?

Vua Dực-tông (Tự-Đức) phê rằng : “ *Đại hạn đại vũ đại cơ giả lũ, hựu tương xướng dự cũng khoa [80a], thù vi khả bỉ!* ” (= Hạn to, mưa to, đói to lắm lần, lại làm thơ khen tặng khoe-khoang nhau thì thật là đáng khinh).



Một thuyết nữa nói cha của Từ-Đạo-Hạnh là Từ-Vinh được phép tàng thân (tàng hình) thường vào trong cung vua thông gian với cung-nhân.

Vua nhà Lý ghét việc ấy mới hỏi kẻ ở Đại-Điền pháp-sư (quê-quán gần xã An-lãng).

Đại-Điền pháp-sư mới giao cho cung-nhân một đoạn chỉ hồng và dặn : "Nhu gặp kẻ tàng hình đến thông gian thì lấy tơ hồng này cột lại để tã tiện bắt hẩn".

Một đêm nọ có một cung nhân hay biết có người đến thông gian bèn làm y theo phép dạy, lấy chỉ cột lại, thì thấy một cây đòn cọt chỉ rớt xuống trên cây đòn nhà, liền báo cho Đại-Điền pháp-sư hay. Pháp-sư bắt đem ra, người ấy là Từ-Vinh, cha của Từ-Đạo-Hạnh.

Từ-Đạo-Hạnh muốn báo thù cha, mới sang Tây-phương (Ấn-độ) học tu luyện được bùa phép rồi trở về nước, gặp Đại-Điền Pháp-sư ở sông Tô-lich [80b] (tại Hà-nội), liền lấy gậy đánh vào cái bóng của Đại-Điền. Đại-Điền chết.

Nay mỗi lần đến ngày lễ của Đạo-Hạnh, nhân-dân xã An-lãng rước thần vị của Đạo-Hạnh đi ngang qua miếu của Đại-Điền liền đốt pháo thăng-thiên làm như cảnh-trạng chiến-đấu đánh nhau, thì các ni-cô trong chùa Đại-Điền đều đọc câu :

Đừng sợ, đừng sợ,

So ra ai kém ai đâu :

Đó xe chỉ thắm, đây trau hột vàng.

Nhưng chưa biết có đúng không, chỉ chép thuyết này đề lại. (Chùa của Từ-Đạo-Hạnh dựng tại xã An-lãng tỉnh Hà-nội).

CHƯƠNG 54

**Sáng trắng trải chiếu hai hàng,
Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ.**

[81a] Thơ phong-sử này thuộc phú.

Đây là lời nam nữ khuyên nhau ra sức cố gắng, trai thì đọc sách, gái thì dệt vải, nói mọi người siêng cần vào nghề căn-bản.

CHƯƠNG 55

**Chẳng tham ruộng cả ao liền,
Tham vì cái bút cái nghiên anh đồ.**

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Đây là người con gái thích kể sử có văn-học.

Nước Nam ta tôn-sùng cái học khoa-cử. Cái học này đến triều nhà Lê thì bắt đầu phát đạt đến cực điểm.

Lúc ấy thiên hạ thái-bình, bốn phương vô sự, nhà nhà đều Khổng Mạnh, chốn chốn đều Chu Trình. Xem chương này và chương trước thì biết rõ việc đó.

Này [81b], nước Nam ta vào thời Hùng-vương thì không gọi là văn-chương vào đâu được, từ thời Bắc thuộc trở về sau, văn-minh của Trung-quốc truyền vào mà văn-chương phong-hóa ngày một phát đạt, tựu-trung một việc khoa-cử

lại được người nước ta quý-chuộng nhất, nào biết rằng văn-chương khoa cử đến đời nhà Lê thành cực thịnh thì cái tệ của học-giới đến đời nhà Lê cũng bắt đầu.

Trung-quốc đã làm về cái học ấy rồi đem sang cho người nước ta làm theo chẳng ?

Từ khi có Chính-phủ Bảo-hộ đến nay, phong-trào học-giới lần lần tiến-bộ cải lương, nhân tài có tư-thế ngày thêm thăng-tiến rộn-ràng, để khỏi cái cái tệ *dài lưng tốn vải, giết chó giết gà*.

Ngạn-ngữ có câu :

*Than rằng : Chớ lấy anh đồ,
Dài lưng tốn vải ăn no lại nằm.*

Và câu :

*Nhà bầy giết chó giết gà,
Năm ba ông cử đến nhà trời mưa.*

CHƯƠNG 56

[82a]

Nhất vui là hội chùa Thầy.
Vui thời vui vậy, chẳng tày vui em.

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Đây là lời nam nữ trêu ghẹo nhau.

Nước Nam ta từ đời nhà Đinh nhà Lý trở lại, tôn sùng đạo Phật, đại khái cơ hồ như nhà nhà đều thờ Phật, chốn chốn đều tu-hành, mà cái tệ đi hành-hương ở chùa-chiền là phần nhiều lấy những nơi danh-lam cổ sát (chùa có danh tiếng, chùa cổ từ xưa) làm thành cái thói dâm-đăng trên Bộc trong dẫu. Cho nên người ta đặt câu phong-dao này để hát.

Núi Thầy là núi Phật-tích ở xã Thụy-kê huyện Yên-sơn tỉnh Sơn-tây. Xưa truyền rằng trên núi có cái động

cổ là nơi Từ-Đạo-Hạnh đời nhà lý thi giải (đạo sĩ thoát xác thành tiên). Trên núi có [82b] viện Bồ-Đà, có am Hương-mai đều do Từ-Đạo-Hạnh dựng lên.

Trong niên-hiệu Cảnh-thống thứ 2 (1499) vua Lê Hiến-tông trùng-tu cảnh chùa ấy và gọi là Thiên-phúc tự, cho cái am Từ-Đạo-Hạnh danh hiệu là Hiền-thụy tự, và dựng bia ghi chép việc ấy.

Lúc đầu, vua Lê Thánh-tông chưa có con nối-dõi. Khi Bà Hoàng-hậu họ Nguyễn, con gái của Nguyễn-Đức-Trung ở trang Nha-miêu được tuyển vào cung, người cha (là Đức-Trung) cầu đảo ở chùa Phật-tích thì Hoàng-hậu sinh ra vua Hiến-tông, cho nên có lệnh (trùng-tu và dựng bia) ấy.

Tục truyền Từ-Đạo-Hạnh đắc-đạo thoát xác hóa thành cọp. Về sau vua Hiến-tông sinh ra thường có bệnh cọp, cho nên người ta cho rằng Từ-Đạo-Hạnh đầu thai sinh ra vua Hiến-tông chưa biết đúng hay không.

Ngày mùng 7 tháng 3 âm lịch là ngày đại-hội kỷ-niệm ngày hóa-sinh của Từ-Đạo-Hạnh.

[83a]

CHƯƠNG 57

**Linh-đình qua cửa Thần-phù,
Khéo tu thì nổi. vụng tu thì chìm.**

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Tỉnh Thanh-hóa có cửa biển Thần-phù (xưa gọi là Thần đầu) nay thuộc trang Chính-đại ở ranh giới huyện Nga-sơn.

Sách *Nguyễn Úc-trai địa-dư chi chép* : Thần đầu là cá có hình người có đuôi không vây.

Có kẻ bảo : "Đường núi ở Thanh-hóa có nhiều thú dữ, sao băng rơi xuống hóa thành giống cá ấy, vì từ xưa đã có thú cá ấy, ngày nay thú cá ấy không còn nữa."

Nước sông từ cửa quan Đại-chính đổ xuống, hai bên bờ núi liền nhau đứng dựng, chảy quanh-co đến biển làm một cảnh-tri sơn-thủy lớn-lao.

Ngày xưa Hùng-vương nam chinh, đến cửa biển bị gió trở ngại mà không tiến được. Có một vị đạo-sĩ [83b] tên La-Viện xin ngồi thuyền đi trước rồi ba quân theo sau, thì biển lặng sóng.

Sau khi khỏi-hoàn, La-Viện từ trần. Hùng-vương phong ngài làm Ấp-lăng chân-nhân (bạc thân tiên trần yên sóng gió), cho lập miếu thờ ở dưới núi Nam-khieu.

Vua Lê Thành-tông đi qua cửa biển Thần-phù có thơ rằng :

Xuyền vân nhiếp kinh nhất điều vu.

Trùng giá chinh điều tác viễn du.

Địa tuần Giang Đà thông thượng quốc.

Thiên tương Chỉ-trụ chương hoành lưu.

Hồ vương ồng tải điền hà thạch.

La-Viện khinh phù phá lãng chu.

Thử khứ hải môn tam thập cửu,

Kể trình hà nhật đảo Ô-châu ?

Dịch nghĩa

- Một đường núi quanh-co nối nhau lên cao xuyên qua từng mây.
- Nhà vua ngồi chiếc xe con đi xa một lần nữa.
- Đất đảo sâu thành sông Trường-giang, sông Đà thông-thương ở Thương-quốc.
- Và trời đem núi Chỉ-trụ chắn ngang dòng sông.
- Vua nhà Hồ (Hồ-Quý-Ly) đã uổng công chở đá lấp sông.
- Đạo-sĩ La-Viện nhẹ-nhàng ngồi chiếc thuyền phá sóng dẫn đường đi trước.
- Nơi này cách cửa biển hàng ba mươi chín dặm,
- Tính hành-trình thì ngày nào mới đến đất Ô-châu (của Chiêm-thành) ?

Dịch thơ

Quanh-co đường núi vượt mây chông.
 Xa giá viễn du bước ruổi dong.
 Đất vạch Giang Đà thông Thương-quốc,
 Trời đem Chỉ-trụ chắn ngang dòng.
 Nhà Hồ lấp đá hao công sức.
 La-Viện ngồi thuyền trấn lãng phong.
 Đây cách hải-môn băm chín dặm,
 Ô-châu bao thuở đến nơi xong ?

Câu phong-dao này nói lên sự quá hiem nghèo của cửa biển.

Đến cuối đời nhà Lê cửa biển bị cát ngày ngày bồi lấp, và địa-giới huyện Kim-sơn là chỗ đất ấy.

Cái thế đời đời của sông biển có [84a] như thế ấy, nhưng há rằng chỉ có sông biển mới đời đời hay sao ?

CHƯƠNG 58

**Ví rằng bác mẹ chẳng sinh,
Đem con bán phố Vạn-ninh cho rồi.**

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Vạn-ninh thuộc tỉnh Quảng-yên, nay là đạo Hải-ninh giáp với huyện Đông-hưng tỉnh Quảng-đông của nhà Thanh (Tàu).

Nước Nam ta bị Bắc thuộc trở về sau, triều-đình Trung-quốc dùng lối thực-dân làm chính-sách. Khách-thương người Tàu sang nước Nam ta thường đi buôn người làm món hàng lạ. Nhân dân ta ở vùng biên-giới phần nhiều là không có nghề-nghiệp, phải lưu-ly tứ tán, lại lấy việc bán con làm nghề.

Đến trong khoảng niên-hiệu Hồng-đức (1470-1497), vua Lê Thánh-tông chế luật định [84b] lệnh có nói rõ về điều luật buôn người, nhưng cái tệ ấy cũng không dứt.

Thơ phong-dao này nói lên nỗi thê-thảm của nhân-dân phải ly-tán trời nổi.

Này, con người sinh ra trong trời đất, ai lại không muốn thân kinh cha-mẹ, thương-yêu con-cái, nhưng phải lưu-ly thất sở đến phải làm cha người làm anh người, thì chính-sách thực dân còn nói làm sao nữa? Thì tất-nhiên phải có chính-sách chấn-hưng công-nghệ, tân-trợ thương-mãi vậy.

Tục nước Nam ta lấy văn-học làm trên hết, lấy việc làm ruộng trồng dâu làm nghề gốc, còn việc công-nghệ và thương-mãi làm nghề ngọn thấp hèn, cho nên nước nhà ngày càng thêm nghèo yếu.

Này, một người con chịu ơn vua thì chỉ có toàn gia-đình hưởng được lộc trời mà thôi. Một người cày thì gia-đình hàng mười người tụ lại ăn, tất-nhiên phải đến cảnh đói khó. Thì hạng sĩ nông phát-đạt được là bao?

Nếu về công-nghệ, dựng lên một xưởng hạng nhỏ thì có thể nuôi được mười [85a] người, dựng lên một xưởng hạng trung thì có thể nuôi được trăm người, dựng lên một xưởng hạng lớn thì có thể nuôi được ngàn người.

Về thương-mãi, một hãng hạng nhỏ có thể chuyển bán hàng-hóa trong một tỉnh, một hãng hạng trung có thể chuyển bán hàng-hóa trong một nước, một hãng hạng to có thể chuyển bán hàng-hóa của ngoại-quốc.

Hạng giàu có tài-sản do đó mà sinh ra, hạng nghèo không nghề-nghiệp nhờ đó mà sống, mà chính-sách thực-dân được thi-hành ở trong đó vậy.

Đường lối làm cho nước nhà được giàu có cũng do đó mà ra, thì há còn tiếng chim hồng chim nhạn lạc loài ly tán kêu thảm nữa hay sao ?

Từ ngày có Chính-phủ Bảo-hộ đến nay, giới công-thương ngày thêm phát-đạt.

Về công-nghệ thì có xe lửa và đường lục-lộ, dân phu làm công mỗi ngày có đến ngàn người. Ở những mỏ than mỏ vàng đang khai-thác, ở những xưởng nấu xưởng sắt được tạo lập [85b], nhân-công dân ta làm việc để nuôi sống qua qua lại lại đông đảo như mắc cửi.

Về thương-mãi thì Hà-nội, Hải-phòng là những đại đô hội, mà Đà-nẵng ở Trung-kỳ, Chợ-lớn ở Nam-kỳ lại là những trung-tâm điếm về mậu-dịch.

Công-nghệ được chấn-hưng, thương-mãi được kết-tập thì cái tệ bán con phải bị tiêu trừ.

Nước Nam ta nếu phá bỏ được cái óc cũ-kỹ ngày xưa,

mở rộng môn học về công-nghệ và thương-mãi, hợp đoàn-thê đề dựng công-nghệ, hùn vốn hùn cổ-phần đề thông việc thương mại thì đường lối làm cho nước nhà được giàu mạnh là ở đó.

Đó là điều trông mong vào chính-sách thực-dân vậy.



CHƯƠNG 59

[86a]

**Tằm sao tằm chẳng ăn dâu ?
Tằm sao ăn ruộng ăn trâu ăn nhà ?**

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Đất nước Nam ta ở vào vùng ôn-dới, cho nên mùa lúa chín xong thì đến mùa tằm, lại giáp núi giáp biển, dâu sản-xuất lại nhiều.

Thuế ruộng dâu vào thời triều nhà Lý định thâu mỗi mẫu 9 quan tiền, hoặc 7 quan tiền.

Vua Thái-tông nhà Lê lại định lại thuế ruộng dâu, nên thuế ruộng dâu ngày ngày thêm nặng khiến dân-chúng than oán, cho nên lấy tằm ra mà nói.

Này, tằm dâu hẳn là mối lợi to của thiên-hạ. Đạo trị nước không ngoài việc làm ruộng trồng dâu.

Nhưng nghề nông thì người cường-tráng mới có thể tận lực làm việc ở ngoài ruộng (*Nam mầu*, mầu ruộng ở phía nam).

Còn nghề tằm thì con trẻ nhỏ bé cũng có thể mang rổ bưng lá dâu, đàn bà và người già cả cũng có thể nuôi được.

Sức ít, công mỏng, trong khoảng một tháng đã có số [86b] lời thu vào rồi.

Mà ở nước ta vào thời bấy giờ, môn học về tằm và dâu chưa thịnh, vả lại việc kéo tơ chưa có phương-pháp, cho nên con đường đem ra xuất-cảng tiêu-thụ chưa rộng.

Từ khi có Chính-phủ Bảo-hộ đến nay, công-nghệ Âu-Á được đưa vào, nuôi tằm thì có nơi, ươm tơ thì có máy, thương-cuộc xuất cảng tơ ngày thêm phồn-thịnh.

Môn học về công-nghệ và thương-mãi của người mình chưa thể phát-đạt đến mức cùng tột, mà khai-khẩn thì không có sức, cho nên nếu bỏ nghề nuôi tằm ra thì không có mru-kế sinh-nhai nào khác.

Chỉ mong người mình bắt chước cách-thức nuôi tằm của người Âu-Tây, học cái khéo-léo về máy-móc kéo tơ của người Âu-Tây, và bắt chước phép trồng dâu ở dưới tường của người xưa thì con đường no ấm cho dân-tộc thật ở đấy vậy.

[87a]

CHƯƠNG 60

**Gánh vàng đi đổ sông Ngô,
Đêm đêm mắng tướng đi mò sông Thương.**

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Sông Ngô thuộc tỉnh Lạng-sơn. *Sông Thương* tức sông
Tương thuộc tỉnh Bắc-ninh.

Thơ này không biết nói gì.

Có kẻ bảo :

Vua Lê Chiêu-thống tránh nạn Tây-sơn, đem vàng
đi cầu-viện với nhà Thanh (1), nhưng việc không thành.

(1) Nguyên-văn chép sai ra nhà Tống.

Người đương thời tiếc việc ấy mà đặt ra câu ca-dao này.

Có người nói :

Cõi Nam-giao nước ta ngày xưa chia ra 9 quận : Nam-hải, Thương-ngô, Quế-lâm [tức nay là những tỉnh Quảng-đông, Quảng tây (2) và Vân-nam] đều là đất cũ của nước ta, mà đất Nam-kỳ lục tỉnh không thuộc vào đấy.

Từ sau khi bị Bắc-thuộc, Giao-châu và Quảng-châu bị Ngô Tôn-Quyền chia ranh giới thì đã không còn một ngày nào châu hoàn Hợp- phổ nữa.

[87b] Đến khi Hồ-Quý-Ly cắt đất dâng cho vua Thành-tổ nhà Minh, kể đến Mạc-Đặng-Dung cắt đất hiến cho vua Túc-tông nhà Minh thì đất Giao-châu đã bị triều-đình Trung-quốc thôn-tính hết phân nữa.

Gian-thần bán nước, tội ấy không thể dung tha khỏi giết.

Người đương thời phở bày việc ấy mà luyến tiếc.

Vua Thế-tổ (3) triều ta mở cơ-nghiệp ở phương Nam, việc mất đất ngày trước về triều-đình Trung-Quốc lại được bù vào ở miền Nam mà lãnh-thổ muôn dặm không mất một thước tấc núi sông nào cả.

Có người nói ý nghĩa câu phong-sử này bao hàm rất rộng. Đại để nói về sự yếu kém về giới thương-mãi của nước Nam ta.

(2) Sách chép sai ra Quảng-nam

(3) Nguyên-văn chép sai ra Thái-tổ.

Nước Nam ta từ khi văn-minh Trung-quốc đưa vào chỉ chuộng văn-chương mà thôi, giới công-nghệ và giới thương-mãi đều ỷ lại vào hàng-hóa của người Tàu. Mỏ vàng mỏ bạc đều giao phó cho người [88a] Tàu khai-thác, chỉ có nghề làm ruộng trồng dâu làm thực-nghiệp. Người Tàu hàng năm đưa vào những hàng hóa không thiết-thực, rồi no đủ chở những thực sắc như vàng bạc mà về, mỗi năm tính ra không biết là mấy ức triệu. Do đó mất những đất-đai hữu hình thì ít mà mất những đất-đai vô hình thì nhiều. Cho nên người ta đặt câu phong-dao này mà nói bóng-bẩy về việc đó.

Còn nói việc mĩ-mại khỏi việc mất vàng là sao ?

Đáp :

— Giới công-nghệ và thương-mãi ngày thêm phát-đạt, hàng hóa xuất-cảng thì nhiều, hàng-hóa nhập-cảng thì ít, thì vàng bỏ ở sông Ngô có thể thu phục lại, còn vàng mò ở sông Thương cũng không đến nỗi nhọc lòng, thì quốc-gia ngày thêm giàu có.

Ba giải-thuyết này xin ghi chép lại đây, chưa biết giải-thuyết nào đúng, mong hỏi các bác quân-tử.

Nay hát cửa đình (1) lại có mấy câu bổ-túc :

(1) Nước ta ngày xưa, mỗi làng có một ngôi đình thờ Thành-hoàng. Thành-hoàng là bậc công-thần khai-quốc, hoặc con hiếu tôi trung, hoặc người giàu lòng nhân-đức có công cứu giúp nhân-dân, sau khi chết được lập đền thờ và được vua phong làm Thành-hoàng để giữ nước giúp dân. Thành-hoàng được dùng nghi-vệ như của vua chúa, cho nên ngày Thần-đãn hoặc ngày mở hội cũng coi như ngày khánh-điền của triều-đình, dân làng tìm cô đầu về hát thờ, gọi là hát cửa đình hay *Đình môn ca*.

*Ai lên xứ Lạng cùng anh ?
Hỏi thăm bác mẹ sanh-thành [88b] ra em.
Tay cầm vò rượu gói nem,
Mảng vui quên hết lời em dặn dò.
Gánh vàng đi đò sông Ngô,
Đêm đêm tư-tưởng đi mò sông Thương.
Vào chùa thắp một nén hương,
Lâm-râm khẩn vái bốn phương Phật Trời.*

Cảm thấy thơ hồ-túc này không biết nói gì.

CHƯƠNG 61

**Đời vua Thái-tổ Thái-tông,
Con dất con bé con bông con mang.
Bò đen húc lẫn bò vàng,
Hai con húc chác (1) đâm quàng xuống sông.
Thằng bé chạy về bầm ông,
Bò đen nó đã xuống sông mất rồi.**

[89a] Thơ phong-sử này thuộc phú.

Ý nghĩa thơ này chưa rõ.

Sách *Quang-phong tạp* của Vương-Võng-Châu chép : Thơ này nói về việc thời sự đời Vua Lê Chúa Trịnh. Nhưng bò đen vàng đen không thấy chép trong sử sách. (Bò vàng bò đen xuất xứ ở *Nguy thư* do Tào-Thực làm ra trong Bắc-sử).

(1) *Chác*, lẫn nhau (tiếng quê miền Bắc), như *đánh chác* là đánh nhau.

Lại tra cứu ở sách *Nam-phong tập* của Trần-Liêu-Am thấy có câu :

*Kỳ này lúa mọc đồng đồng,
Đồ mưa Thái-tổ Thái-tông rầm rầm,*

được giải-thích là ngày kỵ giỗ cúng tế Vua Lê Thái-tổ và Lê Thái-tông thì trời mưa.

Theo phong-tục ở Bắc-kỳ mỗi khi đến ngày 21, 22 tháng chạp thì trời mưa nhiều. Nhân-dân gọi đó là mưa Thái-tổ Thái-tông.

Ngạn-ngữ có câu :

*Hai mươi một Lê-Lai,
Hai mươi hai Lê-Lợi.*

vi rằng đó là những ngày kỵ giỗ của Vua Lê Thái-tổ và Lê Thái-tông.

Thường thường gặp trời mưa thì trâu ghé về trước, vì nó có tính sợ mưa, thì thơ phong-dao này giống như là lời hát của trẻ mục-đồng, không còn [89b] nghi-ngờ nữa. Hai chữ đời vua là đọc sai ra trời mưa.

CHƯƠNG 62

**Ngọn đèn thấp-thoáng ánh trắng,
Ai đem người ngọc thung-thắng chốn này?**

Thơ phong-sử này thuộc phú.

CHƯƠNG 63

**Thần-thơ đứng góc cây mai,
Bóng mình lại ngỡ bóng ai mình làm.**

CHƯƠNG 64

[90a] Nhớ ai lơ-lãng đầu cầu,
Lược thưa biếng chải, gương Tàu biếng soi.

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Ba chương này là lời hát của cung-nữ trong Nhạc-phủ ngày xưa.

Xét vào thời nhà Lê tuyển-chọn con gái của nhân-dân vào cung để hầu-hạ đông-đảo tính đến hàng trăm, có người suốt đời không được lên hầu-hạ vua, cho nên lúc bấy giờ trong cung có loại thơ này, khúc hát gọi là *Đại-thạch*, tiếng nghe bi ai đầy hận oán.

Sau khi nhà Lê mất, cung-nữ tản mác trong thôn xóm. Nay hát cửa đình còn dùng ba câu này.

CHƯƠNG 65

Ngày đi trúc chữa mưng mưng,
Ngày về trúc đã cao bằng ngọn tre.
Ngày đi lúa chữa chia [90b] về.
Ngày về lúa đã dò hoe đây đông.
Ngày đi em chữa có chông,
Ngày về em đã con bằng con mang.

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Đây là lời của chính-phu di đánh giặc.

Theo sách *Giải trào* chú thích rằng : Sau khi vua Lê Ý-tông nhường ngôi cho con là vua Thuần-tông, vùng tây-bắc có giặc Nguyễn-Danh-Phương, giặc Nguyễn-Hữu-Cầu, vùng

Thanh-châu Trấn-ninh có giặc Hoàng-Công-Chất, giặc Lê-Duy-Mật. Quân lính đi dẹp giặc đã lao khổ lại lâu ngày tháng, cho nên mới đặt ra thơ phong-dao này. Chưa biết đúng hay không.

CHƯƠNG 66

**Ai ôi giữ chí cho bền,
Đầu ai xoay hướng đổi nền mặt ai !**

[90a] Thơ phong-sử này thuộc phú.

Mạc-Đặng-Dung, người làng Cồ-trai, huyện Nghi-dương, xuất thân ở chức Đô-lực-sĩ. được vua Lê Uy-mục trao chức Đô chỉ-huy-sứ, làm quan đến triều vua Tương-dực được ban tước Vũ-xuyên hầu, đầu niên-hiệu Quang-thiệu (1516-1526) dẹp yên giặc Lê-Do, nắm binh-quyền, được tấn-phong là Thái-phó Nhân quốc-công, giết vua Lê Chiêu-tông, phế vua Lê Cung-tông, trong niên-hiệu Thống-nguyên thứ 6 (1527) soạn ngôi nhà Lê mà được thiên-hạ, lấy kỷ-nguyên là Minh-đức, ở tại thành Thăng-long, lập làng Cồ-trai làm Dương-kinh, đường-bộ của nhà Lê chuyển thành đường-bộ của nhà Mạc.

Trong thời-gian ấy những bề tôi tiết-nghĩa, nhớ công đức của vua Lê Thái-tổ dẹp trừ quân Minh, không chịu theo nhà Mạc như Đàm-Thận-Huy, Nguyễn-Tự-Cường đánh nhau với Mạc-Đăng-Dung mà chết, Nguyễn-Thái-Bạt đến gần tôi trước phun nước bọt vào mặt Mạc-Đăng-Dung, Lê-Tuấn-Mậu giấu đá trong ống tay áo ném Mạc-Đăng-Dung, đều được chép [90b] rõ ở sách *Trung hưng tiết nghĩa lục*.

Họ đồng một tư-tưởng với áo mào triều-phục lay về đất Lam-son, họ đồng một cơ-sở đặt định tinh-thần nước Việt.

Này, dền dài đều có chủ mới, áo mào khác thuở xưa, mà lòng người còn nhớ nhà Lê, cảm ân báo đức, há lại vui thích theo việc Mạc-Đăng-Dung xoay phương đổi hướng lập riêng một triều-dinh hay sao ?

Câu phong-dao này nói hạng làm tôi phải giữ tiết-thảo cho vững bền và ngấm ngấm ngụ ý khuyên chớ nên làm quan cho nhà Mạc.

Này, nhà Lê lập quốc với ân dày nhân hậu còn ghi ở bia đá nơi Hồng-lĩnh Lam-giang, truyền được 111 năm thì Nguyễn-Mạc cướp ngôi, tuy trong một lúc có kẻ đã theo nhà Mạc, nhưng tâm-tình người luyện nhớ nhà Lê còn gieo rắc trong lời ca vịnh như thế, cho nên Lê Trang-tông được lập làm vua và truyền nối lâu [91a] dài đến 257 năm nữa, thì công-dec của 8 vị vua Lê (Thái-tổ, Thái-tông, Nhân-tông, Thánh-tông, Hiến-tông, Túc-tông, Tương-dực và Chiêu-tông) có thể biết được.

Đọc câu phong-sử này như nghe được tiếng vượn hú ở núi Tam-giáp (1) vậy.

(1) *Tam giáp* là ba ngọn núi ở tỉnh Tứ-xuyên, mà cao nhất là ngọn Vu-giáp. Ngự-phủ ở đây có bài hát : *Ba-đông tam giáp Vu-giáp trường, viên minh tam thanh lệ triều thường* = Trong ba ngọn núi ở Ba đông, ngọn Vu-giáp cao hơn hết, Vượn kêu ba tiếng thì mạnh quàn thấm dầm nước mắt.

CHƯƠNG 67

**Ai lên Phố (2) Cát Đại-đồng
Hỏi thăm cô Tú có chồng hay chưa ?
Có chồng năm ngoái năm xưa,
Năm nay chồng vắng như chưa có chồng.**

Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Phố Cát Đại-đồng thuộc tỉnh Tuyên-quang.

(2) Sách chép sai ra *Khố Cát*.

CHƯƠNG 68

[91b] Kéo quân qua cửa Hùng-quan,
Chim muôn tiếng hót, hoa ngàn thức đưa.
Nhớ ai ngơ-ngán ngán-ngơ,
Nhớ ai ai nhớ, bây giờ nhớ ai ?

Thơ phong-sử này thuộc phú mà tỷ.

Cửa Hùng-quan thuộc tỉnh Tuyên-quang.

Vũ-Văn-Uyên, người ở Ba-dông huyện Gia-lộc, hùng dũng khác phàm, trong thời vua Lê Chiêu-tông vì việc giết người phải chạy trốn vào Đại-dồng rồi ứng mộ từng chinh lập được chiến-công, được thăng Tuyên-quang Đô Tổng-binh sứ.

Lúc Mạc-Đặng-Dung soán ngôi nhà Lê, Vũ-Văn-Uyên chiếm cứ thành Tuyên-quang chống lại họ Mạc.

Vũ-Uyên mất, em là Vũ-Mật thống-lãnh quân-đội trấn-thủ Tuyên-quang, gặp lúc ấy vua Lê Anh-tông sai Trịnh-Kiểm từ núi Thiên-quan đưa quân ra Tuyên-quang đánh giặc Mạc. Vũ-Mật giúp binh và tải lương cho Trịnh-Kiểm, cùng với Thái-thủ trấn tướng ở Lạng-sơn làm thế [92a] giúp đỡ nhau, vì có công được phong Gia quốc-công và được cha truyền con nối đời đời giữ chức Trấn-thủ thành Tuyên-quang.

Đương lúc ấy Ngụy Mạc tung-hoành, mười ba thừa-tuyên (tỉnh) đều không thuộc về nhà Lê nữa, vậy mà hai anh em họ Vũ một mình lại có thể hùng tâm nghĩa cử trấn-thủ một phương, không quên ơn vua cũ, cho nên có lời hát này.

Thiên trên (Ai lên Phố Cát...) giả thác lời dò hỏi vợ, lấy việc nhớ chồng ám-chỉ việc nhớ vua.

Thiên dưới (Kéo quân ra cửa Hùng-quan...) đề cao rạng-rỡ việc quân và ẩn ngụ ý nhớ vua. Lòng trùng-nghĩa đã tràn ra ngoài lời nói.

Nhân-dân ở Tuyên-quang thật đáng bia danh.

CHƯƠNG 69

**Bên sông thanh vắng một mình,
Có ông ngư phủ biết tình mà thôi.**

[97b] Thơ phong-sử này thuộc phú.

Lúc nhà Mạc soán ngôi nhà Lê, vua Lê ở tránh nơi hành-tại An-trường, có mở ra chế-khoa để chọn lấy kẻ sĩ.

Lúc đó có Nguyễn-Nghi, người làng Phúc-thọ huyện Đông-sơn, ra ứng-cử, đi thuyền qua sông Lỗ-hiền (tại huyện Lôi-dương tỉnh Thanh-hóa) ban đêm nghe ngư-phủ (người đánh cá) hát lên câu này.

Khi vào trường thi, trường quan ra đề thơ *Quốc-tử* (quốc, nước, tử, con). Sĩ-ử trong trường đều làm bài về *Quốc-tử giám* (trường Đại-học của triều-đình ở kinh-đô).

Riêng Nguyễn-Nghi nhớ lời hát của ông chài, làm bài về *ngày con nước* (thủy-triều nhật) có câu :

Giang hồ tịch-mịch vô nhân vấn,

Duy hữu ngư ông thức đắc tình.

江 湖 寂 寞 無 人 問
惟 有 漁 翁 識 得 情

Dịch nghĩa :

Sông hồ tịch-mịch không ai hỏi,

Chỉ có ngư ông thức nổi tình.

Trường-quan duyệt phê là câu thần.

Đến khi yết bảng kết-quả, Nguyễn-Nghi đỗ Đệ-nhất giáp đệ-nhị danh, và được người đời gọi *Ngư ca giáp đệ* (đỗ khoa nhờ câu hát của ông chài) (1).

(1) Thế thi chương này là một câu vu-vơ mà một ông chài nào đó đã hát lên trong đêm khuya đã ám ảnh Nguyễn-Nghi và làm cho ông mất trí hiểu chữ *quốc tử* là *con nước thủy triều*. Và các trường-quan khoa ấy đã trông gà hóa quốc, đã cho đỗ đệ-nhất giáp đệ-nhị danh một sĩ-tử làm bài lạc đề. Vậy chuyện này là chuyện trào-phúng không có thật.

[93a]

CHƯƠNG 70

**Chớ ^h kính chùa Tích không thờ,
Mà đem xôi oản cúng nhờ gốc cây.**

Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Chùa, chùa Phật. Xôi oản, lễ vật cúng Phật. Gốc cây, cây ở bên chùa.

Nhà Nguy Mạc soán ngôi nhà Lê. Trịnh-Kiểm lập Lê Trang-tông (1533-1548) lên làm vua để tiêu-diệt nhà Mạc phục-hưng nhà Lê, truyền đến đời vua Lê Trung-tông (1518-1556), Trịnh-Kiểm lấy chức Thái-sư coi việc chính trong nước, mọi việc đều do bàn tay của Trịnh-Kiểm quyết-định cả.

Vua Lê Trung-tông không có con nối ngôi, Trịnh-Kiểm nghi-nan lưỡng-lự việc làm vua, mới sai sứ-giả đến

hỏi Trình quốc-công Nguyễn-Bình-Khiêm. Trình quốc-công bảo : “Năm nay mất mùa, làm ruộng thường dùng giống lúa cũ”.

Cụ lại bảo đến chùa Yên-sơn, sai tăng quét dọn đốt hương ngắm ngắm tỏ ý bảo : “Thờ [93b] Phật thì được ăn oản”.

Vả lại lúc ấy vua Lê thì yếu, họ Trịnh thì mạnh. Sĩ-phu triều nhà Lê đều đến Phủ-liêu họ Trịnh, phần nhiều hòa theo người có quyền thế mà nương cây vào nhà họ Trịnh để mong được phú quý.

Câu phong-dao này dùng chùa Tích sánh với vua Lê, dùng gốc cây ví với họ Trịnh, răn bảo chớ thấy vua Lê yếu mà dựa theo họ Trịnh.

Này, thiên-hạ là thiên-hạ của nhà Lê. Áo mào của họ Trịnh là của nhà Lê làm nở mày nở mặt cho. Nhà Lê sống thì họ Trịnh còn. Nhà Lê tiêu thì họ Trịnh mất. Huống chi trước đây công đức đuổi trừ quân Minh còn có bia đá kỷ-niệm ở sông núi Lam Hồng. Vả nhà Lê tuy suy yếu ở nửa chừng, nhưng quyền của vua thì tự tại, phận làm tôi thì lo-lắng ngóng trông, tôi dân giúp đỡ tôn phò vua làm đạo nghĩa, phải sùng bái [94a] vua, thành kính với hương hoa khấn chúc vua để cả thiên-hạ chung một vua và cùng với thiên-hạ tôn kính vua, nhưng không được dòm ngó mong muốn những điều trái phận.

Ý tứ của nhà thơ sâu xa thay !

CHƯƠNG 71

**Thế gian đồn trá cho mình.
Oan ơ hỡi ỨC, vồn tình mình không !**

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Thái-tử Duy-Vĩ, con của vua Lê Hiện-tông, tính người cương-trực quyết-đoán, thường giận quyền-thần (chúa Trịnh) lấn vượt mà uất hận, có chí giành lại quyền cương.

Trịnh-Sâm không ưa Thái-tử, bèn cùng hoạn-quan Phạm-Huy-Đĩnh âm mưu phế Thái-tử nhưng không có lời gì để buộc tội, mới vu khống cho Thái-tử thông dâm với cung-nhân, đem cáo trạng tâu lên vua Lê Hiện-tông [94b] xin bắt Thái-tử trói lại bỏ vào ngục.

Thái-tử nghe biến, mới vào ở nơi điện của vua cha. Phạm-Huy-Đĩnh đem binh vào tìm bắt.

Thái-tử tự biết không thoát khỏi, bèn ra cho trời. Đỉnh dẫn Thái-tử đến phủ chúa.

Trịnh-Sâm bảo phải còi mảo để chờ tội. Thái-tử không chịu, bảo : «Phế lập là việc xưa nay của nhà mày. Tội của ta không cần có nữa, (mày cứ giết đi) đã có sử xanh ngàn thu còn đấy».

Trịnh-Sâm cho thắt cổ giết Thái-tử.

Ngày thọ hình của Thái-tử, ban ngày mà tối-tăm, trăm họ đều cho là oan ức.

Câu phong-dao này than-thở nỗi vô tội của Thái-tử.

Đời truyền rằng con trưởng của Trịnh-Sâm tên Khải không được Trịnh-Sâm yêu thương.

Trịnh-Sâm đã hại Thái-tử, về sau lại sinh ra Trịnh-Cán. Trịnh-Cán có dáng-mạo giống in như Thái-tử Lê-Duy-Vĩ, lúc ngồi thường lắc đầu, được Trịnh-Sâm cưng lắm. Mẹ của Trịnh-Cán là Tuyên-phi Đặng-thị-Huệ phế Khải lập Cán lên ngôi Chúa, đúng là đôn-đốc việc sớm suy vong của họ Trịnh đấy.

Oan oan tương báo, làm sao biết được [95a] con heo ở Bối-khâu chẳng phải Bành-sinh đầu thai ra ?

CHƯƠNG 72

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

Nào ai vun quén cho mày đặng ăn ?

Thơ phong-sử này thuộc tỹ, nói về việc chuyên-quyền của họ Trịnh.

Theo *Việt sử*, sau thời Trung-hưng của vua Lê Trang-tông, họ Trịnh đời đời nắm giữ quyền chúa, uy-phúc do ở một mình họ Trịnh.

Vua Lê Anh-tông bị Trịnh-Tùng giết.

Vua Lê Kính-tông cũng bị Trịnh-Tùng hại.

Trịnh-Tráng nối theo, phế vua Lê Duy-Phương.

Trịnh-Cương nối theo ép vua Lê Ý-tông nhường ngôi.

Thái-tử Lê-Duy-Vĩ bị Trịnh-Sâm cho thất cò giết chết.

Nhân-dân thấy những việc ấy mới nghiêng răng than oán [95b] mà không dám nói thẳng ra, mới lấy việc ăn quả (trái) và sánh ví.

Nói ăn quả phải nhớ người đã trồng cây, lại đến nỗi rút hái ba bốn lần mà không doái đến thì có thể nhẫn tâm hay sao? Nói Chúa Trịnh thật là vô nhân đạo.

Lão làm vườn tưởng rằng cũng không vui mà có đũa giữ vườn ấy.



CHƯƠNG 73

**Thuyền câu lơ-lãng đã xong,
Thuyền chài lơ-lãng uống công thuyền chài!**

Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Thuyền câu, thuyền nhỏ để câu cá. *Thuyền chài*, thuyền to để đánh cá.

Sau thời Lê Trung-hưng, Trịnh-Tùng tiến phong tước vương, mở Phủ đặt quan chức, nắm hết tài-chính thuế-khóa, đặt ra vương-quyền chuyên-chế, đề ra một ngàn xã làm Thượng-tiến-[96a] lộc cho vua Lê (thu thuế mà chi-dụng) chế ra năm ngàn tưng binh ở Nội-điện làm quân Túc-vệ.

Vua yếu, tôi mạnh, việc chính đều thuộc về Phủ chúa. Với long-đình lộng cái, chúa Trịnh ra vào an nhiên.

Vua Lê rủ áo, ngồi không, vô sự, chỉ lấy sơn thủy làm vui, có lúc rong xe đi Tây-kinh, lên núi đề ngâm thơ vịnh, có lúc thả thuyền ở hồ Tây, buông dây thuyền cho trôi dạt tiêu dao, thế cuộc được xem như ván cờ, kể sách quốc-gia, lược-mưu quân-đội hoàn toàn không phải lo đến, chẳng từng nhớ đến công-đức của tổ-tiên còn ghi ở sông núi Hồng Lam hay sao ?

Đến niên-hiệu Cảnh-hưng (1740-1786) vua Lê Hiến-tông vui chơi ngày thêm đậm, thường dạy cung-nhân diễn tuồng *Tam-quốc trận đồ* để làm vui. Có người khuyển can, nhà Vua đáp : "Sở dĩ ta làm như thế là để giải những nỗi nghi-ngờ của họ Trịnh".

Từ đó, nhà Vua cứ buông lung dật [96b] lạc, thậm chí binh Tây-sơn kéo đến, thành Thăng-long thất-thủ mà nhà Vua cũng không biết xét soi. Nhân-dân thấy như thế không xiết cảm-khái mới mượn tư-cách người lái thuyền làm ra câu hát này.

Thuyền câu vi vời chúa Trịnh. Thuyền chài chỉ vua Lê.

Nói họ Trịnh một thời lộng quyền, không có nền tảng của tổ-tiên khai sáng, không có công-phu tạo lập một mảnh cón-con sông núi, thế mà an-dật làm vui thật không dung chề trách.

Còn họ Lê thì hơn mười năm (1) chài gió dầm mưa mới có thể đoạt hột trâu-châu của nhà Minh đem về

(1) Sách chép sai ra hơn « hơn 40 năm ».

tay người nước Nam ta nắm giữ. Khai sáng đã gian nan, lại với nhân sâu đức hậu sáng lập ra cơ-nghiệp Trung-hưng, được tất cả hơn ba trăm năm (nhà Lê làm vua từ thời Tiên-Lê đến thời Hậu-Lê được tất cả 360 nam), cơ-đồ củng-cố. Trong thời Trung-hưng, trải qua các đời vua Lê đều ý-lại vào họ Trịnh, sao chẳng nhớ lại tông [97a] xã ở Lam sơn ?

Mỗi lần đọc thơ phong-dao đến đây thì mỗi chữ là một giọt nước mắt đáng hàng trăm tờ sớ trung-thành.

CHƯƠNG 74

**Em đừng thấy lính mà khinh,
Lãnh-binh Thống-chế ba dinh một dòng.**

CHÚ : Ba dinh là ba phủ Thiệu-thiên, Tĩnh-gia và Hà-trung thuộc tỉnh Thanh-hóa.

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Cưỡi đời nhà Lê, lính kiêu binh Tam-phủ sau khi lập chúa Đoan-nam vương Trịnh-Tòng lên ngôi, càng ngày càng kiêu-cãnh, triều-dinh không chể-ngự được chúng. Lại có kẻ theo chúng mà được giàu sang như bọn Vũ-Bằng, Nguyễn-Liêm, Gia-Thọ vốn là hạng vác dao trong hàng-ngũ bỗng một sớm trở thành giàu sang, cho nên người đương thời làm thơ phong-dao này để châm-biếm họ.

Nói người đời chớ nên thấy hạng xuất thân ở [97b] hàng-ngũ mà khinh-dề họ. Trong thời nhà Lê, những bậc có xe bốn ngựa, lọng cao, nàò dây tua, nàò ấn-dấu rõ-ràng há chẳng phải là nhân-vật trong kiêu-binh Tam-phủ hay sao ?

Lời thơ tuy khen họ mà ý thật là cười họ vậy.



CHƯƠNG 75

**Bão-bùng càn ngọn xơ-rơ,
Chim không nơi đỗ, dật-dờ phương nao?**

Thơ phong-sử này thuộc tỷ mà hứng.

Theo *Ngoại-sử*, năm Đinh-vị nhằm niên-hiệu Cảnh-hưng thứ 48 tức năm 1787, có trận bão nổi lên dữ-dội, nước biển dâng tràn, nhân-dân Nam Bắc trôi dạt tứ [98a] tán, lúa gạo đắt giá, mùa-màng bỏ hoang, dân-chúng phải nấu cỏ làm lương-thực, sống ở ngoài trời.

Lúc ấy chỉ có gạo lại khổ không có muối. Nhân-dân thở than không xiết !

Hơn nữa họ Trịnh lại xưng lên việc Cần-vương ở Bắc-hà.

Còn Cao hoàng-đề triều ta (vua Gia-long) bôn bá ở miền Nam.

Anh em nhà Tây-sơn cắt đất chiếm giữ phân tranh, rờng cọp chiến đấu, ngày ngày lo dùng vào việc can qua, ngựa xe đong ruổi, suốt năm không ngưng tiếng trống, không biết lúc ấy trong nước là thiên-hạ của nhà nào, bốn bề binh lửa, tạt khở lảm nơi, nhân-dân biết theo về đâu cho được nơi yên ổn?

Hoàng xử-sĩ ở Thiệu-dương trong bài *Hoài Nam khúc* có chép : [98b] *Gạo năm tiền một chén cầm biên tức là lúc ấy vậy, và trong bài *Thương loạn thi* có câu :*

*Chim Việt ngựa Hồ ngựa-ngác đó,
Hươu Tần én Tạ lạc loài mô ?*

Là nói cảnh loạn-lạc đã cùng cực vậy !

CHƯƠNG 76

**Khoan khoan hơi gã chèo đò,
Hơi anh cầm lái đặng-dò trước sau.**

Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Cuối đời nhà Lê, quân Tây-sơn hung tợn, vua Lê Chiêu-thống bốn ba ở Bắc-kinh bên Tàu, triều Nguyễn ta dựng nước ở Sài-côn.

Nhân-dân lúc bấy giờ phần nhiều ẩn trốn ở núi rừng không ra làm quan, có kẻ phụ vào nhà Tây-sơn, có kẻ đầu theo triều nhà Thanh (Trung-quốc), cùng răn bảo nhau nên cẩn-thận về nơi ngưỡng mộ để theo về, cho nên đặt ra phong-dao này để ngấm ngấm nói bóng gió về việc ấy, đề thường [99a] nhân đó mà đạt được ý chuyển qua thời đại mới.

Đại phạm đạo trời cứ 30 năm là một tiểu-biến, 300 năm

là một trung-biến, 3.000 năm là một đại biến. Mỗi lần biến là một kỳ chuyển qua thời-đại mới. Không biến thì thế nước không đạt tới văn-minh, không biết biến thì thế nước cuối cùng sẽ bị tiêu-diệt.

Kinh Dịch có câu ; «*Cửu biến phục hồi*» (Chín lần biến đổi thì trở thành rạng-rỡ đẹp-đẽ). Đó là nói về việc đó.

Này, thời-kỳ chuyển qua thời-đại mới là thời-kỳ cạnh-tranh vậy, tỷ như chiếc thuyền, người ta tranh ở trên gió để tiến thẳng lên, còn một mình ta thì lùi rút lại.

Nước Chiêm-thành sở dĩ bị tiêu-diệt dòng giống là vì gặp chèo thuyền mà không xét thứ tự trước sau.

Cuộc duy-tân trong thời vua Minh-trị của nước Nhật-bồn đã thành công.

Cuộc chính-biến năm Mậu-tuất của nước Trung-hoa lại trở thành một phen đau-đớn lớn-lao.

[99b] Muốn thuận tiến đến văn-minh cực-diêm mà không có cái lo phải phá thuyền cho chìm và đập nổi cho vỡ (1) đó là việc lèo lái của giới đương nắm chính-quyền.

Nước ta trong thời-kỳ ở thế-kỷ thứ 20 này có phải là đang trong thời-kỳ chuyển qua thời-đại mới chăng ?

(1) Hạng-Vũ đi cứu đất Cự-lộc, khi đem hết quân qua sông rồi liền khiến phá thuyền cho chìm và đập nổi cho vỡ để quân không còn mong trở về được nữa mà liều chết tiến đánh.

Phong-trào Âu Á càng ngày càng lên, đương thời-kỳ
chuyên mới ấy mong người cầm lái cầm chèo hãy cẩn-thận.

Ý của nhi-nhân đã lo sâu nghĩ xa chăng ?

Nhà xử-sĩ ở Gia-dịnh có thơ rằng :

Chàng đừng thắng lò tranh trước gió,

Chi bâng mài một chữ khoan-khoan.

Cũng là ý ấy vậy.

CHƯƠNG 77

[100a] **Đời vua Vinh-tộ lên ngôi,
Cơm gạo đầy nời, trẻ chẳng ăn cho.**

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Vĩnh-tộ là niên-hiệu vua Lê Thần-tông (1620-1628).

Trong khoảng niên-hiệu Lê Cảnh-hưng (1740-1786) và Lê Chiêu-thống (1781-1788) có lắm năm mất mùa đói khổ, nhân-dân lưu-ly tứ-tán, cha con không thể nuôi nhau, anh em không thể dựa nhau, cho nên họ nhớ lại những ngày trúng mùa trong niên-hiệu Lê Vĩnh-tộ mà than thở kiếp sống của họ không gặp thời.

Đây cũng là lời của quan chức than thở không được vua hậu-dãi bằng nhà cao cửa rộng với bữa cơm đầy-dủ dồi-dào, như ở thiên *Quyền-dư* thuộc phần *Tần-phong* trong *Thi kinh* đấy chẳng ?

CHƯƠNG 78

**Gió đưa cây cải về trời,
Rau răm ở lại chịu lời đắng cay.**

[100b] Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Cải, rau cải có thể làm dưa, tháng mùa đông bắt đầu gieo hạt mà trồng. *Trời*, Thiên-triều, triều nhà Thanh bên Tàu. Nước ta trải các đời đều chịu triều-đình Trung-quốc phong cho, cho nên gọi nước Trung-quốc là Thiên-triều. *Răm*, thứ rau có vị cay, mọc ở chỗ đất thấp.

Theo *Sử-ký*, Nguyễn-thị-Kim, người ở làng Tỳ-bà, huyện Lương-tài là cung-phi của vua Lê Mẫn-đế.

Lúc ấy quân Tây-sơn chiếm cứ thành Thăng-long, vua Lê Chiêu-thống và Hoàng Thái-hậu với cung-phi chạy lên Cao-băng ném mọi nỗi đắng cay.

Đến khi vua Chiêu-thống sai người sang cầu cứu với nhà Thanh thì trước hết bí-mật khiến người hộ-tống Thái-hậu và Nguyên-tử (con trai trưởng của vua) đi sang Tàu.

Còn Cung-phi Nguyễn-thị-Kim đi theo không kịp phải buồn hận trở về âm-thầm ẩn tránh trong dân-gian lo việc làm ruộng nuôi tấm và dệt vải để sống bằng sức-lực của mình.

Ngày xưa sống với phần [101a] sáp cung-trang, ngày nay nàng trở thành người đàn bà quê với áo vải thoa gai, vua thì chạy đi, nước thì tan mất, nổi đắng cay không xiết được, cho nên làm thơ phong-dao để tự ví mình.

Cải (1) là thứ rau có vị đắng ví với Thái-hậu. *Rau răm* cũng có vị đắng ví với Cung-phi.

Nói Thái-hậu đi xa sang Thiên-triều chưa biết cam-khổ ra sao. Một mình Cung-phi ở lại trong đất giặc chiếm đóng phải chịu những nỗi cay đắng ấy. Đây cũng là lời than-thở.

Về sau vua Chiêu-thống ở Yên-kinh bị bệnh mà chết.

Sau khi lấy được nước và định quốc-đô, triều Nguyễn ta xin nhà Thanh đưa linh-cữu vua Lê Chiêu-thống về nước.

(1) Sách chép sai ra chữ *đồ* là rau *đồ*.

Cung-phi Nguyễn-thị-Kim đến trước linh-cữu lay khóc rồi uống thuốc độc mà chết.

Thương thay! Trung-thần liệt-nữ từ xưa đều thế.

Nay người ta đọc đến chương này thấy được lời trung-nghĩa rõ-ràng, tuy lão [101b] luyện về văn mặc nói cũng không thấu đạt được.

CHƯƠNG 179

Hỡi Nước Nước,
Trăng khuya đã mọc, con (1) nước đã lên,
Chèo sang bến kính, bảy năm ba rở.
Hoạ may trời độ, đặng cá ông voi.
Tiền xỏ dây lòi (2), gạo năm ba thúng.

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Đây là người ở ăn mượn lời ông chài để tự an-ủi mình.

Nước, tên cá nước ở biển, mình toàn màu đen, to như con heo, khi gặp thuyền thì tự lại theo thuyền mà lội đua.

(1) Sách chép chữ đó, nhưng ở đây phải chữ *con* mới đúng.

(2) *Lói*, sợi dây rất chắc dùng để xâu tiền vào ; các bà nội-trợ ngày xưa đi chợ thường quấn lói mấy vòng quanh eo lưng.

Ông chài lấy tên cá nước đặt tên đứa con. *Hỡi*, tiếng ông chài gọi đứa con. *Cá ông voi*, loài cá rất to ở biển.

Cuối đời Lê, quân Tây- [102a] sơn cướp đất Bắc, họ Trịnh xâm-phạm phương Nam, đời gặp loạn ly, người hiền tài không vui ra làm quan, phần nhiều gởi dấu chân ở sông hồ, mới mượn lời ông chài mà bày tỏ tâm tình.

Nói trắng đã mọc, thủy-triều đã dâng, ông chài trên sông cũng theo con nước mà tiến, thuyền chài phần nhiều đi theo cá mà lên. Cha con ta sao không dậy sớm sang bên kia sông quăng lưới bắt cá để nuôi sống cho đầy-đủ. Ý nói : Được vậy cũng đã biết là đủ rồi mà không có ý gì cầu cạnh với đời.

Nhà thơ này cũng là hạng quân-tử không chịu ngồi không mà ăn như ở thiên *Phật-đàn* thuộc phần *Ngụy-phong* trong *Thi kinh* chăng ?

Nghe thơ phong-dao này, người cổ lão kể chuyện :

Lúc đầu thời trung-hưng của triều Nguyễn ta, có ông chài tên Tráng, người ở huyện Phù-cát, tỉnh Bình-định nhà ở cửa biển Thi-nại, lấy việc đánh cá làm nghề-nghiệp.

Lúc [102b] bôn-ba tạm trú ở miền Nam, từ Thuận-hóa về nam bị Tây-sơn chiếm đóng, Thế tổ Cao-hoàng triều ta thu quân về thành Gia-định, sai Võ-Tánh và Ngô-Tùng-Châu đem quân ra lấy thành Quy-nhon. Hai vị lấy được thành ấy.

Vua Cảnh-thịnh nhà Tây-sơn lại sai Nguyễn-Văn-Diệu đem binh vây Quy-nhon.

Quân của Võ-Tánh đóng ở trong thành, binh của Diêu vầy ở ngoài thành, hai bên chống giữ nhau đã mấy năm.

Vua Gia-long lo ngại, đem trọn binh thuyền đến thẳng Thi-nại để cứu Võ-Tánh. Võ-Tánh hay được bèn viết mật thư cho vua Gia-long rằng: «Binh tướng Tây-sơn vầy lấy Quy-nhơn thì kinh-thành Phú-xuân tất phải trống không, xin Vua đem ngay binh thuyền đến thẳng Thuận-hóa, rồi sau sẽ đem binh đến cứu Quy-nhơn».

Trong thư có câu: «Lấy một tính-mệnh của thần đổi lấy Phú-xuân là đủ rồi». [103a]

Lúc ấy binh Tây-sơn đóng ở cửa Thi-nại, thuyền của Vua Gia-long không thể vào, còn thư của Võ-Tánh không thể đem ra.

Có một ông chài tên Tráng xin dùng kế đem thư đi. Võ-Tánh bằng lòng. Lão Tráng lấy bức thư phong kín lặn xuống nước mà đi, đầu đội bó rơm làm ra dáng phiêu-lưu. Quân Tây-sơn không hay biết.

Lão Tráng lặn đến thuyền Vua, cầm bức thư dâng lên. Vua Gia-long được bức thư, mừng lắm, thương lão bị lạnh, bèn lấy áo ngự-bào mặc cho lão.

Lúc ấy trong quân thành-linh không có bút mực. Vua Gia-long bèn lấy sơn bôi vào bàn tay in dấu tay vào miếng giấy to đưa cho lão Tráng và bảo: «Người có công to đối với ta, người hãy lấy dấu bàn tay ta làm tin. Ngày nào lấy được nước, ta sẽ có chiếu-chỉ vời người, người cầm lấy dấu tay đến gặp ta, thì [103b] ắt được báo ơn trọng hậu».

Lão Tráng lay từ biệt, lại đội bó rơm lặn xuống nước.

Tháng 5 năm ấy, Vua Gia-long y theo lời Võ-Tánh, cất đại binh thuyền lấy Phú-xuân.

Sau khi lấy được nước định xong quốc-đò, Vua Gia-long sai người triệu lão Tráng.

Lúc ấy lão đã hơn 70 tuổi, nghe được Vua vờ liền đem hai con cá khô đến kinh-thành Phú-xuân yết-kiến.

Vua Gia-long cả mừng bảo :

— Người muốn quan chức gì ta cũng không tiếc.

Lão Tráng là người cá-lắm, liền tâu :

— Thần Tráng Tráng không có điều ham thích gì khác, chỉ thích người ta gọi mình là ông Tráng Tráng mà thôi.

Vua Gia-long đùa bảo :

— Thế thì phong cho người làm Tráng-Tráng Quận-công.

Vua Gia-long ban cho rất trọng hậu và cho lão Tráng trở về.

Lão Tráng lại gởi dấu chân vào chốn sông hồ mà chưa từng không có công với đời và cũng chưa từng đã [104a] cầu cạnh gì với đời vậy.

CHƯƠNG 80

**Bao giờ rờng đến nhà tôm,
Rờng leo cây ngải thời con rờng vàng.**

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Đây là lời sấm nói về cuộc hưng-suy của họ Trịnh.

Cuối đời Lê, Trịnh-Kiểm sống với mẹ ở Biện-thượng, có tính chi hiếu, nhà nghèo, thường đuổi bắt gà của hàng xóm làm thịt cho mẹ ăn.

Người hàng xóm không ưa, gặp lúc Trịnh-Kiểm đi vắng, bèn trói bà mẹ của Trịnh-Kiểm quăng xuống vực tôm.

Gió mưa nổi lên dữ-dội, sấm sét chấn-động ùng-ùng, nước sông dâng tràn.

Hôm sau chỗ vực sâu biến thành đồi đất.

Thầy phong-thủy người Tàu đi [104b] ngang đấy, đoán rằng :

*Phi đễ phi bá,
Quyền khuynh thiên-hạ.
Nhị bách dư niên,
Tiêu tường khởi họa.*

Dịch nghĩa

Không phải vua, không phải tước bá,
Mà quyền-bính nghiêng thiên-hạ.
Hơn hai trăm năm,
Họa khởi ở trong mà mất.

Từ thời Trung-hưng đời vua Lê Trang-tông, Trịnh-Kiểm làm Thái-sư, được phong tước Thái-bảo quốc-công.

Trịnh-Kiểm mất, con là Trịnh-Tùng làm Tả-tướng.

Lê-Cập-Đệ muốn trừ Trịnh-Tùng, bị Trịnh-Tùng giết.

Rồi Trịnh-Tùng lại thi vua Lê Anh-tông, tự xưng là Bình-an vương, lại giết vua Lê Kinh-tông. Từ đấy hiệu- lệnh thưởng phạt đều do con cháu họ Trịnh chủ-trương. Dòng dõi họ Trịnh đời đời cha truyền con nối làm tước vương (chúa).

Đến Trịnh-Sâm thì sự hung-hăng càng quá lắm. Lúc ấy nghe Quảng-nam hữu sự, Trịnh-Sâm lấy danh nghĩa giúp binh trừ giặc, tự thống-suất chiến-thuyền vào Nghệ-an đóng đồn ở doanh Hà-trung.

Trịnh-Sâm truyền ngôi cho Trịnh-Khải. Trịnh-Khải bị nhà Tây-sơn giết. Họ Trịnh mất.

Câu phong-dao này nói về cuộc hưng phế của họ Trịnh [105a] tự nhiên đã có số trời định phân.

Rồng chỉ họ Trịnh. Nhà tôm chỉ vực tôm. Cây ngải tức Nghệ-an.

Nói vực tôm phát phúc, họ Trịnh bắt đầu hưng-thịnh. Đồn binh ở Nghệ-an, họ Trịnh cáo chung.

Vàng là nói con rồng họ Trịnh đến lúc ấy thì già suy không làm gì được nữa.

Than ôi ! Cầu gãy thì có con rồng hiện lên (nói về vua Đinh Tiên-hoàng), cối giã úp thì có con rồng ủng-hộ (nói về vua Lê-Đại-Hành), bậc đế-vương hưng-thịnh thì có điềm con rồng, mệnh trời là ở đó.

CHƯƠNG 81

**Tướng là chị ngã, em nâng,
Chẳng hay chị ngã (1), em mừng em reo.**

[105b] Thơ phong-sử thuộc phú.

Trong thời vua Lê Anh-lông (1556-1573), Thái-sư Trịnh-Kiểm mất, vua Lê sai người con trưởng của Trịnh-Kiểm là Trịnh-Cối thống-lãnh quân đội trừ giặc Mạc.

Trịnh-Cối ham rượu chè hoang-dâm khiến tướng tá ly tâm.

Trịnh-Tùng đem tội-trạng ấy tâu lên vua Lê. Vua Lê sai Trịnh-Tùng thống-lãnh quân-dội.

Trịnh-Tùng và Trịnh-Cối đem quân đánh nhau.

(1) Sách chép sai ra chữ *ta*.

Trịnh-Cối dẫn quân đầu hàng nhà Mạc.

Người trong nước thấy thế mới tỏ lời châm biếm.

Chị là Trịnh-Cối (2). Em là Trịnh-Tùng.

Nói đương lúc ấy kinh-thành chưa lấy được, hai anh em Trịnh-Cối và Trịnh-Tùng đem quân đánh nhau, đáng lẽ phải bảo-vệ nhau như anh em chân tay mà trừ giặc nước.

Tuy Trịnh-Cối ham mê tửu-sắc mà hỏng việc quân. nhưng Trịnh-Tùng không thể không có lỗi.

Trịnh-Cối là anh, Trịnh-Tùng là em. Trịnh-Tùng sao nỡ đoạt binh quyền của anh. Trong trường đã khởi hấn, việc biếm này nảy ra việc ngoại xâm của nhà Mạc.

Trịnh-Tùng là vị tướng quân [106a] ngang-ngạnh của nhà họ Trịnh vậy.

(2) Sách chép lầm ra Trịnh-Tùng.

CHƯƠNG 82 (1)

**Dấu xây chín tháp phù-đồ,
Chi bằng làm phúc cứu cho một người.**

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Phù-đồ, tháp của tăng đồ ở chùa Phật. *Một người*, chỉ Thái-tử Lê Duy-Vĩ.

Theo sách *Hoàng-Lê nhất thống chí*, Thái-tử nhà Lê là Duy-Vĩ bị Chúa Trịnh-Sâm vu-cáo và thắt cổ giết chết.

Về sau hồn của Thái-tử Lê Duy-Vĩ rất linh-thiên. Chúa Trịnh-Sâm nằm ở long-sàng thấy Thái-tử đứng đầu sàng. Chúa Trịnh-Sâm ở trong phủ thấy Thái-tử ở trong cửa

(1) Sách chép sai ra 83

phủ. Có khi chúa Trịnh-Sâm đi ra ngoài thì thấy Thái-tử ở bên cầu hay ở trên thành.

Chúa Trịnh-Sâm lo hàng trăm cách ém trừ mà không [106b] ngăn dứt được.

Một hôm Chúa Trịnh-Sâm và Đặng-thị-Huệ cùng ngồi thuyền dạo chơi ở hồ Tây, thấy Thái-tử hiện lên ở mặt nước trước mũi thuyền. Chúa lấy súng bắn thì không thấy Thái-tử đâu nữa, một lát lại thấy Thái-tử hiện ra nữa.

Khi Đặng-thị-Huệ có thai và sinh ra Trịnh-Cán, có người bảo dáng-mạo của Trịnh-Cán giống hệt như của Thái-tử.

Về sau Trịnh-Cán đau, chỉ nhắm mắt gãi đầu và lắc đầu giống như trạng-thái của người bị thất cổ vậy.

Chúa Trịnh-Sâm sai người đi cầu thầy ở khắp bốn phương chữa trị, mấy năm cũng không hiệu-nghiệm.

Chúa Trịnh-Sâm bèn cầu đảo ở khắp đền chùa linh-hiền và cho lập đàn chay ở trong cung, ngày đêm đốt hương cầu khẩn cũng không thấy bệnh của Trịnh-Cán khỏi được.

Cho nên người ngoài mới đặt lời hát như thế.

Nói ngày nay phải tiêu vô số dẻ đốt hương cầu khẩn, dựng không biết bao tháp phật sao bằng lúc đầu cứu mạng cho một người bị giết oan ?

Đó là thương xót Thái-tử phải vô tội mà chết oan và cũng là làm [107a] sáng tỏ việc Chúa Trịnh đã tạo nhiều ác-nghiệt vậy.

CHƯƠNG 83

Mẹ cho năm quả bí vàng,
Mười quả bí bạc bốn đàng nuôi quân.
Cơm ăn rượu uống cho say, (1)
Đẹp mang (?) mà đánh trong này cho tao.
Bao (2) giờ có kéo quân vào,
Hội đồng chư tướng rồi tao sẽ dùng.

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Quả bí vàng bí bạc, trái cây bằng vàng bằng bạc, đời trước người ta thường lấy vàng đúc thành trái cây lưu

(1) Câu này mất vần.

(2) Sách chép sai ra chữ *vào*.

truyền làm của gia-bảo. *Đẹp mang* (?) là hồi trống tập quân.

Sau khi Chúa Nguyễn bôn triều vào trấn đất Thuận-[107b] hóa, võ yên quân-sĩ, một lòng thờ vua Lê nhưng không phục họ Trịnh.

Trong thời vua Lê Thần-tông (1619-1643 và 1649-1662), Trịnh-Tráng muốn lấy Thuận-hóa, sai sứ vào Thuận-hóa đòi voi đực và thuyền đi biển để lo lệ cống cho nhà Minh (1).

Trịnh-Tráng lấy danh nghĩa đưa vua Lê đi xem xét địa-phương, đại cử quân-lực đem binh thủy bộ tiến đến cửa biển Nhật-lệ đối địch với tướng Nguyễn-Hữu-Dật của Chúa Nguyễn triều ta.

Quân ta tiến lên đóng đồn ở Hà-trung. Trịnh-Tráng sai con là Ninh quận-công Trịnh-Toàn trấn giữ Nghệ-an.

★ Tiếp theo Trịnh-Tạc sai Trịnh-Ninh (con út của Trịnh-Tráng xưng Ninh quận-công tức Trịnh-Toàn), làm Thống-lãnh đồn quân ở Quảng-khuyến (thuộc huyện Can-lộc). Trịnh-Ninh chia binh ra đóng giữ những nơi trọng yếu, ngày đêm võ-vệ an dưỡng quân sĩ, tiêu phí vàng ngọc [108a] không hạn độ.

(1) Chúa Trịnh-Tráng đòi Chúa Nguyễn phải nộp 30 con voi và 30 chiếc thuyền.

Trịnh-Tạc nghi Trịnh-Ninh có chí khác, bèn triệu Trịnh-Ninh về. Trịnh-Ninh nhịn ăn mà chết ★ (2).

Câu phong-dao này là lời của Ninh quân-công thấy Trịnh-Tạc lên nối ngôi Chúa nghi-ngờ mình, cho nên đặt quân vòng chung quanh mà tự-vệ, đề tiêu-dao ở trên sông, và cũng là lời nói về Chúa Trịnh bỏ lảng quân-đội (ở miền Nam).

Trịnh-Ninh có tài làm tướng nhưng bị Trịnh-Tạc nghi ngờ, cho nên không thành-công mà chết.

Việc suy đồi của họ Trịnh cũng do đấy.

Có kẻ bảo :

— Giả-sử lúc ấy Trịnh-Tạc không nghi-ngờ Trịnh-Ninh, Trịnh-Ninh quả có thành công hay không ?

Đáp :

(2) ★...★ Cả đoạn này viết sai với lịch sử rất nhiều, khiến người đọc không hiểu được.

Trong sách *Việt-nam sử lược* của Trần-Trọng-Kim đoạn này như sau :

Trịnh-Toàn lìa khi vào trấn-thủ đất *Nghê-an*, hậu-đãi tướng sĩ, yêu mến quân dân, lòng người đều phục ; nhưng chẳng bao lâu, *Trịnh-Tráng* mất, *Trịnh-Tạc* lên thay, thấy em có nhiều người mến phục, lấy làm nghi kỵ, bèn cho con là *Trịnh-Căn* vào cùng trấn đất *Nghê-an*, có ý giữ dè cho khỏi biến loạn. Đoạn rồi, cho người vào đòi *Trịnh-Toàn* về Kinh, trách sao không về chịu tang, bắt bỏ ngục giam chết.

— Họ Trịnh trải qua mấy đời đã chuyên-quyền, lòng người cùng chán ghét. Trịnh-Ninh tuy có nhiều vàng lụa phân chia cho quân-sĩ làm sao địch nổi những viên hồ-tướng của Chúa Nguyễn triều ta ?

Hướng chi Trịnh-Tạc đã ủy-thác binh-quyền cho tướng đánh giặc ở ngoài lại có lòng [108b] nghi ngờ, anh em thù ghét nhau thì làm sao ngăn nổi ngoại-xâm ?

CHƯƠNG 84

**Tiệc công gánh gạch Bát-tràng,
Xây hồ bán-nguyệt cho nàng rửa chân !**

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Bát-tràng thuộc tỉnh Hưng-yên, trong xã ấy người ta sản-xuất nhiều đồ gốm gạch ngói. *Hồ bán-nguyệt* tức hồ Tây ở Hà-nội.

Theo sách *Lê-Hoàng nhất thống chí*, nàng Tiệp-dư Đặng-thị-Huệ của Chúa Trịnh-Sâm nói gì Chúa cũng nghe, bèn gì Chúa cũng theo.

Chúa có một viên ngọc Dạ-quang lấy được lúc đi đánh ở miền Nam thường giắt chơi ở khăn đội đầu.

Đặng-thị-Huệ lấy chơi. Chúa bảo :

— Hãy nhẹ nhẹ tay kéo hồng.

Đặng-thị-Huệ bèn ném viên ngọc Dạ-quang xuống đất, khóc [109a] mà nói :

— Ngọc châu ấy là vật gì ? Bắt quá vào Quảng-nam lấy ra bồi thường cho Chúa. Chúa sao trọng bảo-vật mà khinh người thế ?

Nói rồi nàng đi ở cung riêng không thèm gặp Chúa nữa.

Chúa Trịnh-Sâm tìm trăm phương an-ủi, nàng mới làm lành.

Từ đấy nàng sinh ra một đứa con trai tức Trịnh-Cán. Chúa yêu cung Trịnh-Cán lắm.

Mỗi đêm trăng Chúa cùng nàng thả thuyền đi chơi ở hồ Tây làm trò cho nước xao động mà chơi, bắt dân cần lót bờ hồ làm nơi dạo chơi và thưởng-ngoạn rất xa-xi và cực-nhọc.

Nhân-dân không xiết nổi căm-phẫn. Về sau kiêu-binh Tam-phủ gây biến, họ Trịnh bị phế. Cho nên người đương thời tiếc công mà bời việc ấy ra.

CHƯƠNG 85

[109b] **Đục cùn đương giữ lấy tông,
Cước đà long cán còn mong nổi gì?**

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Tông là con trai trưởng của Chúa Trịnh-Sâm, lại có tên là Khải. *Cán* là con trai thứ của Chúa Trịnh-Sâm do ái-cơ Đặng-thị-Huệ sinh ra.

Chúa Trịnh-Sâm lâm bệnh, Tuyên-phi Đặng-thị-Huệ cậy thế lộng quyền làm oai làm phúc, kết bè tụ đảng, quyết chí đoạt ngôi của đứa con trưởng (của Trịnh-Sâm)

Thế-tử Khải hay biết bèn bí-mật cùng bọn gia-thần là Đàm-Xuân mưu chữa trừ binh-khi, chiêu-mộ dũng-sĩ, mật báo cho Nguyễn-Nghiêm trấn ở phía Tây, cho Nguyễn-Khắc-Tuân trấn ở phía Bắc dự-bị đem quân về Kinh mà bảo-vệ.

Việc này bị phát-giác. Trịnh-Sâm truất Trịnh-Khải xuống làm con út, bắt giam ở trong phủ, rồi lập Trịnh-Cán lên làm Thế-tử, cho Huy quận-công Hoàng-Đình-Bảo làm chức A-bảo.

Chúa Trịnh-Sâm bệnh nặng, sai Hoàng-Đình-Bảo cùng nhóm [110a] vương-thân là Trịnh-Kiều và đại-thần Nguyễn-Hoàn cùng nhận lời cố-mệnh (di-chức).

Chúa Trịnh-Sâm mất. Trịnh-Cán được lên ngôi Chúa làm Diếu-đô vương. (1)

Trịnh-Cán tuổi còn bé có bệnh được Hoàng-Đình-Bảo phụ giúp, mẹ của Cán là Đặng-thị-Huệ buông rèm tham-dự việc quốc-chính. Lòng người nghi-ngờ lấy làm lạ.

Lúc ấy quân Tam-phủ (Thiệu-hóa, Hà-trung và Tĩnh-gia) kiêu-căng. Trịnh-Khải bí-mật dạy chúng cử-sự.

Gặp lúc Hoàng-Đình-Bảo vào phủ nghị-sự, bề tôi cũ của Trịnh-Khải là Dữ-Vũ mật báo với quân Tam-phủ vây kín phủ-đường, đánh giết Hoàng-Đình-Bảo, đem Trịnh-Khải ra phủ lập lên ngôi Chúa làm Đoan-nam vương.

Câu phong-dao này nói Trịnh-Tông làm con trai đích, theo nghĩa lý phải được lập lên ngôi Chúa. Còn Trịnh-Cán là con trai thứ lại có bệnh thì còn trông mong gì nữa được hay sao?

(1) Sách chép sai ra *Trịnh-dô-vương*.

**Một mình vừa chống vừa chèo,
Không ai tát nước đỡ nghèo một khi.**

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Một mình, Trịnh-Tông nói mình.

Quân Tây-sơn của Nguyễn-Huệ tiến vào kinh-thành Thăng-long. Lúc ấy Chúa Trịnh-Tông lên lầu Ngũ-phụng bỏ trận. Đến khi trận bị hãm, Trịnh-Tông thay đổi y-phục ngồi ở bành voi quyết-chiến, từ phía sau kéo voi chạy trong hồ Minh-đường hướng về cửa Yên-hoa (1) mà chạy, qua sông Yên-lãng liền gọi dò, nhưng người ta ở bốn

(1) Yên-phụ mới đúng.

phía đều chạy trốn cả, chỉ tìm được ba chiếc thuyền con, mỗi chiếc chở được ba, bốn người.

Trịnh-Tông gấp rút xuống thuyền cho chèo sang bờ phía Bắc, trông lại chẳng thấy còn một ai, mới hối-hận.

[111a] Về sau Trịnh-Tông bị tên Tráng ở huyện Diên thuộc Hạ-lôi bắt dâng cho Nguyễn-Huệ.

Thơ phong-dao này là lời của Chúa Trịnh-Tông than thở lúc bốn ba chạy giặc.

Này, sau thời Trung-hưng ở Lam-sơn, thiên-hạ là thiên hạ của nhà Lê, nhân-tài là nhân-tài của nhà Lê dưỡng dục và sử-dụng, họ Trịnh tự chuyên nắm hết chủ-quyền.

Lần thứ nhất bị giết vì cái án bí-mật năm Cach-tý (1780), lần thứ nhì bị bỏ rơi vì kiêu-binh Tam-phủ (1782), nhân-tài trở thành lừa-thừa như là mùa thu, bão-kiệt, ít-oi như sao buổi sáng, gây thành cái mầm tai-họa để gọi quân cướp ở ngoài vào, đến lúc ấy kêu Trời, Trời cũng nói làm sao được ?

Bạc hiền-thần đời trước có câu : «*Bình thời hữu khinh khi yếm bạc chỉ tâm, tác làm nạn vô hoàn cấp khả sử chi tốt*».

(Trong thời bình-yên có lòng khinh bạc bỏ rơi chán ghét, thì lúc làm nạn không có bình-sĩ cần-thiết nào có thể sai khiến).

Làm người phải lấy đó làm gương.

[111b] CHƯƠNG 87

**Chàng về Vạn-vạc (?) chàng ôi,
Con chàng bỏ đói ai nuôi cho chàng?**

Thơ phong-sử này thuộc phú mà tỷ.

Vạn là xã Văn-hà (nay là xã Kiến-trung).

Vạc (?) là xã Cổ-đô thuộc tỉnh Thanh-hóa, phủ Thiệu-thiên.

Chàng chỉ Nguyễn-Nho-Quan.

Nguyễn-Nho-Quan trong thời vua Lê Hiển-tông (1740-1786) thi đỗ Trạng-nguyên làm quan đến chức Tề-tướng, lúc già yếu tri-sĩ trở về, nhân-dân ở Bắc-hà nhớ thương mới đặt câu hát như thế.

Nguyễn-Nho-Quan được thiên-hạ cậy nhờ, cũng như con trẻ nương tựa vào mẹ hiền.

Nay dinh Tề-tướng đã rời bỏ, cánh đồng xanh đã trở về thì Ngài còn được nhân-dân làm sao nương nhờ nữa được ?

Có câu ngạn-ngữ : «Tề-tướng Văn-hà, thiên-hạ âu ca» là đây. (Nguyễn-Nho-Quan ở xã Văn-hà làm Tề-tướng thì thiên-hạ được thái-bình âu ca).

[112a] Lại tra sách *Văn-hà phổ lục*, ngày Nguyễn-Nho-Quan trí-sĩ về vườn, Trịnh An-vương gửi thơ rằng :

«Tôi gửi lời kính thăm Thầy, tôi thấy lòng Thầy trung thành thậm cảm, trước là giúp bề trên, sau là yêu tôi mà Thầy giữ lấy lẽ chính. Tôi đã được ân nghĩa còn lâu, tôi chẳng quên đâu.

Ngày trước tôi đã đưa cho túi, trầu đến hầu mà Thầy cố từ, khi bấy giờ tôi chẳng dám ép, rày đã thung-dung, tôi cho đem đến, lấy cho cam lòng tôi.

Xin gửi lạy Thầy».

Do đó có thể thấy ơn đức và danh-vọng của quan Tề-tướng họ Nguyễn lúc bấy giờ.

Tiếc rằng sách sử ghi chép không đến việc này, cho nên gồm biên vào.

[112b] Trên từ đời Tiền-Lê đến đời Hậu-Lê cộng được 37 chương, (phụ thêm phần họ Trịnh).

CHƯƠNG 88

**Đầu cha lấy làm chân con,
Mười bốn năm tròn, hết số thì thôi !**

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Đầu cha chỉ Nguyễn-Văn-Huệ, kỹ-nguyên là Quang-trung.

Chân con chỉ Nguyễn-Quang-Toản, kỹ-nguyên là Cảnh-thịnh.

Chữ *quang* 光 (trong Quang-trung) có chữ *liêu* 丩 ở trên, cho nên nói là đầu cha.

Chữ *cảnh* 景 (trong Cảnh-thịnh) có chữ *liêu* 丩 ở dưới, cho nên nói là chân con.

Nguyễn-Văn-Nhạc, người ở Tây-sơn, làm viên tuần-biện lại ở Văn-dồn, vì cớ bạc mà thua mất tiền thuế của quan mới trở về Tây-sơn làm trộm đạo.

Trong niên-hiệu Cảnh-hưng thứ 26 đời vua Lê Hiền-tông (nhằm năm Ất-dậu 1765), Văn-Nhạc cùng em là Văn-Huệ. Văn-Lữ đánh phá Quy- [113a] nhơn, chiếm lấy thành dựng lên cờ Tây-sơn.

Kế đến tướng đất Bắc là Hoàng-Ngũ-Phúc (của Chúa Trịnh) tiến xuống miền Nam đánh lấy kinh-đô Phú-xuân (của Chúa Nguyễn) dâng biểu xin cho Nhạc làm Tây-sơn Hiệu-úy Tiền-phong Tướng-quân.

Hoàng-Ngũ-Phúc rút quân về Thuận-hóa.

Nguyễn-Nhạc chiếm lấy đất Quảng-nam tự lập làm Tây-sơn vương.

Lúc ấy Nguyễn-Hữu-Chỉnh từ Bắc-hà chạy vào quy phụ nhà Tây-sơn, trù-hoạch mưu-kế cho Nguyễn-Nhạc.

Nguyễn-Nhạc cho em là Nguyễn-Huệ làm Long-nhương Tướng-quân, cho Nguyễn-Hữu-Chỉnh làm Hữu Tướng-quân chia đường tiến đến Thuận-hóa.

Quan Trấn-thủ Thuận-hóa là Phạm-Ngô-Cầu mở cửa thành đầu hàng. Nguyễn-Huệ bèn chiếm lấy Phú-xuân.

Nguyễn-Hữu-Chỉnh khuyên Nguyễn-Huệ lấy danh nghĩa *Phù Lê diệt Trịnh* (tôn phù vua Lê, tiêu-diệt chúa Trịnh) đem quân ra Bắc-hà.

Nguyễn-Huệ tiến quân đánh phá, đuổi Trịnh-Khai, vào kinh-đô Thăng-long, ở trong phủ chúa Trịnh, yết-kiến vua Lê ở điện Vạn-thọ, dâng sớ bộ binh dân.

Vua Lê [113b] phong Nguyễn-Huệ tước Uy quốc-công và gả cho Công-chúa Ngọc-Hân.

Vua Lê Hiền-tông băng (1786). Triều-thần xin Tây-sơn cho lập Lê Mẫn-đế lên ngôi.

Năm đầu niên-hiệu Chiêu-tởng (1787), Nguyễn-Nhạc phong cho em là Nguyễn-Huệ làm Bắc-bình vương cai-trị từ Hải-vân trở ra ngoài, phong cho Nguyễn-Lữ làm Đông-định vương cai-trị đất Gia-định. Nguyễn-Nhạc tự xưng là Trung-trương Hoàng-đế.

Lúc ấy Nguyễn-Hữu-Chính ở Nghệ-an được vua Lê Mẫn-đế bi-mật triệu ra Bắc-hà. Nguyễn-Hữu-Chính truyền lệnh mộ quân được hơn một vạn (10.000) đi gấp ra Thăng-long, đánh đuổi Trịnh-Bồng.

Vua Lê Mẫn-Đế trao cho Nguyễn-Hữu-Chính chức Bình-chương quân-quốc trọng-sự.

Nguyễn-Huệ ghét Nguyễn-Hữu-Chính tung-hoành ở Bắc-hà, gọi Nguyễn-Hữu-Chính vào mà Chính không đến, bèn sai Võ-Văn-Nhậm đem quân ra Thăng-long.

Nguyễn-Hữu-Chính bị bắt, vua Lê Mẫn-đế chạy ra Kinh-bắc.

Vua Lê Duy-Kỳ (Lê Mẫn-đế) cho bọn thị-thần Lê-Quỳnh cùng tông-thất nhà Lê [114a] hơn 30 người với phiến-thần Hoàng-Ích-Hiểu bảo-vệ Thái-hậu chạy sang Long-châu bên Tàu cầu viện.

Lưỡng-quảng Tổng-đốc Tôn-Sĩ-Nghị đem việc cầu viện tâu lên vua nhà Thanh.

Vua Cao-tông nhà Thanh sai Tôn-Sĩ-Nghị điều-động

binh mã ở bốn tỉnh Quang-dông, Quảng-tây, Văn-nam và Quý-châu kịp thời sang đánh phá.

Quan Trấn-thủ Tây-sơn là Ngô-Văn-Sở cho chạy thư về Bắc-binh vưng cáo cấp, nói rõ thanh-thế của quân Thanh.

Nguyễn-Huệ liền lập đàn ở núi Bàn-sơn, tự lập làm Hoàng-đế, cải nguyên là Quang-trung, dẫn quân ra chống quân Thanh.

Tôn-Sĩ-Nghị bỏ lũy chạy qua sông mà chết (1).

Vua Quang-trung (toàn thắng) xin với quan Phúc-khang-An nhà Thanh chủ-trương giảng hòa, giao cho bọn văn-thần ở Bắc-hà là Ngô-Thời-Nhậm, Bùi-Huy-Ích soạn tờ biểu, gõ cửa quan xin vào chầu.

Vua nhà Thanh sai sứ sang sách phong cho Vua Quang-trung làm An-nam Quốc-vương.

Nguyễn - Huệ [114b] mất. Nguyễn - Quang - Toàn lên nối ngôi, được nhà Thanh sách phong, kỹ-nguyên là Cảnh-thịnh.

Vua Thế-tổ triều Nguyễn ta khôi-phục kinh-đô Phú-xuân, (đem quân ra Bắc-hà) bắt Vua Quang-Toản nhà Tây-sơn ở Thọ-xương đem về.

Nhà Tây-sơn mất.

Câu phong-dao này nói nhà Tây-sơn khởi lên năm Kỷ-

(1) Sách chép sai, Tôn-Sĩ-Nghị không chết trong trận này.

dậu (1789) nhằm niên-hiệu Quang-trung, dứt năm Nhâm-tuất (1802) nhằm niên-hiệu Cảnh-thịnh, được tất cả 14 năm, vận số đến đây mới dứt hẳn là tiền-định.

Tuy cử binh lần thứ nhất diệt được họ Trịnh, cử binh lần thứ nhì phá được quân Thanh, nhưng anh em cừ thù lẫn nhau, không có luân-lý để thu-phục kẻ hào-kiệt, pháp-thuật chuyên-chế, không có ân-trạch để kết chặt lòng dân thì cũng gần như Ngụy Hồ trong thời nhà Trần, Ngụy Mạc trong thời nhà Lê vậy, làm sao mong lâu dài được?

CHƯƠNG 89

[115a] Ai đem con sáo sang sông ?

Nên chi con sáo số lòng sáo bay.

Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Nguyễn-Hữu-Chính là người ở Nghệ-an, có trí dũng, thi đỗ Hương-tiến, trong thời vua Lê Hiền-tông (1740-1786) làm khách trong mặc-phủ (tham mưu) của Huy quân-công Hoàng-Tổ-Lý (tức là cháu của Việp quân-công Hoàng-Ngũ-Phúc).

Sau cuộc biến của kiêu-binh Tam-phủ, Hữu-Chính bị hạ lệnh truy bắt rất gấp, bèn đem quyển-thuộc vượt biển vào Tây-sơn.

Đầu tiên lúc Nguyễn-Văn-Nhạc tiến quân đánh lấy Quảng-nam, Hữu-Chính nhân đi theo Hoàng-Ngũ-Phúc mà được quen biết với anh em Nguyễn-Nhạc.

Lúc Hữu-Chỉnh chạy vào quy-thuận, anh em Nguyễn-Nhạc rất mừng.

Hữu-Chỉnh đã khuyên Nguyễn-Huệ lấy kinh-đô Phú-xuân, lại khuyên Nguyễn-Huệ lấy việc *Phù Lê diệt Trịnh* làm danh nghĩa.

Nguyễn-Huệ vào kinh-thành Thăng-long, yết-kiến vua Lê rồi lẳng-lặng trở về không thông báo cho Hữu-Chỉnh hay biết.

[115b] Hữu-Chỉnh chạy theo. Nhân đó Nguyễn-Huệ bảo Hữu-Chỉnh ở lại giữ Nghệ-an.

Vua Lê Mẫn-đế lên ngôi, bí-mật sai người vào Nghệ-an dạy Hữu-Chỉnh trở về Thăng-long.

Lúc ấy quan Trấn-thủ Nghệ-an là Nguyễn-Văn-Dụng viết mật thư báo cáo cho Nguyễn-Huệ rằng : «Nguyễn-Hữu-Chỉnh là người điên-đảo, lúc ở kinh-đô Phú-xuân tôi đã biết.

Nếu dè Hữu-Chỉnh tung-hoành bay liệng ở Bắc-hà tất nhiên bất lợi cho nhà Tây-sơn rất nhiều».

Nguyễn-Huệ bèn cho đại cử binh thuyền đi gấp đường ra Thăng-long bắt Nguyễn-Hữu-Chỉnh giết đi (1). (Xem *Lê-Hoàng nhất thống chí*).

Lúc bấy giờ Nguyễn-Hữu-Chỉnh vì có công tôn phù nhà

(1) Nguyễn-Huệ ở Phú-xuân, sai Võ-Văn-Nhậm ra Thăng-long bắt Nguyễn-Hữu-Chỉnh.

Lê, được vua Lê Chiêu-thống phong tước Bểng quận-công (bểng là chim đại-bểng), cho nên người đương thời ví Nguyễn-Hữu-Chính là con sáo.

[116a] *Sang sông* là ra Bắc-hà. Nói lúc anh em Nguyễn-Nhạc tiến quân ra lấy Thăng-long, để Hữu-Chính ở lại giữ Nghệ-an là thất sách.

Con người Nguyễn-Hữu-Chính hễ theo nhà Tây-sơn thì triều-đình ở Bắc-hà lo ngại, hễ theo triều-đình Bắc-hà thì nhà Tây-sơn ưu lo.

Nguyễn-Hữu-Chính là chân anh-hùng chăng ?

Tuy nhiên đương lúc ấy, cây đã chết mọc lên lại thì sống không lâu, phước của vua Lê sắp dứt.

Lúc ấy có Thế-tổ Cao hoàng-đế triều Nguyễn ta bôn-bá ở Sài-côn mưu-đồ khôi-phục, tướng sĩ dũng mãnh đông như mây, mưu thần nhiều như mưa, về ngoại-giao thì có nước Đại Pháp giúp đỡ binh-thuyền, về nội-phụ thì có nước Xiêm-la nước Cao-man giúp đỡ quân-lực.

Vả lại nhân sâu đức hậu đã hơn hai trăm năm [116b], Chúa Tiên (Nguyễn-Hoàng), Chúa Phật (Chúa Sãi Nguyễn-Phúc-Nguyên) còn được ghi nhớ ở bia miệng người, một khúc *Hoài nam* người đời còn ca ngợi.

Nghĩ lại Nguyễn-Hữu-Chính trong lúc ấy ngao du ở vùng Thuận Quảng, nếu có thể khéo xem thời thế, xét kỹ lòng người, tung cánh rợp trời như chim đại-bểng xông lướt tiến về Nam, làm Ngọa-long đi về Nam (nói Đào-Duy-Từ) hay làm con hùm đen chống lại quân Trịnh ở đất Bắc (nói

Nguyễn-Hữu-Tiến), thì chuyến bay của chim bằng há chẳng sát trời hay sao ?

Nguyễn-Hữu-Chính đã không suy nghĩ như thế mà cứ khư khư lo một việc phục thù, cuối cùng cung tên đề bắn hạ của Tây-sơn đã thành công, vậy cánh của y ở Bắc-hà đã hết, thì y không khỏi bị nhục ở kinh-đô miền Bắc.

Hữu-Chính khéo bày kế cho người mà vụng mưu tính cho mình có phải chăng ?

CHƯƠNG 90

[117a] **Đi cùng bốn biển chín châu,
Về ngồi trong bếp chuột chù cán chân.**

Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Chuột chù, chuột xạ, giống như các giống chuột khác, nhưng nhỏ hơn, mỏ dài và có mùi hôi, ở trong hang nơi dơ bẩn.

Nguyễn-Hữu-Chính, người Nghệ-an, vốn là bề tôi của họ Trịnh, sau cuộc biến của kiêu-binh Tam-phủ, đầu nhà Tây-sơn, dẫn Nguyễn-Văn-Huệ vào cướp thành Thăng-long. Nguyễn-Văn-Nhạc cũng nối theo ra Bắc-hà.

Hữu-Chính thường nói với Nguyễn-Nhạc : «Bắc-hà chỉ có một mình Chính mà thôi».

Do đó anh em Nguyễn-Nhạc nghi Chính có chí khác,

bi-mật điềm binh cướp đoạt những bảo-vật ở Hà-thành rồi nửa đêm dẫn binh-thuyền về Nam.

Sáng hôm sau Hữu-Chỉnh chạy theo thì không kịp nữa, bèn mua một chiếc thuyền nhỏ chạy theo.

Người Bắc-hà đều oán Hữu-Chỉnh [176b] cồng rắn cắn gà nhà, dân ở ven bờ có kẻ lấy đá ném, Hữu-Chỉnh giận quá bảo : «Ta đi cùng bốn biển chưa có một người nào dám chống lại ta. Bậy là giống gì dám chống lại ta ? Bậy là giống gì dám to gan (bằng cái dẫu)? Sau ta sẽ trả thù chúng bậy».

Về sau Hữu-Chỉnh ở lại giữ Nghệ-an, lại đem quân ra Bắc-hà lấy danh nghĩa giúp đỡ vua Lê Chiêu-thống, liền thả quân ra cướp đoạt nhân-dân, không có việc gì là không làm.

Nhân-dân địa-phương than oán. Đó cũng là bọn chuột muốn hại Hữu-Chỉnh đã phát-động ra chăng ?

Lúc Hữu-Chỉnh bị phanh thây, tưởng rằng bọn chuột chủ không thèm ăn thịt của Hữu-Chỉnh nữa.



CHƯƠNG 91

**Trách lòng Biện Nhạc tứ linh,
Làm cho con gái thất kính hãi-hùng.
Trách lòng Biện [118a] Nhạc nhiều điều,
Làm cho con gái nhiều điều phiền lo.**

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Biện-Nhạc tức Nguyễn-Văn-Nhạc, lúc đầu làm biện-lại ở tuần Lộc-động, vốn là người Nghệ-an.

Nguyễn-Nhạc ra Hà-thành đi ngang qua Nghệ-an, nhân dân ở đấy có kẻ dâng hoa cho Nguyễn-Nhạc và nói :

— Không ngờ hôm nay lại thấy đại-quân đi ngang, kính cần phụng dâng.

Nguyễn-Nhạc nói :

— Tôi vốn là người bôn-thồ ở đây, đời trước di-dán vào Bình-dịnh, người ta gọi tôi là Biện-Nhạc. Tức là tôi đây.

Nói rồi sai người thu nhận.

Từ linh là quân-hiệu của Tây-sơn.

Nhiều điều, không rõ là gì.

Tra sách *Lê-hoàng nhất thống chí*, ngày Tây-sơn vào cướp Hà-thành, thủy-quân đều đội mào lụa quuyến màu hồng đứng ở đầu thuyền, ý cũng là quân-hiệu trong lúc ấy.

Anh em Nguyễn-Nhạc là người ở Tây-sơn thuộc Bình-[118b] định, một lần chiến đấu thì lấy được Phú-xuân, hai lần chiến-dấu thì lấy được Thăng-long, ý kiêu-cãnh, chí tự-mãn, lại nghe Tây-kinh nhiều mỹ-nữ, ở nhà nào có con gái thì liền cho người đến bắt.

Quân của Nguyễn-Nhạc lại phần nhiều kiêu-cãnh hoành-hành, nhân-dân không xiết ta-thán, cho nên chỉ Nguyễn-Nhạc mà nói là tên thua bạc mà được như thế là ngoài ý mong ước rồi.

Thật đáng là không đến hai đời thì mất.

Đến nơi này, anh em Tây-sơn khởi binh, Nguyễn-Văn-Nhạc chiếm-cứ trung-trương, Nguyễn-Văn-Huệ dẫn quân chiếm-cứ Bắc-hà, Nguyễn-Văn-Lữ khởi binh chiếm-cứ trong Nam.

Từ Thuận-hóa, Quảng-nam trở về nam, nhà Tây-sơn lập ra một nước riêng, lấy Thuận-hóa làm kinh-lực, và chia làm hai đạo là Thuận-phước và Thuận-phụng.

Đến đời vua Cảnh-lâm, nhà Tây-sơn mới bắt đầu xưng đế, và lấy Thuận-phước làm kinh-lực.

CHƯƠNG 92

Tiếng ai than khóc ni-non ?

Là em chú lính trèo hòn Cù-mông.

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Núi Cù-mông ở phía bắc huyện Đồng-xuân tỉnh Phú-yên, phân nửa trái núi về phía bắc thuộc ranh-giới huyện Tuy-phúc, tỉnh Bình-[119a] định, trên núi hãy còn điểm canh Bình-phú, phía tây có núi Huệ-sơn, phía đông có núi Hùng-sơn, phía bắc có núi Quy-sơn, phía nam có núi Cồ-sơn, ngọn núi trùng-trùng điệp-điệp hiểm yếu hơn hết.

Lúc anh em Tây-sơn khởi-binh, Nguyễn-Văn-Nhạc chiếm-cứ trung-trương, Nguyễn-Văn-Huệ dẫn quân chiếm-cứ Bắc-hà, Nguyễn-Văn-Lữ khởi binh chiếm-cứ trong Nam.

Từ Thuận-hóa, Quảng-nam trở về nam, nhà Tây-sơn

tuyển quân đốc-thúc tu-tập nhân-dân làm hộ-tịch, mỗi người được cấp cho một tấm thẻ bài và thu hết vào sò lính.

Lúc ấy kẻ làm lính theo phục-dịch than oán, cho nên làm ra câu phong-dao này.

Này, Nguyễn-Văn-Nhạc là một viên biện-lại, thừa thời quật-khởi, không lo nghĩ sức dưỡng nhân-lực lại đánh giặc ở miền Nam và miền Bắc cho cùng kiệt binh-lực, không biết được thiên-hạ là do ở việc được lòng người.

Câu phong-dao này vịnh lời người vợ lính ở Phú-yên, mà có thể biết trước rằng nhà Tây-sơn tồn-tại chẳng lâu.

Trời [119b] khiến nhà Tây-sơn lừa cá xuống vực, lừa chim vào lùm cho triều Nguyễn ta bắt đấy chăng ?



CHƯƠNG 93

Đô-đốc tam thiên đô-đốc.

Chi-huy bát vạn chi-huy.

Trung-úy Vệ-úy chẳng kể làm chi.

Cai-đội Phó-đội lấy tàu mà chở.

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Trong thời Tây-sơn, Nhà Tây-sơn dùng binh đánh giặc ở Nam và ở Bắc, thu hết tiền-của của thiên-hạ, lại cho dân lấy tiền mua tước quan, thậm chí người có công, ngoài việc phong có thực tước, lại cấp cho những đạo sắc chừa trống chỗ điền tên họ để họ đem bán lấy tiền, cho nên có câu ca-dao :

Thập quan hầu (mười quan được tước hầu)

Ngũ quan bá (năm quan được tước bá)

Đó-đốc Chi-huy [120a] Trung-úy Vệ-úy đều là cấp bậc võ-quan.

Cấp bậc quan chức lộn-xộn đến lúc ấy thì cùng-cực. Cho nên người ta đều chỉ việc đó mà bài-xích.

Có câu ngạn-ngữ :

*Mười quan thì đặng tước hầu,
Năm quan tước bá, ai hầu thua ai ?*

CHƯƠNG 94

**Rủ nhau đi gánh nước thuyền,
Quang đứt chình vỡ gánh liền xuống sông.**

Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Quang là dồng làm bằng dây (mây) để gánh.

Chình là cái vò bằng đất.

Gánh là cây đòn gánh bằng tre.

Câu phong-dao này cũng là nói về nhà Tây-sơn.

Sau khi nhà Tây-sơn đặc-chí, hặc hiện-sĩ không vui được dùng, thấy người ta xu-phu theo quyền-thế cho nên lấy việc gánh nước mà ví-sánh.

Nói Tây-sơn là một tên tiều-tốt thua bạc, lẩn vượt lên

chiếm lấy giang-sơn, nắm xoay [120b] quyền-bính một thời, nhưng ngọn núi bằng nước đá thì không thể dựa vào được mà làm trọng. Những người còn có thể bàn điều hệ trọng việc nước việc quân cho nhà Tây-sơn đều là những tên nô lệ gánh nước không công.

Mặt trời đã đứng ngọ rồi thì há lại có cái lẽ ở mãi giữa trời được sao ?

Quang ám chỉ vua Quang-trung.

Chỉnh ám chỉ Nguyễn-Hữu-Chỉnh.

Gánh ám chỉ vua Cảnh-thịnh nhà Tây-sơn.

Nguyễn-Huệ ở Thăng-long lấy hiệu là Bắc-bình vương.

Khi quân Thanh sang đánh ở Bắc-hà, Nguyễn-Huệ tự tôn làm hoàng-đế lấy hiệu là Quang-trung.

Vua Quang-trung mất, truyền ngôi đến Quang-Toản.

Quang-Toản tức vị, cải-nguyên là Cảnh-thịnh.

Câu phong-dao này cũng là lời sấm nói về nhà Tây-sơn sắp mất.

Từ trên Nhà Tây-sơn cộng được 7 chương.

CHƯƠNG 95

**Măng giang nấu cá ngạnh-nguồn,
Đến đây nên phải bán buồn mua vui.**

Thơ phong-sử này thuộc phú mà hứng lại tỷ.

Giang (1) là một loại trúc có đốt dài, trống ruột mà thẳng, thịt mỏng.

Măng là mục măng tre, tre non mới lú mọc. Miền thượng-du tỉnh Quảng-trị tre giang mọc rất nhiều, người ở núi thường lấy kết bè mà ở.

(1) Sách chép sai ra *măng*.

Nganh-nguồn là loài cá ở khe núi tức gọi là cá nganh, nhiều xương ít thịt, ở ngoài hai mang tai có hai miếng xương dài, gọi là nganh cá.

Hai châu Ô, Lý vốn là đất Chiêm-thành. Trong thời triều nhà Trần, vua Chiêm-thành dâng hai châu ấy cho nước ta để cưới công-chúa Huyền-Trần đem về. Đất ấy thuộc về nhà Trần, đến triều nhà Lê, đất ấy cũng thuộc vào bản [121b] đồ nước ta, nhưng cũng là để kiểm-chế nước Chiêm-thành mà thôi.

Thái-tổ Gia-du Hoàng-đế triều ta (là Chúa Tiên Nguyễn-Hoàng), sau khi giúp nhà Lê trung-hưng, bị họ Trịnh ganh ghét tâu lên vua Lê cho trấn lãnh vùng đất từ hai châu Ô, Lý trở về nam. Họ Trịnh cũng lợi-dụng sự hiềm-trở xa-xôi của miền ấy để hại họ Nguyễn.

Sau khi được vào trấn miền ấy, Chúa Nguyễn-Hoàng dựng đô ở doanh Ái-tử thuộc vùng Quảng-trị, thu-phục võ-về lòng người với nhân sâu ơn dày.

Nhân-dân miền Bắc nhiều người đi theo Chúa Nguyễn vào đấy, lâu lần lần chỗ ấy trở thành đô ấp, cho nên có lời hát như thế.

Nói măng tre ở núi tuy mùi vị không ngon, cá ở khe núi tuy mùi vị không ngọt, nhưng

Lạc thồ lạc thồ,

Viên đặc ngũ sở.

(Một đất yên vui, một đất có đạo đức,

Ở đấy ta được nơi thích-hợp.

*Đầu đao-đức, đầu yên vui,
Là nơi ta đã được nơi thích lòng).*

*Lạc giao, lạc giao,
Thùy chi vĩnh hào ?
(Một nơi yên vui, một nơi yên vui,
Lại phải vì ai mà gào than mãi ?
Nơi an lạc, nơi yên vui,
Vì ai ta sẽ ngậm-ngùi gào than ?) (1)*

Muốn biết mệnh trời ngày nay, hãy nghiệm xét lòng
[122a] người lúc bấy giờ.

(1) Thiên Thạc-thử thuộc phần Ngụy-phong trong kinh Thi.

CHƯƠNG 96

**Rồng nằm bẻ cạp phờ râu,
Mấy lời anh nói giấu đầu hở đuôi.**

Thơ phong sử này thuộc phú,

Rồng nằm chỉ Đào-Duy-Từ.

Đào-Duy-Từ là người ở Thanh-hóa, con nhà hát xướng
Đào-Tá-Hán, học rộng, thông kinh-sử.

Quan khảo-thí triều nhà Lê cho rằng Đào-Duy-Từ là
con nhà hát xướng nên đuổi không cho trúng tuyển.

Họ Đào phần chí, nghe Thái-tổ Gia-dụ Hoàng-đế (Chúa
Tiên Nguyễn-Hoàng) triều ta thương nhân dân, thích kẻ-sĩ,
bèn quyết chí đi vào Nam, nghe quan Khâm-ly Trần-Đức-
[129b] Hòa ở Quy-nhơn được Chúa Nguyễn thân-tín bèn
đến đấy.

Nói chuyện với họ Đào, quan Khâm-ly Trần-Đức-Hòa kinh lạ, bèn gả con gái cho.

Đào-Duy-Từ thường ngâm khúc *Ngoa-long cương* bằng quốc-âm tự sánh mình như Gia-Cát-Lượng (đời Tam-quốc bên Tàu).

Trần-Đức-Hòa xem khúc *Ngoa-long cương* ấy bảo : «Đào-Duy-Từ là *Ngoa-long* của ngày nay chăng?».

Đời Hy-tông năm thứ 14 (1627) Chúa Sãi Nguyễn-Phúc-Nguyên, quân ta đánh bại quân Trịnh ở cửa Nhật-lệ, quan Khâm-ly Trần-Đức-Hòa vào chúc mừng, nhân lấy trong tay áo bài *Ngoa-long* ngâm dâng lên Chúa Sãi và tâu : «Đây là bài văn của Đào-Duy-Từ, thầy đồ dạy trẻ ở nhà thần».

Chúa Sãi lấy làm lạ, triệu Đào-Duy-Từ vào và thu-dụng rồi phong cho tước Lộc-khê hầu.

Lúc ấy Trịnh-Tráng bàn nghị muốn xâm-phạm miền Nam, trước hết sai Nguyễn-Khắc-Minh vào phong Chúa Sãi chức Thái-phó và đòi thuế cống.

Chúa Sãi triệu các bề tôi hội-ngị.

Đào-Duy-Từ nói : «Đó là họ Trịnh mượn lệnh vua Lê [123a] để nhử ta. Nếu ta nhận sắc phong mà không đến thì họ Trịnh có lời trách cứ. Nếu ta không nhận sắc phong thì họ Trịnh ắt động binh. Việc khai hấn ở biên-thùy một khi phát sinh thì không phải việc phúc cho dân.

Chi bằng ta cứ nhận, khiến cho họ Trịnh không nghị đề

ta đủ thì-giờ chuyên tâm lo việc tấn công và phòng-thủ, rồi sau ta sẽ dùng kế đem trả sắc phong.

Chúa Sãi nghe theo, hậu thưởng sứ-giả và cho về.

Đào-Duy-Từ xin chớ nạp thuế cống cho họ Trịnh, lại xin phát quân và dân ra Quảng-bình xây lũy Trường-dục.

Lũy xây hơn một tháng thì xong.

Đào-Duy-Từ xin Chúa làm cái mâm đồng hai đáy, giấu sắc phong vào trong, bày vàng lụa ở trên, sai sứ-giả ra triều-đình miền Bắc tạ ơn, nhân đó đem cái mâm đồng ấy dâng cho rồi trở về.

Sứ-giả trở về, Trịnh-Tráng tách đáy mâm đồng ra, thấy ở trong có giấu tờ sắc-phong và một tấm thiệp có bài thơ bốn câu :

*Mâu nhi vô địch,
Mịch phi kiến tích.
Ái [123b] lạc tâm trường,
Lực lai tương địch.*

Trịnh-Tráng hỏi các bề-tôi, không ai hiểu ra sao cả, chỉ có một mình quan Hiệu-úy Phùng-Khắc-Khoan hiểu được, đoán rằng đó là lời ẩn ngữ *Dư bất thụ sắc* (= Ta không nhận sắc).

Câu phong-dao này, các quan trong triều-đình miền Bắc cười Đào-Duy-Từ là cạn trí.

Nói Duy-Từ là con người ở triều miền Bắc mà đi theo

triều miền Nam, thì con rồng đã mất vực sâu của nó rồi. Những điều Duy-Từ nói (bốn câu ẩn ngữ) người ta đều biết cả, thì Duy-Từ không phải là thần-trí vậy.

Không biết rằng chim khôn lựa cây mà đậu, tôi hiền lựa chúa mà thờ, Đào-Duy-Từ đã ở vào đúng chỗ của mình đã vói-vọi làm bậc khai-quốc công-thần (bề tôi có công mở-mang đất nước).

Người Bắc-hà cười Đào-Duy-Từ là con rồng đã mất chỗ thích-hợp, mà không biết Phùng-Khắc-Khoan theo họ Trịnh chỉ là con cá khô ở chỗ ráo nước. Thật đáng cười vậy.

[124a] Có chép bài *Ngọa-long ngâm* theo sau đây :

NGỌA-LONG CƯƠNG NGÂM

1. Cửa xe châu-chực ban trưa
Thấy thiên Võ Cử đời xưa luận rằng :
Thế tuy trị loạn đạo bằng
Biết thời sự ấy ở chung sĩ hiền.
5. Hán từ tộ rần ngựa nghiêng,
Ba phân chân vạc, bốn phương anh hùng.
Nhân tài tuy khắp đời dùng
Sánh xem trường lợi áng công vợi giành.
Nào ai lấy đạo giữ mình ?
10. Kẻ đua tới Ngụy, người giành sang Ngô,

- Nam-dương có sĩ ần nho,
 Khổng-minh là chữ, trượng-phu khác loài.
 Ở mình giành vẹn năm tài,
 Phúc ta [124b] găm ắt, ý trời hậu vay ?
15. Điềm lành thụy cả đã hay,
 Đời này sinh có tài này ắt nên.
 Bèn xem be bé một hiên,
 Nhà tranh lều rội tinh quen bơ-thờ.
 Ba gian phong-nguyệt hừng thừa.
20. Bốn mùa đều có xuân ưa bốn mùa.
 Nước non khéo vẽ nên đồ
 Thấp cao phượng nhiều quanh co rồng năm.
 Vững bền chủ khách chào thăm,
 Minh đường rộng mở, thiên tâm thẳng bằng.
25. Tri âm những đấng khác hằng,
 Kết xuân bồi bạn mây trắng láng giềng.
 Đất lành cầu khi linh thiêng,
 Một bầu thế giới thấy nên hữu tình.
 Lâm tuyền trong có thị thành,
30. Phong trần vẫn ít, cảnh thanh thêm nhiều.
 Thú vui bốn thú thêm yêu :
 Kia ngư, [125a] họ mục, ấy tiều, này canh.
 Hạc già đứng cửa nghe kinh,
 Quả dâng màu thắm thức xanh vượn quý.
35. Gốc sâu trước uốn vo-ve,
 Ngõ đưa hạnh tía, hiên khoe cúc vàng,

- Khúc cầm cổ cầm cung giang,
 Ca ngâm lương phủ đạo cang hứng mau.
 Xem kho vô tận kiệt đầu,
40. Thú vui ta thú, ai dầu mặc ai.
 Thanh thần dưỡng tính hôm mai,
 Cầm trong cuộc nguyệt, bãi ngoài cây mây.
 Lợi danh nào chút lấm tay,
 Chẳng hiềm thế vật, trao tay thế tình.
45. Tựa song hé bức mảnh mảnh,
 Gấm chung đời trước công danh mấy người.
 Doãn chưa dựng lê Thang vờ,
 Cây kia chưa để buồng nơi nội Sần.
 Lữ dầu chưa gặp xe Văn,
50. Câu hia chưa [125b] để gác cần Bàn-khê.
 Gấm xem thánh nợ hiền kia,
 Tài này nào có khác gì tài xưa.
 Nẻo màu mới nhiệm binh cơ,
 Lục thao đã đọc, thất thư lại bàn.
55. Nương long lâu biết thế gian,
 Máy thiêng trời đất tuần hoàn tay thông.
 Thảo lai trong có anh hùng,
 Miếu đường chống vững thấy còn tài cao.
 Có phen xem tượng Thiên-tào,
60. Kia ngôi khanh tướng, nợ sao quân thần.
 Có phen binh pháp thảo luận,
 Điều xà là trận, phong vân ấy đỡ,

- Có phen thơ túi, rượu hồ,
Thanh y sớm chúc, hề nó tối bồi.
65. Duy trong danh giáo có vui,
Bằng nhân chẳng biết rằng người (1) ần tiên.
Hùm ngấm gió thổi tự nhiên,
Chúa tôi sao khéo hợp duyên thay là !
[126a] Ngạc thư nó phát tàu qua.
70. Xe loan tạm ốc (?) hai ba phen vời,
Dốc lòng phò chúa giúp đời,
Xoay tay thủ đoạn ra tài đồng-lương.
Cả mừng gặp nước Nam-dương,
Rồng bay trời Hàn vợi-vàng làm mưa.
75. Chín lần lễ đãi quân-sư,
Phần vua giồi ben móc mưa gọi nhuần.
Hai tình gánh nặng quân thân,
Chín phần ở thảo, mười phần trọn ngay.
Bình quyền việc những đương tay,
80. Lâm cơ chế thắng, một rầy địch muôn (2).
Trận bày bác-vọng thiếu-dồn,
Bạch-hà dụng hỏa Hầu-Đôn chạy dài.
Bốn cơ biết mấy sức trai,

(1) Nguyên văn viết chữ *nhân*, ở đây nên đọc *người* cho hợp văn.

(2) Nguyên văn viết lầm ra chữ *vân*, ở đây nên đọc *muôn* cho trọn ý câu : *một rầy địch muôn*.

- Có tài thiết chiến, có tài tâm công.
85. Dạ nghiêm thuyền dựa vịnh sông,
Mười muôn tên Ngụy nộp hồng (1) Chu lang.
[126b] Hỏa công dâng chước lạ đường,
Gió ngàn Xích-bích thổi tàn Ngụy binh.
Hoa-dung khiến tướng phân doanh,
90. Gian hùng sớm đã nép kinh phá gan.
Thần cơ bí kế chước toan,
Kinh-châu trước hẹn giục thuyền rước mau.
Hóa thân đòi chốn giàu nhau,
Tiên-sinh chước ấy, Ngô hầu kể sa.
95. Chước dùng bẫy bắt bẫy tha,
Uy trời dường ấy giặc đà chạy tênh.
Có phen chàng dựng ra binh,
Tiết bền vàng đá nhật tinh soi lòng.
Éo le thiên thủy chước dùng,
100. Khương-Duy khi đã kể cùng bó tay.
Thần tiên mấy phát xe bày,
Tào binh lá rụng khói bay bạt ngàn.
Lên thành làm chước gậy đàn,
Sa cơ Trọng-Đạt nép gan kinh hồn.
105. Nỏ trời phục cửa [127a] Kiếm môn,

(1) Chữ 紅 *hang* ở đây nên đọc *hồng* cho hợp vận.

- Mã-Lãng mất vía Quyên-Tôn khác gì.
 Chúc này chúc chẳng ngoan nguy,
 Chốn thì lưu-mã, nơi thì mộc-ngưu.
 Chặt bèn đánh dặng công nhiều,
 110. Hoa di tiếng dậy đã triều sá thay !
 Khăng khăng một tiết thảo ngay,
 Rắp phò chính thống sáng tẩy nhật tinh.
 Sửa-sang nghiêm cần phân dinh (doanh),
 Tồi loạn con giặc chạy tênh bời bời.
115. Hán gia chín vạc phù tri,
 Suy thì lại thịnh, nguy thì lại an.
 Công lệnh kẻ ở nhà quan,
 Cậy bằng thạch trụ Thái-san này là.
 Non xanh nước biếc chẳng già,
 120. Trai mà dường ấy, đích là nèn trai.
 Cứ xem đời lẽ dầu hay,
 Tài này ai chẳng rằng tài quân-sư ?
 Luận đời Tam-quốc hữu dư,
 Luận [127b] đời Tam-đại còn chờ nhẩn sau.
125. Hai triều từ gót nhẩn đầu,
 Bái tướng phong hầu ai dễ dám phen.
 Muôn lời nhán vật kính khen,
 Để danh trúc bạch, chép tên ký thưởng,
 Phục trời còn tộ Long-cương,

130. Ắt là Hán thất khôn lường thịnh suy.
 Hưng vong dĩ thái sự thì,
 Chớ đem thành bại mà suy anh hùng.
 Chốn này thiên-hạ đời dùng,
 Ắt là cũng có Ngọa-long ra đời.
 Chúa hay dùng đặng tôi tài,
136. Mừng xem bốn biển dưới trời đều yên.
-

CHƯƠNG 97

[128a] **Thương em anh cũng muốn vô,
Sợ truông nhà Hồ, sợ phá Tam-giang.
Phá Tam-giang ngày rày đã cạn,
Truông nhà Hồ Nội-tán cấm nghiêm.**

Truông nhà Hồ tức Hồ-xá thuộc phủ Vĩnh-linh tỉnh Quảng-trị, khu rừng dài ba dặm. (*Truông* là vùng đất hoang cỏ mọc như rừng). Ngày xưa chỗ này núi rừng rậm-rạp có nhiều côn-đồ cướp giết khách lữ-hành.

Phá Tam-giang ở hạ lưu vùng huyện Phong-diên và Quảng-diên thuộc Thừa-thiên, ngày xưa gọi là Hạc-hải, chiều nam-bắc dài 35 dặm, từ cửa biển ở hạ lưu sông Lương-diên, phía tây-nam có ba cửa sông là Tả-giang khẩu và Trung-giang khẩu đều ước độ hai ba dặm, phía đông đổ vào cửa Thuận, cho nên gọi là phá Tam-giang. (*Phá* là vùng biển hẹp).

Tương [128b] truyền chỗ phá Tam-giang nước sâu và sông quanh-co, nhiều sóng gió hơn hết, thuyền đi thường bị lật úp mà chìm.

Nội-tán là tên chức quan.

Hiền-tôn Hoàng-đế bỗn triều sai quan *Nội-tán* Nguyễn-Khoa-Đặng kinh-lý vùng Hồ-xá.

Quan *Nội-tán* đốn cây trong rừng, đặt phép tập nã, dẹp yên giặc cướp, khách thương và lữ-hành được tiện lợi.

Lại ở phá Tam-giang quan *Nội-tán* khai riêng một đường nước để thông nước sông và diệt thể nước, từ đó sóng gió yên lặng lần lần, thuyền đi được, thuận tiện.

Người người đều ca-tụng quan *Nội-tán*, nói ở chỗ nguy-hiểm Hồ-xá và phá Tam-giang nay thì sóng nước lặng yên, thuyền đi không còn lo ngại, đường rừng được tập nã rất nghiêm, khách lữ-hành không còn lo sợ.

Dựa theo khoảng núi sông, chỗ hiểm thì san bằng, chỗ [129a] nguy thì dẹp yên, công đức của quan *Nội-tán* họ Nguyễn thật đáng làm bia cho người đời truyền-tụng.

CHƯƠNG 98

**Nhà-bè nước chảy phân hai,
Ai về Gia-định Đồng-nai thì về ?**

Thơ phong-sử này thuộc phú.

Theo địa-dư nước Nam ta, sông Mê-kong phát-nguyên ở Tây-tạng, chảy qua Vân-nam đến Cao-man chia làm hai nhánh đổ vào Nam-kỳ làm sông Tiền-giang và sông Hậu-giang.

Ở Tiền-giang có sông Đồng-nai và sông Sài-gòn, một ở thượng-lưu tỉnh Biên-hòa, một ở thượng-lưu tỉnh Gia-định, hợp lại ở Tam-giang đổ và cửa biển Cần-giờ.

Địa-thế Nam-kỳ bằng-phẳng, mỗi ngày đều có nước thủy-triều buổi mai và nước thủy-triều buổi tối, lúc nước thủy-[199b] triều lên, người ta xuôi dòng mà đi thuyền lên.

Nhà-bè tức nay là Chợ-lớn ở Nam-kỳ.

Lại xét Nam-kỳ lục tỉnh (có sáu tỉnh) vốn là đất Thủy Chân-lạp (nước Cao-miền thấp đọng nước)

Thái-tổ Gia-đụ Hoàng-đế (Chúa Tiên Nguyễn-Hoàng) triều ta vào trấn đất Thuận-hóa và Quảng-nam làm nước láng-giềng với Lục Chân-lạp (nước Cao-miền cao ráo) truyền ba đời đến Thái-tôn (Hiếu-triết Hoàng-đế Chúa Hiền Nguyễn-Phúc-Tần) dẹp yên quốc nạn cho Cao-man, thu nạp quan Tổng-binh nhà Minh là Dương-Ngạn-Địch cho ở Định-tường, cho Trần-Thắng-Tài ở Biên-hòa mở-mang đất-đai, chiêu tập khách thương đến buôn bán.

Trong thời Chúa Hiền-Tôn có chiêu-mộ nhân-dân từ đất Bó-chính trở về nam cho vào đấy ở lập xã thôn phường khu, mở trấn mới Hà-tiên, cho Mạc-Cửu làm Tổng-binh.

Trong thời Chúa Thế-tôn, Quốc-vương nước Chân-lạp dâng đất Tầm-phao (?) và Phong-long (?) được đổi làm tỉnh Hà-tiên, [130a], Doanh Long-hồ được dời về Tầm-phao, lại ở Tiền-giang đặt Tân-xuyên đạo, ở Hậu-giang đặt Châu-đốc đạo, ở Rạch-giá đặt Kiên-giang đạo, ở Cà-mau (Kha-mao) đặt Long-xuyên đạo, tức nay là sáu tỉnh Nam-kỳ vậy.

Triều Nguyễn ta khai-thác đất Nam-kỳ hoàn-toàn lấy chính-sách thực-dân là hay hơn hết, không ngoài khoảng hơn 200 trăm năm mà xưa là vùng cỏ lùm rậm-rạp sào-huyệt của trộm cướp, nay thì thành một nước an vui nhân dân đông-đảo, thương-mãi tập-trung làm trung-tâm mậu-dịch, cho nên người ta vui thích mà hát lên như thế.

Đọc hai chương *Mãng-giang* và *Nhà-bè* này thì biết triều Nguyễn ta hốt nhiên hưng-thịnh.

Bài *Nam-kỳ thổ-sản phú* của [130b] Dực-tôn Anh Hoàng-đế (Vua Tự-đức) có cảm-hứng ở đấy chăng ?

CHƯƠNG 99

**Đó ai quét sạch lá rừng,
Đề anh khuyên gió, gió đừng rung cây.**

Thơ phong-sử này thuộc tỷ.

Đây là thơ vì thương xót nỗi loạn ly mà làm ra.

Lá rừng không thể quét hết được cũng như họa loạn không thể trừ hết được.

Manh-Tử nói : «Cuộc sống của thiên-hạ đã lâu thì có một thời trị một thời loạn».

Vì rằng người với người ở chung, nước với nước đứng chung, càng cạnh-tranh thì càng văn-minh, càng văn-minh thì càng kịch-liệt, khí vận tất nhiên phải như thế, ấy là thể-lệ chung khó trốn thoát của trời đất vậy.

Thử khảo xét sách [131a] niên-biểu của nước Việt ta, từ Kinh-dương vương đến Triệu Vũ-đế tính được 2.771 năm là thời-đại tối-cổ còn dã-man chưa khai-hóa, còn ở trong thối xâu sa vi diệu, đó là một thời-đại, tự cất cao ngọn cờ xưng hùng ở Nam-hải mà phong-trào Đông-Á lần lần bành-trướng vậy.

Từ Triệu Vũ-đế trở về sau người Trung-quốc lấy nước ta làm quận huyện, nô-lệ nhân-dân ta, cơ-hồ phương Nam không còn anh khí nữa.

Không ngờ trong hàng nữ-lưu có Hai Bà Trưng đã đứng được thái-thú nhà Hán, Bà Triệu đã chống lại quân Ngô. Người Nam ta hàng mấy ngàn năm phải cúi đầu nhịn-nhục lại đột xuất mấy trang quần thea trước sau đã ngạo-nghễ tạo nên một thời oanh-liệt, dựng nên cái anh phong ở ngoài bốn biển.

Từ đó về sau Lý-Bí Nam-đế (1) Lý Phất-Tử bị quân Tàu bắt mà [131b] ngọn cờ Dô-hộ An-nam phát-phời bay trong ánh nắng.

Mai-Thúc-Loan xưng đế, Bô-cải Đại-vương xưng vương, rồi đoán quân Chiêu-thảo An-nam của Tàu lại đông-dào kéo sang.

Ngô-vương Quyền xưng lên quân-quyền ở Nam-hải, rồi Mười hai Sứ-quân một loạt nổi lên cạnh-tranh.

(1) Lý Nam-đế không bị quân Tàu bắt.

Trời chán ghét họa loạn, cho nên bậc đáng làm vua mới nổi lên.

Đình Tiên-hoàng dẹp Mười hai Sứ-quân mà lên làm vua.

Cây cỏ đời Thái-bình được nhuần thấm thi Lê Đại-Hành lại nhỏ đi.

Lê Ngoại-triều thì không cần luận nữa.

Lý Thái-tổ đứng lên cầm quyền chính, gọi là thời thịnh trị nhất, rồi xua quân sang Tàu đánh phá châu Khâm châu Liêm, thân-chính dẹp các động ở thượng-du.

Nhân-dân sống trong thời ấy phải chinh chiến mãi không ngày nào được rảnh.

Triều nhà Trần nối theo trị-vì hơn một trăm năm, vua tôi xướng họa, từ đó khởi lên phong-trào vua hiền-minh, tôi trung-lương. [132a]. Ở ngoài thì quân Minh sang xâm lấn, ở trong thì Hồ-Quý-Ly lộng quyền tiếm vượt đoạt ngôi nhà Trần.

Sau cuộc khởi-nghĩa Lam-sơn, lễ nhạc được đủ đầy rạng-rỡ.

Rồi nhà Tiền-Lê bị họ Mạc đoạt ngôi.

Nhà Hậu-Lê bị họ Trịnh chuyên quyền, ngôi vua Lê gần như chỉ có hư-danh.

Giặc Tây-sơn nổi lên.

Vua Lê Chiêu-thống lại không khỏi rong xe hôn bá.

Cây mọc lại có sống lâu dài được chăng ? Cho nên nhà Hậu-Lê mất.

Xem xét tổng quát hai thời-đại Trung-cổ và Cận-cổ trải qua 2.225 năm mà sông núi nước Nam không biết đã qua bao phong-trào vậy.

Rồi sau mới biết :

Tro đen ở dưới hồ Côn-minh (1) là bằng chứng một cuộc chuyển động của trái đất, thì một kiếp lớn khó thoát khỏi ở trong trời đất.

Lầu đá trắng hay ở điện Le Louvre là bằng chứng của một cuộc chuyển động của trái đất, thì việc thịnh suy khó khỏi vào thời cổ sơ.

(Kinh-thành Paris của Pháp có Viện Bảo-tàng Le Louvre trưng-bày những cổ-vật rất lạ-lùng khéo-léo, có [132b] một ngôi lầu bằng đá trắng, rường đồng đều bằng đá trắng điêu-khắc vô cùng tinh-xảo.

Các nhà bác-vật-học nói về ngôi lầu ấy :

Một trăm năm trước có một chiếc thuyền của người Pháp chạy theo bờ biển Phi-châu. Thuyền chìm ở gần bờ.

Người ta đào cát tìm được chiếc thuyền ấy. Lại nỗ lực đào cát nữa, người ta tìm được ở từng sâu những kèo cột rui mè của ngôi lầu bằng đá trắng ấy, người ta đem về trưng-bày ở Bảo-tàng viện Le Louvre để bảo-tồn cổ-tích.

Tính về niên-lịch, người ta biết ngôi lầu ấy có trước

(1) Thời Hán Vũ-đế, người ta đào ở dưới hồ Côn-minh được tro đen

ngày Thiên-Chúa giáng-sinh, suy ra ở vào thời nạn lụt lớn đời vua Nghiêu bên Tàu.

Vào thời-đại ấy, Phi-châu cũng là một đại đò-hội rất phồn-thịnh đông-đức.

Bị nạn lụt lớn vào thời-đại ấy, Phi-châu chìm xuống biển. Đó cũng là một kiếp, một cuộc đại chuyển-động của thế-giới chẳng ?

Lòng trời nhân-ái thì tất nhiên cũng có một ngày dứt chiến-tranh chẳng ?

Hoàng-đế triều Nguyễn ta được vận trời, quạt lên ngọn gió đôn - thuận, ngoài thì có sự bảo-hộ của nước Đại Pháp mà thế-giới văn-minh càng kích-động càng mãnh-liệt. Gần đây có xướng lập cuộc hòa-bình, tôi kính-cần cầu chúc cho việc ấy, đấy là mong-mỏi vào vị thần hồ phong (đừng thổi gió nữa cho thế-giới được thái-bình).

Theo nhà làm niên-lịch tây, tính từ năm [133a] 1496 trước Thiên - Chúa đến năm 1861 sau Thiên - Chúa cộng được 3.357 năm, trong khoảng ấy thời bình-yên vô-sự chỉ được có 227 năm, thời đánh nhau cộng được 3.130 năm, tính ra thì cứ 15 năm có xảy ra một cuộc chiến, thì trong đại-thế của thiên-hạ ngày bình thì ít, ngày loạn thì nhiều.

Âu Á cùng một phong-trào. Ý của thi-nhân cũng là ý khi cuộc loạn đã cùng cực thì mong cuộc bình-trị đấy chẳng ?

CHƯƠNG 100

**Lạy trời cho chóng gió nồm,
Cho thuyền Chúa Nguyễn thẳng buồm chạy ra.**

[133b] Thơ phong-sử này thuộc phú.

Chúa Nguyễn là Thế-tổ Cao Hoàng-đế triều ta (Vua Gia-long).

Nhà Vua là con thứ ba của Hưng-tổ Hiếu-khang vương, cháu của Chúa Duệ-tông.

Trong niên-hiệu Lê Cảnh-hưng thứ 35 (1771) quân của tướng Trịnh Hoàng-Ngũ-Phúc xâm-lấn miền Nam thẳng đến lấy kinh-đô Phú-xuân.

Chúa Duệ-tông Nguyễn-Phúc-Thuần chạy vào Quảng-nam, Vua (Nguyễn-Ánh) cũng chạy theo.

Lại bị quân Tây-sơn tiến bức, Chúa Nguyễn chạy vào Gia-định.

Nguyễn-Văn-Huệ chiếm cứ Long-biên, Nguyễn-Văn-Nhạc chiếm cứ Quy-nhơn, Nguyễn-Văn-Lữ chiếm cứ Gia-định.

Nguyễn-Ánh lăm lăm dẹp yên Nguyễn-Lữ rồi lên ngôi Vương ở Sài-côn, lại phải vất-vả giữa các hòn đảo ở biên, có lúc bầy rần đội thuyền, cá sấu đũa ghe, trận bão dữ ở đảo Côn-lôn (làm đắm thuyền Tây-sơn), nước ngọt lấy được ở giữa biển, diêm lạnh ứng-nghiem rất nhiều.

Người hiền biết cho rằng bậc [134a] đế vương tự-nhiên có chân-mệnh.

Lúc ấy quân Tây-sơn hung-hăng, Chúa Nguyễn-Ánh đóng quân ở Sài-côn quyết chỉ dẹp giặc, mỗi lần gặp mùa gió nồm thổi thì tiến binh đánh lấy những vùng Nha-trang, Thi-nại, Quảng-nam để làm kế tiến thủ.

Võ-Tánh, Ngô-Tùng-Châu của bộ binh ta tiến quân chiếm lấy Bình-định rồi bị tướng Tây-sơn là Nguyễn-Văn-Diệu, Nguyễn-Văn-Dũng vây thành.

Chúa Nguyễn-Ánh đưa chiến-thuyền đến cửa biển Thi-nại.

Lúc ấy trong thành Bình-định hết lương-thực, Chúa Nguyễn-Ánh sai đưa thư bảo Võ-Tánh bỏ thành Bình-định, lấy đường xông ra hội với đại-quân.

Võ-Tánh xin liều chết giữ thành, và xin Chúa Nguyễn-Ánh thừa hư đánh úp lấy kinh-đô Phú-xuân.

Chúa Nguyễn-Ánh liền cử đại binh thuyền tiến ra biển vào cửa Tư-hiền, đến ngày mùng 3 tháng năm năm Tân-dậu (1801) tiến vào lấy thành Phú-xuân.

Quân Tây-sơn bỏ chạy [134b] theo đường núi.

Chúa Nguyễn-Ánh đã khắc-phục Phú-xuân liền sai quân

chia đường vào cứu thành Bình-định, thì Võ-Tánh đã tự thiêu ở lầu Bát-giác, Ngô-Tùng-Châu đã uống thuốc độc chết rồi.

Thành Bình-định được giải vây, Chúa Nguyễn-Ánh liền tiến quân ra Bắc-hà. Quang-Diệu bị bắt.

Dư-dồ thống-nhất. Lòng người muốn như thế thì Trời cũng chiều theo. Gió nồm thổi mạnh đáng mừng thay!

Cơ-nghiệp hàng hai trăm năm của tổ-tiên mở-mang bồi đắp, lãnh-thò hàng muôn dặm ở Bàn-kỳ (vi vời nước của nhà Chu) được khai-thác tạo thành.

Thế-tô Cao Hoàng-đế triều ta trải gió dầm mưa trong 21 năm trời, ngọn cờ vàng mới được phất-phới tung bay trong miền Đông-Á.

Hà chẳng thời trời đủ tựa ? Lòng người cũng đáng nhờ ? Gặp lúc Chúa mừng thi [135a] heo ăn no ngủ kỹ. Khúc hát *Hoài-Nam* có câu :

*Chó ngoắt đuôi mừng Thánh chúa,
Lợn ăn no ngủ ngày.*

Đó là năm Tuất (1802), năm Hợi (1803) (*Tuất* thuộc chó, *Hợi* thuộc heo).

Núi sông nước Nam lại thấy cảnh-tượng thái bình.

Bề-tôi hèn mọn lỗ-mãng này thẹn mình không bỏ ích, mong hưởng theo gió nồm nổi lại dầy đàn của vua Thuấn mà gảy khúc nhạc *Thiều* xưa.

VIỆT-NAM PHONG-SỬ
— QUYỂN 2 DỨT —

MỤC - LỤC

THƠ của Nguyễn-Hữu-Bài	VII
THƠ của Tôn-thất Mộng-Phật	VIII
THƠ của Ung-Trinh	IX
BÀI BẠT của Đặng-Văn-Thụy	XI
LỜI BẠT của Đinh-Xuân-Trạc	XV
LỜI TỰA của Nguyễn-Văn-Mại	XIX
VIỆT-NAM PHONG-SỬ QUYỂN I	XXIII
Chương 1. Non cao ai đắp mà cao ? Sông sâu ai bời ai đào mà sâu ?	25
Chương 2. Trứng rồng lại nở ra rồng, Liu-điu lại nở ra dòng liu-điu.	30
Chương 3. Chàng về thiệp một theo mây, Con thơ để lại chốn này ai nuôi ?	33
Chương 4. Sông sâu suối hiểm làm vầy, Ai xui em đến chốn này gặp anh ?	34
Chương 5. Đêm khuya thiệp mới hỏi chàng : Cau khô ăn với trầu vàng xứng không ?	36
Chương 6. Tạnh trời mây cuốn về non, Hẹn cùng cây cỏ chớ còn trông mưa.	38

- Chương 7.** Mènh-mông góc bể chân trời, 41
 Nhưng người thiên-hạ nào người tri âm ?
- Chương 8.** Có con phải khổ vì con, 46
 Lấy chồng phải gánh giang-sơn nhà chồng.
- Chương 9.** Thương chồng nên phải gắng công, 49
 Nào ai xương sắt da đồng chi đây ?
- Chương 10.** Ru con con ngủ cho lành, 51
 Cho mẹ gánh nước rửa bành con voi.
- Chương 11.** Nước lã mà vã nên hồ, 54
 Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan.
- Chương 12.** Gáo vàng mức nước giếng tay, 57
 Khôn ngoan cho lắm, tở thầy người ta !
- Chương 13.** Chim chích mà gheo bồ nông, 60
 Đến khi nó mổ, lạy ông tôi chữa.
- Chương 14.** Cóc kêu dưới vũng tre ngâm, 63
 Cóc kêu mặc cóc, tre dầm mặc tre.
- Chương 15.** Thương thay thân phận con rùa : 64
 Trên đình hạc cõi, dưới chùa đội bia !
- Chương 16.** Cửa đời muôn sự của chung, 67
 Tranh nhau một tiếng anh hùng mà thôi !
- Chương 17.** Xem lên trăng bạch trời hồng, 70
 Đạo miên sơn thủy bể bồng thái-bình.
- Chương 18.** Ban mai xuống tắm bể Đông, 72
 Đạp lấy con rồng nổi lên chín khúc. Ta hồ hởi !
- Chương 19.** Loạn chuồn-chuồn là loạn Kim-thoa, 73
 Bèn bay mở cửa, bèn qua sang luồn. Ta hồ hởi !
- Chương 20.** Chào rần đi đi đâu ? 74
 Vuốt râu ông hùm. Ta hồ hởi !
- Chương 21.** Con cóc nằm nép bờ ao, 76
 Lăm-le lại muốn hấp sao trên trời.

- Chương 22.** Nước trong khe suối chảy ra, 79
 Minh chè ta đục, mình đã trong chưa ?
- Chương 23.** Lâm-râm khẩn vái Phật Trời : 82
 Xin cho cha mẹ sống đời nuôi con.
- Chương 24.** Con ai đem bỏ chùa này ? 84
 Nam Mô Di Phật, con thầy thầy nuôi.
- Chương 25.** Ta trong cây khế ta ra, 86
 Minh còn cạnh khế chi ta hỏi mình ?
- Chương 26.** Tu đâu cho bằng tu nhà ? 89
 Thờ cha kính mẹ mới là chân tu.
- Chương 27.** Nực cười châu-chấu chống xe, 92
 Tưởng rằng chấu ngã, ai dè xe nghiêng !
- Chương 28.** Tới đây hỏi khách tương-phùng : 97
 Chim chi một cánh bay cùng nước non ?
- Chương 29.** Dầu ai sang cả mực ai, 99
 Thân này nước chảy hoa trôi sá gì !
- Chương 30.** Mở mang, mang chạy lên rừng, 101
 Ta hay mang chạy, ta đừng mở mang.
- Chương 31.** Tiếc thay cây quế giữ rừng : 104
 Để cho thẳng mán thẳng mừng nó leo !
- Chương 32.** Trời mưa trời gió long bong, 106
 Cha con ông Sùng đi gánh phân trâu.
- Chương 33.** Hoa thơm thơm lạ thơm lòng 109
 Thơm cây thơm cội, người trồng cũng thơm !
- Chương 34.** Một ngày dựa mạn thuyền rồng 111
 Còn hơn muôn kiếp ở trong thuyền chài.
- Chương 35.** Vì ai nên nổi sầu này : 114
 Chùa Tiên vắng-vẻ tứ thầy xa nhau ?
- Chương 36.** Trách người quân tử bạc tình : 116
 Chơi hoa rồi lại bẻ cành bán rao.

- Chương 37.** Bận vàng lại gặp bận vàng, 118
Long, lân, quy, phụng một đoàn tứ linh.
- Chương 38.** Chim quỳên đào đất ăn trùn, 121
Anh-hùng lỗ vận lên rừng đốt than.
- Chương 39.** Đàn kêu tích tích tinh tang, 124
Ai đem công-chúa lên thang mà ngồi ?
- Chương 40.** Tiệc thay hột gạo trắng ngần : 127
Đã vo nước đục lại vằn lửa rơm !
- Chương 41.** Dã-tràng xe cát biển Đông, 130
Nhọc lòng mà chẳng nên công-cán gì !
- Chương 42.** Con công-công đại lắm ai ôi ! 131
Nông công xe cát, sóng nhồi lại tan !
- Chương 43.** Bao giờ cá lý hóa rồng, 137
Đền ơn cha mẹ âm bình ngày xưa.
- Chương 44.** Gà què ăn vằn cối xay, 139
Hát đi hát lại tối ngày một câu.
- Chương 45.** Ai mua con quạ bán cho : 141
Đen lông đen lá bộ giò cũng đen.
- Chương 46.** Mẹ gà con vịt chắt-chiu, 144
Mấy đời mẹ ghê nâng-niu con chồng ?
- Chương 47.** Kiến leo cột sắt sao mòn ? 148
Tò-vò xây tổ sao tròn mà xây ?
- Chương 48.** Chàng về Hồ, thiếp cũng về Hồ, 150
Chàng về Hồ-Hán, thiếp về Hồ-Tây.
- Chương 49.** Chim khôn lánh bầy lánh giò, 152
Người khôn lánh chốn ở đồ mới khôn.
- Chương 50.** Trách chàng Từ-Thức vụng suy : 156
Đã lên cối thợ về chi cối trần ?

VIỆT-NAM PHONG-SỬ QUYỂN II		161
Chương 51.	Đường vô xứ Nghệ rành rành, Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.	163
Chương 52.	Voi ăn trong rú trong ri, Voi ra uống nước, voi đi giữa đường.	167
Chương 53.	So ra ai kém ai đâu ? Kẻ xe chỉ thắm, người trau hột vàng.	172
Chương 54.	Sáng trắng trái chiếu hai hàng, Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ.	175
Chương 55.	Chàng tham ruộng cả ao liền, Tham vì cái bút cái nghiên anh đồ.	176
Chương 56.	Nhất vui là hội chùa Thầy, Vui thời vui vậy, chẳng tầy vui em.	178
Chương 57.	Linh-đình qua cửa Thần-phù Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm.	180
Chương 58.	Vì rằng bác mẹ chẳng sinh, Đem con bán phố Vạn-ninh cho rồi.	184
Chương 59.	Tâm sao tâm chẳng ăn dầu ? Tâm sao ăn ruộng ăn trâu ăn nhà ?	188
Chương 60.	Gánh vàng đi đổ sông Ngô, Đềm đềm mắng tưởng đi mò sông Thương.	190
Chương 61.	Đời vua Thái-tổ Thái-tông, Con dật con hể con hồng con mang.	194
Chương 62.	Ngon đèn thấp-thoảng ánh trăng, Ai đem người ngọc thung-thắng chốn này ?	196
Chương 63.	Thần-thơ đứng gốc cây mai, Bóng mình lại ngỡ bóng ai mình làm.	197
Chương 64.	Nhớ ai lơ-lãng đầu cầu, Lược thừa biếng chải, gương tàu biếng soi.	198

- Chương 65.** Ngày đi trúc chữa mọc măng, 199
 Ngây về trúc đã cao bằng ngọn tre.
- Chương 66.** Ai ôi giữ chí cho bền, 201
 Dầu ai xoay hướng đổi nền mặc ai.
- Chương 67.** Ai lên Phố-Cát Đại-dồng 204
 Hỏi thăm cô Tú có chồng hay chưa ?
- Chương 68.** Kéo quân qua cửa Hùng-quan, 205
 Chim muông tiếng hót, hoa ngàn thức đưa.
- Chương 69.** Bèn sông thanh vắng một mình, 207
 Có ông ngư-phủ biết tình mà thôi.
- Chương 70.** Chớ khinh chùa Tích không thờ, 209
 Mà đem xôi oản cúng nhờ gốc cây.
- Chương 71.** Thử gian đồn trá cho mình, 211
 Oan ơi hỡi ừ, vốn tình mình không !
- Chương 72.** Ăn quả nhớ kẻ trồng cây, 213
 Nào ai vun quén cho mày đừng ăn ?
- Chương 73.** Thuyền câu lơ-lãng đã xong, 215
 Thuyền chài lơ lảng uông công thuyền chài !
- Chương 74.** Em đừng thấy lính mà khinh, 218
 Lãn-binh Thống-chế ba dinh một dòng.
- Chương 75.** Bão-bùng cảnh ngọn xơ-rơ, 220
 Chim không nơi đỗ dật-dờ phương nào ?
- Chương 76.** Khoan khoan hỏi gã chèo đò, 222
 Hỏi anh cầm lái dận-dò trước sau.
- Chương 77.** Đòi vua Vĩnh-tộ lên ngôi, 225
 Cơm gạo đầy nồi, trẻ chẳng ăn cho.
- Chương 78.** Gió đưa cây cải về trời, 226
 Rau răm ở lại chịu lời đắng cay.
- Chương 79.** Hỡi Nước Nước ! 229
 Trắng khuya đã mọc, con nước đã lên.

- Chương 96.** Rồng nằm bề cạn phờ râu,
Mấy lời anh nói giấu đầu hở đuôi. 274
- Chương 97.** Thương em anh cũng muốn vô,
Sợ trông nhà Hồ, sợ phá tam giang. 284
- Chương 98.** Nhà-bè nước chảy phân hai,
Ai về Gia-định Đồng-nai thì về ? 286
- Chương 99.** Đố ai quét sạch lá rừng ? 288
Đề anh khuyen gió gió đừng rung cây.
- Chương 100.** Lạy trời cho chóng gió nổi. 293
Cho thuyền chúa Nguyễn thẳng buồm chạy ra.



ĐÍNH CHÍNH

Trang	Đồng	IN SAI LÀ ...	ĐÚNG LÀ ...
<i>IX</i>	19	<i>ròng-rãi</i>	<i>rộng-rãi</i>
<i>XVII</i>	3	<i>th</i>	<i>thì</i>
25	14	<i>khía tàỵ</i>	<i>phía tàỵ</i>
27	1	<i>Nam-Kỳ</i>	<i>Nam-Kỳ</i>
42	7	<i>cái lầy</i>	<i>cái lầy</i>
51	13	<i>bụi hồng</i>	<i>bụi hồng</i>
52	12	<i>chống cự</i>	<i>chống cự</i>
66	6	<i>đáng kinh thay</i>	<i>đáng kinh thay</i>
69	4	<i>Tuy nhên</i>	<i>Tuy nhiên</i>
70	12	<i>Hoan-chàn</i>	<i>Hoan-châu</i>
76	5	<i>lúc đầu</i>	<i>lúc đầu</i>
85	3	<i>Ngài hiền</i>	<i>Ngài liền</i>
88	7	<i>há lại</i>	<i>há lại</i>
93	7	<i>xăm chiêm</i>	<i>xâm chiêm</i>
99	3	<i>xá gì !</i>	<i>sá gì.</i>
111	2	<i>màn thuyền</i>	<i>man thuyền</i>
194	15	<i>chac</i>	<i>chắc</i>
211	3	<i>vồn tinh</i>	<i>vốn tinh</i>
249	13	<i>Cach tý</i>	<i>Canh-tý</i>

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

猪飽餐食眠
廣南歌云：狂換雄棚去猪
 咬飯昨暝即成亥之年
 南國山河復觀太
 平之景象
 微臣齒芬慚無補
 願向南風續舜經

越南風史卷之二終

越南風史

卷之二

第百三十四

上走帝既克復富春命分道入援平寇愷已自赫火
 于八角樓吳縱周亦仰藥死平寇城兵圍解即進
 兵北河光耀威於輿圖一統人願如此天必從之南風
 其大竟乎石休哉二百年祖聲尊尊培迨其業萬餘
 里何問岐造之封疆我

世祖櫛風沐雨二十四年得以飛揚黃旗于亞東焉
 而者豈天長之足憑哉亦人心之可恃也夫逢主喜

帝王旬有[○]道[○]焉[○]為[○]長[○]西[○]山[○]獨[○]獲[○]帝[○]住[○]兵[○]柴[○]棍[○]銳[○]兵[○]討
 賊[○]每[○]遇[○]南[○]風[○]長[○]候[○]進[○]據[○]茅[○]莊[○]施[○]耐[○]廣[○]南[○]等[○]處[○]為
 進[○]取[○]計[○]我[○]步[○]兵[○]武[○]性[○]吳[○]從[○]周[○]進[○]據[○]平[○]定[○]為[○]西[○]山[○]賊[○]將
 阮[○]文[○]耀[○]阮[○]文[○]勇[○]所[○]圍[○]帝[○]賊[○]每[○]施[○]耐[○]海[○]口[○]及[○]平[○]定[○]城[○]中
 報[○]書[○]畫[○]帝[○]令[○]齋[○]劄[○]書[○]白[○]諭[○]武[○]性[○]棄[○]城[○]取[○]路[○]會[○]大[○]軍[○]性
 請[○]死[○]守[○]請[○]帝[○]乘[○]虛[○]襲[○]取[○]富[○]春[○]帝[○]即[○]大[○]整[○]兵[○]船[○]望
 洋[○]入[○]恩[○]賢[○]海[○]口[○]以[○]五[○]月[○]初[○]三[○]日[○]入[○]富[○]春[○]城[○]西[○]山[○]取[○]山[○]路

越南風史

卷之二

百三十四

賦也主既即我

世祖高皇帝帝興相孝康王第三子睿尊之任當
 景興三十五年新兵苦到福南侵齒取富春睿尊
 幸屬南帝從之必為西山的通尋往嘉定阮文惠
 龍編阮文岳撫歸仁阮文侶撫嘉定帝屢次討平文
 侶即王位于紫楓復崎嶇海國間群蛇乃自鯨魚
 渡船山昆火命大風海中甘醴徵應殊多識者以為

一千四百九十六年，至降生一千八百零一年，共三千三百五
 十七年，其間平安無事者，只得二百二十七年，其互相
 攻伐者，共三千一百三十年，通併每十五年，又生一戰，或則天
 下大勢治，日少亂，日多，歐亞同一風潮也。詩人之意，蓋
 亦亂極思治之意歟。

第一百五十一

禰登朱羅，風過南朱，船主阮，踏帆趨，番。

有斯一白石棧，標棟純用白石，其彫刻最為奇巧者。據舟物官云：此棧乃有年，且隨法人船行亞洲，利洲海岸，雖偶被沉，曳之，近岸淘沙起，舟因于沙洋，處得之，遂極力淘沙，得此棧。標歸，圍于此，以存古跡。算之年，屢在降生前，標亦常竟洪水之長，此洲於此，有古極，船亦象一尺，都人曾以此大水，此洲遂仁愛天心，其必有息，爭之一日，舟沉于海，亦大劫也。

我

皇極運，崩以淳風，外有大法，為之保護，惟文明世界，愈激愈烈，近有唱五平和為者，愚且聲香，祝之，是所望于呼風之神君，又按西算學家推算西曆，改于生前

而外則蚩人之來侵內則季犛之僭由播東阿又地矣
 崑山起義之後禮備樂明而前勅為勸民之所僭
 後勅為勸民之擅權君位殆同虛設迨西山之賊
 起父不免乘輿五播遷再生之木其能久乎統觀
 中古近古二長代二千二百五十年而南國山河已不知
 經幾風潮矣然後知昆明里反犬劫難逃於天地
 榴臺句名感哀難問于古初

大因玻璃城中有古播
 其為備古來奇巧之物

安南都護之旗日收揚矣、救竊為稱帝布其誓呼王而
 安南招討之軍又雜踏矣、吳王唱軍權于南海而
 十二使君一長竟起天厭福亂挺出直入丁先皇
 平十二使君而王太平之草木雨露而木刀已拔
 黎臥朝則無論已十八子當途李氏親稱皇治而
 欽廉遠似獠洞親征民生其間征戰殆無虛日陳
 朝繼沒一百餘年君臣唱和自有明良喜起之風

年表考史自涇陽王至趙武帝二千七百七十年為最
 古長代野蠻未化猶在沟穆土風彼一長也有大毒豎高
 牙稱雄於南海東亞風潮漸漲矣武帝以後郡縣我
 土地奴隸我人民幾於南方無英氣矣不圖女流中有
 二繼之逐漢宗趙姬也拒吳兵數千年低頭俯首我
 南人又突出數輩叙裙先後顏顏做得箇車轉烈
 一場樹英風于海表此後而來則貢南帝佛子北使而

羽翼尊英皇帝南圻土產賦其亦有感于斯乎

第九十九章

如埃扶握英核。底英嘯風。風。傳攢核。

比也此傷亂而作也落葉不可盡掃猶福亂之不
可盡除孟子曰天下之生久矣一治一亂蓋人與人共
處國與國共立愈善見爭則愈文明愈文明則愈
劇烈氣運之必然亦天地難逃之公例也誠以我越

營于尋樵又前江設新川道後江設朱鷺^道架溪
 設監江道哥毛設龍川道即今之南圻六省是也我
 朝開拓南圻一以殖民為上政策不出二百年餘年間而昔
 長草莽生取生盜賊淵藪誠為樂邦人民蕃聚商
 賈輻輳為貿易之中心點故人樂而歌之讀之在
 茹篋二篇而知我
 朝之興也勃然奉我

越南風史

卷三

百三

潮長則人船順流而上其地即今南圻之甯南也又
按南圻古者原水直隴之地我朝

太祖高皇帝鎮頭寨其陸直隴為鄰三傳至

太宗是高麗國難納因總兵楊芬迪居是祥陳勝
才居邊和開地招高麗等長招募布政以南之民
立為社村坊區開河仙新鎮以鄭珉為總兵世尊
長直隴國王獻子孫拋龍之地改為河仙移龍湖

危也。而安之。既內號。具之功德。可碑于人口也哉。

第九十八章

若皮諾注分。埃術。嘉定。同。龍長。綽。

嶽也。按我南地。與渭公河。發源西藏。經至雲南。抵

高。二。蠻。分為二支。注于南。折為前江。後江。前江上有同

獨江。紫。桂江。一。自。邕。和。之。上。流。一。嘉。定。之。上。流。合于三。注。

于。昔。於。海。只。南。折。地。勢。平。每。日。皆。有。海。水。潮。汐。水。

越南風史

卷二

百九

傳三江處水深江曲風濤且多舟行多被沉覆內

魏官答本朝

顯皇帝命內魏院科登經理胡舍伐林中木
 設法緝拿盜賊繁息商旅便利又于三江別南港
 道通江水以殺水勢自是波濤漸平舟行順便人咸
 歌頌也言胡舍此三江之危險今則江水波平舟行無
 恙林路並敷緝紆放無虞依依山水間險也而平之

僧婉英拱閱無情半若胡情破三江破三江曙日創
危津山中若湖由幾只村守數

賦也半若湖即胡舍也屬黃洽承天府林長三里
昔此處山林叢茂多有棍徒劫掠行人三江海兒
在承天廣田曲豐田縣之下流其昔名個海南長三十五
里自官田江下流海兒其西南有三水一為左江一
為中江一為右江三里許東注于順口故以三江海兒相

越南風史

卷之二

百八

荒三代群徐忍類能朝辭踏忠頭拜將封侯哀
 駢監業闡其人敬明衣者巾帛劄旣旂常福
 丞群祚龍崗也昇漢室坤日重盛衰曲亡否泰
 事長句諸槐成敗磨改英雄準危天下甚用凶累
 拱固臥龍巽甚主昭用鄭牙碎惘貼翠變新
 天正調安

第九十七章

劍門馬陵紅魄涌孫恪夷斫帝所在頑危准長流
 馬尾長木牛躡紆打鄧功穀花夷嗜戎野朝忠吃
 噍噍沒節討踵拉扶正統卿齊日星拗御嚴謹分
 營碎亂混賊趙醒排排漢家坊鏗楚扶持裏長吏
 盛危存吏安功齒兀在森齒官提胸石柱泰山尼黑
 山嫩靜浩碧極巖鞞寫意的是界鐵觀據貼花
 裡曉然才尼埃在浪牙軍師論花三國有餘論

火攻塔所累其鳳岸赤壁眼殘魏兵花定進將
 分營奸雄日飲走啣難破肝神機秘計所算荆州摺
 峴逐船遠毛和親堆准而跳先生所喜吳侯計汝
 所因鬼扒鬼他威天荒意賊先趨顯固音私部累出
 兵節紆錯之跡日星台甚要晴天水所用美維勳也
 計忠躬掃預神在檀發賒鯨其副立羅洞坂鄰接岸
 蓬城少所椒彈沙機仲達啣肝驚魂驚天仗關

新書世發美愛車靈新屋能既音碼篤善扶
 事助共接和手段融材棟樑節悃返諾南陽塔
 繼登漢倍錯高道於各禮待君師粉希抹妓沐
 渭滄潤如情梗礪君身於分於討迹分論殖兵
 權緩仍當獨臨機制勝沒危敵聞陣排厲望燒
 屯白河用火侯惇超艘界旗別命飭勦固才舌戰
 困才心攻夜嚴船預派淹迹闔器魏納船周郎

龍拏斧蟠溪勸貼聖怒賢箕才尼翰固恪更才
 誓皇衣伴買周兵稅六韜並讀七書史盤娘龍怪別
 世間覆歎天垣循環極通草萊動固英雄廟堂標
 凭凭見群才高固音貼象天曹箕難鄉相怒釋君
 良固音兵法討論鳥蛇異陣風雲意圖固音詩報
 留壺青衣日敏說溪奴泔培唯妙名教固愷修人在
 別浪人隱仙吟吟只道噫自然主碎牢害人緣台眾

奴牧立區樵尾耕鶴靴躡闐噴經菓澄梓穡式撐
 猿蹠格根竹梳好撻汗柳香紫軒誇菊鐵曲琴今古
 錦宮扛歌吟梁父道強與毛貼睡無天制子兜趣恬
 世趣埃油默字哀清長養良性日勸最甚今冲錫月坎外
 耕運利名市少拙夢穉極嫌世物字拙世情移空
 戲福以爾萌喘蒸裝馨功名命保尹未諸鄧祀瀾
 鴈耕置業諾罷太危內華石油未諸返車文句其業福

錦函喜春有子嗚恬嬉瑞猷也吟甚危生固才危
 凶穢十貽蘭蘭沒軒茹靜其憂撫性恬已於已間
 風月興乘果務調固美自於果嚴浩滋寧親職圖
 濕古而風繞航涿境肺兒絲主善招兜明堂藉期
 天心踴退知吾何躋恪常結椿陪伴遠陵上節盛
 切岑構氣灵毅沒孰世界僥職有情林泉靜因
 市城風聲吻也景清添魁趣愜翠趣添要筆漁

并附臥龍吟于後

臥龍崗挽

維其原作

關車朝直班快，凭篇此舉其望論浪世雖亂治
 道恒別長事意在於燕士賢滿徐祚培如語迎臨分
 躡鑿罨芳英雄人才雖泣荒用聘時場利益功
 倍疎中埃祀道將驗几擲細魏得靜迎矣南渴
 困士隱德孔明異孳丈夫恪類於命歸程極木福些

落心腹力來相敵四句以問其良莫能辨獨校尉
 馮克寬知也斷曰此予不受勅之隱語也此譴北朝人
 譏維山慈之淺智也謂蔡北朝人而歸附于南朝則
 龍失其淵矣其所言語人皆知也則不得為神智矣
 不知良禽擇木而棲賢臣擇君而事維山慈處得其
 位魏然為國之功臣彼北人譏維山慈為失據之神
 龍而不知附勅之馮克寬乃洞處之枯魚也可笑也夫

命以餽我也受而不來則彼有辭不受彼必動兵邊
 隙一生非生民之福莫若姑受之使之不疑我得意改乎
 然後用計還之帝從之石于賞其使遣歸維維請勿
 貢賦于朝又請發軍民于高平以築長育壘月餘
 壘成請于上作壘衣銅盤藏數其中且入金帛以物
 命使于北朝謝恩因以銅盤獻之而去使還斬榭臂乃
 其盤底見內藏一敕與一帖之弔而無驗竟非別跡覺

和為上的親信乃往焉和進此語音也遂娶以女和惡
 嘗吟臥龍崗一篇用國音以諧葛亮自况和見
 之曰維慈其今之以龍吟照等十四年我師敗鄴
 于日麗德和入賀因出袖中以龍吟以進曰此臣
 家壘師陶緝慈所作音也召用尋封為禰溪
 侯長鄭樛議欲南侵先使阮克明通封上為太傅
 且徵貢賦上召群臣議陶緝慈曰此鄭氏假為帝

之心

於第九十六章

蜂隨波伴賊髮余啞英啞頭許魁

賦也臥龍指陶繡慈也按繡慈清化人倡者陶

佐漢之子博學通經史黎朝考試官以其出於畧

亦之維慈抱憤聞我

太祖皇帝愛民好士乃次去慈南行聞場仁甚理陳德

越南風史

卷之二

百三

圖然亦羈縻之而已哉

太祖嘉裕皇帝扶黎中興之後為黎所惡遂奏于
 黎帝領鎮烏里以南之地黎亦利其險遂帝得鎮
 後都于廣治之愛子些辰收撫人心仁深澤厚北朝
 人民多附歸之久之遂成都邑故歌云云言山笋味
 雖不甘溪魚肉雖不美然而樂土樂土爰得我所樂
 却樂却誰之永甯欲知今日之天命當卜此辰

第九十五章

筭枉燭節鯁源雖低軾沛半怡護愷

賦而興又比也筭竹類其節長中通外直而肉薄筭

即筭也廣江上游多產之山人多結筏以居鯁源山

溪之魚也即名鯁魚多骨少肉而腥外有二長骨謂

之雙骨按烏里三州系占域也陳朝占主以三州獻聖

玄珍公主以歸其地始屬於陳至魏朝亦屬版

權板冰山不可倚以為重乃人尚有為之談軍國重
 事者皆指水無功之奴隸也午日豈長有當天
 之理哉統暗指光中也輝暗指阮有整也棟暗指景
 風也惠若昇龍號北平王濬兵來攻自嘗為帝
 號光中傳至光繼即位改元景盛亦西山將亡
 之識也

右西山共七章

中尉衛尉皆武階官職也言階雜踏至此極矣故

都人指而斥之

韓有云此身長即當候
解首番伯埃侯翰榮

第九十四上早

兜饒杉梗諾船。繞垣埋破梗連部港。

比也。繞以繩為也。垣土埋也。梗竹槓也。此語亦西山之事。

西山得志之後，賢士不樂為用，見人有趨炎附熱者，

故以指水比之。言西山乃一負賄之小卒，長偃中竊把弄。

越南風史 卷四二 第一百二十二

使西山為我 朝設為雀矣

第九十三章

都督三千都督指揮八萬指揮中尉衛尉極計之該隊副隊祀舖腐道

賦也西山之長南北用兵坐而括天下之財賦又哨民入錢曹爵其甚至有功者除定封外又給空敕等道
轉其發買故有十貫伍五員伯之讓都督指揮

定綏福縣界山上平富存在西有銳山東有雄山
 北有跪山南有割山山巒重疊為最險要長西山
 兄弟起兵割極中史文惠率兵據河北文信起兵據
 南中順有以南選兵催集戶籍人給一牌其籍籍為
 兵當長從役嘆怨也故作此詩夫岳一岳一吏也乘
 長蟻聚不思撫養民力而空躬兵于南北不知得天下
 若存人心詠富安征婦之詞而可知西山之不久也夫其

人一戰而收富春，再戰而收昇龍。音驕志滿，又聞西
京多美女。人家有女，無不使軍人收捕之。劫軍又意
多驕橫，民不勝嗟嘆。故指上言之，負賄獲得此，已出
望外矣。宜乎不及二世而亡。

第九十二章

啜埃嘆哭，咄嗟異婦，住傷踰境，虬蒙。

賦也。虬蒙山在富安省同春縣北，羊山嶺以北，屬平

岳繞條。少朱混媽。透調煩快。

賊也。上從岳下從即阮文岳也。初為鹿洞巡。上從吏下從原安

人。岳姓河城。經過大安。民有獻花品者。曰不圖今日

見大軍經過。謹奉。岳曰。我是本土人。前代移民。平定

人。呼我為岳。岳即我也。命收之。四靈。西山軍號也。繞

條不詳。查和皇一統志。西山入寇河城也。水軍皆戴

紅絹帽。立船頭。查亦當長軍號也。岳兄弟。身定西山

越南風史 卷之三 第一百八號

負蛇咬家雞沿岸之民或有負而投之者。劉甚怒曰
 我走遍四海無有一人敢抗者何物乃爾乎胆大行將
 復汝厥後。整曰留守河沈大安又擁兵出北河以擁五
 為右。縱軍擄掠無所不至。方民嗟怨其亦因鼯鼠而
 發機數車列衣之長。想鼯鼠亦不屑咬此肉。

第九千一百一

首善上从仁岳田靈。夕朱猥媽失驚。害魂。貞善上从仁

考也躬卑變於州。術外聖神收猶尉咀蹟。

比也猶尉鷄白鼠也。與諸白鼠同而較小其喙長其氣臭

以君子污穢之地。大聖人既都整原為薊蒙良三府

驕兵之後投入西山引阮文惠人寇昇龍城阮文岳亦

繼至整嘗謂岳曰北河惟整人于是岳兄弟疑整

有異謀密點兵掠河城窺其具半夜引兵船南回明日

勒進士已無矣矣遂回舟一少舟尾之河北之人皆怨整

越南風史 卷之三 第一書子七張一

仙主佛主在人口疎懷南一故在人歌思在于斯長也傲
 遊順窟之間若能善規長勢細察人心在田垂天之
 翼鵬扶搖而南圖為臥龍之南遊為維為黑虎之
 北拒則一飛豈不冲天乎不此之用而區區於復讎之
 舉率卒之出山之繒纒已成北河之羽翬其既去不免見
 辱於北京豈其善為人謀而拙於自謀乎

第九十章下

之迎港往北河也言文劄兄弟進取昇龍長晉整守
 入安為失策也夫劄一人也歸山賊則北朝人以為患歸
 北朝則西山以為憂劄其真英雄乎哉雖然當是
 辰也而生五木不久魏帝之祚將終長有戒

世祖高皇帝大帝播于紫微謀圖恢復猛士如雲謀臣
 如雨外文則大誥之助兵船內附則暹羅高麗之資
 軍是且七澤澤泉二石餘年

整正尾之動因命整正番守人安黎總帝即位各使人

往人安詢整回北京長人安鎮守院文用密書告整

曰有整為人顛倒在富春京長我已知之整勸整取昇龍勸曰

北河人才最多人雖皆官有美豈可忘各思對曰北河人本惟整正人

整身既去便為空用動從今日不疑在人毋乃疑在人公乎整謝曰甚喜

用之真若使翱翔北河必不利于西山步矣乃大整

兵船兼程直進昇龍城收整而殺之見黎皇一統志長有整

以扶黎有功黎帝封為鵬國公故長人以見北驃比

埃枕混驟迎境。賊之見驟數以龍驤。悲。

比也。既制教正。又安人。有智勇。領鄉黨。為

暉却公黃劄。復

即暉郡公黃五福之姪

幕客。三府驕兵之後

下令捕甚急。勸其遂。初于春乘海入西山。初既文岳進

取。有南長勸。用五福得與岳兄弟相善。及勸其至

岳兄弟喜甚。既教勸取。以富春京。又勸勸以扶黎

滅。鄭為名。勸入昇龍。謂和帝。潛歸。不報勸。知

越南風史 卷之三 第百五十五張

死光繼既薨友位受封于清紀元景盛我

世祖恢復秦京俘光繼于壽昌以歸西山去此誑言
 西山起光中己酉終景盛壬戌十有四年曆數始終無
 非前定雖一舉而滅鄭南舉而破清然兄弟仇讐亦
 無倫理以服豪傑法術專制無恩澤以結民心殆亦
 陳之閔胡黎之傷莫焉耳安能望其長久也哉

第八十九章下

餘人潘臣黃益曉保衛太后奔龍州求援西虜總
 督孫士毅以事提奏清高尊命孫士毅調兩廣雲
 貴四省兵馬刻期擊破西山守將吳文楚馳書告
 急于北平王盛言清兵聲勢剋即築壇樹山自立
 為帝改元光中率兵拒之士毅按壘渡河而死光中
 求福康安主張和局委北河文臣吳士非勸釋益修表
 叩關懇請入覲清帝遣使冊光中為安南國王勅

封割威國公嫁以王波公主顯尊山用朝臣請于西山
 擁立監帝昭統元年岳封弟烈為北平王治海雲
 以外僞為東定王治嘉定自稱中央帝長有烈在
 大安和帝密召之啓檄兵萬餘馳進昇龍擊走
 鄭樵和帝拜整為平五軍國重事烈忌整整翔
 翔北河召之不赴惠遣武文王率兵進昇龍整被殺
 帝出幸京北皇帝維祇率侍臣黎伺監為室三十

仁據其城建西山旗號嗣而北將黃五福南取春宗表
 岳為西山校前擊勦軍福回軍順化岳遂據有廣南
 自立為西山王會阮有整自北河來歸為岳畫計岳
 以弟文惠為龍驤將軍阮有整為右將軍分道
 直趨順化鎮守范吳球開門降勸遂據富春有
 整勸以扶黎滅鄭出兵北河縱兵掩擊走鄭檣勸
 入居鄭府謁黎帝于萬壽殿上兵民簿籍黎帝

越南風史 卷之三 第一百十三張

右前後黎共三十七章

附郭

第廿八章

頭叱似少踵猥。世罕辭踰巽數辰催。

概也頭叱指阮文惠紀元光中踵猥指阮光瓚紀元

景盛光字上從小字景字下從小字故云阮文岳西

山人也為雷屯上从二下从吏以賭百官錢歸西山為盜

黎顯尊景興字六年岳與弟文惠文伯攻被歸

又查稅河譜錄是地阮儒冠歸田之日鄭謝王遺
 書曰碎吸啞敬啞柴碎賃善柴忠誠甚感器
 果擲皮遠齧界腰碎腐柴形相理正碎也特恩義
 群數碎在捐兜得響碎也送朱履笑鍾侯腐柴
 因辭欺閉徐碎在豈柳刷也從容碎朱執鍾和朱
 甘毒碎叶吸禡柴可見阮宰相當長之德望惜乎
 史書編不到以故并及之

第八十五早

松術萬鏤松隈。是松補樹埃。餒朱松。

賦而此也。萬挽河社。今建中社鏤。古都社。屬清化省。紹天

府。松指阮儒冠也。儒冠於顯尊長中。狀元仕至宰相

相。垂老而歸河北之人。思其慕也。故歌云。儒冠則在天

下之類也。如嬰兒之於慈母。今甘肅。靡既去。綠野云

歸。則民何賴乎。諺云。宰相挽河天。下謳歌是也。又

尋為下雷延縣名壯的獲獻于剡以詩名者鄭
 棕奈播長的嘆也夫藍山中興也後天下黎民之天
 下也人才黎民的養用之人才也乃鄭氏世擅主權一見
 殺于唐子之密也一見棄于三府之驕兵而人才秋葉
 言家傑晨星也釀成福胎始招外也至此呼天天
 亦謂之何哉先正有言曰平長有輕棄一殿之薄之心則
 臨難無緩急可使之卒為人上者當以此為鑑

王親鄭樞大臣沈僈等同受顧命在立樞為鄭
 都王樞年少有虫豎疾黃廷賢輔之其母鄭氏垂簾
 用政人情疑異長王府中樞他河靜嘉驕橫樞各使諭以舉
 事適廷賢入府議事樞舊臣與武陰告三府六
 圍也樞殺廷賢擁樞出府立為端南王此誣乃言
 樞為世嫡義所當立樞次子也且有疾亦天所
 觀望也哉

越南風史

山三

百千

銅群當射祀棕國宅隆幹群蒙浚夷

賦也棕鄭林長子又名楷楷其次子愛姬鄭氏
 董所生也鄭王林有疾宣妃鄭氏董士買弄威福
 結五堂與志在奪嫡世子楷知之恭其家臣而擧椿
 謀儲兵畧招勇士密報而鎮阮儼杞鎮阮克遵預
 備入術事以見林點楷為世子出也府中立楷為
 世子以暉鄰苗逆寶為阿保森疾彌留令廷尉具其

曰何物此珠不過入廣南取此珠出價至王何重寔見
 而輕人乎乃居別宮不見王王而方委曲民始好悅自
 是生得一畝^擲鄴王甚愛之每日夜同民行舟遊西
 湖為瀉漾戲於民砌而湖畔為遊觀之所極其
 侈費勞役民不勝其憤厥後三府驕兵之變又鄴
 民被廢故長人惜其功而斥之

第第八十五章

以兄弟相仇安能以禦外侮

第八十四章

惜功梗闕鉢錘場。磁湖半月朱娘沿蹟。

賦也鉢錘場屬興安省其社多出磁器磚瓦半月湖
 即河內之西湖按魏都一統志鄭州林慶姓婦鄭氏
 言咱計從王有夜光一顆乃南征長所獲常以與頸巾
 以為玩氏弄也王曰好輕輕手無傷氏乃擲珠于地泣

散玉無有限度，柞疑乎有異謀，乃為還鄭寧不
 會而死。此謠乃寧，鄭公見鄭柞，位見疑于寧，即
 公故環甲自衛，為河上道，遂也。辭亦鄭棄其師也。寧
 有將不而柞疑，出故功不成而死。鄭民之哀亦從此矣。或
 曰：使此辰柞不疑寧，寧果成功乎？曰：鄭民歷世專權，
 人心之所共厭，寧雖有金帛數多，散給軍士，安能
 敵我朝之虎將乎？況既委軍權于外，而又束疑

化之後安撫軍士一心事黎而不服鄭之神尊長鄭
 榘歎曰嗚呼遣使來索雄象海迹船以備貢例我
 朝熙尊謂鄭氏額外徵米米敢聞命榘挾帝挾帝
 以省方為名大率兵船水陸並進抵日麗海口其我
 朝將阮有鑑對壘我軍進屯河中榘令子寧郡公
 榘鎮守大安繼主鄭王柞遣鄭寧榘字子稱寧郡公為統領
 屯兵富川勸尾干分守要害日夜撫養將士庶事全

以明鄭氏之多行惡孽也

第八十三章

媿朱勅東秘鑄。逃東秘鑄。罕墮餽軍。謝安醜吐
朱醴。操托齋打。鍾尼朱倭。臥徐固橋。軍臥會同。諸
將末倭仕用。

賦也。秘鑄。秘鎮。金銀之業也。前代多以金銀鑄成。果
類。雷為家。貨操托。習軍鼓也。本朝入鎮。順

止一日王及鄒氏同舟遊西湖見在舟前水面發銃射
 之即不見頃之又見及鄒氏有娠生子擗或云貌似
 皇儲後子擗疾惟瞋目搖頭轉頸似蛟形狀王
 使四方求醫調治數年弗效乃遍禱諸靈祠又宮
 中設大齋壇日夜焚香祝禱亦不獲愈故外人
 歌言若使人自消無數之炷香造無生船之寶塔
 曷若當初救人之冤命乎若然皇儲之無棄亦

世之跋扈將

卷八十三章下

酒磁坊塔浮屠之朋也福救朱沒得

賊也浮屠僧塔也一人指黎太子維禪也按黎皇

一統志黎皇儲維禪為鄭王森所誣縊殺日後甚

著靈異王在龍床見出床頭王在府中見在府門

王或出遊見在橋邊及城上王石方壓除之莫能

越南風史

卷之三

百六

賦也黎英尊長太師鄭檢率帝命檢長子檜領
 軍討賊檜縱酒荒淫將校離心松以狀聞于帝帝
 命松統兵檜與松治兵相攻檜以其黨降于莫國
 人見而刺之歟即松也媿即松也言當此京城未復
 檜松兄弟金革從戎所當手足相衛以清國賦也
 雖縱酒謾軍松不能無過而檜兄也松弟也松何
 忍遽奪其權零起閔牆變生外侮松其鄭家

氏興廢自有定數也。蜂指鄭氏也。若魚指蝦淵也。
 核艾即大安也。言蝦淵發福，鄭氏所由始。大安屯兵
 鄭氏所由終。蹶若山之鄭龍到此而却，衰老無能為
 也。嗟夫橋杵而龍見_{了先}，春而復而龍擁_行。黎大帝王
 龍興天命有在也。

第八十一章

想異姊我媿樞。極台姊些媿。惆媿囉。

越南風史

卷之三

百五

師過此，諺云：非帝非伯，權傾天下。二十餘年，蕭瑒
 起禍，按鄭氏自黎州壯尊中興，檢為太師，封太保。
 國公卒，子松為左將，黎及第，歿去。松為所殺，松又
 尋試英，蒙自稱平安王，又弑敬，蒙自是號令賞罰。
 比有鄭氏子孫，世亂，哀王高祖至鄭州，林凶悖尤甚。長聞
 唐南有東林，以助兵滅賊為名，自率舟師入，又安
 屯河中，世昌傳子檢，為西山所滅，鄭乃亡。此謠言鄭

有求于世也

第八十章

包除境錫如魚境踰核艾長視境錫

賦也此朝氏興衰之訛也朝末朝檢與其母居左从之
右在下

上性至孝家貧常逐鄰家鷄以供母鄰人惡之

適檢他去乃縛其母投于鰲淵後風雨大作雷電

亦長蕩江水漲溢明日深淵處遂成土堆北朝風水

越南風史

卷二

百四

必有厚報。勳拜別，復從戴禾榮入。是年五月，帝
 如雋山，大舉兵，船直取富春。是日之後，帝使人召勳。
 長年已七十餘矣，問曰：「爾欲有何官？」我亦不答。勳為
 帝大喜，謂勳曰：「爾欲有何官？」我亦不答。勳為
 人口吃，對曰：「臣勳，無他嗜好，只好人呼為勳。」勳
 公翁而已。帝戲之，然則封汝為勳。勳，郡公，子賜之
 歸，然則托跡于江湖者，未嘗無功于世，亦未嘗自

白長西山兵擾施耐海口帝船不能入惟書不能進有
 漁人名勳請取計持進惟許之勳乃取書密封下
 水入往者戴禾藁葉取為漂流數西山兵不知勳亦
 到御舟手持書上進帝得書大喜亦憐其寒以御袍
 加也長軍中倉卒無有筆墨帝乃以朱泥印帝大
 手書于一大紙許勳謂勳曰爾有大功于我當取
 此取手封為信他長我復國有旨召帝持此來見

世祖式微長順化以南為西山賊所據帝收兵回嘉湖定
 域命武性吳從周以兵船往取歸仁據有其域西山
 景盛復命阮文耀將兵圍之武性軍據城中耀兵
 圍城外相持年數年帝憂大整兵船直往施耐以
 救性性知之因密書于帝曰西山兵將圍守歸仁
 富春宮城必至空虛請帝即將兵船直進順化然
 後將兵抵救歸仁書內有以臣一命抵富春足矣之

山北寇鄰氏南侵世遭亂離賢者不樂於仕進多
 托跡于江湖故借為漁人之辭言月既出矣潮既
 上矣江漁亦隨潮而升漁船多隨魚而上我父子曷
 不早起維絀江邊下網取魚以資美食贖亦知足
 而無求於世之意也詩人其亦似檀君子之流歟聞
 之故老云我朝中興初有漁人名鱖者平定符
 尹人家居施耐海以漁為業我

老於文墨亦說不到

第七十九節

吹天豁豁。陵日虧。也木。渡。諾。也。蓬。擗。劍。白。這。涇。擗。齧。三。
也。福。也。故。天。上。度。也。擗。也。介。羽。也。錢。并。潛。擗。擗。齧。三。統。

賦也。此隱者托為漁人之詞。以自慰也。然海魚名。身全
黑。大如猪。每遇船。則群相隨。船而爭進。漁人以魚名。自
名其子。笑者。呼子之辭。公而獨。海中之巨魚也。黎末而

代。黑宮粧而為今日之布荆。村婦生去國亡不勝辛甚。
 故賦詩以自比。甚苦菜也。以此太后辛甚。無美亦苦。
 菜也。以此宮妃言太后遠去于天朝。其苦未可知。
 起。獨身留于賊地。受此辛甚。亦嗟歎之詞也。歎後
 帝在燕京病亡。我朝定鼎之後。請于清返回靈。
 柩。阮妃詣柩拜哭。仰藥而卒。哀哉。忠臣烈士從
 古而然。今人讀到此章。益見忠臣烈士之言。誠然。雖

比也。改分菜也。可為茹。冬日始播。植春天朝也。即中
 國也。北國歷代受封于中國。故呼中國為天朝也。蔞辛
 蕪荑也。其味辛苦。濕地多產之。史記。阮剛。金良。才。昆
 琴。邑人。夜。崩。改。心。帝。宮。妃。也。長。山。播。昇。龍。城。帝。並。白。王。太。后
 及妃奔播于高平。備嘗辛苦。及帝妻人求救于清先
 容。令人護送太后及元子北去。阮妃從也。不及。懊恨而
 歸。澆。隱。于。民。間。自。操。曲。長。工。督。織。以。食。其。力。以。昔。之。粉

其希永祚運艱。耨耨浩劫。難拯。嗚呼。

賦也永祚。神尊年號。我皇。興以統間。垂歲。饑
荒。民間流。故父子不能相養。兄弟不能相依。故思永
祚。由五年之。日而嘆。其生之不逢。長也。其亦夏屋。權輿
之嘆也歟。

第七十八章

風。逾。遠。極。改。術。至。其。妻。其。淫。在。於。吏。躬。嗚。呼。嗟。嗟。

通南風

三二

一百

也。欲剔透文明之極點而無沉舟破斧之憂，是乃當
 權者之有定柁。我國於二十世紀之長期，其過渡之長
 代乎歐亞風潮，愈日愈上，當此過渡長代，領主柁
 主樽者，慎之。詩人之立息，其有愛深思遠，亦喜如處士
 有詩云：極鄒踰絳爭，碧巖滄之朋，一層波瀾寬寬，
 亦此意也。

第七十七章

因此而得過渡之義。為夫九天道三百年^十一變。三年^十一變。三十年一變。每一變為一過渡期。不變則國勢不至於文明。不知變則國勢又終於漸滅。日云九變復者。此之謂也。夫當過渡之長期競爭之長期也。譬之似船焉。人爭上風。直進而我獨退縮者。占域之所以滅族類也。急於撐船而不審先後之存者。日本之明治維新。支那之戊戌政變之所以一皆大痛創。

糟。醜。錢。沒。嘍。錦。自。遺。即。此。長。也。又。傷。亂。詩。云。船。越。及。胡。魚。暮。如。休。秦。燕。謝。洛。類。謾。言。其。亂。之。極。也。

第十六章

寬。寬。矣。何。樹。艘。嬰。美。於。裡。引。裝。器。類。

此也。黎。木。西。山。錫。獮。黎。奔。播。于。北。京。我。朝。建。國。于。柴。棍。辰。人。多。隱。于。山。林。而。不。出。仕。或。附。于。西。山。或。投。于。北。朝。若。相。戒。審。慎。其。向。往。故。作。此。詩。以。微。諷。之。常。

散米貴年荒民皆煮草為糧露天而宿其間僅
 有粟者又苦無鹽民間不勝嗟嘆其又勸民墾
 王于河北我朝

高皇奔播于南中而山兄弟割據分爭龍爭虎鬪
 日相尋於干戈車驟馬馳歲無隙於桴鼓不知
 當日之域中竟是誰家之天下四郊兵火疾苦
 多方民將安所歸哉命馮勸處士懷南曲記云

身行伍而輕視之黎民之駟馬高蓋緩帶累印
若若者豈非三府驕兵中一流人物乎詩辭雖美
之而意實是譏之也

第七十五章

恭逢梗院初餘鳩空尾杜逸徐方帶

比而興也按外史黎景興四十八年丁未即千七百
八十七年辰颶風盛發海水漲溢南北之民漂流四

之尊社乎、每讀風謠、至此一字一淚、可當忠疏石笏篇。

第廿四章

掩傳傳免、強辱高、輕。願兵統制、監營沒用。

註 監營即紹天靜吉河 賦也、黎、李、世三府驕兵自

扶立端南王之後、日益驕恣、朝廷不能制、又從而貴

顯也、如此朋阮廉嘉壽等、本約伍中之促、乃人而

一旦驟富貴、故長人為此詩以刺也、言世人不可以出

樂甚至西山兵來龍城失守而帝不知省民間見之不
 勝感慨故借舟人以為此船自比鄭氏也船尾指黎
 氏也言鄭氏一長弄權無祖尊立成之基礎無山河
 尺寸之功夫豈逸有娛所不容責若黎氏享年餘櫛
 風沐雨始能奪明朝之直珠歸南人之掌握開創
 亦艱難矣且又仁深澤厚創業中興三百餘年基
 圖以鞏固乃後黎歷代一倚托于鄭氏何不同憶其盛出

祿制內殿從兵五千為宿衛君弱臣強政歸帥府龍
 亭傘共無出入自如黎神皇拱手無事惟以山水為
 娛長而犖駕西京登山題咏長而舟泛西湖放纜道
 遙羸輪世高等似奕棋國計軍謀全無掛慮當
 不思祖功尊德之猶在鴻藍閣下呈黎景興而
 荒嬉日甚長教告人演三國陣圖以為樂有進諫
 者帝曰吾所以此者所以釋鄭氏之疑也于是流連逸

切齒不敢正之故以食木寔比之云食木之寔當思
其樹木之人乃至於三摘四摘而不止顧是可忍之言
其無人道也老圃翁想亦不樂有此字園奴

第七十三章

船句沙潮也。船句沙潮。杜功船句。

比也。船句小漁艇也。船句大漁船也。船中興後。新松進
封王位。開府置屬。財賦專制。王置一千社。為上進。

貝卯豕之非彭生

第七十二章

娵菓汝儿撞桷。帝埃拚捲朱。彫鄒娵。

比也言鄒氏之擅權也。桷越史黎莊尊中興。後鄒氏

世執主權。威福出於一己。莫尊為鄒松的。執敬尊亦

為鄒松的。崇鄒柵。繼也。廢帝維新。鄒柵繼也。逼懿

帝禪位。太子維稭。又為鄒松的。絞執民間見之。嗟怨

越旬風史

山二

九十五

尊收捕繫獄太子聞變入居陵殿璵以兵入索太
 子知不免就縛璵引太子至鄴民府令冕冠待罪太
 子不肯曰廢五汝家故事我罪莫須有已有千秋
 青史在森遂絞殺其首書悔百姓見之以誑嘆黎
 太子之非幸也世傳劾長子楷無寵既害太子後乃
 生世子楷貌酷似維禕每坐則搖其首去林鐘愛其
 也考氏廢楷立楷適以促壽亡身冕冕相報安知

之香花頂祝之天下共主與天下尊之而不可覲觀
於其間也詩人之意深乎哉

第七十一章

世間屯咋朱駟。免咳啞抑本情駟空。

賦也黎顯尊太子維禱性剛斷常憤權臣陵僂
慨然有收攬權綱之志鄭州林忌之乃其官者范
輝琤謀廢太子無辭遂誣太子通小人以狀奏顯

世宗本紀

七二

九十四

佛喫糲意也。且是長黎弱鄰強執朝士夫私府僭
 若多有就熱趨炎依附鄰家以布圖畫富貴者
 此語以厨積比黎以格核比鄰戒其勿見黎衰而
 附鄰也。夫天下黎民之天下也。鄰民之衣冠黎家
 之所睂目也。黎存鄰在黎敗鄰亡。况前此年與功
 德蓋鴻猶有紀念碑。黎運雖或中微而君推自
 在。臣鵠常懸人臣懸刻戴為義若所當崇拜

第七十章

勿著輕身積空路。腐塊糞糞供物。格核。

比也。蘇佛寺也。糞糞供佛之禮也。格核寺亭樹也。偽莫

篡黎。鄭檢扶立莊。葉滅莫。典黎傳至中。葉檢以

太師理國政。凡事皆出其美。中尊無嗣。鄭檢疑所

立。遣使問程國公阮。東謙公言。今歲歉。秋田常用

舊穀。又命往安山寺。使僧洒掃焚香。甚微。示以奉

越南風史 卷三二

第九十三

賦也。真僭位長祚，帝避居于安場。行在特設制科，以
 取士。長有東山福壽人阮汧，應舉。舟行過曾賢江，在
化雷陽縣。夜聞漁人歌，此句及入場。場官命題以國子詩
 場中皆以為國子監行文。公因憶漁歌辭，獨作為
 水潮。且有句云：江湖空冥，寂無人問。惟有漁翁識得
 情。場官閱此，神句及放榜中。一甲，此第二名。相傳
 為漁歌甲第一。

特真以功封嘉國公許世襲宣光鎮守常此偽莫
 縱橫十三宣已不屬黎矣而武氏兄弟獨能雄心義舉
 一方鎮守不忘故主之恩故歌云上篇托為程婦之詞
 以思喻夫思君也下篇言耀岳之事而隱寫思君之
 意也其忠義溢於言表宣光人口可碑也夫

第六十九章

邊境清永沒輪囷翁漁文別情腐催

擄軍必塞門雄關。鳴聞哨忽。花辭式。這怕埃。而謹。
 魚。埃埃。恸悲徐。埃。

賦而比也。雄關屬宣光省。武文淵。真如。祿巴。東人。執。勇。
 殊類。黎昭。尊長。以。拉。殺。逃。命。入。大。同。尋。獲。暮。從。征。省。
 次。陞。都。總。兵。使。莫。登。高。纂。黎。淵。據。城。拒。莫。淵。卒。
 弟。密。領。其。眾。鎮。守。宣。光。會。吏。尊。命。鄭。檢。自。天。關。山。
 出。宣。光。討。賊。密。助。五。輪。鉤。其。高。山。太。守。鎮。將。互。相。為。

綿綿延延至二百五十有七年之久則黎家八人之
功德可知矣讀此一句如聞三峽猿聲

第六十七章

埃逆庫吉大同。晦嘿姑秀固。歎能謀。固歎醉外醉。
誓辭吟歎永如。葉固歎。

比也庫吉大同屬宣光省。

第六十八章

...

越南風史

三

九士跋

詩中興節與我錄同一衣冠拜藍山之思想同一基
 礎莫越邦之精神也夫第宅皆新去衣冠異昔辰
 而人心思黎感恩報恩之樂登廟之改方易向別立
 廟度哉此豈言人臣之守必即直堅而微富不仕則之
 志乎夫黎家立國其深仁厚澤猶在鴻山藍合記碑
 傳世百十有一年為閩莫所僭竊雖一長有負其莫
 者而人心思慕之情播於歌詠如此故精尊得以復立

賦也莫登庸直陽古齊人出身都力去威穆帝授指
 揮使歷仕襄烈帝賜爵武川侯光紹初定於
 之亂掌兵晉封大傅仁國公執昭業廢恭業統元
 六年以卷紉有國紀元明德居昇龍城建古齊為陽
 京和家堂陞轉為莫氏之堂陞夫其間節義諸臣
 念平吳之功德不肯從莫若譚愐徽阮自強之與登
 庸戰死阮恭授之近削面唾和恭俊撫之神石手授

位。明。術。稽。也。禦。釋。浩。同。明。考。媿。志。諸。國。數。明。術。媿。也。
張。蓬。媿。棧。

賊也。此。征。夫。之。詞。按。解。嘲。註。云。黎。懿。尊。徽。皇。帝。遜。位。
之。後。而。北。有。逆。勞。逆。刺。青。州。鎮。寧。有。逆。質。逆。密。伐。
卒。既。勞。且。久。故。有。此。詩。未。知。是。否。

第。六。十。六。章

埃。喂。野。志。朱。絲。油。埃。槎。向。獨。埤。默。埃。

妝哀憫。擷頭林。略疎。哂。使。刺。船。哂。睛。

賦也。以上三章。乃古樂府宮詞。按。魏。朝。長。宮。中。選。女。
入侍者。多有以百計。有終身不得進御者。故當長宮。
中有此等樣詩。曲曰。大石。其聲哀。哀。而。怨。魏。士。後。散。出。
里。港。人。子。亭。門。題。唱。多。用。也。

第六十五章

晴。步。仰。未。滿。木。世。得。術。竹。走。高。朋。院。松。得。超。稽。未。滿。放。

疑矣。裴希二字，蓋亦在滑二字聲音之誤。

第廿二章

其說烟濕倘勝陵。埃枕得玉春升淮尾。

賦也

第廿三章

矧疎躄松核梅。勝躬吏語勝埃躬淋。

第廿四章

黃牛黑牛
出於北史
魏書百書
植所作

CLXXV

賦也此詩之義未詳王綱珠觀風集云此詩乃魏鄭
長東然黃牛黑牛不見于史必查之陳柳菴南風集
有句云期尾稽木同同唯謂太祖太尊雷澤澤釋云
是日乃雨又北圻風俗每至十二月二十一二等日天多
雨謂之太祖大尊雨諺云能避波黎來能避能黎利
若是等日乃和黎太祖黎太尊之忌日也大凡天過雨
則犢先歸蓋犢性情雨則此詩似為牧童之詞無

越南風史

卷三

八十九

旋和於好醑。陰晴滿悟。指屬啞。旋引啞。搜錯於觀。
澆矣。眩眩。思想。彭摸。澆矣。臥廚。掃沒。管香。淋。
囉囉。拜翠。方佛。空。覺。補詩。之。無。謂。

第六十一章

其希太祖太尊。視代昆。閉昆。獲昆。芒。補頭。勸。各。補。
錯。台。根。勸。例。枕。梳。割。澆。經。閉。勢。粥。重。公。氣。補。頭。女。
在。對。澆。扶。來。

非人只有力也。果是業而北人之歲又虛貨飽載。寔色而
而歸。計不知幾億兆。則捐有形之土地者猶少捐。

無形之土地者多。故作此詩以諷之。然則見捐金之
譏者何。曰。東商界日以發達。出港之貨多。入港之貨
少。則吳江可復。而長江亦不至於帶心。而國日以富。是
三說。姑存。未知孰是。願所見之君子。今亭門歌。唱又
補三數句云。埃蓬處。論山窮。莫。海探博。嬉生成。壯。

越南風史

卷之三

四十八號

之一日迨胡郭整年割地獻于明成祖繼至莫登庸
割地獻于明肅宗而文州又半為北朝所吞併奸臣
賣國罪不容誅長人賦以此惜也我朝

太祖肇基南服前日之失于北朝又輸也南而萬里提
封不失山河之尺寸或曰此詩之義所包甚廣大抵言我
南商界自之步我南自輸入北朝之文明所尚者文章
而已而工界商界一倚賴于北貨金銀錢一付托于

第六十章

授錯多親渣矣。瞻瞻世想多摸渣矣。

賦也。吳江屬臨山省。蒼江即湘江。屬北寧省。此詩

不詳所謂。或曰黎昭統避西山之難。將金求援于宋。

而事不成。人惜之。或曰飛南史古長分為九郡。對海

蒼梧桂林。即今之廣東廣西等省皆飛南故地。而南圻省不

與正焉。自由屬之後。文屬分疆。屬孫已無合浦還珠

五

越南風史 卷

第八十七張

利已入惟我國于此長皆缺桑之學未興且又繅絲未
得其法而出售之路未廣自有

保護以來輸歐亞之工藝養蠶雖有所源絲有機而出
港之絲高日以盛吾人工商之學未能發達至於極
點而開墾無力則捨養蠶之外無他計也惟願我
人效西人養蠶醫蠶之格式學西人繅絲之機巧而
牆下樹桑又效法于古人則飽燠之道在是矣

暨曰鞠暨蟲在安概暨蟲鞠安鹽安安安安安

賦也我南地居溫帶歲有熟入暨蟲又夾山夾海桑

州稅又桑洲稅李朝是徵納每畝九錢或七錢

大尊申是桑洲之稅而桑稅日以加重民間嘆之故以暨

為大暨桑固天下大利也為國之道不外農桑惟

農則強壯者方能足力于南畝而暨蟲則少幼之去里可以

携管婦老之人可以飼畜其力少其功小而一月之間其

越南國史 卷之二 八十六

吾人之食之者往來如織商則河內海防之大都會
 而中圻之沱滎南圻之助市巨縣又似貿易之中心點工
 藝之興商賈集而商賈子之弊消我南苟能破舊
 長之腦質而工學商學日以推廣合團體以興工
 糾股本以通商以富強之道在是矣是所望於鎮民
 之政策

第五十九章

人一中廠可以食百人，大廠可以食千人，高則一小局可以
 通一省之貨財，一中局可以通一國之貨財，一大局可以輸
 外國之貨財，富而有財者出焉，貧而無業者資焉，
 而殖民之政行乎其中，富國之端亦出乎此，豈有鴻鴈
 之嗷嗷哉，自有

保護以來，而工商之界日以發達，言乎工，則火車、陸路、電
 工者，日以千數，而炭礦、金礦之開，火廠、鐵廠之造

今申明控人口之條而其弊亦不能止此詩極言流離
 之慘也夫人生天地間孰不歛親其親子其子乃流離
 失所至於人文人昆則殖民之政謂何是必有興工助商
 之一政策我南舊俗以文學為上以農桑為本而工
 商指為末藝為下流故其國日貧弱夫一子受自皇恩
 只能全家食天福而已一人耕之十人聚而食之必至於
 饑則士農之怨達幾何若夫工則興一小廠可以食十

如是然豈惟江哉豈惟海哉

以第五十八章

吾朋博學在生。枕混半廟萬寧朱未。

賦也萬寧屬舊安省。現今海寧通史。東興縣屬清
之舊東省。我南內屬。以後北朝。以殖民為政策。其高
峇南來。多以掠買人口。為奇貨。而我邊民。多是無業
流離。四散。又以賣子為業。至黎洪德年間。製律定

越南風史 卷之三

羅請乘舟先往三軍從之海為無波凱還後擢郎
 世王封為壓浪真人立廟南眺山下黎聖尊道海
 口詩云穿雲躡經一條紆重駕征輶作遠遊地浚
 江池通上國天將砥柱障橫流胡王枉載壻河石羅
 援輕浮破浪舟此去海門三十九計程何日到烏州
 謠歌云云言其險惡之甚也迨魏季世海口沙培
 日就湮塞金山縣界即其地也江海推移之勢必有

第五十七章

冷汀過關神符。窳修長海。悽修長沉。

賦也清化有神符海口舊神頭今屬嵒山縣界正大在

阮州齊州地輿誌云神頭有人形魚有尾無鱗或謂

清化路山多惡獸流星化為此魚蒼方有之今則無

之矣江流自大正關而下兩邊連山峙立蜿蜒赴海為

山水一大觀昔雄王南征至海口阻風不能進有道士

越南風史 卷三十三

補陀院香海庵皆道行所建。勅置尊景統二
 年重修。魏天福寺賜徐公庵。魏顯瑞寺立碑
 記。史初聖尊本有嗣。皇太后阮氏芽苗莊院德忠
 之子。選入宮。其父德忠禱于佛跡。遂生宮。尊故
 有是命。俗傳徐道行得道尸解。化為虎。後憲
 尊生。常有虎病。以為徐道行化胎。未知是否。三月
 初七日大會。紀念徐道行化生之日也。

第五十六卷

一 潘羅會厨柴惱長惱在庄齊惱媿

山此男女相謹之詞我南自丁卯以來柴尚佛教一

節幾於家家奉佛處處修行矣而山寺行香也

弊多有以名藍古刹為桑間濮上之風故作此

誣以歌之按柴山即佛跡山在山西省安山縣瑞奎

社古傳上古洞為李長徐道行尸解之所山上

越南風史 卷之三 八十一

我南邦於嬴王辰代無所謂文章也自內屬之後輸
 北朝之文明而文風日以發達就中科舉一事又為
 我南之最上乘不知科舉之文至黎而極盛而學界
 之劣至黎而始衰北朝其自誤以謬我南人乎自
 有我保護以來學界風潮逐漸改良人才自有
 蒸蒸日上之勢當先毀廢其權弊死狂鸚也

弊

諺云嘆浪渚祀其徒毀廢其權弊死狂鸚也
 又云為禮礙狂碑死鸚敵逃公列舉鍾若卷謂

賦也。以男女相勉勸之詞。男讀女織。言各勤於本業也。

第五十五章

極蒼輻奇。洵連。貪為巧筆。巧司英徒。

賦也。此女子悅文學之士也。我南出宗尚科舉之學。至
黎朝而始發達於極點。長天下承平。四方無事。
家家孔孟。處處朱程。觀此與前章可知也。夫

內在河江以杖打大顛影大顛死今每屆道行禮日安誦

社人迎道行神位經過大顛泥廟則放升天砲莊在作

靴狀大顛寺中諸女僧皆口念之行悖行悖楊晏出

哀劍哀飛如車忽藉低榆鬣鑽之句未知是否

姑存其說徐道行寺是在河內省安陽社

第五十四卷

烟腹稜詔台行道英讀冊道娘輝綠

殊為可鄙說徐道行之文名譽未得藏身法常入
 王宮與宮人奸事帝恨之消其之火巖法師貫直安
 火巖法師乃文宮人紅兒一段云如遇藏身若抵奸宜
 結其紅兒以便捉也一夜有一宮人覺有人就奸乃如
 法結其紅兒見一棍降帶紅上屋椽即報大顛就知
 催出乃徐道行之文乃格殺也徐道行款復又無乃乃
 往西方學修煉得法回國遇大顛法師於其鞠漑

越南風史

卷之二

十

阮剋弼阮德劄武賜吳忱吳文景阮周曉沈謹道
 阮荀遜杜維怒范惠柔劉暉一作譚慎微范道
 富朱勛一作于八人賈和魏于八宿衣人艷道也言
 其官階則有高下之殊而一長鵲咏章章錦繡字
 字珠璣則不多讓也夫君臣唱和自古有也因良
 之歌卷阿之什是也聖尊駘壇唱和果有此矣

翼翼尊御批云大旱大雨大饑者屢又相稱譽於誇

第五十三章

揚鼎埃劍埃兜。几車紹播得掄紇。鑑。

賦也黎聖尊承平之後。怠於政事。每以文籍為娛。

于六年制衣。琮苑九歌。一豐年。二君道。三臣節。四明。

良。五英賢。六奇氣。七書。八文人。九梅花。協于歌。

詠。帝自親駘壇元帥。命東閣大學士申仙。惠杜。

潤。為副元帥。文臣吳綸。吳煥。阮仲。懿。劉。興。等。

越南風史 卷之三 七十九

也南國山河之險民丁里之多寡張輔黃福等
 已入版圖非如前漢唐之略亦羈縻已也而黎太祖
 乃一巡檢明取我南教起而除之九十年間闕之甚業
 皆為我南今日放一毫光也不有前人之脫黑暗獄
 安能今日之有光明線我朝列為祀典誠聲香
 而尸祝也

第五十三章

丁先皇所以為黎太祖難夫內屬于漢唐長其壓倒
 之政策 嵬彼以為一千餘年我南無敢與抗者故
 允政治家籌畫皆略無介意于我南人間有一二梗
 化者亦歸于守令之不善耳且也十二使君分身割
 據分則力弱制疎則勢弱乘了奇領之所以萬勝也
 若夫黎太祖之長明內屬之政策者蓋允以前漢唐
 施措之善政無不從允以前而觀廢之弊政無不除且

飽含性天怡然自得今日之象大異于昔日之象夫舉
 一象言而天地位萬物育可知矣觀此太平象從知
 太平民

間嘗論及黎民得國之故曰我越內屬于北朝已千
 餘年矣丁先皇以一郡領起而王也至陳末又為明所
 兼并者甲餘年黎太祖以藍山一義士驅而除之我
 越遂得飛揚黃旗于亞東島面二君之力也然而為

王通死守以待援明遣柳昇由滑五而進既墜計於艾
 稜馬鞭之山沐晟自雲中而來復敗績於丹舍冷
 滿之野王通援絕求和帝命解圍其通會盟于城
 南許通撤兵北回遣黎院兒齎表求封明乃許帝權
 署安南國事帝命解歲貢金銀五萬兩請依洪武
 二年舊例自此北朝無索獸之令國人無捕象之煩
 長帖物嬉咸遂有生之樂故言象產浮林出於通繼

此句風
 卷之二
 五十七

各有成例。季陳亦然。陳亡。我越文屬於明四十餘年。官
 吏一來徵求。有出淘金銀、采珠、採胡椒、重鹽禁
 甚。至捕盜之令。頻催使者相望於道路。窮林索獸
 終莫給其所欲。辰有黎太祖清化藍山人也。以明永
 樂十六年起兵。隴崖自立。為平定王。進屯于靈山。
 左瑞原縣明人掩襲。勢逼黎。黎來效。紀信故事。易袍戰死。
 帝退至廬山。尋破明將李彬等進軍圍東關城。

地利亦本人和此語乃人心之樂從也。甘黃福日青山。綠水之間必有甘黃衣。稱朕者。蒼素知。太祖有獨出之手段也。歟。

第五十二章

獨啞部山住部美。獨啞吐諾。獨趨部塘。

賦也。後巨獸也。北南多。在是。我越自丁先皇一統而後。與北人行邦交禮。定為三年一貢。貢犀首象。

抄南風史 卷山三

拔家眷黎庶退入安此處有于刃山九嶷九十九年分

屯居住彼雖有百萬雄兵亦不飛遁利日正合吾意

于是令人傳示百姓如款相從以避兵者起家同行

此長四旁鄰寨皆願相從遂命築臺于山中隨地

勢設立屯寨依六花陣法號六花城

今之六花清湖南
材等處山中亦有六太祖自屯兵于此而四極

順廣外抗明兵不二十年間得為我南獨立帝雖云

年城號平吳城即魏大相屯兵之
城也遺跡猶存事見皇朝表

天朝不棄人命將出師逆覺成於萬家相慶請五陳
 氏後以帖民心輔曰且俟天朝旨命及聞明成祖勅
 賜利為交趾巡撫善為知府利兄弟始知明朝
 有吞并之心于是兄弟同封印掛數于都門投知化
 州以母如間定帝會諸將出征越子閩在上福縣福縣與明抗拒
 屢獲勝收回藍山善曰我兵少民貧地曠此處不
 可久留彼一敗之後不勞必復來我無以抗之不若長

卷之三

越南風土

卷之三

第七十五

與弟和劉善辭職隱于藍山日誦詩書夜談
 韜畧四方賢士多歸之辭職之後攜妻子入林中
 辰朔朝大舉兵問胡氏罪惟多邦城未拔利兄弟
 曰胡氏肆虐天下同仇我今不如舉兵協殄胡仇五
 陳氏後遂與明將張輔黃福商議舉兵事及季
 世年父子為明將所擒送歸燕京張輔既平越南
 振旅還東都設宴和利曰南方偏安奸臣僭竊

越南風史卷之二

第五十二章

坊無處又停停。嫩靜潔瑋如淨昼。圖埃無處入
長無。

賦也。又即大宴也。山之高者有鴻山水之長者有藍
江乃大宴之名勝也。按黎太祖諱利。藍山義士也。
胡刺整屏質去。陳長為明兵所改。奮策天下莫不利。

越南風史

卷之二

第五十二章

--	--	--	--	--	--	--	--

山短景物牽蹤使歸來恐庭柳園花不復能長
 景色因白夫人夫人曰不意子為整纓所累栖栖呈
 此因賜錦雲車一乘娘以紙書一緘授之且曰他日
 見此無忘舊情因揮淚為別瞬息至家則城
 郭人民已非舊日綉方惆悵欲再上則雲車已
 化為翔鸞焉飛去析書觀之有結鸞侶於雲
 中前緣已斷訪仙山於海上後會無因之句方悟

救人之困故屈邀至此因喚阿娘來以此人乃吾所折花
 人也仙娥指謂曰此我家兒絳舌也昨蒙君救着花
 之危故結佳偶以答殊恩遂於是夜訂交拜禮經一
 年餘徐因乘間謂曰我本真心遊于花溪遠人俗慮
 難拋鄉情易動願垂體悉暫許歸來假以日月
 之期尚確家計既圓當復偕老於白雪鄉矣絳
 舌曰喜非敢以夫婦之情阻鄉閭之念但閻浮界

結如蓮花湧出撐船徑抵則佳山也維舟以登山忽
 見石壁間折開一穴未入數步則石壁開矣昏昏
 默默乃以手摩沙手蒼蒼辨行數里許見飛磴懸
 崖至山頂則夫日光霽四顧皆罨畫樓臺俄有
 青衣童女二人出相謂曰吾家即君至矣頃間曰夫
 人見君徐尾入仙娥墟七竈朱漆設枱香木榻命
 徐生謂曰喜本南岳地僊魏夫人也以卿高義能

名按清化雜錄徐式化州人陳辰以父套補仙遊縣
 宰^縣時名刹有一牡丹樹每開辰輪蹄翕集為
 看花盛有一^金美女年可十五六顏色艷絕前來看
 花挽花偶折為護花人所執日暮無人承認者徐
 見而吟之辭所服白錦衣裝璜而遣^送人以此稱醫藥
 徐式素愛山水後棄官遊覽攜琴玩詩以山水為
 娛一日早起遙望神符海口見五彩祥雲^盤

先生也。居從世汚塗，對言指閨，初長也。彼樓頭一劍，遂
而渴真牛溲等，三百七十餘人，但遇害以視黃眉先生
之見幾而作果，孰智而孰愚。

第五十章

責弘徐式，悻推。迄蓮校書，衛劫於塵。

賦也。清化省有碧桃洞，在義山縣治內，社一名徐式。
洞陳光泰間，仙遊縣宰徐式遇仙女，絳書于此，故

要計秘謀為斯良慮者吾方浪迹山林避地不暇况
 肯塞懷而就乎且子歸為居士謝之張由鄭具以是
 告漢倉以不自平命張甫往至則苔漫洞穴荆棘彌
 山已斷來長歸路但見古壁間有題句云奇羅海
 口吟魂斷高望山頭客思愁奇羅海被於處
高望漢倉被於處
 如君無命視其山山光窮無所見心見玄鶴翔空溟溟
 而舞此誰是高隱者也船中照得神對云指黃眉

雙魚風史

卷二

年

君相也。因晉之宿明曰張請曰：今聖明端拱四海，仰
 治于人，歛地，明人，納教，士女臣妾，歸來，恐後，所乏者
 山林逸者為之輔佐耳。君果有志於斯世，今不出，
 恐其草木俱朽，遭際何長！先生變色曰：轉子之言，
 令人而報心忤子之聖君，非胡氏與，其為人，也言多
 詭譎，性多貪，款，彈力役，品躬者，修因以賄，釋官以財，
 求敵誠者，戮，進諛者，貴，而在廷之臣，上下波隨，未有

點坤另囚岩ban另從yo得坤另准汚塗四具坤。

比而賦也閔胡長有黃魯先生隱那山洞在清化中

漢舍出獵遇諸塗巧且歌漢舍命侍臣張公詰

之見張至驚曰此間闐寂林深地遠子何為涉吾

境張曰僕當朝也供奉也以君高蹈辱奉弓旌

之人命竊金輿在此頓首回顧先生笑曰我乃避世逸民

斷山而食汲泉而飲寧識外間是何朝代是何

越南風史

卷之二

六九

卷之二十一

入這城處壓築之其妻日到此以頭觸石兩手附石
 傷哭而殞其石凹下有頭骨兩手痕跡在焉這石至今
 猶此言湖西陳故郡也妻言還歸胡漢舍傷胡也
 子將安往去就之理明死生之義決平妻娘其二徵趙
 媼之亞流乎今人立祠祀之千古之榮名比與當辰
 之寵祿何如者

第四十九章

在河內大胡氏謀於梁而都辰有真生者董役或以為言

以維城內胡氏不有生妻平姜娘因與生謀曰士君子立身世界

上道莫重于綱常義者明乎去就有一分國民之取

責即當盡一分國民之義務况子乃陳朝之真生非閩

朝之真生也與其妻身閩胡而戀一辰之寵祿何如

明四心故國而榮千古之完名也區區董役執契從

人謂之何哉謀於胡氏深怨因城未完命將真生

不可恃其治不可長李立奇羅海台在錦州北五里

胡李華漢刻石七里城門鎖不開則當長之梁怨集

愁何為若這今城郭依然亭臺已矣千古權奸

至此仔細思量

第四十八章

松術胡喜棋術胡松術胡漢喜術胡西

賦也胡漢即漢趙倉李穀平之子也胡西即還廟湖也

比也陳順尊長胡季犛位太師謀篡陳頌逼帝

徙都乃遣杜省維清化相地為西都以光泰十年正

月于安孫社大興工役築城鑿金池立廟社開街巷城

方而廣一石畝零砌以青石城門街衢皆甃瓦文石志

城在唐化府之西安孫上
下芳湖西街錦袍屬焉三月而城成長之人見季犛屏有不

執之謀故陳高麗築室比之言城之不能久居也觀當

長侍吏阮汝說諫曰安孫地界狹僻水尾山頭其亂

順業通少帝傳位自王改國曰大虞未及一年傳子漢
 創漢名在位六年李麟年父子為明人所於回甘營京此
 詩激藝茅付託之非人也嬉鵲指李麟年北鵲指少
 帝如此主少國疑權臣執柄而免算於奪者幾希
 矣

第四十七章

現踪指鉄鞞痲軒軒接鳩鞞鞞在鷹

御將受內殿有詩云中間惟有赤嘴侯盤熟潛上
 白鷄樓口王已定興亡事不在前頭在後頭上皇
 亦知李勣年有定竊窺之去意而君弱臣強勢不可為
 因召李勣年諭之曰我嘗石歲後國家之事一以委
 卿幼生可輔則輔之若昏暗則惟卿自斷李勣年泣拜
 誓不敢有何異心及勣等山崩李勣年逼頌李勣傳位于
 少帝李勣年自稱國祖太師尊皇興烈大玉得二年殺

第甲字章

媿鴉昆越形。余花媿疏能。提提。馭。

比也。陳順尊五藝尊自尊為太上皇胡李崇為輔

政大臣。藝尊令益二益四輔國詩李崇國家政事

無大無小皆出于李崇之手尊室司徒陳元旦十禽

詩有句云。人言君子傲。老鴉不識老鴉。於愛不即

諷。藝尊少奇順尊共李崇之意也。上皇一夜夢惠

誅夷三族人莫敢誰何一夜烏雷潛往國舅沅威
 公府第與公妾等調戲國公縛之而自入奏于帝
 謂烏雷淫亂君臣日夜不知已過于格殺死不惟命
 是縱帝聞之默然良久曰登辰格殺者自論公得
 今後歸殺之不死乃使人以名白擣之乃死北方舊
 俗新婦初入門則置石白于門中許新婦步過者
 除烏雷之祟也擣者告別有貴之謂

抵官直開無隱縣官無由招正斷云果爾成乃孕妻
 還使官其子還哥剛雖神後參知卒于北談夫人產
 得一男者五日何鳥雷養食之成童面貌黑醜形容
 古怪而歌聲如金玉引商刻徵聞者傾心聞于
 帝賜入宮以鼓琴昔得幸言為計從歆何歆矣烏
 雷得寵之後宮中及王公府第肆意所之人皆敢
 怒而不敢言烏雷何有好事告者有貴賤格殺者

雖有明良之歌卷百之什亦不過若因聞矣則史官
之歌云爾以言陳氏之云爾也史官其可譏乎

第四十五章

埃擗猥鵝半朱顛翻顛華却踉跄顛

比也此譏陳帝溺於聲色不知禁戒也陳順帝嘗有
參知陳公克如燕使却夫人在家夜夢望祀之身
羅神夜來調戲自然成孕都里聞訖之于官夫人

第十四章

鸚鵡啞吻槍。唱趨唱。史暇。曝。改調。

比也。陳太尊燕群臣於內殿。酒酣皆起。擯手而歌。有
 御史中相陳剛。普亦隨人。擯手。無有他歌。但云。史官歌
 之。爾人皆譏之。厥後每宴。席有負。擯抗。推約。酒令
 者。夫陳氏得國于昭。皇也。手雍雍。容容。以享太平
 而閏。漸德多。綱常不止。每餐。君爵。以掩人口。御史

教民以文章選士迄丁黎李學界稍有發達而試
 選之法未終至陳朝大尊試士始定為三甲後又賜
 名狀元榜眼探花又有京塞狀元之別一辰中選人以
 為河鯉及登龍門云此誣乃祈望之詞也然而埋且有
 于科舉之學終身不做得一舉其點額推鱗為漁
 人的獲者亦不知凡幾矣故諺有云嘆浪勿謂科學
 徒跣屐英飾要勉矣隔蒼識其科舉之學也歟

賦也。鯉、鯉魚也。一名鸚鵡魚。山陰錄考記云：龍
 門在安南嘉興州蒙縣源出，雲南寧遠州至此橫
 截江流，中分三道，飛湍聲聞石里，傍有穴，多出鸚
 鵡魚。相傳此魚能化龍。按龍門今在滿坡，相傳每
 年四月八日，魚登此山化龍。諸魚皆逆流而上，石如
 鯉也。其不成龍者，破額推鱗去，人邀其下流得之，無
 算。自白鶴以下，則無此魚矣。我南自王南來，以詩書

不能常常姑顧應役不無潦草了事有此四弊而河
伯始為良而非只污官墨吏里正鄉耆之弊也近來
年以來堤水之害愈滋我

保護國家現今詢謀僉同應休應役必有成算吾

國民其有賴乎是所望于殖民之政策

第四章 第三章

包徐野鯉化蝻。垣恩吒媿。蔭荒得聖。

衝之害其勢之必然也間嘗細推堤身之不能牢固有
 弊四一則全圻土質軟鬆多而堅實土少保固之力難
 二則九堤身昂耳堤破其牢固則需石甚多而全圻
 取石五處既少又遠只全用土水易穿破三則珥河一
 帶多產錐魚其身圓而長如竹節其嘴長其身者約而
 尺一寸五六分每夏水漲至則多聚沿江堤
 會解水漲至則每與堤身衝突四則從前無堤只
 委土官場御役無有專設粥農衛門府縣事煩

平土質鬆而不實，常陳之長，國內承平，諸省城高，船
 高，客多，聚商，買其初亦只于環近城廂之地設堤，
 以禦水患，故陳之堤名曰馬耳堤，以仇近江之有水，
 穿陷，廢則從上流築以御水，形如馬耳，是有耳，欽後
 歷世以堤為術，農士策效法施行，逐漸增，於是
 全圻皆有堤，身其始則見有利，而其終不能無害，
 與風爭力者，多遭顛覆之危，與水爭力者，多被決

堤身屢破民害愈滋有堤不若無堤也然自築堤
 之後終陳之世水溢至二十次木穀浸沒人民溺死年
 年培築常民費財故詩人以治長掏沙比也云其
 勞而無功也我朝

羽異尊英皇帝詠史有詩云珥河源遠流迂且遠一過
 漲潦多潰激隨決隨圯無異策年年勞費難
 成功亦嘆禦河之無策以遠竊擬北圻十三省地勢

諸海口黃河之水回長皆渾濁逐年夏五月汛期東流
 如箭一帶滔天兩岸極目縱古而然從前不聞有堤
 至漢朝天應政年年間缺躄築堤耳堤全河之堤起
 而水潦之災亦屢見此無他北圻地勢東南日開海
 沙轉送凝積海口河身日就淺狹每至三伏期候河
 水奔流上吸六丈江之源流下吞平原數千里之雨水
 加以夏潮水漲珥河一帶消洩不及所以衝激橫流

鶴江經河內為富良江經北寧為苦提江經興
 安為白藤江經南定為渭潢江總名曰瑪河東
 南入遼標鱗巴棘諸海口其支流西南出為唱江
 經山西河內寧平分注貞女江為正大海口東北
 出山西為月德江出北寧為天德江月德江皆絡北
 寧界中匯于滄江流之六頭江為南趙海口出興安
 為錄江出南定為清香江分流于南定海陽茶里

比也。蛟，石長，司類似蟹而小。八足居海，沙每潮下退，
 則穴沙以居。濤上升，則棄穴而走濤下。又如之。此二章
 乃言北圻築堤之失策也。按北圻，珥河源出於清國
 之黃河合東約西珥河及濶滄江，至雲南之東南分為二
 西流為九龍江，經南掌，長半萬象，引入南圻之永隆。
 是神江，今注南羶巴，凍諾海口。屬南圻一省東流入北圻
 之興化，洩江合沱江，及宜光瀾江三岐，至山西為白

越南風土

卷之二

五十九

五十九

此汗辱之行故當長之人惜之彼克終固不足責而
陳朝駕御鄰邦之上策不免蹈李家之故轍為
可惜耳

第四十一章

治長車結邊東。瘡毒庶極職功幹施。比也。

第四十二章

猥幼幼瘦彰埃。曲長功車。比濟深。比散。

史大夫為京官大安撫，尋進入內行，謚尚書左僕射。
 後賜爵關內侯，進少保，同中書平章事，居官無狀，
 輒讓王國，願每見克終，輒罵曰：此人姓名於國不祥，
 得非陳叔終於此人耶？克終常畏避之。此謚借陳公
 主以金玉之姿，容既嫁為人婦，又為國使，所私通
 酷白，將指玄珍也。若濁指而主婚，苦指克終也。夫以
 公主嫁士，齒不能從一而終，尚克終奉使文鄰，又作

見玄珍公主不免火燒之厄故聞北使來以琴曲正之
未知是否

以第甲五章

惜台能精白壯銀色打。浩酒更運。婚品。

比也陳朝尊以玄珍公主要與主制是朝野文人多借
漢昭君嫁匈奴事作國語詩諷刺也及制是卒帝使
陳剋終往邀公主還國克終遂與主通初克終以御

地也地勢毗連各宜相安無事以共享太平幸福故特
 命公主嫁蒼為蒼赤計非借紅臉以當長城也夫
 既是兩國締好則直羽尚花風今國王薨死而以公主
 殉則修飾無主不如隨本國俗禮先往海濱招魂
 於天邊同歸始入火壇為是古人從史克終以輕舟奪
 命至從海道回年餘抵京此歌公主喜指去矜公志也
 湯喜指當長火壇也喜者當長侍從諸宮人皆稱

則又婚制又表進金銀以為里二州為納徵儀至英
 寧興隆十四年帝以玄珍公主字子歸與高州里
 州為順化即今之南寧命段汝諧往撫其民未幾制又
 薨而俗其主死則宮妃殉葬長世子多耶告上哀公
 主將入火壇以殉帝乃命行謹陳克終如古吊喪設
 計取公主歸表終言與世子日本朝所以結好王
 國者以先國王環王曰南象林人也出冲城即日南越裳

鷓乃鳳帝之後身。且不免穴地以自養矣。以助有才而
 未過。則山林賣炭以為業。然雌伏者安知其石有雄
 飛之一日耶。破元之功。與陳尊室。顏頤慶。餘其真
 莫權耶

第三十九章

彈叫昔希情。桑埃梳公主。蓬湯磨。新外。

賦也。此詩不詳所謂。昔陳仁尊如占域約與占主制

自見史... 三...

杖殺之於西湖又戒無火痛使不至死尋詔奪官

五言

休退居至靈山與總軍出賣炭為

業兩元人由來侵上泊平灘渡有大船載木炭其每
師戴草笠穿短襖上指謂侍臣曰彼非仁者王亦即
命書至齋餘著短褐戴草笠上曰男兒到此極矣
詔免眾賜御服命坐論事多稱旨復以為副將軍
後豐元人戰破也此謠乃嘆陳將軍之居於長也言杜

點鵲陶坦安蟻英雄培運遠源燭炭

典也鵲杜鵑也蜀帝杜宇氏所化英雄指陳慶餘也
陳仁尊紹寶四年以仁惠王陳慶餘為副都將軍初
元人入寇慶餘乘間龍衣繫上皇喜其智畧立為天
子義勇後討山蠻大捷拜驍騎大將軍累遷紫服上
位侯慶餘得龍後與天瑞公主私通長國曼之子典
武王嶽尚天瑞公主且有戰功上恐乖國制曼乃使人

欽定四庫全書

山三

第五十五

以爽族配皇天帝精亦不用若漢世也得國以後
 彩李尊社遂立同姓相婚之法以絕後患方來嫁娶
 未有如此之風化多慚者民間見之而不敢正言故借
 物以詭之古玉葉金枝同漢天潢之派而金針玉線
 翻成秦晉之緣某也之子某也之妻胡然而夫胡然
 而婦龍麟龜鳳其謂之謂斯數

第三十八章

伴鑄更遇伴鑄龍麟龜鳳沒國四靈

比也陳朝皇家同姓為婚陳太尊嫁明皇於魏輔
 陳而娶其嫂順天降焉右為公主嫁其從叔弟聖
 聖右天感乃安生王女仁尊右順聖乃興道姜國峻
 姑端選公主進生金十盤為聘禮帝紂出歷朝皇
 后皆其堂叔親族尊堂大后亦天派連姻方東國
 柄國康娶民女于潢州而子孫不補京職阮飛卿

每夜召入戲笑或衣以手中袍也於是陳邴度及惠石
 有謀移李祚之心一旦宣于眾曰陛下已有尚矣遂禪
 位太尊既代李有天下封昭皇為昭聖皇石等又
 降為天樞公主嫁于於魯輔陳國人譏之而不敢正言故
 以花為比而笑之終陳之世駭處多矣倫比其可問
 矣

右黎大衍至李朝共十四年

身三十七章

快使失望此諷刺陳氏之無仁厚心也埃指守度紫即
 惠皇即惠右也既取人國又執其君且狗之坻其行
 陳太尊可謂無人道矣一願後廢帝元君相繼見縊
 出乎爾反乎爾曾子之言詎不信然

第三十六章

夫其得君子薄情測花未吏搬梗半噉

比也陳太尊於喝皇未受禪長入侍喝皇見而悅之

越南風史

卷之三

為埃輒逐世危厨仙問尾何崇餘蹠

賦也陳太尊受明皇禪即帝位以守虛為大師廢事
 割后苦直教未惠尊既廢嘗出遊東市有姓李趨
 視之有恸哭者守割憂思人心懷舊生感令人嚴索一
 日過寺前見惠尊踞坐拔草守度曰拔則拔深根
 惠尊曰汝所言我知也矣不尋過緣存守割尊于後周
 寺降惠尊后為天樹公主因幼之李氏尊室由是

水匱侍立，昭皇盥以手掬水，灑帝面，帝捧栢柳巾，昭皇
 又以手中拋之，帝拜曰：陛下救臣罪，臣願奉命。昭皇
 笑曰：赦之，帝歸以告守，度于是始有奪李氏之心。外
 人間之，故有此謠言以漁人之子，而得侍龍宮，極天下之
 幸福，亦以譏昭皇之有醜節也。奸臣僭竊，此其履霜
 豎冰之漸也歟。

知第三十五卷

第三十四章

沒得預命船。群飲闈劫。奔。部。船。跡。

賦也。帝王御用之船均。各龍。真。而。鷁。其。者。淮南子曰。龍舟。鷁。者。高。騰。王。賦。曰。舸。艦。迷。津。青。雀。黃。龍。之。軸。皆。御。舟。也。漢。太。尊。八。歲。長。為。李。朝。祇。應。侯。司。正。者。從。叔。陳。守。度。為。殿。前。指。揮。使。帝。因。得。入。侍。官。中。昭。皇。見。而。悅。之。每。夜。召。入。同。遊。或。曳。其。髮。或。立。其。影。一。日。帝。捧。

立為元妃以妃曰蘇妲己謂為大妹封順流伯妃曰陳副
 度為彰信侯陳氏一辰貴顯無比故以花比之言石
 花有香則無色有色則無香若此花則其香色俱絕
 宜乎愛花者愛及其根愛及其本而又愛及於植花
 之人則極其愛矣然若花傾國從古而然此謠五言者
 譏惠尊之溺愛不明也李氏之不血食乃出於名花
 之稍宜云矣

可如枚十石其美與蟾蜍共熟黃同又白沙黃沙以助
堅寔之土濟池之枯土以助瘦瘠之田其又貧農者所
常名譜及書備考

第三十三章

花其貧其貧其難其貧其龍其貧核其貧其得拙其貧

比也按此引惠以尊徽衣行至海邑劉家村見漁者陳
李女有美色娶之及即位長命以龍再迎陳氏入宮

氣可足二年禾穀吸食之料較之牛糞及曲壳糞
 田其利又倍惟農家亦未多識然後知造化之藏待長
 而出迤山迤海之田土多磽瘠則又生曲壳石屑以利民
 用是老農老圃者所當知也此法本從化學中來
 其的望于治生家之有力者某氏其可輕議乎又按齊民
 要術云美田之法糞土為上小豆次之胡麻又次之其法
 五六月中播種七八月用犁掩殺之為春穀田則一畝

代人意亦曲長國家者流也以化士之學治生致富雖
 風雨不廢其業詩人賤其事故斥而名之曰柴
 以其比晉之石崇也而不知今日蠶_井之法崇氏寔聞
 我先匠來居海之民嘗得魚壳蠶田之利較倍
 今又有近山之民尋得石蠶之利較倍魚壳沿山有
 五石之山者其石廚處多有石膏之蠶其名曰蠶
 礪深年積魂入而取之每半異一拾可蠶田一高其蠶

第三章

吞湄吞騰龍苑。叱隄翁菜。考梗分樓。枕術種秘。
 種蕪。種花。種果。種蕪。種稿。

賦也。此農團家治田之法。我南本神農。後寤。何古。
 辰有緒。田隨潮上下。犁之而已。士王利延南來教民。以。
 農桑。稼穡。至。李朝。親耕。作。藉。田。教。民。以。農。業。為。
 本。而。農。事。始。發。達。惟。化。土。之。興。子。未。興。公。羽。菜。未。知。何。

州秋嶺第長亭于適日威寬何君仁哲長欽聖適潤潤龍
何辨英尊長韶容適高良明此控制靈商之美
 人計然世堂李朝豈無才畧可樂靈商可以瑤璫
 出此况之姿為遠境歎安之用王姬肅雍之東日
 將送于上游地方內民見之不勝憤慨故以丹桂為比
 言自蒙公主其猶林中之丹桂乎公主而嫁靈商其
 猶丹桂為靈商攀緣乎是可惜也

率軍邕州僭稱帝改元啓曆縱兵陷橫山以滕
 格康端勳等八州圍廣州余靖坐守經制無功
 宋遣狄青督軍進討合余靖兵渡峯北岑閻知高
 敏走大理余靖募死士入大理求知高逐其者至宋
 京此語刺李皇之養寇也言知高橫逆一橫奔
 之在也李何即赦其罪復授之以官而並與之地
 遂致建國稱帝一舉滔天其何異於放鹿出林竟

猶者領儂存福之子也存福據在涼州不修職貢
 李太尊親征獲以歸智高言風雷山洞復由雷州洞
 進搗獯獯改其州為大曆國帝命將考歸京師
 憫其文兄俱被誅授廣涼州牧以雷火洞及思瓊
 州與之智高遂搗勿悉洞以數僭稱大南國帝命
 鄭盛遣討不克智高因宋人牙焚求內附以世我
 抗禦宋方與我睦不許智高謀奪邕廣以自王

祐善夫人後方良每於水邊夜聞泣聲立祠祀之此
 謠嘉媚醜忠節也埃指李帝也夫人以警妻俚婦
 乃能從一而終以全婦道所謂烈女不更二夫於焉見
 之彼人臣而事二君其夫人之罪人來

第三十章

翔狻狻趨蓮棧些昭狻趨些傳翔狻

比也狻指儂智高些指李皇也儂智高名安州人獍

第二十九章

油埃迎奇默埃身尾諾汕花溜誌

賦也李太尊明道三年親征占城其主乍斗殺之引入

佛聖城俘乍斗妻妻及宮女以善歌西天曲調者還

至湛仁今改行殿今乍斗人召乍斗妻媚醯侍御每

媚醯辭曰竊虫妻俚婦不類媚姜國破夫亡有分

一死即以甌自纏投江死太尊嘉其貞即封塲止

越南風史

三

早六

帆言海航之無遠弗至也東西諸國尤重商學而所
 利者尤在出洋之航路航路繹絡則利路流通今
 觀河海海防之三大域南共中圻之沱澗南圻之助甯
 擘撲一貿易場之中心點也出港物貨逐漸增多
 有能組織輪船公司製造機輪舟楫以向諸埠
 頭五市豈不供諸國商占一大利權乎是所望於
 理財之新政策

關也至李英苜長進羅瓜蛙諸國高船多取海東
 乃於海島立在高史號雲屯在在唐此為諸國與我
 通商之始陳長諸國高船多取海東入雲屯裕尊
 置於海使鎮其地自此商界始有保護而航路漸
 通矣本朝經理真臘開闢南圻許明人居東浦地亦
 設立坊舍招清人及閩粵日本西洋諸國高船湊集
 其間而南潮遂澎漲於南海矣此語以鳥翅比船

越南風史

卷一

第四十五卷一

龜白鼠之枝劣。是何異於陸臂。當車蟻。蟻不為所
傷。而車輓反為所。西復壯哉。古將軍相傳為我南第
一武功。

第二十八帝

細低。嗚。峇。相逢。點。之。沒。翅。龍。劣。浩。嫩。

燕而此也。峇。商。峇。也。翅。鳥。翅。也。沒。翅。借。古。船。帆。也。我。越
地。在。渴。帶。沿。東。洋。之。南。自。丁。以。前。商。為。未。興。航。路。未

帝放還二百餘人宋約講和乃置廣源州帝以疆界
 未定遣黎文盛如宋會議宋以岳縣二洞歸我長臣
 有詩云因貪文趾象却失廣源金廣源多金國人躋其
 功故敘其事而歌之言當宋金盛之日提封萬里
 帶甲百萬誰敢鳴嗾嗾于信天公冠常傑以草取
 尔走邪敢無宋朝抗敵不幾於以少易多以弱敵強乎
 不謂一提孤軍尚侵宋境南將之威鋒雄鬼而臨川

越南風史 卷之三十一 四

達總九將軍約占城真臘來侵帝命李常傑禦之

于如月江在東岸仙夜聞神廟中吟云南國山河南帝

居截然定分在天書如何逆虜來侵犯汝等約着

取敗虛已而宋師果敗高麗復引兵西進至富良

江即珥河在大羅城之左我軍乘船迎戰宋兵不得渡直取廣源

思琅蘇茂梳榔等州而還帝遣陶元以馴象遺

宋求所失州縣及所掠民宋約歸三州人乃如所請

嘒其嘒嘒。攬車。相。羅。我。埃。噫。車。迎。

比也。蚩蚩。蚩蚩。出。李。仁。尊。長。宋。朝。王。別。石。用。東。喜。求。
邊。功。專。意。攻。援。劉。彝。又。禁。州。縣。不。得。貿。易。以。激。
兵。端。太。寧。四。年。帝。命。李。常。傑。尊。宜。等。領。兵。多。道。
入。代。刺。常。傑。陷。欽。秦。二。州。常。置。團。邑。州。蘇。緘。固。步。
攻。之。四。十。餘。日。盡。裹。土。傳。城。而。升。城。陷。常。傑。俘。三。州。人。而。還。
又。乘。勝。上。言。宋。行。青。苗。病。民。我。故。興。兵。相。救。安。石。以。郭。

越南風史

卷之二

四十二

祐之法未數金而置沼之方池池中湧出一石檉檉上杯
 于葉蓮花上安珥殿殿中坐金相池之外圍繞
 廊廊之外又疎碧池架橋以通也前橋楳庭左右甃
 玻璃瓦窳塔以月之朔親乘玉輦東大啓清筵香花
 設祈祚之儀盥盥陳浴佛之法列僧長之尚佛教
 可知

第二十七章下

三教誠士當長佛法一教。幾乎家家奉佛。處處修持。
 有覺悟者。勸此為警。世一巨鐘云。按史。巨初。尚高有。
 曰。李之奉佛。謹矣。而殺李之子孫。若出於劫。度之凶險。
 而佛不能救。陳之奉佛。篤矣。而弑陳之尊室。若出於
 李。劫年之奸邪。而佛不能變。則崇佛果何足貴乎。又按
 世固室類語。昇龍都城。西延祐寺。李朝龍符元年。
 重修。惟有一柱。其塔碑。又有云。尚高。而禁之。名園。殿。延

吳道流為匡越大師張麻尾為僧錄道士而佛教
 以始李太祖發金錢建寺于昇龍城天德府共二十四
 所求三藏經于宋立戒場于萬歲寺太宗造寺觀
 九百五十所畫佛像千餘畫幡萬餘耶尊建宋慶
 寺于報天塔在壽男報天坊為十二層高數十丈又發銅一萬二
 千斤鑄鐘仁尊是天下為大中小者蓋然三寶具田
 陳朝太宗令民間諸驛亭皆塑佛像鑄銅鐘又以

使人廉得天下有李姓者殺之李公其錫日在其亭而不
知故長人為此詩以嘲之言李與五廉本為異類而
却從五廉中生出非猜度之所能得是天使之然也
雖然摘果拔根亦無可奈也真然乎

第五字空早

修能朱朋修茹。除吐敬。疑。貝。羅。道。修。
賦也此譏佛教之惑人也按我越自丁卯聖賜僧統

第二十五章

些部核契些咄。翰群競契之些咄翰。

比也李公紹初以朝長為殿前指揮使是夜雷雨震
木棉樹有文曰樹根杳杳木表青青未加木落十八子
成東河入地黑水再生雲宮出卯兔宮隱星六七年
間天下太平僧葛行私許謂公為曰迨推符讖李
氏當興臥朝間之會五廉果得李校知李氏將興

母范氏常遊蕉山寺夢與神人文而有娠以丁太平年
 甲戌二日生帝帝之初誕帝母懷抱至寺以獻劉文遂
 養以為子幼而聰慧急於表秀異為兒長遊學于六
 祖僧葛行見而器之及長仕黎累官至殿前指揮
 使臥朝山朋自立為帝紀元順天都昇龍李氏之生
 慶文美食也李氏之成葛行成之南無阿彌陀佛曾
 否証明功德

冊矣若夢至夢何夢耶福菜之祥若此祿花之報
謂何願後大行福帝而鄒母早已捐壘則夢因為
不誣

第二十四卷

隗埃枕補厨尾南無彌佛隗柴柴飯

賦也北寧有蒼山寺一大名藎也僧李慶文住此修
行寺旁有一齋房常宿諸行香人長有李太祖也

賦也。黎大行母劉氏初懷娠夢腹中生蓮花俄而結
 寔取分與人而已獨不食及誕帝劉氏見丰貌異常
 語人曰昨五夢腹中生蓮花生貴子之兆也但有寔不
 食此兒長成吾恐不及享其祿此語甚驗其友見子
 于成也。丁皇母譚氏養子于山洞而丁皇為花間走日
 之英君李祖母范氏養子于舊山。在舊山府而李祖為
 古法聲基之令主顯其身以及其親後先輝耀史

越南風史

卷三十一

第三十九

桓胤終以軍士謀代丁所謂人皆濁我獨清豈其然
奉讀

聖製有云一朝龍衮加身上敬討丁伊蓋自觀誠一
字之欺嚴於斧鉞

右自丁先皇至丁少帝共六章

第二十三章

林潘懇拜佛香。噫朱吃娼婦裝飯根。

其戰艦斬丁佃于陣執阮嗣檣送京師讓之曰先帝
 罹難神人尚為羞憤汝為臣子乃乘其喪亂背義
 興兵臣子之賊固如是乎遂斬以徇會朱帝命侯仁
 寶等來侵楊太后遣榘選勇士拒之火將范巨倆唱
 謀冊榘為天子然後出師軍士皆呼萬歲太后見眾
 心悅服命以龍袞加榘身遂即帝位此謠刺黎之得
 國不止也翰指黎榘此指阮嗣也火行始以臣子分讓

汝即官雷也。流星入口，特偶然爾，却因此不顧名分，散
事執逆卒為所收捕，杜祗倭其亦窺天之井，宸蛙。

第二十二卷

洪部溪瀉，止黜翰，咬些。濁翰，毛。請未諾。

比也。丁辰，少帝五甫，亡。歲，愛州人，私稱桓，即大行以十道將軍。

攝政行周公事，自稱副王。阮副丁佃等疑桓將不利於
孺子，起兵討之，不克。後復以舟師出戰，桓因風縱火焚。

自以為休徵遂陰懷異圖丁先皇太平十年為祇
 候內人乘帝夜宴醉臥庭中遂執帝及南越王璽
 事發捕賊甚急釋潛伏宮中留踰三日渴甚通
 雨引手承水飲宮女見之以告是國公阮自亂遂收捕
 斬之釋其肉國人爭啖也長省識文曰杜釋執丁丁
 黎家出聖明競頭多橫鬼道路絕人行人以為天
 數自是云此謠刺人臣之懷忘也魏略指杜釋也故

先皇妝童長與群妝遊戲。別為圖陣。使眾妝童歌
之。第一章似龍陣。第二章似蝴蝶陣。第三章似
陳。惟日久其製表不存。今妝童每于野外。放妝相聚
而歌。此故錄之以質諸君子。

第二十一章

猊塔觀約坡沟。淋清走閤。吸野蓮卷。

比也。杜釋初為清閤。走夜卧橋上。句蓮。流。屋。入。口。

賦也此與前二章皆牧童遊戲之詞其義我不詳所謂
 按史記丁先皇少長父公著車卒母讀民攜歸山洞居
 焉牧牛于野與諸童戲眾共中史行必交于持之為乘
 輿狀又以蘆花導于左右象天子儀衛相與雜擊別村
 兒童所向皆服五長居陶澳樹長叔預墟芄樹與帝
 相拒帝以眾寡弗敵走至潭家橋橋折黃龍夾擁預
 懼而退後戰執勝人呼為葛勝王此三章意者丁

班日枚郵沁波東。踏視魏隆海連於曲。耶呼咳。

賦也

第十九章

亂蟄蟄羅亂金釵。邊魁翔獎門。邊邊迎倫。耶呼咳。
賦也。金釵之義未詳。按武經古有金釵陣。

第二十章

鞠塔越越免特郵翁恰耶呼咳

收攬豪傑出攻城邑所至克捷號萬勝王平諸部
 使君自立爲帝都花間紀元太平國號大曜越
 寔我越正統之第一英主也詩人故賦其事以美之
 言南主南國禦觀太平仰觀乎天則日月光華俯察
 乎地則山水清高堂堂萬餘里山鎮南江山全色草木
 回春復觀太平之景象豈不誠一快心之舉乎也哉

第十八章

賦也太平即太平梨花葉似沙棠我起自內屬也後北
 人郡縣我地安南管張都護旗江山無主矣長有丁先
 皇大業先開洞今山南平嘉州縣人也父丁公著為巂州刺史
 卒帝尚幼母譚氏攜歸山洞居焉稍長能從遠屬已
 諸柵父老多孽子弟從之立為長居陶澳柵徙攻他
 柵之未服者若下之長南紀分弟十二使君劉據土宗
 帝聞陳公始見有德姓依之隨見桑遂用其眾據花間

趙主十二使君之竟乘其為丁判皇之前導于軍兵有
足之蟲至死不僵竟趙主中有團體焉論爭鬪之
事則十二使君不為無過論一統之旨則十二使君不
為無功

右自趙武帝至十二使君共九章

第十七章

助運陵白奎紅醴沂山水披荒太平

越南風史

卷一

三十三

雄之名然英雄竟爭必非生靈之福劉史謂四十七萬九
 十餘年之越南誠不願有此十二使君長代誠然雖然
 我南有漢武帝之後內屬已一千四百餘年無有一能冒獨
 立之長代二繼且敗於易援矣趙嬀且走於陸胤矣李
 賈已南帝矣而獠洞退歸叔鸞已黑帝矣而山中隱
 沒回視我南人誰敢窺李足而與北朝抗拒者自白
 藤一戰而漢軍挫刃于吳權乘長有幾矣遂群而

阮太平據三帶阮家灣李奎稱李朗公據超類
 阮弟捷稱阮公據仙遊石有稱名世公據細江
 阮超稱阮右公據西扶烈矯順稱矯令公據回湖
 范劍虎稱范防邊據甘肅州吳剛慶稱吳覽公據
 右引林杜景碩稱杜景公據杜洞江先後九十二使君
 各據一隅自相雄長所謂江山何區英雄是處國
 人故敘其事而賦之言天下者公共之天下所爭者英

以喝主權丁部領得以標獨立而脫千年之苦既若
皆壓力有以啓也天下大勢可畏也哉

第十六章

貼荒闖事貼終亭饒沒哨英雄齋催

賦也前吳自三哥管奪陳隨見先舉無主豪由是
並免起陳隨見稱陳明公揔布政海口吳則熾稱吳
使君揔平橋矯公罕稱矯三制揔岑州院寬稱

沈氏平橋三...

北朝未曾上聞且亦利甚壓制長之民多不堪命若殺
 以蛙龜自比言我之民既如蛙之伏於池中矣猶以竹切之
 既如龜之短頸難鳴矣而猶以鶴騎之以名顯之民生
 其間尚何所聊賴乎雖然天下之勢其壓力愈重者
 其動力愈大有其難定之歟然而微王起兵有蕭蕭諸
 少失策而李帝建國有高正平之重歟而馮燕父子
 割縣揚州則至於壓之不已動之不止而吳使君得

又置一龜像又祠宇之濠有堅立碑文者碑表又像也
 形置之此與前章意著我南內屬之長民生塗炭
 無所製告而以是自此也我南自漢武帝之後內屬幾千
 年間其保護之政策大抵仁澤少而刻薄多守牧之
 來溯救之速蒞我南土者除士燮王延李善陶瑤數
 人之外率無清淨貪墨自私者以斗監易一年者有
 以黃牛一頭易稻十斗者財計營求吏民不勝其苦

北魏末由山上開其古亦利其二聲制長之民多不其合

比也。蛤蛙類也。天將雨則鳴。今穴居地中。以知竹類也。
我南竹類有數十種。皆可結屋。人用竹。每俟花長伐之。
浸水三數旬。取而用之。則免虫。且宜之。宜。

第十五章

傷台身分。猓。達亭。鶴。騎。鄴。尉。隊。碑。

比也。鬪。鬪類。我南多產之。亭。廟宇也。碑。碑文也。我南
事。神廟宇之上。多雕刻。鶴形。置諸左右。鶴兩足下

林邑徙國於占號占城國

今承天香水縣月教社有佛
誓城平定縣遠符吉二縣有

閩樂至我

朝中輟拓地南服而林邑之類絕夫亞林邑亦亞東一

古國也土宇不為不廣人民不為不眾惟拘墟自守又

不量力不度長妄挑鄰國為北朝所驅逐查南史

永和長區憐入寇刺史張裔平之晉穆帝夜范佛

侵擾刺史檀和之入其城宋討則陽道遣使入貢隋

越南風史

三二

二九

其頭大其嘴長形似鵝而大每秋冬之間田禾有水多

聚食之按我南于最古長代南徽有林邑國若其界分自唐年王去

物大者秦屬象郡漢屬日南漢末功曹子區連殺

縣令自立為林邑王其後外孫范熊立傳子逸逸死奴

范文贊為位文死子佛嗣佛死其孫胡達立至孫文獻號

為扶南王有貞觀長其至頭親死國人立其姪子葛

地為王更號環王國唐都護張舟擊破之遂棄

林邑使臣於... 城... 日... 行...

西邊轍惟嘗乎隨長之義如二公者一長勳業赫奕于
北朝固南國之有人他如李進以南人而撫南人李烈以
南人而為南人則事北朝者又何負于南國哉詩人之
意蓋亦淺淺乎待二公者

第十三章

點躬腐播蒲農。鋤欺奴。嗚。祖。公。羽。碎。除。

吐也。鰓。小。鳥。也。形。不。盈。掬。嘴。及。兩。足。皆。赤。蒲。農。大。鳥。也。

人也南人而做北官者士仁人有不足者作詩以朝之言
 金杓而挹而鄰之水則用非所常用貴失其貴矣矣
 甲五曰語其功於中國則美矣如我南何誠有如長人
 之所歌者雖然人才當隨長隨地以立功名我南內屬
 于北已成世代苟執奴隸之成見則興草木俱朽者
 徐武道行何補於國人苟雄才自逞而款事衝突者
 則長未可為哲未可乘幾何不免為布菴叔謝惠之

比也。樵、鑄、金、杓也。所以掘水、觀西、西鄰也。水也。北、南山、川
 毓秀、家、傑、挺、生、代、不、立、人、李、劍、的、仲、慈、廉、人、仕、奉、為、司
 隸、校、尉、將、兵、守、臨、洮、聲、振、匈、奴、後、歸、田、里、卒、始、創、皇、鑄
 銅、像、置、咸、陽、司、馬、門、匈、奴、以、為、生、校、尉、不、敢、犯、姜、公
 輔、九、真、女、是、人、有、^高唐、才、舉、者、進、士、嘗、旨、密、請、誅、朱、泚、德
 尊、不、從、又、請、納、諸、道、兵、馬、為、武、備、後、朱、泚、果、反、德
 尊、以、料、事、奇、中、四、節、進、中、書、門、下、平、章、事、二、公、我、南

之夫李南帝一越民也其土地則北屬之土地也其甲兵則
北屬之甲兵也而卒能擁兵割地獨立稱雄雖未五十年
退守獠洞然亦我越南之第一武功人也通鑑

御批南帝雖力不毅事不成然能乘辰奮起自帝其
國足為丁李先聲

第十二章

橫鐵枕林觀西坤頑朱彰何紫得些

此也橫鐵枕金村也坤頑朱彰何紫得些

編梁大同十年甲子自稱南越帝紀元天德國號萬春
以趙肅為太傅并命范偕並為將相梁武帝以楊
漂為文州刺史陳伯先為司馬將兵兼攻伯先勸眾
先發為軍前鋒一戰於朱之息用戰於嘉寧帝奔
新昌大造戰艦屯曲激湖今立石縣會江水日暴漲注入
湖中伯先率所部乘流先進梁眾鼓噪而前帝退
保屈獠洞旨嵐瘴堯國人避其功故啟其事而歌

若沿席而履。絨糊。秘室。席安基圖。買頑。

比而賦也。我趙自趙王獨立而後。北人取為郡縣。尺寸山

河。總歸內屬。江山無自主之權。誰其為造。長勢。五英

雄。坎長有前李南帝文趾人也。有文武才。仕梁不得

志。歸太平。因文州刺史。蕭詧以暴。刺史。眾心帝。遂起

兵。朱。為首。長趙。甫亦率眾歸。連結數州。亦多傑。御。梁

雁。心。諸。覺。之。輸。仁。負。于。帝。奔。還。在。州。帝。乃。出。揚。龍

北胤惶恐將兵入城，嫗擢兵圍之數日，城不下，我將校頗
 有憐念，嫗遂擢馬而走，直至厚禮蒲田。今嵩山而化
 沒後，顯靈，前李南帝封為鄉正，英烈雄才，貞一夫人。
 此詩意者，當長趨嫗典，吾人多興樂，從其勇子則事
 於約伍，其婦女則事於軍役，玩味歌詞，有趨事之樂，
 而無怨對之心，亦可見嫗當長之得人心者。

第十一章

婢妾為耶。吳永安年間，守城多盜，奪民石聊生相
 聚為盜，常依嫗以自逋匿。嫗雖誠妻，用眾皆悅服。
 其兄知史，喜曰：「吾妹如此，二徵之後又一徵也。」眾以嫗有將
 帥才，出為主，請舉軍事。嫗遂興兵，與吳人拒戰，擡象頭
 著金襴，常施乳於背後，以自來之。威風赳赳，軍中號
 為「葉嬌將軍」。北人號為「鹿海晏王」。吳遣陸胤為
 交州招討使，將兵南來。嫗引兵來迎，一日三戰，吳兵皆

第十五章

嗟醒醒昨朱齡。朱媿梗。浩灑彭醒。鴛閱睡。還崗腐睡。
睡如管象騎鴛。彭錯。

此也彭象棚也。管象象隊之主帥也。按我南內屬長有
趙媿者清化中農。身中山人也。身長九尺。乳垂三尺。年二十
未嫁。有大志。嘗謂兄趙國達曰。人生如蜉蝣。無論丈夫女
子。須是建立大功。流芳千載。豈效世人低頭曲腰作人

越南風史

卷之二

三五

之沿海而進至浪泊湖今永明縣穀改為上與王遇王見虜

勢張大自度高合之眾不能支退保禁溪王亦以王女子不

能得勝敵遂走散王拒戰執力孤尋陷沒擲立銅柱為

漢極界我越邊屬于漢後土人哀慕立祠于喝江奉事

之此謠美繡王也勢指詩崇也王以夫健起兵逐蘇是

畧走山嶺表雖女子弱質不敢以煉鉄鍛會自認而女

中卓卓其無在在海邊王之拒北冠者威名共赫于秋

之也。單乎不免。呂嘉加之二劍。

第九章

傷軼。軼沛。助功。帝埃。韻。雙。胎。銅。也。低。

軼也。徵。女。王。諱。側。姓。徵。峯。州。非。鹿。冷。縣。詔。今。安。貉。將。之。女。朱。

焉。縣。詩。常。五。事。也。長。文。趾。太。守。蘇。定。為。政。會。自。恭。王。

雙。台。定。五。殺。其。夫。乃。與。妹。貳。舉。兵。攻。州。陷。治。畧。是。嶺。南。

字。餘。城。自。立。為。王。都。垂。鹿。冷。漢。拜。馬。授。為。伏。波。將。軍。擊。

越南風史

三

二十三

欲內屬。蓋持國器。獻于漢。以自媚。取一長之利。不顧
 趙社稷。乃與其弟率師攻王。王及右遇害。嘉五明王
 長子建德。是為衛陽王。而殺漢使。若漢大發兵來侵
 趙。此謠。軻。穆。后。無。婦。道。也。夫。出。嫁。從。夫。夫。死。從。子。乃
 女界之公例也。若漢人也。既夫明王子哀王矣。趙氏山深
 於右。高。托。却。厥。挈。而。歸。漢。將。附。漢。以。固。趙。耶。非。也。
 故人思義重。不忍久相離。存歸漢少。季之情。緣引

賦也趙明王娶漢樛民女立為后生子輿王薨無子是
 為哀王初樛后未嫁長嘗與伯陵人安國少季通漢
 遣少季來諭后及哀王入朝少季復與逆私國人是以
 多不附后恐亂起欲倚漢威數勸王及群臣求內屬
 漢帝許之丞相石嘉諫不唯因有叛心石謀誅嘉不
 宥遂作亂漢聞之遣韓千秋與石弟樛樂將兵
 入境嘉聞下令國中曰王年少太后本漢人也漢使私事

伏讀

御批云、以婚勝以婚敗、其有不足於安陽之興亡、歟、水
 碧山青之土地、龍文仙母之國民、偶然而得之、亦偶然而
 失之、又何必為安陽喜、又何必為安陽惜、

右自涇陽王至蜀安陽王共七章、

第八章

因猥沛苦為猥、祖鼓沛授江山、茹鼓。

墮緘南海窮途而識者已逆料其必亡矣嗟夫以安
 陽之一人其再也尚焉其亡也忽焉詳及外紀畧無
 起化文明為我南越出頭地前有雄王啓我美邦姬
 娶貉耕俗尚淳一龐安陽雖興何益乎我民之憂後有
 趙武撫我南方乘秦岳漢國稱盛猶安陽雖亡何
 憂乎我民之歎封溪落霞段古螺夕陽甌貉君主
 之權僅得留芳於最古長代之播要史者特幸耳

以雄略之年千之舊國奄有十五都之江山之地不為不
 庶人民不為不眾既一舉而取之宜修德政詰戎人夫
 奠國家於泰山磐石雖趙佗之雄仲姑之詐將
 如安陽何不此之務而宴安逸樂付遺謀於局棋
 守國無策空恃螺城却敵無謀徒資龜爪迨
 至平江今東莞縣之歸趙佗媚珠之誓仲姑忘仇溺
 愛君恩孰甚焉癡龍耳公羽過此薄倖郎不待鴟尾

國無雄王同衣石逼石中之一族耳觀求婚不得
 也必滅文郎為辭山不忍而歎就大謀其無為世
 莫畧可知矣使雄王於文道十八傳之長懿侯可以
 東鈞衡懿將可以司鎖鑰雖曰李世安陽且稽首稱
 藩之不暇何以興幸而雄王不修武備一入其境遂以
 耽醉亡殆所謂驪龍領下能得真珠必遭其睡
 安陽之興固無足取也至其所以亡之故則又有甚焉

龜即來救我。金龜涌出水上。日乘馬後若賊也。王按
 劍款斬之。媚珠嘆曰：忠信在，即為人的欺。願化為珠。
 玉雪此雙。能緣耶。信耶。誤耶。其飲恨為何如耶。哀
 哉。媚娘以蜀苑之姿，為鄰邦之婦。乃既為夫的誤，又
 為父的疑。千古冤魂，難自白。海南表作楚濤，豈不當
 為媚娘一辭。詩之意，與此相類。故錄之。以竹見之。君子
 聞此言，論曰：蜀安陽王，其子之故曰安陽者，蜀僞主也。有

國其能王同衣不過一旬中之一族耳。觀來婚不得

婚主女媚珠王許之仲始用誘媚珠束宮緇靈也潛
 毀其機易之托歸省親謂媚珠曰異日如兩國失
 和南札隔別夫婦異情何得將見媚珠曰妾有
 鵝毛錦襖尚附於身到處拔毛還岐路示之仲始歸
 以告他他發兵攻王許知許機已失圍捕笑曰他不畏
 吾神也乃即他軍逼近王許等已折矣敗走坐媚珠
 於馬上南奔仲始認鵝毛追至海濱途見呼人金

第七五果

溷濛酪波邐吞。仍得天下帝得知音。愴稍催吏
 懣恍沒緣。出嬖匹淋。秘饒。

賦也。冒安陽王攻并文郎。改國號曰甌。黎都蠓域王
 常得靈龜。瓜命造神學。以反為機。名曰靈光金
 瓜神學。趙陀來侵。王以靈衣射之。他敗走。他知王
 有神學。不可敵。道使講和。遣子仲始入侍。宿衛求

平後卽隱其身而不見功成而不居。歷年夏草木茂盛
 已見旱虐之災則雲雨之功成矣。俗傳厥後王又
 顯靈于三塗山八社人立祠祀之。每年八月初十日
 賽神爲大會每社各牽一牛相鬪得勝者爲
 佳兆。每賽會必風雨大至故諺有謠云市埃奔甍
 半甍夢逝胸鞞且助樓衣緹無不應驗亦天王
 一年之雨也。

制山今在仙遊縣賊眾披靡四維拜呼天將皆降克以飛
 馬踏衛靈山在天福府王思其功立祠于扶董及衛靈
 山封董天王祠有一聯云不記何年飛鉄馬相傳此
 地解戎衣御製衣越史總錄云功成身退縱鳥飛來
 從何來去何歸董天王其我越第一武功人乎夫自
 雄王而後歷世相傳民安作息乃一遭武寧賊民
 之望其平者猶歲之望雨也董天王一出而除之賊

第六卷

晴春遠捲術徽。嘒以躬核諒。勿諂群瞠而留。

比也。按此詩。五義未詳。惟雄暉王長武寧。即武江北寧

有賊。積年不能平。王購能却敵者。按聖御有官

家兒。生三歲不能言。適國內有敵。天使來。其日兒

忽能言。告其母。邊使者曰。請許劍馬各一。為王討

賊。王如所請。兒躍馬揮劍而前。官軍尾之。戰于

越南風史

卷一

七

其味芬遂頒布中外。悉令種樹。允嫁。要。琴。燕。以
 此先之。為供賓之第一品。此說事屬荒唐。按甘肅
 臺語類云。凡嵐瘴之地。必多生其所勝氣之草。
 木。善哉。言乎。我南地。吾溫帶。多有嵐瘴。故桂。薑。
 栝。柳。之木。為多。乃所勝氣之草木也。溫帶熱帶之
 人多用之。寒帶之人。少用此物。若以此。非如野史不
 經之說也。

舍弟去之林野，過林泉無路可通，遂慟哭而死。化
 為檉柳樹，後其兄遍尋至其處，問里人，里人言
 初有一人謂兄愛其妻，愧耻而去，到此死，化為此樹。兄
 乃投樹邊而死，化為一莖，纏于檉柳樹，乃其也。及
 妻思其美，乃到此，問知其故，亦投身于樹下，化作
 石塊。所在美也，立祠以祀之。衣雄王巡狩到此，駐驛，
 令群臣取檉柳葉，采芙蓉，咬之，噴于石上，其色紅。

澤爲東安縣此謠言配合各經其類也。王休哉仙童玉女
佳偶天成前此涇陽是也。娶洞庭女。駱龍君之娶。娶
仙女均之傳為佳話。

第五章

瞻日虧妾買咳。朽槁枯叟。貝茵錯稱空。
賦也。此男女相戲之詞也。按野史。雄王十二世有一郎
官姓高。生得一男。長男娶劉玄道女。長適其弟不

跽躄共鵝

賦而物文也雄至十二世王女仙姑出遊海口船回至禰
 家洲步洲上遇禰曹子先匿叢草中自以為月老
 宗忽遂為夫婦曹罪避岳岸上所居便成都會
 王進兵討之童子仙姑恐懼待罪忽夜中風雨四暴
 至撞壞的居棟宇自板居人及鷄犬一夜同升于天番
 其室北在澤中長呼州曰自然州今其地者澤曰夜

越南風史

三

十五

卯得有男一日務龍君謂姬曰我是龍種爾是仙種
 水火相尅合身為難乃與之相別分五子從母歸以五
 十子從父歸海是為石男之祖此詩喜者當辰仙
 女惜別之辭但事屬荒唐不足為據

第四章

澆淩溢除石。埃吹媿細準。尼返莫。桃絲蓮藕靜。
 靜。玉歎涕價媽歎。涕緣。朱能仙吏返仙。鳳凰新襖

一掃錢人 一捨猫人 一狗啞人 一伶酸人 一燎頭猴人 一猛流新人
 一甘美土人 一針盒雀人 一針慈雀人 一舍文伶人 一石岩獵人 一猛海
 人一穿耳鼻齒猴人 一甘門土人 一甘猛伶人 一海雲猫人 一銀針
 啞人 一獠人 一芥水土人 一啞獵土人 一啞嫩土人 一海弱啞人

大抵皆齷齪獠公家監四種。惟俗尚互有異耳。其類各
 安守前俗。不相雜集。蓋有化之而不從化也。

第三章

折得妾沒粥。蹀躞。跟踈衣。美準尼。埃餒。

賦也。此詩史義未詳。按舊史。谿龍君娶媼。媼生石

越南風史 卷三十一 十四

此
與
我
南
十三兆

于黃河源頭陸處之諸民族當涇陽王未南來之
 前所謂貉民大抵皆蠻獠台藍為多自貉龍生
 百畝而子兒葛孫多列編次世世莫掌主權前所
 謂貉民皆出女隸之下今我南中五兆之同胞皆出
 于龍文仙母之子孫故以龍比黃種以水虫比蠻獠台
 藍言其氣類各自別也按我國上游土人種類甚
 多一夫人一唐人一佛人一獠人一獯人一倭人一蠻人一
 一倭人一獠人一獯人一倭人一蠻人一

卵壯螭更安鼎螭。切切吏安鼎。潤切切。

此也。此詩美我國人種類之美也。世傳雄王為我越王始君。貉龍君之子也。初神農氏之三世孫滿高。明南巡五嶺。娶盤仙女生福續。治南方。福續生子吳纒。號貉龍君。君娶嫫婁。生石男。是為百男之祖。推其長者為雄王。嗣君位。建國號文郎十八世相傳。皆稱雄王。又按我越地居湯幣正生育之鄉。厥初生民多由

川為黎太祖根柢之地也。有此山川之美，而藝其藏，未
 興。我南人有愛國之思想，當有愛國之學問。維願我
 龍文仙母之子孫，居天寶物在之土地，含五礦，未興
 則山利之猶遺也。灌溉不講，則田農事之猶劣也。五礦
 學三農講，則山寶與天寶水利興，不徒羨山川之美，而
 國日以富，民日以饒。我南他日豈不可為中亞亞
 東之一大帝國。

第二章

安業江北寧六頭江海陽白甘騰江此可也最有益
 亦夫夫高山誰則築之盈盈巨浸誰則浚之有天地
 便有此江山間嘗披南國地輿圖而觀之二十五萬方
 筮盧茂之土地平原錯峙若腰落馬山產金錫
 海出魚鹽誠亞東一大蕃阜國也南國山河南帝居
 截然足分有天書昔明人黃福來鎮我南嘗嘆曰
 青山繚水之間必有甘露衣稱朕者蓋不特指躡安山

橫山、廣南海、雲山、慶和、火嶺、南北則嘉州、定、涇、山、澗、
 和、神、龜、山、安、江、甘、崖、巽、山、北、圻、則、山、西、傘、圓、山、太、原、三、島、
 山、海、陽、安、子、山、建、山、塗、山、寧、平、三、疊、山、是、山、之、且、最、有、名、
 也、言、乎、大、川、中、圻、則、承、天、之、香、江、蒲、江、廣、南、永、莫、江、廣、
 義、茶、曲、江、廣、平、澧、江、又、安、藍、江、清、化、梁、江、馬、江、南、圻、
 則、嘉、州、定、崇、根、江、邊、和、同、甯、江、永、隆、前、沃、安、江、後、汝、
 北、圻、則、河、內、珥、河、鼎、花、池、江、宜、光、澧、江、南、定、樞、江、興、

秋中則新安美秋渡極茶榮永隆西則朱熹為龍
 川茅書翔臻北遼瀝價共十七省北圻十三省河內
 寧平南定典安海陽廣安北寧太原臨山高平山
 西典化宣光今改置北則蒙諺臨山高平河江寧安
 州山羅安沛宣化北中則和平宣寧太原北江廣安
 南則永安山西河東北寧海陽建安興安太平南定
 寧平共二十五省言乎名山中圻則又安鴻嶺廣平

南偏南夾高蠻北夾清之廣西雲南而夾哀牢羅
羅東潞大海今即其分疆定界之言也我朝

太祖皇帝開拓南服奄有全越分國為三圻中圻十二省
順化為京城之地廣南廣義為左直廣治廣平為
右直平定富安慶和平順為左畿河靜乂安清化
為右畿南圻三省嘉加定邊和永隆定祥安江河
仙今改置東則巴地直邊和省頭漫西寧嘉加定寧

越南風史卷之一

己丑科副榜清化布政使蘆江阮文邁 小阜著

考註

舉人弘化縣訓導趙希進逢舉人弘化縣月圓社阮文發

緝譯

男行第一廡生文迪吉卿男行第二法趙助教文適爽亭

第一章

巖高埃塔腐高。滝凄埃擺埃陶腐而凄。

賦也。此美我國之山河也。按我越疆界位居亞細亞

附會各道者，道固不敢辭，第以風謠為明鑑，而昭國
 史之精神，又以國史為本根，而挿風謠之柱礎，則天
 籟自然，五音響，庶不落於人寰，是道也自信也。長
 皇朝維新八年，甲戌八月望日。

己丑科副榜光清化省布政使阮文道小阜泰。

史記更外傳小說為傳誣風乎哉史乎哉夫民俗歌謠
 之詩淺嘗之則里下邑人不足以登天雅深味之則風雲
 霜露總屬文章草木禽蟲無非妙理其語近其
 旨遠甚幾幾乎有鴉風抗雅之體哉為况當此新學
 初興五會不諳南史則有忘祖之譏不熟南風亦不免
 面牆之笑故此不辭朽陋謬為註釋如以已立異議論補
 入聊以備兒童婦孺之書云耳世之君子或有以謬矣

賤于村鳩婦孺也曲多所記憶又前充國學場管教長
 新學初典南北字彙集講說之暇采及風議彙輯成
 編擬欲查明曲故註釋有志而未遂壬子年承五學部
 侍郎公暇長往書院幸得窺西史之秘藏想因此而南
 風成矣無何又充外職今春自驩改充清藩清化民淳
 政事稍閒長與治下諸學博及轄內諸文人庶加采擇
 擇其可為隨筆戒勸懲者得詩百篇以風謠為正文以越

越南風史序

風者何民俗歌謠之詩也史者何是非善惡美刺勸懲之明鑑也風何謂之史因民風而知國史也我南立國古矣上下五千年間其朝廷之政治人民之俗尚世代之沿革賢好之迭起存乎國史者徃徃散于民間風但歷世風謠未藏於柱下讀史有憾焉陳柳庵之南風解嘲魏尚書之山西風謠王罔珠之清化觀風作者尚矣漢少者

之指南也

清化按察使壽菟丁春擢仲用謹跋

三
一
一

前年之神昏一作旨歸自非精博鮮有不差先生學子還
 識高其不為多豕曾魚可知也觀其上列歌風下詮
 寔典風傳於史諷誦自得性情史寓於風吟咏亦兼
 攷證千秋影響百越精神旨哉先生之意深且遠矣
 雖石篇末敢便云全段顧當學界新潮文明起點
 得此出現後有所緣芳艷艷句萃萃春東於甘闈臺
 古調今聲集於官終於儒館未必不以風史為南音集

頌之備體而有賦比興之別裁乃以其南面忽忘噫
 可慨已小阜先生所輯風謠無慮百篇蒼遼古蹟
 求得來也甲寅春清化東宣清帝生州也志乘多有
 遺藏先生公暇參考頗得其詳於是百篇悉為
 註釋且以己意議論附諸其後顏曰南風史風耶史
 耶史哉揚國粹耶懼自愧同域一辭不能贊然隨覽其
 集必獨有感焉夫以千百年後之傳聞思想溯千百年

跋

世代之興衰、政教之得失、風俗之淳澆、人物之賢否、史載備矣。間有筆不能畫、思紙不能盡、傳村語野曲、意會辭模、未嘗不與史傳相為表裏。十五國風見取於經、有由來也。我南鷄貉以前、俗尚樸畧、丁李以後、雖有史載、亦多隱括、欲覘全豹、不能無缺憾焉。佳事遺徵、散見於里巷歌謠、男女酬唱者、音節出於自然、不必風雅。

x

--	--	--	--	--	--	--	--

國語文章當更有出一頭地若此集其樹駘增之概也歎謹跋

敕賜第二甲進士原領國子監祭酒休養官鄧夢龍
文瑞敬題

國朝文獻通考卷之五

清化藩使堂承示南風詩集其間屬詞辭比事聯綴
 國史事有徵而言益有味非區鼎之辭頤非藉談之數
 典思深哉小阜先生之用心乎簿書之暇惟娛文籍吟
 詠之暇惟嗜史事學問思想非蹈故常此書必可行
 也詩存雖多出於漢儒而傳授証驗非毛則則朱子
 亦還其舊南風集其亦南詩存之流乎今學重國史
 試兼國語字欲免面牆必為周召南他日文界擴張

跋

詩者二南基在也。屈騷宋賦。文章鼓吹。多出於南。
紅河龍江之流域。里巷歌謠。豈無佳韻。惜軒輜不採。
管絃不被。又重譯未通。不經孔子手刪。豈不得與三

石篇並傳。史缺可憾。詩缺尤可恨。僅承五成均。每做國
語論海於質考。無稽見聞。未廣。近林下退閑。又屢為
俗兄牽累。無暇編輯。去冬北遊。與家兒壽博便候。

--	--	--	--	--	--	--	--

著作湛南輪戰兀

冊。魁。主。諾。賃。冊。如。夷。

右二章禮部尚書休致尊望夢佛題。

我南教化四十年。政體民風歷代傳。立論分明存古義。能詳故事賴新編。

世俗淳清感廢典。亭稽古鑑信堪徵。百年湮沒巧斯風。史垂示千秋有勸懲。

右二章國子監司業詹昺奏十題。

新嫩清永返。眩張。

博省啣寬意。意埃。

揮曲風。謠少。頤雍。

燭句史冊衣。翽茂。

沒旌錦。縷印。浩綫。

齧緇網。常拉。楚尼。

翔卷。謨恬。吟。擬吏。

稜儒。錯玉。朔。浪。漶。

匹。慕。篇。執。部。風。詩。

朱。註。辭。習。世。勢。尼。

嘒。鑄。老。群。聃。往。往。

生。黏。埃。色。別。也。之。

里。胡。巷。唱。溫。闈。曲。

鐘。打。烟。挑。訢。每。儀。

詩

豈唱森勻韻國音。

史攬嘈鱗解朱紳。

風歌鐘動聒乾瀟。

史冊麴燭昨極憐。

高濕啾於匹翠幅。

轍虛啗喚余新辭。

群吞群諾群嫩買。

風史尾群固几吟。

協佐大學士充機密院大臣工部兼兵部

尚書福門子阮有題

附
西山七章

本朝六章

越南風史

左陽王至蜀安陽王共七章

趙武帝至十二使君共九章

丁先皇至少帝共六章

黎大約至李共十四章

陳十四章

前後黎共三十七章



越南風史



越南風史

PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA
XUẤT BẢN
1972

Giá bán : 750\$